

CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA

.....o0o.....

**BÁO CÁO
ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN**

**“SẢN XUẤT CÁC THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ VỚI QUI MÔ
150 TRIỆU BỘ SẢN PHẨM/NĂM TẠI NHÀ MÁY
SUNG JU 1 – LÔ A5 VÀ 20 TRIỆU BỘ SẢN PHẨM
LOA TIVI/NĂM TẠI NHÀ MÁY SUNG JU 2 – LÔ B7”**

ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN

**ĐỊA ĐIỂM 1: LÔ A5, KCN MINH HƯNG – HÀN QUỐC,
PHƯỜNG MINH HƯNG, THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**ĐỊA ĐIỂM 2: LÔ B7, KCN MINH HƯNG – HÀN QUỐC,
PHƯỜNG MINH HƯNG, THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

BÌNH PHƯỚC, THÁNG 02 NĂM 2023

CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA

.....o0o.....

**BÁO CÁO
ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN**

**“SẢN XUẤT CÁC THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ VỚI QUI MÔ
150 TRIỆU BỘ SẢN PHẨM/NĂM TẠI NHÀ MÁY
SUNG JU 1 – LÔ A5 VÀ 20 TRIỆU BỘ SẢN PHẨM
LOA TIVI/NĂM TẠI NHÀ MÁY SUNG JU 2 – LÔ B7”**

ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN

**ĐỊA ĐIỂM 1: LÔ A5, KCN MINH HƯNG – HÀN QUỐC, PHƯỜNG
MINH HƯNG, THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**ĐỊA ĐIỂM 2: LÔ B7, KCN MINH HƯNG – HÀN QUỐC, PHƯỜNG
MINH HƯNG, THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA



SONG YOU WOO

BÌNH PHƯỚC, THÁNG 02 NĂM 2023

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC HÌNH	6
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	7
CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN.....	8
1. Tên chủ dự án đầu tư:	8
2. Tên dự án đầu tư:	8
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư:	9
3.1. Công suất của dự án đầu tư:	9
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:.....	9
3.3. Sản phẩm của Dự án đầu tư:.....	27
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:	27
4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, hóa chất sử dụng của dự án:	27
4.2. Nhu cầu sử dụng điện:	29
4.3. Nhu cầu sử dụng nước:.....	29
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư:	30
5.1. Nhu cầu lao động:.....	30
5.2. Nhu cầu máy móc, thiết bị:.....	30
5.3. Các hạng mục công trình của dự án:	32
CHƯƠNG II SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NẴNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	35
CHƯƠNG III KẾT QUẢ VẬN HÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	37
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:	37
1.1. Thu gom, thoát nước mưa:	37
1.2. Thu gom, thoát nước thải:	38
1.3. Xử lý nước thải:.....	41
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:.....	47
2.1. Bụi từ quá trình sản xuất:	47
2.2. Mùi hôi từ quá trình xử lý nước thải, khu vực lưu chứa chất thải:	52
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:.....	53
3.1. Chất thải rắn sinh hoạt:.....	53
3.2. Chất thải rắn sản xuất không nguy hại:	53
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:.....	55

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:.....	57
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành:.....	57
CHƯƠNG IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	62
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:	62
1.1 Nội dung thu gom đầu nổi nước thải:.....	62
1.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:.....	62
1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:	64
1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:	64
1.5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:	65
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:	65
2.1. Nguồn phát sinh khí thải:	65
2.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:	65
2.3. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):.....	67
2.4. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:	69
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn:	69
3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:	69
3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:.....	69
3.3. Tiếng ồn, độ rung:	69
3.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:.....	70
3.5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:	70
4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với các công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:	71
4.1. Chung loại, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh:.....	71
4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:	72
4.3. Các yêu cầu về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:	74
CHƯƠNG V KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	75
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án:	75
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:	75
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:	75

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật:	79
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:.....	79
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:.....	80
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm:	80
CHƯƠNG VI CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	82
1. Các cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường	82
2. Cam kết về việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan	82
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	84
PHỤ LỤC BÁO CÁO.....	86

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Quy trình công nghệ của dự án đầu tư	12
Bảng 1.2. Sản phẩm và công suất sản xuất của dự án	27
Bảng 1.3. Nhu cầu nguyên, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất sử dụng trong quá trình sản xuất của hai nhà máy	28
Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng nước của Dự án	29
Bảng 1.5. Danh mục máy móc thiết bị sản xuất.....	30
Bảng 1.6. Danh mục máy móc thiết bị sản xuất.....	32
Bảng 1.7. Danh mục máy móc thiết bị sản xuất.....	33
Bảng 1.8. Danh mục công trình của Dự án	34
Bảng 3.1. Thống kê số lượng đường ống, hồ ga của hệ thống thu gom, thoát nước mưa tại Nhà máy Sung Ju 1	37
Bảng 3.2. Thống kê số lượng đường ống, hồ ga của hệ thống thu gom, thoát nước mưa tại Nhà máy Sung Ju 2	38
Bảng 3.3. Thống kê số lượng đường ống, hồ ga của hệ thống thu gom nước thải tại Nhà máy Sung Ju 1	39
Bảng 3.4. Thống kê số lượng đường ống, hồ ga của hệ thống thu gom nước thải tại Nhà máy Sung Ju 2	40
Bảng 3.5. Thống kê số lượng đường ống, hồ ga của hệ thống thoát nước thải tại Nhà máy Sung Ju 1	40
Bảng 3.6. Thống kê số lượng đường ống, hồ ga của hệ thống thoát nước thải tại Nhà máy Sung Ju 2	40
Bảng 3.7. Thông số kỹ thuật của bể tự hoại hiện hữu tại Nhà máy Sung Ju 1	42
Bảng 3.8. Các hạng mục bể của hệ thống xử lý nước thải	45
Bảng 3.9. Danh sách thiết bị của hệ thống xử lý nước thải	45
Bảng 3.10. Thông số kỹ thuật của bể tự hoại hiện hữu tại Nhà máy Sung Ju 2	46
Bảng 3.11. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in tại Nhà máy Sung Ju 1	49
Bảng 3.12. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý hơi khí hàn tại Nhà máy Sung Ju 1	50
Bảng 3.13. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in, hơi khí hàn tại Nhà máy Sung Ju 2	51
Bảng 3.14. Danh mục và số lượng chất thải rắn sản xuất không nguy hại	54
Bảng 3.15. Số lượng và mã số chất thải nguy hại phát sinh.....	55
Bảng 4.1. Danh sách các thiết bị của hệ thống xử lý nước thải 105 m ³ /ngày	63
Bảng 4.2. Kích thước bể tự hoại 03 ngăn của Công ty.....	64

Bảng 4.3. Nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải từ HTXL hơi dung môi.....	66
Bảng 4.4. Nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải từ HTXL hơi khí hàn	66
Bảng 5.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư	75
Bảng 5.2. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra môi trường	76
Bảng 5.3. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra môi trường	77
Bảng 5.4. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	80

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Mô phỏng cấu tạo và một số chi tiết của loa	10
Hình 1.2. Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất	11
Hình 1.3. Hình ảnh về bộ sản phẩm của hai Nhà máy	27
Hình 3.1. Sơ đồ thu gom nước thải tại Nhà máy Sung Ju 1	38
Hình 3.2. Sơ đồ thu gom nước thải tại Nhà máy Sung Ju 2	39
Hình 3.3. Cấu tạo bể tự hoại 03 ngăn	42
Hình 3.4. Sơ đồ thu gom và thoát nước thải của Nhà máy Sung Ju 1	43
Hình 3.5. Quy trình xử lý hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in tại Nhà máy Sung Ju 1	48
Hình 3.6. Quy trình xử lý hơi khí hàn tại Nhà máy Sung Ju 1	49
Hình 3.7. Quy trình xử lý hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in, hơi khí hàn tại Nhà máy Sung Ju 2	51

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BOD ₅	:	Nhu cầu oxy sinh hoá trong 5 ngày
BTCT	:	Bê tông cốt thép
BVMT	:	Bảo vệ môi trường
COD	:	Nhu cầu ôxy hóa học trong nguồn nước
CP	:	Cổ phần
CTNH	:	Chất thải nguy hại
CTR	:	Chất thải rắn
DO	:	Hàm lượng ôxy hòa tan trong nguồn nước
DVE	:	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt
ĐTM	:	Đánh giá tác động môi trường
ĐTV	:	Động thực vật
HTXL	:	Hệ thống xử lý
HTXLNT	:	Hệ thống xử lý nước thải
KCN	:	Khu công nghiệp
KPH	:	Không phát hiện
LOD	:	Ngưỡng phát hiện
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	:	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
TCVN	:	Tiêu chuẩn Việt Nam
TDS	:	Tổng chất rắn hòa tan
TNMT	:	Tài nguyên và Môi trường
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
TSS	:	Tổng chất rắn lơ lửng
XLNT	:	Xử lý nước thải
UBND	:	Ủy ban Nhân dân
VOC	:	Các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi
WHO	:	Tổ chức Y tế thế giới

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên chủ dự án đầu tư:

CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA

- Địa chỉ văn phòng: Lô A5 và B7, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc, phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: Ông Song You Woo.
- Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- Điện thoại: 0271 364 5860; Fax: 0271 364 5859
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Công ty TNHH Sung Ju Vina đã được Sở kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801081366 Chứng nhận lần đầu ngày 08/08/2014, Chứng nhận thay đổi lần thứ tư ngày 25/12/2018.
- Giấy chứng nhận đầu tư: Công ty TNHH Sung Ju Vina đã được Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 2155174488 Chứng nhận lần đầu ngày 08/08/2014, Chứng nhận thay đổi lần thứ bảy ngày 26/04/2021.

2. Tên dự án đầu tư:

“SẢN XUẤT CÁC THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ VỚI QUI MÔ 150 TRIỆU BỘ SẢN PHẨM/NĂM TẠI NHÀ MÁY SUNG JU 1 – LÔ A5 VÀ 20 TRIỆU BỘ SẢN PHẨM LOA TIVI /NĂM TẠI NHÀ MÁY SUNG JU 2 – LÔ B7”

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư:
 - + Nhà máy Sung Ju 1: Lô A5, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.
 - + Nhà máy Sung Ju 2: Lô B7, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.
- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: Công ty TNHH Sung Ju Vina đã được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Tăng công suất sản xuất loa vi tính, loa màn hình, loa điện thoại, loa tivi từ 15,5 triệu sản phẩm/năm lên 150 triệu bộ sản phẩm/năm và bổ sung dịch vụ cho thuê 4.000 m² nhà xưởng tại nhà máy Sung Ju 1 – Lô A5; Giữ nguyên công suất sản xuất loa tivi với công suất 20 triệu bộ sản phẩm/năm tại nhà máy Sung Ju 2 – Lô B7” do Công ty TNHH Sung Ju Vina làm Chủ đầu tư tại lô A5 và lô B7, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 27/05/2021.
- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):

- + Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất lớn theo quy định tại mục số 17 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì Dự án thuộc nhóm I, thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường cấp Bộ.
- + Dự án có tổng mức đầu tư 197.250.000.000 VNĐ (Một trăm chín mươi bảy tỷ, hai trăm năm mươi triệu đồng), thuộc nhóm B được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ.

Tuy nhiên, Công ty đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Phước phê duyệt báo cáo Đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 27/05/2021.

Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Chính Phủ thì Dự án thuộc đối tượng cấp Giấy phép môi trường của UBND tỉnh Bình Phước.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư:

3.1. Công suất của dự án đầu tư:

- Công suất sản phẩm của Nhà máy Sung Ju 1 – Lô A5 là 150 triệu bộ sản phẩm/năm.

Trong đó:

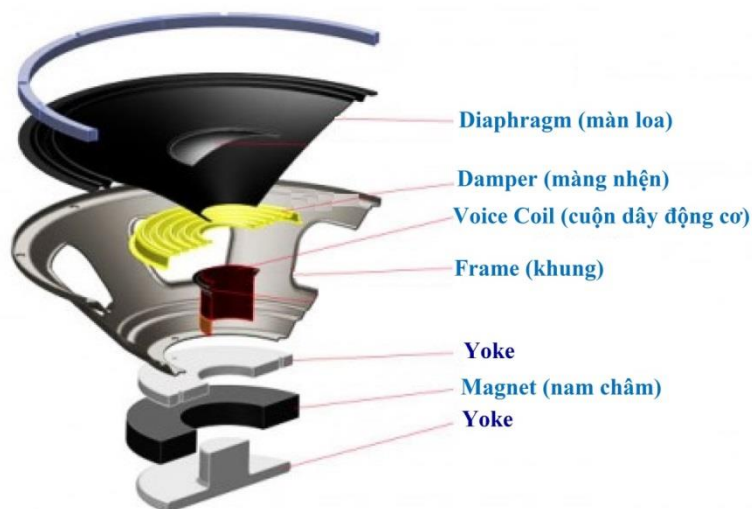
- + Loa vi tính với quy mô 53.225.806 bộ sản phẩm/năm.
- + Loa màn hình với quy mô 9.677.419 bộ sản phẩm/năm.
- + Loa điện thoại với quy mô 35.806.452 bộ sản phẩm/năm.
- + Loa ti vi với quy mô 51.290.323 bộ sản phẩm/năm.
- Công suất sản phẩm của Nhà máy Sung Ju 2 – Lô B7 là 20 triệu bộ Loa ti vi/năm.

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:

Cả hai Nhà máy Sung Ju 1 – Lô A5 và Nhà máy Sung Ju 2 – Lô B7 đều thực hiện một quy trình sản xuất như nhau.

Cấu tạo của các loại loa vi tính, loa màn hình, loa điện thoại, loa tivi khá giống nhau. Gồm các bộ phận chính như sau:

- Màn loa
- Màng nhện
- Cuộn dây động cơ (Voice Coil)
- Khung (Frame)
- Yoke
- Nam châm (Magnet)

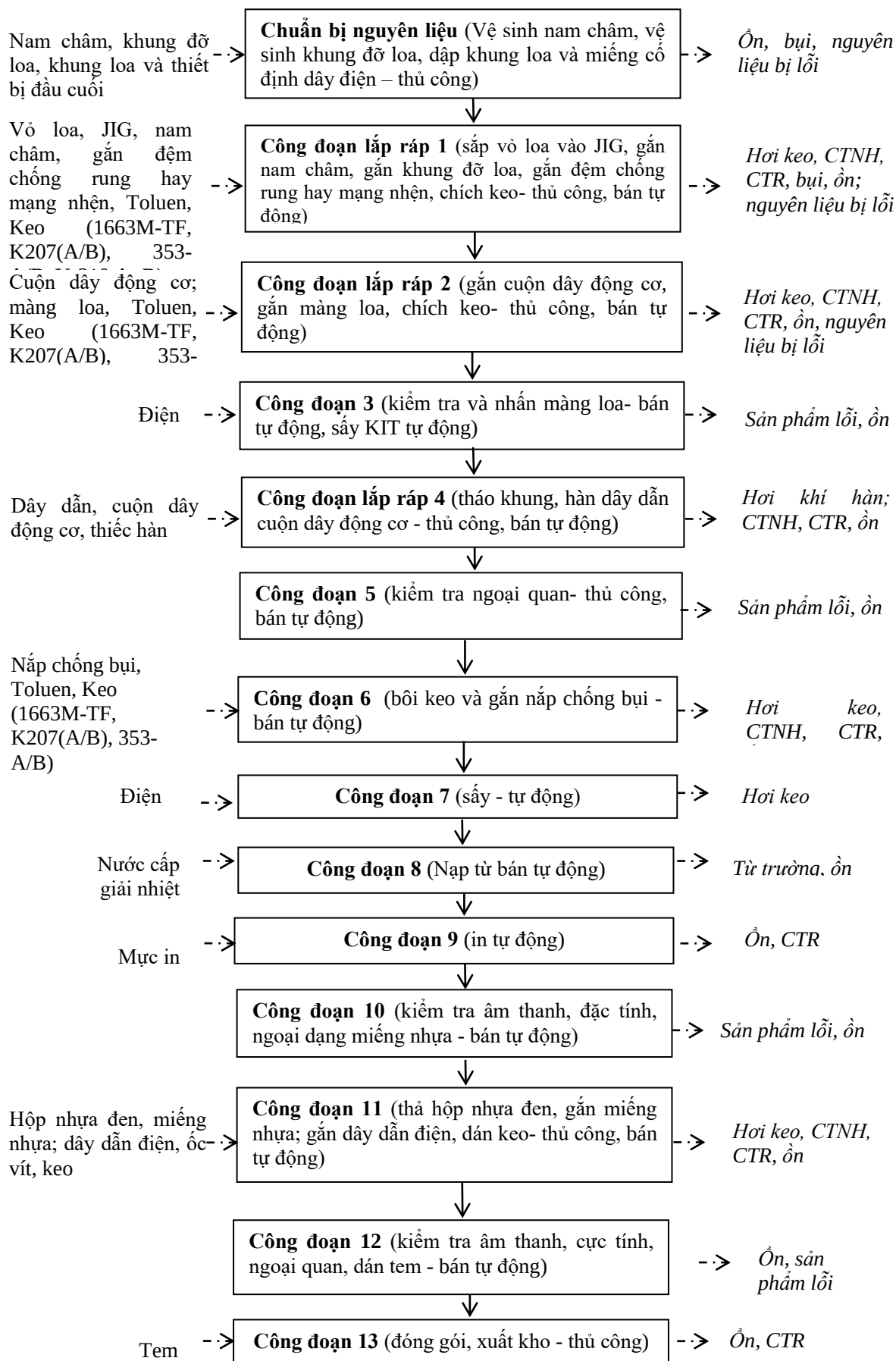


Hình 1.1. Mô phỏng cấu tạo và một số chi tiết của loa

Các linh kiện tạo thành mỗi loại loa sẽ có kích thước thay đổi tùy theo kích thước loa cần sản xuất.

Tùy theo đơn đặt hàng của khách hàng, sản phẩm loa hoàn thiện dùng cho ti vi, vi tính, màn hình, điện thoại,... có thể có từ 1 loa đơn hoặc nhiều loa để tạo thành 1 bộ sản phẩm loa.

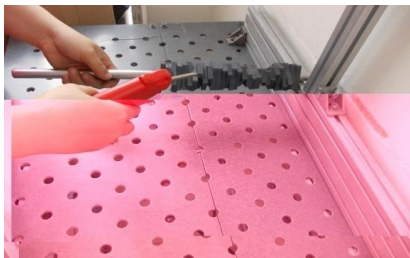
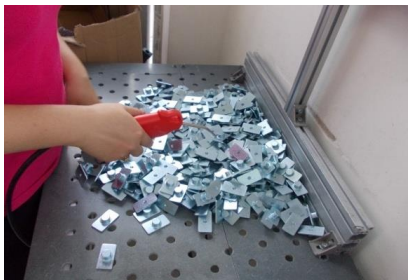
Tuy nhiên, các bộ phận của loa vi tính, loa màn hình, loa điện thoại, loa tivi hay bộ loa đều trải qua các bước để lắp ráp hoàn thiện loa như sau:

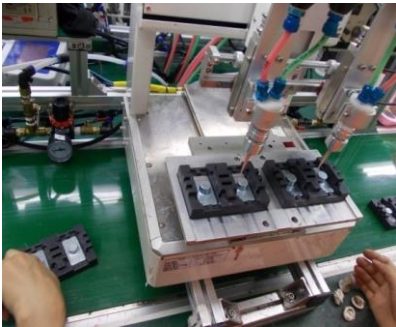


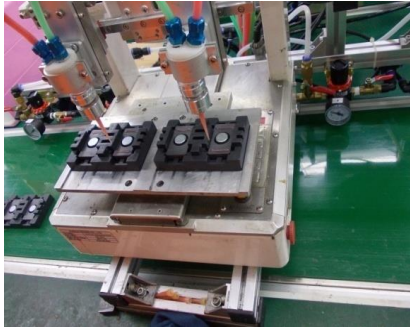
Hình 1.2. Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất

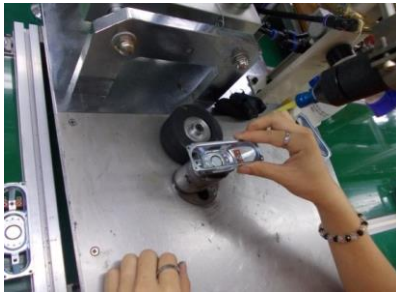
Thuyết minh quy trình công nghệ:

Bảng 1.1. Quy trình công nghệ của dự án đầu tư

TT	Công đoạn chính	Công đoạn	Hình ảnh	Nội dung công việc
1		Vệ sinh nam châm và chuẩn bị đầu vào – thủ công		Dùng vòi hơi để xịt bụi bẩn trên bề mặt, lỗ và bazo của nam châm. Mỗi thùng đựng nam châm đều phải có phiếu xác nhận: mã hàng, số lượng, quy cách, ngày xuất. Phát thải của công đoạn này là ồn, bụi.
2	Chuẩn bị nguyên liệu (Vệ sinh nam châm, vệ sinh khung đỡ loa, dập khung loa và miếng cố định dây điện – thủ công) Phát thải của công đoạn này là ồn, bụi, nguyên liệu bị lỗi	Vệ sinh khung đỡ loa và chuẩn bị đầu vào – thủ công		Dùng vòi hơi để xịt bụi và bazo, rỉ sắt, mỗi thùng đựng khung đỡ loa đều phải có phiếu xác nhận: mã hàng, số lượng, quy cách, ngày xuất. Phát thải của công đoạn này là ồn, bụi.
3		Dập khung loa và miếng cố định dây điện và chuẩn bị đầu vào – bán tự động		Công nhân vừa thao tác dập vừa phải kiểm tra vật tư hư (NG). Khi dập tay trái cầm khung loa còn tay phải cầm miếng cố định dây điện đặt vào JIG rồi mới dập (Lưu ý mỗi loại model và kích cỡ của khung loa khác nhau thì có khuôn dập khác nhau). Phát thải của công đoạn này là ồn, bụi, nguyên liệu bị lỗi.

TT	Công đoạn chính	Công đoạn	Hình ảnh	Nội dung công việc
4	Công đoạn lắp ráp 1 (sắp khung đỡ loa vào JIG, gắn nam châm, gắn Khung đỡ loa, gắn đệm chống rung hay mạng nhện, chích keo- thủ công, bán tự động) Phát thải của công đoạn này là hơi keo, CTNH, CTR, bụi, ồn, nguyên liệu bị lỗi	Sắp khung đỡ loa vào JIG – thủ công		JIG lấy lên từ nơi tháo gauge, gắn Khung đỡ loa phải ngay thẳng vào lỗ JIG, không bị lệch và nghiêng công nhân vừa gắn vừa phải kiểm tra lại hàng hư (khi gắn xong phải chồng hai cái JIG lên với nhau). Phát thải của công đoạn này là ồn, bụi, nguyên liệu bị lỗi, CTNH, CTR.
5		Keo khung đỡ loa		Hai tay cầm hai JIG đặt lên máy cho ngay ngắn. Khung đỡ loa không bị lệch và nhấn nút công tắc máy keo. Sử dụng loại keo: Y-310 A=B, tỷ lệ pha 1=1, trọng lượng keo: 0,035g - 0,04g (2h lấy mẫu keo và kiểm tra 1 lần). Phát thải của công đoạn này là ồn, hơi keo, CTNH, CTR.
6		Gắn nam châm		Công nhân vừa thao tác gắn vừa phải kiểm tra lại nam châm có bị hư hỏng (NG) không, keo có thiếu không và dùng hai tay ấn nhẹ xuống cho đều không để nam châm bị lệch lên. Phát thải của công đoạn này là ồn.

TT	Công đoạn chính	Công đoạn	Hình ảnh	Nội dung công việc
7		Keo nam châm		Hai tay cầm hai JIG đưa vào máy, không để cho Nam châm nhô lên hay bị lệch, sau đó ấn nút công tắc máy keo. Sử dụng loại keo: Y-310 A=B, tỷ lệ pha 1=1, trọng lượng keo: 0,035g - 0,04g (30 phút kiểm tra 1 lần). Phát thải của công đoạn này là hơi keo, CTNH, CTR, ồn.
8		Gắn khung loa		Hai tay cầm 2 khung loa đặt xuống nam châm đã bôi keo và dùng tay ấn xuống cho đều, không để cạnh của nam châm và khung loa bị lệch. Phát thải của công đoạn này là ồn.
9		Gắn khung		Nhấn khung xuống cho chặt để giữ khoảng cách đều giữa trục vỏ loa và lỗ nam châm. Kiểm tra lại xem cạnh của nam châm và cạnh khung loa có bị lệch hay không. Phát thải của công đoạn này là ồn.

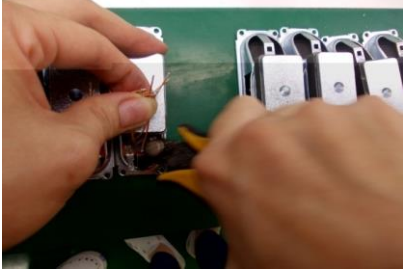
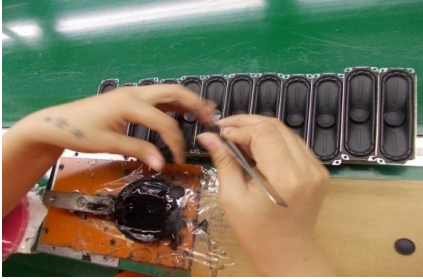
TT	Công đoạn chính	Công đoạn	Hình ảnh	Nội dung công việc
10		Tháo khung		Tháo khung bỏ vào sọt và kiểm tra keo có bị dính vào khe giữa trục vỏ loa và nam châm. Phát thải của công đoạn này là ồn.
11		Vệ sinh xịt bụi khe giữa trục khung đỡ loa và lỗ nam châm		Xịt bụi cho sạch giữa trục khung đỡ loa và nam châm Phát thải của công đoạn này là bụi, ồn.
12		Chích keo đệm chống rung hay mạng nhện		Một tay cầm bán thành phẩm đưa vào JIG rồi nhấn công tắc máy keo: sử dụng loại keo 1663M (trọng lượng keo: 0,10g – 0,12g). Phát thải của công đoạn này là hơi keo, CTNH, CTR, ồn.

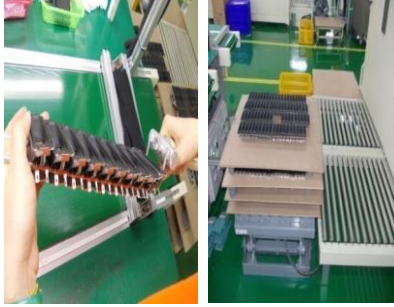
TT	Công đoạn chính	Công đoạn	Hình ảnh	Nội dung công việc
13		Gắn đệm chống rung hay mạng nhện		Kiểm tra xem keo có thiếu và bị đứt đoạn hay không, keo có tràn ra ngoài không, gắn đệm chống rung hay mạng nhện vào trọng tâm của khung loa và dùng ngón tay ấn nhẹ đệm chống rung hay mạng nhện cho dính vào keo. Phát thải của công đoạn này là ồn.
14		Chích keo cuộn dây động cơ (keo trung tâm lần 1)		Một tay cầm cuộn cuộn dây động cơ đặt vào trục JIG sau đó ấn công tắc máy keo, sử dụng loại keo Y-353AB, tỷ lệ pha A=B:1=1, trọng lượng keo từ 0,04g - 0,06g.. Phát thải của công đoạn này là hơi keo, CTNH, CTR, bụi, ồn.
15	Công đoạn lắp ráp 2 (ấn cuộn dây động cơ, gắn màng loa, chích keo- thủ công, bán tự động) Phát thải của công đoạn này là hơi keo, CTNH, CTR, bụi, ồn;	Chuẩn bị cuộn dây động cơ		Gắn cuộn cuộn dây động cơ vào ống khung, tay trái cầm cuộn dây động cơ (không được cầm vào phần dây đồng) còn tay phải cầm khung cuộn dây và nhấn cho đều tay, vừa gắn vừa phải kiểm tra xem cuộn dây đồng có bụi bẩn gì không, có bị trầy xước và dính rỉ kim loại hay bazo không. Phát thải của công đoạn này là bụi, ồn.

TT	Công đoạn chính	Công đoạn	Hình ảnh	Nội dung công việc
16	nguyên liệu bị lỗi	Gắn cuộn dây động cơ		Kiểm tra keo chích cuộn dây động cơ có thiếu và đứt đoạn keo hay không, dùng tay nhấn nhẹ cho ống cuộn dây động cơ xuống khung đỡ loa và chỉnh hướng có keo (màu xanh dán sợi cuộn dây động cơ) quay về hướng miếng cố định dây điện. Phát thải của công đoạn này là ồn.
17		Xỏ dây dẫn		Luồn 2 dây dẫn vào 2 lỗ của Miếng cố định dây điện, một tay giữ đầu Khung và một tay kéo hai đầu dây dẫn xuống phía dưới. Phát thải của công đoạn này là ồn.
18	Công đoạn 3 (Kiểm tra và nhấn màng loa-bán tự động, sấy KIT tự động) Phát thải của công đoạn này là sản phẩm lỗi, ồn	Chích keo khung loa		Kiểm tra xem đã xỏ dây dẫn hay chưa và đưa vào JIG (lưu ý hướng đầu có gắn miếng cố định dây điện quay về hướng phía trước). Phát thải của công đoạn này là ồn.

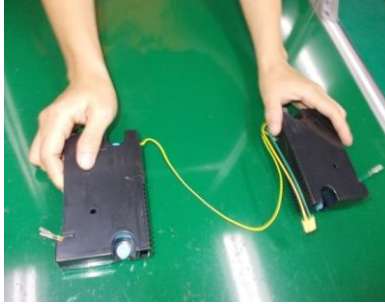
TT	Công đoạn chính	Công đoạn	Hình ảnh	Nội dung công việc
19		Gắn màng loa		Kiểm tra xem keo có bị tràn ra ngoài gờ của khung loa không, có bị đứt đoạn keo không, màng loa có bị biến dạng hay nứt mẻ không. Phát thải của công đoạn này là ồn.
20		Chích keo vào điểm giữa màng loa và cuộn dây động cơ (keo trung tâm lần 2)		Đặt bán thành phẩm vào JIG cho ngay ngắn và chính xác sau đó dùng chân nhấn công tắc chích keo: sử dụng keo Y-353AB, tỷ lệ pha keo A=B:1=1, trọng lượng 0,06g - 0,08g. Phát thải của công đoạn này là hơi keo, CTNH, CTR, bụi, ồn; nguyên liệu bị lỗi.
21	Công đoạn 3 (Kiểm tra và nhấn màng loa-bán tự động, sấy KIT tự động) Phát thải của công đoạn này là sản phẩm lỗi, ồn	Kiểm tra và nhấn màng loa		Kiểm tra xem có bị nghiêng Màng loa, keo có bị tràn ra ngoài không, rồi dùng 2 ngón tay ấn và vuốt nhẹ cho mặt của màng loa và mặt trên của khung loa bằng nhau. Phát thải của công đoạn này là ồn.

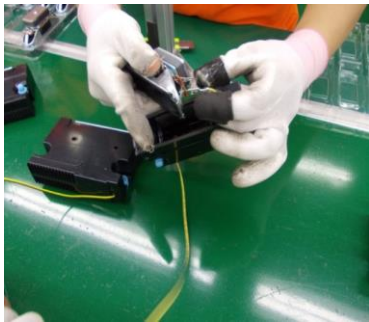
TT	Công đoạn chính	Công đoạn	Hình ảnh	Nội dung công việc
22		Kiểm tra ngoại dạng và sấy KIT/PA		Kiểm tra ngoại dạng keo đệm chống rung hay mạng nhện, độ khít của Khung đỡ loa với Nam châm, keo trung tâm lần 2 và sắp vào ván để sấy. Phát thải của công đoạn này là hơi keo, ồn.
23	Công đoạn lắp ráp 4 (Tháo Khung; Hàn dây dẫn cuộn dây động cơ - thủ công, bán tự động)	Tháo Khung		Tay trái cầm kim tay phải cầm bán thành phẩm xoay nhẹ rồi rút khung ra khỏi cuộn cuộn dây động cơ (kiểm tra keo trung tâm lần 2) và úp màng loa xuống bằng chuyên, hướng gắn miếng cố định dây điện quay ra ngoài vị trí công nhân làm việc. Phát thải của công đoạn này là ồn.
24	Phát thải của công đoạn này là hơi keo, Hơi khí hàn, CTNH, CTR, ồn	Hàn dây dẫn cuộn dây động cơ vào miếng cố định dây điện		Lắp cây kích cỡ vào dưới khung loa để có độ chùng bằng nhau. Hàn thiếc không được để dính chì vào lỗ ở giữa miếng cố định dây điện, hàn thiếc phải cho đều không được để bên to, bên nhỏ. Phát thải của công đoạn này là ồn.

TT	Công đoạn chính	Công đoạn	Hình ảnh	Nội dung công việc
25		Cắt phần dư dây dẫn điện		Cắt cho thật sát với mặt của hàn thiếc và kiểm tra xem có bị thiếu thiếc hàn hay dính và lem thiếc hàn không. Phát thải của công đoạn này là ồn.
26	Công đoạn 5 (Kiểm tra ngoại quan- thủ công, bán tự động) Phát thải của công đoạn này là sản phẩm lỗi, ồn	Kiểm tra ngoại dạng		Kiểm tra ngoại dạng keo đệm chống rung hay mạng nhện, độ khít của khung đỡ loa với Nam châm và Khung loa, mối chì, keo màng loa, độ chùng của 2 dây dẫn và ngửa bán thành phẩm lên băng chuyền để gắn nắp loa. Phát thải của công đoạn này là ồn.
27	Công đoạn 6 (Bôi keo và gắn nắp chống bụi - bán tự động) Phát thải của công đoạn này là hơi keo, CTNH, CTR	Bôi keo và gắn nắp chống bụi		Dùng nhíp gấp nắp chống bụi nhúng vào keo cho đủ dính mặt dưới, không để đứt mạch keo và đưa vào đúng vị trí tâm của ống cuộn dây động cơ và dùng ngón tay ấn nhẹ xuống cho đều. Phát thải của công đoạn này là hơi keo, CTNH, CTR, ồn.

TT	Công đoạn chính	Công đoạn	Hình ảnh	Nội dung công việc
28	Công đoạn 7 (Sấy – tự động) Phát thải của công đoạn này là hơi keo	Sắp xếp SD vào tấm ván và sấy		Kiểm tra vị trí gắn nắp loa có chính xác không, có bị tràn hay dính keo lên màng loa không. Phát thải của công đoạn này là hơi keo.
29	Công đoạn 8 (Nạp từ bán tự động) Phát thải của công đoạn này là từ trường, ồn	Nạp từ		Đặt hướng đáy của khung đỡ loa lên mặt máy nạp từ đã được cài đặt sẵn, sau đó đặt xuống băng chuyển để đầu miếng cố định dây điện theo một hướng về máy in tem. Phát thải của công đoạn này là từ trường, ồn.
30	Công đoạn 9 (In tự động) Phát thải của công đoạn này là ồn, CTR	In tự động		Phát thải của công đoạn này là ồn, CTR

TT	Công đoạn chính	Công đoạn	Hình ảnh	Nội dung công việc
31	Công đoạn 10 (Kiểm tra âm thanh, đặc tính, ngoại dạng miếng nhựa) - bán tự động Phát thải của công đoạn này là sản phẩm lỗi, ồn	Kiểm tra âm thanh lần 1		Kiểm tra điện áp đầu vào ở mức 7,75V và nghe tiếng hú vọng cao là ok còn nếu nghe tiếng hú vọng thấp và có tiếng rè rè xẹt xẹt là hàng hư Phát thải của công đoạn này là sản phẩm lỗi, ồn
32		Kiểm tra đặc tính lần 1		Cắm hai đầu miếng cố định dây điện vào máy đo nếu hiển thị màu xanh là OK, còn nếu hiển thị màu đỏ là NG (Kiểm tra ngoại dạng chì). Phát thải của công đoạn này là ồn
33		Kiểm tra ngoại dạng UNIT		Kiểm tra keo đệm chống rung hay mạng nhện, keo trung tâm lần 1, độ chùng của 2 dây dẫn, keo nắp loa, có in tem đúng với line, năm, tháng, ngày và Công ty sản xuất (SJ) Sungju, keo và mặt trên màng loa rồi sắp xếp gọn vào khay rồi chuyển công đoạn kế tiếp Phát thải của công đoạn này là sản phẩm lỗi, ồn

TT	Công đoạn chính	Công đoạn	Hình ảnh	Nội dung công việc
34	Công đoạn 11 (Thả hộp nhựa đen, gắn miếng nhựa, gắn dây dẫn điện, dán keo-thủ công, bán tự động) Phát thải của công đoạn này là Hơi keo, CTNH, CTR, ồn	Sắp vào khay		Phát thải của công đoạn này là ồn.
35		Thả hai hộp nhựa đen.		Úp phần lỗ của hai hộp nhựa đen xuống và gõ nhẹ cho bụi bắn rơi ra. R bên hướng tay phải của người thả. L bên hướng tay trái của người thả. Phát thải của công đoạn này là ồn.
36		Gắn dây dẫn điện		Kiểm tra xem đã cố định dây dẫn vào hai hộp nhựa đen chưa. Dán dây dẫn điện phải đúng vị trí, không bị lệch, không để bị rách.. Phát thải của công đoạn này là ồn

TT	Công đoạn chính	Công đoạn	Hình ảnh	Nội dung công việc
37		Gắn dây dẫn điện vào đầu miếng cố định dây điện và gắn dây dẫn điện vào hai hộp nhựa đen		Kiểm tra xem đã gắn đúng vị trí dây dẫn điện hay chưa. Dùng tay trái cầm unit còn tay phải cầm 2 đầu dây dẫn và cắm thật chặt từng thanh cực, sau đó đặt vị trí unit vào lỗ của hai hộp nhựa đen và dùng tay nhấn theo hướng đi xuống cho 1 bên tới điểm bắn ốc rồi dùng lực tay ấn xuống cho đều tới điểm giáp giữa unit và hai hộp nhựa đen. Phát thải của công đoạn này là ồn.
38		Cố định dây dẫn điện và hai hộp nhựa đen bằng ốc (4 máy)		Kiểm tra xem hai hộp nhựa đen đã gắn dây điện hay chưa, sau đó đặt 2 cái (hướng có chữ ở mặt hai hộp nhựa đen úp vào với nhau) lên JIG và bắn ốc để cố định dây dẫn điện và hai hộp nhựa đen. Phát thải của công đoạn này là ồn.
39		Dán keo		Kiểm tra xem đã cố định ốc dây điện và hai hộp nhựa đen hay chưa và có bị thủng màng loa khi cố định ốc hay không. Phát thải của công đoạn này là ồn.

TT	Công đoạn chính	Công đoạn	Hình ảnh	Nội dung công việc
40	Công đoạn 12 (Kiểm tra âm thanh, cực tính, ngoại quan, dán tem - bán tự động) Phát thải của công đoạn này là ồn, sản phẩm lỗi	Kiểm tra độ dài của dây dẫn điện		Kiểm tra xem đã gắn đầy đủ keo hay chưa, kiểm tra độ dài của dây dẫn theo yêu cầu của khách hàng: độ dài của dây R=19cm ± 10cm, còn L=47cm ± 10cm. Phát thải của công đoạn này là ồn, sản phẩm lỗi.
41		Kiểm tra âm thanh lần 2		Kiểm tra điện áp đầu vào ở mức 7,75V và nghe tiếng hú vọng cao là ok còn nếu nghe tiếng 1 hú vọng thấp và rè rè xẹt xẹt là hư. Phát thải của công đoạn này là ồn, sản phẩm lỗi.
42		Kiểm tra cực tính lần 2 và dán tem		Cắm hai đầu Miếng cố định dây điện vào máy đo nếu hiển thị màu xanh là OK, còn nếu hiển thị màu đỏ là NG, Dán tem ở dây điện R dây màu đỏ. Phát thải của công đoạn này là ồn, sản phẩm lỗi.

TT	Công đoạn chính	Công đoạn	Hình ảnh	Nội dung công việc
43	Công đoạn 13 (Đóng gói, xuất kho - thủ công) Phát thải của công đoạn này là ồn, CTR	Kiểm tra ngoại dạng, đóng gói xuất kho		Kiểm tra ngoại dạng tất cả các công đoạn dán keo, 2, 3, 4, có tem hay không, đã gắn chốt giữ dây dẫn chưa, ốc cố định unit và hai hộp nhựa đen có đầy đủ không và sắp xếp vào thùng carton để xuất hàng (mỗi thùng carton đều phải dán tem này). Phát thải của công đoạn này là ồn, CTR.

Nguồn: Công ty TNHH Sung Ju Vina, 2022

3.3. Sản phẩm của Dự án đầu tư:

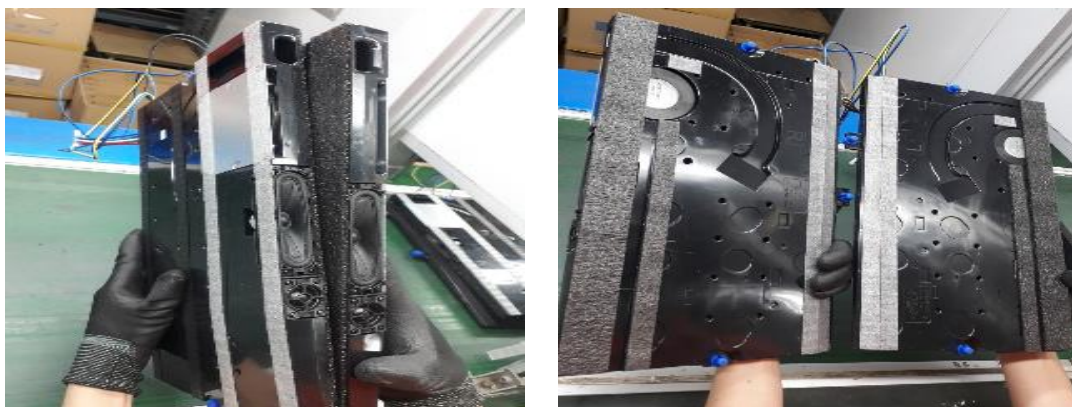
Tổng công suất sản xuất sau khi thành phẩm của hai Nhà máy là 170 triệu bộ sản phẩm/năm. Chi tiết sản phẩm của Dự án tại mỗi Nhà máy được trình bày cụ thể trong bảng sau:

Bảng 1.2. Sản phẩm và công suất sản xuất của dự án

STT	Vị trí nhà máy sản xuất	Tên sản phẩm	Đơn vị	Công suất
1	Nhà máy Sung Ju 1 – Lô A5	Loa ti vi	Bộ sản phẩm/năm	51.290.323
		Loa vi tính	Bộ sản phẩm/năm	53.225.806
		Loa màn hình	Bộ sản phẩm/năm	9.677.419
		Loa điện thoại	Bộ sản phẩm/năm	35.806.452
2	Nhà máy Sung Ju 2 – Lô B7	Loa ti vi	Bộ sản phẩm/năm	20.000.000

Nguồn: Công ty TNHH Sung Ju Vina, 2022

Một số hình ảnh về bộ sản phẩm của Nhà máy Sung Ju 1 và Nhà máy Sung Ju 2 được trình bày trong hình sau:



Hình 1.3. Hình ảnh về bộ sản phẩm của hai Nhà máy

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:

4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, hóa chất sử dụng của dự án:

Nhu cầu nguyên nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng trong quá trình sản xuất của Nhà máy Sung Ju 1 – Lô A5 và Nhà máy Sung Ju 2 – Lô B7 được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.3. Nhu cầu nguyên, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất sử dụng trong quá trình sản xuất của hai nhà máy

TT	Tên nguyên, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất	Số lượng (Tấn/năm)	
		Nhà máy Sung Ju 1	Nhà máy Sung Ju 2
I	Nguyên, nhiên liệu, vật liệu		
1	Vỏ loa	2.400	10
2	Miếng dán xốp dán trong ruột loa	39	6
3	Tấm lót	39	524
4	Khung sắt loa	2.400	524
5	Hộp nhựa	375	7
6	Thùng giấy đựng loa	375	640
7	Màng loa	86.625	5.240
8	Đệm loa	39	20
9	Màng ngăn loa	39	19
10	Nắp chống bụi	23	20
11	Khung lắp ráp	1.965	11
12	Khung	1.965	2
13	Nhãn sản phẩm	26	11
14	Nam châm	2.400	118
15	Khuôn lắp ráp	19.650	5.240
16	Băng keo	75	20
17	Roăng cao su	72	19
18	Vít	75	20
19	Thiết bị đầu cuối	42	11
20	Miếng nhựa	6	2
21	Cuộn dây động cơ	43	11
22	Dây điện	443	118
II	Nhiên liệu		
1	Dầu diesel (Lít/năm)	40	25
III	Hóa chất sản xuất		
1	Keo 1663M-TF	2.355	942
2	Keo K207(A)	18	7
3	Keo K207(B)	18	7

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Sản xuất các thiết bị điện tử với qui mô 150 triệu bộ sản phẩm/năm tại nhà máy Sung Ju 1 – lô A5 và 20 triệu bộ sản phẩm loa tivi /năm tại nhà máy Sung Ju 2 – lô B7”

TT	Tên nguyên, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất	Số lượng (Tấn/năm)	
		Nhà máy Sung Ju 1	Nhà máy Sung Ju 2
4	Keo 353-A	21	8
5	Keo 353-B	21	8
6	Keo 1668B-TF	2.355	942
7	Toluen để pha keo	18	7
8	Thiếc hàn Ø1,2	120	48
9	Cồn 98 ⁰ để pha keo và vệ sinh dây chuyền sản xuất	1,5	0,6
10	Mực in date	1,5	0,6
IV	Hóa chất xử lý môi trường		
1	Clorine (g/m ³)	1	0,6
2	Than hoạt tính dùng cho HTXL khí thải	0,28	0,14

Nguồn: Công ty TNHH Sung Ju Vina, 2022

4.2. Nhu cầu sử dụng điện:

Căn cứ theo hóa đơn điện vào tháng 5/2022 của Sung Ju 1 và tháng 4/2022 của Sung Ju 2, nhu cầu sử dụng điện của 2 nhà máy như sau:

- + Sung Ju 1: 173.400 Kwh/tháng.
- + Sung Ju 2: 97.716 Kwh/tháng.

Nguồn cung cấp điện: Toàn bộ nguồn điện cung cấp cho Dự án được sử dụng nguồn điện từ mạng lưới điện chung của Công ty điện lực Bình Phước – Điện lực Chơn Thành thông qua hệ thống đường dây cáp điện của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc.

Công ty không trang bị máy phát điện dự phòng để phòng khi điện lưới quốc gia gặp sự cố.

4.3. Nhu cầu sử dụng nước:

Theo nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tổng nhu cầu sử dụng nước là 122,8 m³/ngày. Nhu cầu sử dụng nước của Dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.1. Nhu cầu sử dụng nước của Dự án

TT	Nội dung	Số lượng (m ³ /ngày)
I	Nhà máy Sung Ju 1 – Lô A5	103,1
1	Nước cấp cho sinh hoạt	58,5

TT	Nội dung	Số lượng (m ³ /ngày)
2	Nước cấp cho nấu ăn	32,5
3	Nước cấp giải nhiệt cho máy nạp từ	1,25
4	Nước cấp tưới cây xanh	9,8
5	Nước cấp rửa đường	1
II	Nhà máy Sung Ju 2 – Lô B7	19,7
1	Nước cấp cho sinh hoạt	13,5
2	Nước cấp giải nhiệt cho máy nạp từ	0,5
3	Nước cấp tưới cây xanh	5,2
4	Nước cấp rửa đường	0,5

Nguồn: Công ty TNHH Sung Ju Vina, 2022

Ngoài ra, Công ty còn dự trữ một lượng nước cho PCCC. Lượng nước dự trữ cấp cho hoạt động chữa cháy khoảng 216 m³, được tính cho 1 đám cháy trong 3 giờ liên tục với lưu lượng 20 lít/giây/đám cháy.

$$W_{cc} = 20 \text{ lít/giây/đám cháy} \times 3 \text{ giờ} \times 1 \text{ đám cháy} \times 3.600 \text{ giây/1.000} = 216 \text{ m}^3.$$

Nguồn cung cấp nước:

Nguồn nước phục vụ cho hoạt động sinh hoạt, sản xuất của Nhà máy được cung cấp từ nguồn nước thủy cục của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc.

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư:

5.1. Nhu cầu lao động:

- Nhà máy Sung Ju 1 – Lô A5: 1.300 người
- Nhà máy Sung Ju 2 – Lô B7: 1.000 người

Thời gian làm việc: 8 giờ/ca, 3 ca/ngày. Ngày nghỉ làm việc là các ngày chủ nhật, các ngày lễ, nghỉ tết theo quy định Nhà nước.

5.2. Nhu cầu máy móc, thiết bị:

5.2.1. Nhà máy Sung Ju 1 – Lô A5:

Nhu cầu máy móc, thiết bị phục vụ cho quá trình sản xuất của Dự án trong giai đoạn hoạt động được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.2. Danh mục máy móc thiết bị sản xuất

TT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng (cái)	Nguồn gốc
I	Máy móc sản xuất		
1	Máy sấy hoạt động bằng điện	15	Hàn Quốc

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Sản xuất các thiết bị điện tử với qui mô 150 triệu bộ sản phẩm/năm tại nhà máy Sung Ju 1 – lô A5 và 20 triệu bộ sản phẩm loa tivi /năm tại nhà máy Sung Ju 2 – lô B7”

TT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng (cái)	Nguồn gốc
2	Xe nâng dầu 3 tấn	1	Hàn Quốc
3	Xe nâng dầu 2,5 tấn	3	Hàn Quốc
4	Xe nâng điện 1,5T; 1,8T; 2,0 T	10	Hàn Quốc
5	Băng tải	10	Hàn Quốc
6	Bình nén khí 2.000L	1	Hàn Quốc
7	Bộ khuôn đúc	105	Hàn Quốc
8	Cầu sắt dẫn lên container	1	Hàn Quốc
9	Đầu bôi keo (máy tự động)	90	Hàn Quốc
10	Khuôn	87	Hàn Quốc
11	Máy bắn vít dùng để vặn vít vào loa	2	Hàn Quốc
12	Máy bôi keo tự động	155	Hàn Quốc
13	Máy đo độ khuếch đại âm thanh	20	Hàn Quốc
14	Máy đo lực xoắn	2	Hàn Quốc
15	Máy hàn thiếc dùng cho sản xuất loa	5	Hàn Quốc
16	Máy hàn thiếc tự động dùng cho sản xuất loa	5	Hàn Quốc
17	Máy in phun đen trắng	10	Hàn Quốc
18	Máy kiểm tra độ cứng màng giảm chấn của loa	12	Hàn Quốc
19	Máy kiểm tra loa thành phẩm không bị thấm nước	6	Hàn Quốc
20	Máy kiểm tra tần số công hưởng màng rung	6	Hàn Quốc
21	Máy làm lạnh nước dùng làm mát máy nạp từ	8	Hàn Quốc
22	Máy nạp từ dùng để từ hóa thỏi sắt	35	Hàn Quốc
23	Máy nén trục vít	3	Hàn Quốc
24	Máy quấn màng pallet	3	Hàn Quốc
25	Dây chuyền sản xuất loa tự động (3.300 loa/giờ)	5	Hàn Quốc
II	Thiết bị xử lý môi trường		
1	HTXLNT công suất 105 m ³ /ngày	1	Việt Nam
2	HTXL khí thải	2	Việt Nam

Nguồn: Công ty TNHH Sung Ju Vina, 2022

5.2.1. Nhà máy Sung Ju 2 – Lô B7:

Nhu cầu máy móc, thiết bị phục vụ cho quá trình sản xuất của Dự án trong giai đoạn hoạt động được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.3. Danh mục máy móc thiết bị sản xuất

TT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng (cái)	Nguồn gốc
I	Máy móc sản xuất		
1	Phòng sấy keo	4	Hàn Quốc
2	Bàn nâng sản phẩm	4	Hàn Quốc
3	Băng tải belt	1	Hàn Quốc
4	Dây truyền sản xuất loa tự động	2	Hàn Quốc
5	Bàn nâng sản phẩm	2	Hàn Quốc
6	Băng tải belt	12	Hàn Quốc
7	Bàn nâng thủy lực tải trọng 2.500kg	1	Hàn Quốc
8	Thiết bị đo độ khuếch đại âm thanh	6	Hàn Quốc
9	Máy sản xuất loa tự động	2	Hàn Quốc
10	Máy bôi keo tự động	35	Hàn Quốc
11	Máy hàn thiếc dùng cho sản xuất loa	5	Hàn Quốc
12	Băng tải belt nhỏ	9	Hàn Quốc
13	Máy làm lạnh nước dùng làm mát máy nạp từ	6	Hàn Quốc
14	Máy nạp từ	1	Hàn Quốc
15	Máy kiểm tra chất lượng loa thành phẩm	2	Hàn Quốc
16	Máy in phun laser dùng để in thông tin lên sản phẩm	3	Hàn Quốc
17	Xe nâng điện 1,0 tấn model	2	Hàn Quốc
II	Thiết bị xử lý môi trường		
1	Hệ thống xử lý khí thải	2	Việt Nam
2	Bể khử trùng nước thải	1	Việt Nam

Nguồn: Công ty TNHH Sung Ju Vina, 2022

5.3. Các hạng mục công trình của dự án:

Tổng diện tích đất của Dự án là 37.408,5 m² thuộc 2 vị trí khác nhau.

- Nhà máy Sung Ju 1 – Lô A5 với diện tích 24.408,5 m²;
- Nhà máy Sung Ju 2 – Lô B7 với diện tích 13.000 m².

5.3.1. Nhà máy Sung Ju 1 – Lô A5:

Các hạng mục công trình của Dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.4. Danh mục máy móc thiết bị sản xuất

TT	Các hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỉ lệ (%)
1	Xưởng sản xuất số 1 (xưởng sản xuất, lắp ráp, hàn loa, chích keo loa, phòng kiểm tra chất lượng, phòng đóng gói, kho thành phẩm, văn phòng xưởng sản xuất) + văn phòng	9.527,7	39,0
1.1	Văn phòng	527,7	2.2
1.2	Xưởng sản xuất, lắp ráp, hàn loa, chích keo loa, phòng kiểm tra chất lượng, phòng đóng gói, kho thành phẩm, văn phòng xưởng sản xuất	9.000	36,8
2	Xưởng sản xuất số 2	2.738,0	11,2
2.1	Nhà kho chứa nguyên liệu và thành phẩm	2.500	10.23
2.2	Kho vật tư cơ khí của công ty Sung Ju Vina	238	0,97
3	Xưởng sản xuất số 3 (Nhà kho chứa nguyên liệu và thành phẩm)	1.500	6,1
4	Nhà nghỉ giữa ca	290,0	1,2
5	Nhà ăn	480,0	2,0
6	Nhà xe	450,0	1,8
7	Nhà vệ sinh công nhân (02 nhà)	153,5	0,6
8	Nhà bảo vệ	12,0	0,0
9	Nhà điện	48,0	0,2
10	Bể chứa nước ngầm 300 m ³	97,9	0,4
11	Thủy đài	14,1	0,1
12	Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt	12,0	0,03
13	Kho chứa chất thải rắn sản xuất không nguy hại	30,0	0,12
13	Kho chứa chất thải nguy hại	6,0	0,02
15	Hệ thống xử lý nước thải	120,6	0,5
16	Đường giao thông	4.047,0	16,6
17	Cây xanh và thảm cỏ	4.881,7	20,0

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Sản xuất các thiết bị điện tử với qui mô 150 triệu bộ sản phẩm/năm tại nhà máy Sung Ju 1 – lô A5 và 20 triệu bộ sản phẩm loa tivi /năm tại nhà máy Sung Ju 2 – lô B7”

TT	Các hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỉ lệ (%)
	Tổng cộng	24.408,5	100

Nguồn: Công ty TNHH Sung Ju Vina, 2022

Theo nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt, nhà xưởng 2 và nhà xưởng 3 sẽ cho thuê. Tuy nhiên, hiện nay công ty chưa tìm được đơn vị cho thuê, nên công ty đang sử dụng để làm kho chứa vật tư, kho chứa nguyên liệu và thành phẩm.

❖ **Nhà máy Sung Ju 2 – Lô B7:**

Các hạng mục công trình của Dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.5. Danh mục công trình của Dự án

TT	Các hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỉ lệ (%)
1	Nhà xưởng sản xuất	4.400	33,8
2	Nhà kho 1 (chứa nguyên liệu và thành phẩm)	2.880	22,2
3	Nhà kho 2	384	3,0
4	Nhà ăn công nhân	384	3,0
5	Nhà bảo vệ	16	0,1
6	Nhà vệ sinh	64,5	0,5
7	Nhà xe	100	0,8
8	Nhà máy bơm, bể nước ngầm 592,5 m ³	18	0,1
9	Phòng máy nén khí	45	0,3
10	Nhà keo	45	0,3
11	Bể khử trùng nước thải	18,5	0,1
12	Kho lưu chứa chất thải		
12.1	Kho chứa chất thải sinh hoạt	12	0,1
12.2	Kho chứa chất thải rắn sản xuất không nguy hại	12	0,1
12.3	Kho chứa chất thải nguy hại	12	0,1
13	Cây xanh	2.639	20,3
14	Sân bãi, đường giao thông nội bộ	1.970	15,2
	Tổng cộng	13.000	100

Nguồn: Công ty TNHH Sung Ju Vina, 2022

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

Dự án nằm hoàn toàn trong KCN Minh Hưng – Hàn Quốc. Khu công nghiệp này đã được quy hoạch và xây dựng hoàn thiện về cơ sở hạ tầng trong đó được thu hút nhóm ngành nghề sản xuất về dệt, nhuộm, may mặc, in vải, giày da,... Do đó, dự án hoàn toàn phù hợp về mặt quy hoạch.

Dự án thuộc ngành nghề được thu hút đầu tư vào KCN Minh Hưng - Hàn Quốc. Do đó, dự án hoàn toàn phù hợp về mặt quy hoạch.

Tên Khu công nghiệp: Khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc.

Địa chỉ: phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH C&N Vina.

KCN Minh Hưng – Hàn Quốc đã được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 15/01/2007 và Quyết định số 2368/QĐ-UBND ngày 24/8/2009. KCN Minh Hưng – Hàn Quốc được Bộ TNMT phê duyệt Báo cáo ĐTM tại các Quyết định: Quyết định số 1371/QĐ-BTNMT ngày 12/09/2007, quyết định số 1964/QĐ-BTNMT ngày 16/09/2014 (Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải giai đoạn 2), Quyết định số 2435/QĐ-BTNMT ngày 22/9/2015 (Hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 3 công suất 12.000 m³/ngày), Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN Minh Hưng – Hàn Quốc được Bộ Tài nguyên và Môi trường xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 78/GXN-TCMT ngày 14/07/2015, Giấy xác nhận số 94/GXN-BTNMT ngày 09/07/2019 (đối với Trạm xử lý nước thải giai đoạn 3).

Các ngành nghề được phép đầu tư vào KCN Minh Hưng - Hàn Quốc:

- Ngành sản xuất tole cách âm, tole cách nhiệt, đồ dung gia đình bằng inox (có công đoạn xi mạ), lắp ráp máy móc thiết bị, các phương tiện giao thông vận tải, máy móc xây dựng;
- Ngành chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản, phụ phẩm thủy sản;
- Ngành vật liệu xây dựng, gốm sứ;
- Ngành sản xuất tấm lợp ô tô, các phụ tùng xe ô tô không từ nguyên liệu mủ cao su
- Nhóm dự án về kéo sợi, dệt vải và may mặc và giày da;
- Sản xuất bao bì nylon;
- Luyện cán thép;
- Ép khuôn nhựa;
- Sản xuất thiết bị trong nhà bếp có tẩy rửa và đánh bóng;
- Chế biến gỗ, sản xuất thủy tinh, gốm sứ;
- Chế biến thực phẩm, nước giải khát;
- Sản xuất dây cáp điện;

- Công nghiệp điện tử, viễn thông;
- Công nghiệp hóa chất, dược phẩm, mỹ phẩm;
- Chế biến nông sản;
- Sản xuất hóa chất, hóa phẩm, phân hóa học, thuốc bảo vệ thực vật;
- Luyện kim màu;
- Công nghiệp cơ khí, luyện kim;
- Xi mạ;
- Sản xuất văn phòng phẩm;
- Nhóm dự án tái chế, xử lý chất thải rắn các loại (bố trí cụm phía sau của Khu công nghiệp, gần hệ thống xử lý nước thải tập trung).

Bên cạnh đó, tỉnh Bình Phước có nhiều chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư phát triển ngành nghề đa dạng. Hơn nữa, Bình Phước đang có chủ trương phát triển mạnh các KCN và có những chính sách nhằm tạo các điều kiện tốt nhất cho các nhà đầu tư muốn đầu tư vào KCN. Do đó, dự án được sự hỗ trợ của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc nói riêng và Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước nói chung.

Đồng thời, trong quá trình dự án đi vào vận hành có phát sinh nước sinh hoạt, chất thải rắn (chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường), chất thải nguy hại và khí thải (khí thải từ quá trình sản xuất). Với những nguồn thải trên chủ dự án sẽ có biện pháp giảm thiểu, xử lý và quản lý phù hợp với từng nguồn phát sinh, ngành nghề hoạt động của dự án phù hợp với ngành nghề thu hút đầu tư của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc nên khá thuận lợi cho hoạt động của công ty, do đó, dự án phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ VẬN HÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

1.1.1. Nhà máy Sung Ju 1 – Lô A5:

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa: mạng lưới thu gom nước mưa được bố trí xung quanh nhà xưởng sản xuất, nhà văn phòng và đường nội bộ đảm bảo thu gom triệt để toàn bộ lượng nước trên toàn diện tích. Nước mưa được thu gom vào hệ thống cống bê tông cốt thép (BTCT) kín. Dọc theo cống là các hố ga có trang bị song chắn rác sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước mưa của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc tại 02 điểm trên đường nội bộ KCN.

Bảng 3.1. Thống kê số lượng đường ống, hố ga của hệ thống thu gom, thoát nước mưa tại Nhà máy Sung Ju 1

Đường ống			Hố ga	
Đường kính (mm)	Chiều dài (m)	Vật liệu	Số lượng	Vật liệu
Ø=300	576	BTCT	29	BTCT
Ø=400	288	BTCT	14	
Ø=600	52	BTCT	3	
Tổng cộng	916		46	

Nguồn: Công ty TNHH Sung Ju Vina, 2022

1.1.2. Nhà máy Sung Ju 2 – Lô B7:

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa: mạng lưới thu gom nước mưa được bố trí xung quanh nhà xưởng sản xuất, nhà văn phòng và đường nội bộ đảm bảo thu gom triệt để toàn bộ lượng nước trên toàn diện tích. Nước mưa được thu gom vào hệ thống cống bê tông cốt thép (BTCT) kín. Dọc theo cống là các hố ga có trang bị song chắn rác sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước mưa của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc tại 01 điểm trên đường nội bộ KCN.

Số lượng đường ống, hố ga của hệ thống thu gom và thoát nước mưa của Dự án tại Nhà máy Sung Ju 2 được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3.2. Thông kê số lượng đường ống, hố ga của hệ thống thu gom, thoát nước mưa tại Nhà máy Sung Ju 2

Đường ống			Hố ga	
Đường kính (mm)	Chiều dài (m)	Vật liệu	Số lượng	Vật liệu
Ø=300	192	BTCT	12	BTCT
Ø=400	202	BTCT	13	
Ø=600	12	BTCT	2	
Tổng cộng	406		27	

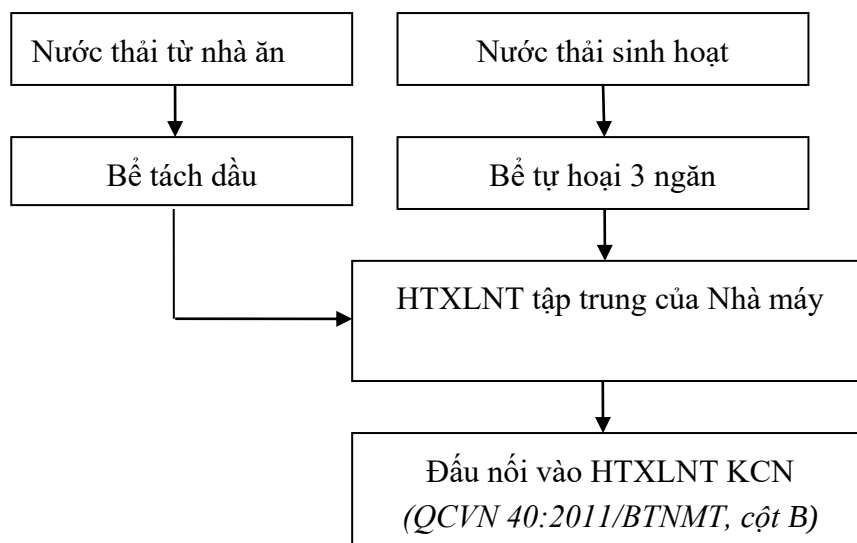
Nguồn: Công ty TNHH Sung Ju Vina, 2022

1.2. Thu gom, thoát nước thải:

1.2.1. Công trình thu gom nước thải:

a. Nhà máy Sung Ju 1 – Lô A5:

Sơ đồ thu gom nước thải tại Nhà máy hiện nay được trình bày như hình sau:



Hình 3.1. Sơ đồ thu gom nước thải tại Nhà máy Sung Ju 1

Nước rửa tay chân, rửa mặt được thu gom và dẫn về HTXLNT tập trung của Nhà máy.

- Nước thải từ âu tiêu, bể xí được thu gom và tiền xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn trước khi đầu nối về HTXLNT tập trung của Nhà máy.
- Nước thải từ quá trình nấu ăn, rửa rau củ quả,... của nhà ăn được thu gom và tiền xử lý qua bể tách dầu mỡ trước khi đầu nối về HTXLNT tập trung của Nhà máy.

Tổng chiều dài hệ thống thu gom nước thải của Nhà máy là 345m, gồm 10 hố ga. Số lượng đường ống, hố ga của hệ thống thu gom nước thải tại Nhà máy được trình bày trong bảng sau:

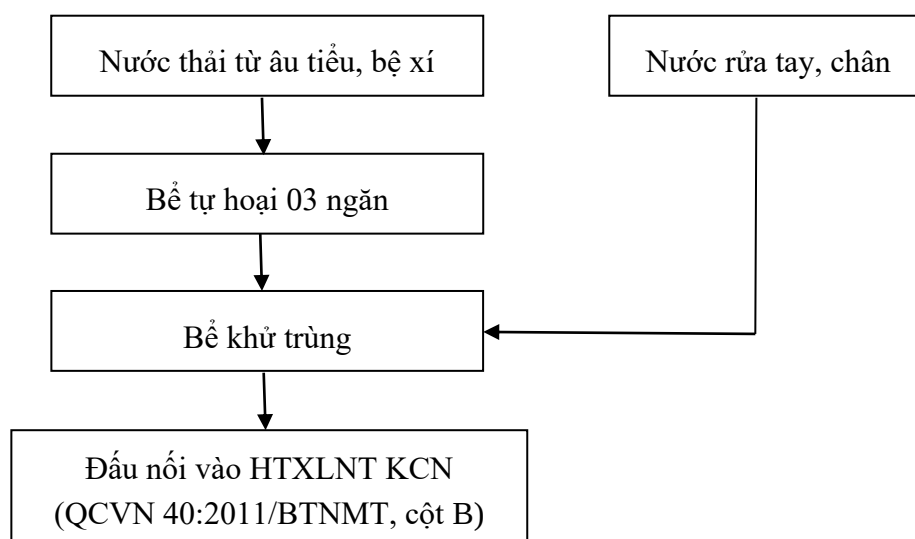
Bảng 3.3. Thống kê số lượng đường ống, hố ga của hệ thống thu gom nước thải tại Nhà máy Sung Ju 1

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng
1	Ống PVC Ø=80	m	104
2	Ống PVC Ø=100	m	127
3	Ống PVC Ø=150	m	114
4	Hố ga (0,8m x 0,8m)	hố	10

Nguồn: Công ty TNHH Sung Ju Vina, 2022

b. Nhà máy Sung Ju 2 – Lô B7:

Sơ đồ thu gom nước thải tại Nhà máy hiện nay được trình bày như hình sau:



Hình 3.2. Sơ đồ thu gom nước thải tại Nhà máy Sung Ju 2

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công, nhân viên tại Nhà máy bao gồm nước thải từ quá trình rửa tay, chân, nước thải từ âu tiêu, bể xí. Toàn bộ lượng nước thải phát sinh sẽ được đưa về bể khử trùng có thể tích 50 m³ để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước của KCN. Cấu tạo bể khử trùng được xây dựng bằng bê tông cốt thép.

Tổng chiều dài hệ thống thu gom nước thải của Nhà máy là 169 m, gồm 10 hố ga. Số lượng đường ống, hố ga của hệ thống thu gom nước thải tại Nhà máy được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3.4. Thống kê số lượng đường ống, hố ga của hệ thống thu gom nước thải tại Nhà máy Sung Ju 2

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng
1	Ống HDPE Ø=200	m	169
2	Hố ga (0,8m x 0,8m)	hố	10

Nguồn: Công ty TNHH Sung Ju Vina, 2022

1.2.2. Công trình thoát nước thải:

a. Nhà máy Sung Ju 1 – Lô A5:

Toàn bộ lượng nước thải phát sinh sẽ được dẫn đến hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy với công suất 105 m³/ngày.đêm để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc tại 01 điểm đầu nối trên đường D1 tiếp giáp với Dự án.

Số lượng đường ống, hố ga của hệ thống thoát nước thải tại Nhà máy được trình bày qua bảng sau:

Bảng 3.5. Thống kê số lượng đường ống, hố ga của hệ thống thoát nước thải tại Nhà máy Sung Ju 1

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng
1	Ống PVC Ø=80	m	104
2	Ống PVC Ø=100	m	127
3	Ống PVC Ø=150	m	114
4	Hố ga (0,8m x 0,8m)	hố	10

Nguồn: Công ty TNHH Sung Ju Vina, 2022

b. Nhà máy Sung Ju 2 – Lô B7

Toàn bộ lượng nước thải phát sinh sẽ được đưa về bể khử trùng với thể tích 50 m³ để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc tại 01 điểm đầu nối trên đường D1 tiếp giáp với Dự án.

Số lượng đường ống, hố ga của hệ thống thoát nước thải tại Nhà máy được trình bày qua bảng sau:

Bảng 3.6. Thống kê số lượng đường ống, hố ga của hệ thống thoát nước thải tại Nhà máy Sung Ju 2

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng
1	Ống HDPE Ø=200	m	169
2	Hố ga (0,5m×0,5m)	hố	10

Nguồn: Công ty TNHH Sung Ju Vina, 2022

1.2.3. Điểm xả nước thải sau xử lý:

a. Nhà máy Sung Ju 1 – Lô A5:

Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy với công suất 105 m³/ngày.đêm đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B. Toàn bộ lượng nước thải sau khi được xử lý sẽ được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Minh Hưng – Hàn Quốc, để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi xả ra suối Tiên.

b. Nhà máy Sung Ju 2 – Lô B7:

Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại và qua bể khử trùng với thể tích 50 m³/ngày.đêm đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B. Toàn bộ lượng nước thải sau khi được xử lý sẽ được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Minh Hưng – Hàn Quốc, để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi xả ra suối Tiên.

1.2.4. Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải:

Sơ đồ tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải được thể hiện trong bản vẽ mặt bằng tổng thể thoát nước mưa, thoát nước thải được đính kèm trong Phụ lục báo cáo.

1.3. Xử lý nước thải:

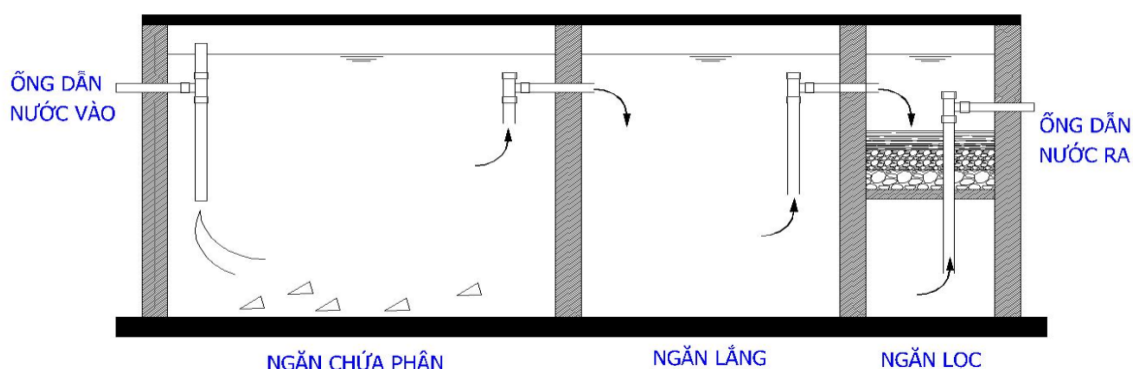
1.3.1. Nước thải sinh hoạt:

a. Nhà máy Sung Ju 1 - Lô A5:

Để giảm thiểu ô nhiễm do nước thải sinh hoạt phát sinh tại Nhà máy, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

- Thu gom toàn bộ lượng nước thải phát sinh không để phát tán ra bên ngoài.
- Nước thải sinh hoạt sẽ được thu gom và xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn, nước thải từ nhà ăn sẽ được thu gom và xử lý qua bể tách dầu mỡ. Sau đó, toàn bộ lượng nước thải này sẽ được dẫn đến HTXL nước thải tập trung của Nhà máy với công suất 105 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý đạt Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc là Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, trước khi đầu nối vào hệ thống cống thoát nước thải chung của KCN dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc. Tại đây, nước thải tiếp tục được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A và thải ra nguồn tiếp nhận – suối Tiên.

Cấu tạo và nguyên lý hoạt động của bể tự hoại 3 ngăn được trình bày trong hình sau:



Hình 3.3. Cấu tạo bể tự hoại 03 ngăn

Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại 3 ngăn:

Nước thải sinh hoạt của của cán bộ, công nhân sẽ được thu gom về bể tự hoại để xử lý. Nước thải vào bể tự hoại đầu tiên sẽ qua ngăn chứa và phân hủy cặn. Tại ngăn này, các cặn rắn được giữ lại và phân hủy một phần với hiệu suất khoảng 20% dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí. Sau đó, nước qua ngăn lắng. Tại đây, các thành phần hữu cơ có trong nước thải tiếp tục bị phân hủy dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí. Sau ngăn lắng cặn, nước được đưa qua ngăn lọc với vật liệu lọc bao gồm sỏi, than, cát được bố trí từ dưới lên trên nhằm tách các chất rắn lơ lửng có trong nước thải. Bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy. Sau bể tự hoại, hàm lượng chất hữu cơ (BOD, COD) và dinh dưỡng (nitơ, phospho) giảm khoảng 60%; dầu mỡ động thực vật giảm khoảng 80%; chất rắn lơ lửng giảm khoảng 90%.

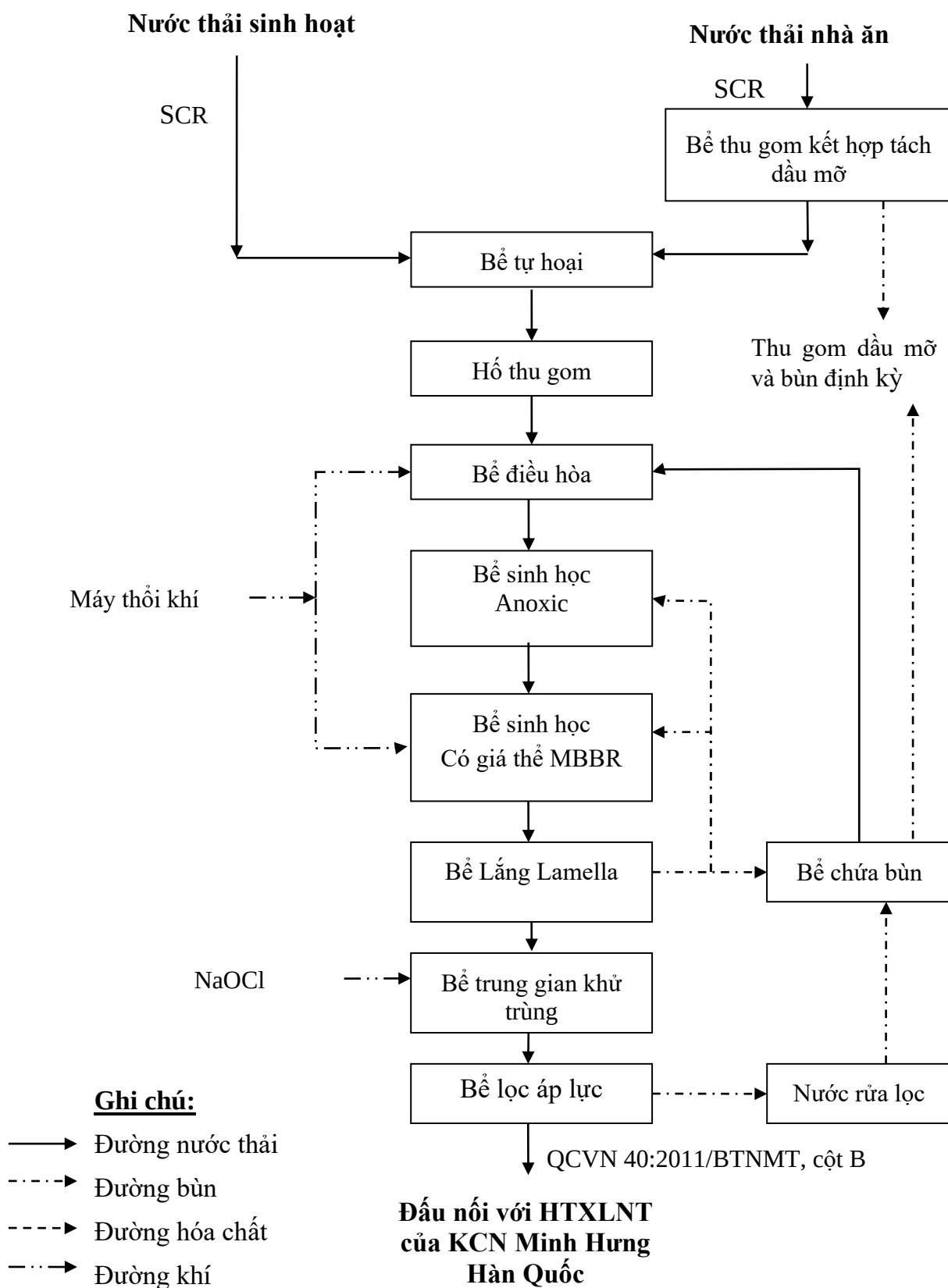
Thông số kỹ thuật bể tự hoại 03 ngăn:

Bảng 3.6. Thông số kỹ thuật của bể tự hoại hiện hữu tại Nhà máy Sung Ju 1

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật bể tự hoại 3 ngăn		
		Kích thước (m)	Thể tích (m ³)	Vật liệu
1	Bể tự hoại	Dài x Rộng x Cao = 6 x 3 x 2	36	Gạch
Tổng thể tích 5 bể tự hoại			180	

Nguồn: Công ty TNHH Sung Ju Vina, 2022

Quy trình công nghệ xử lý nước thải công suất 105 m³/ngày.đêm tại Nhà máy Sung Ju 1 đã xây dựng và đang được vận hành như sau:



Hình 3.4. Sơ đồ thu gom và thoát nước thải của Nhà máy Sung Ju 1

Thuyết minh quy trình:

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 105 m³/ngày đêm sử dụng công nghệ xử lý: Xử lý sinh học với công nghệ AO (Kỵ khí – Hiếu khí) bởi phương pháp bùn hoạt tính.

Nước thải khu vệ sinh sau xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn, nước thải nhà ăn sau xử lý qua bể tách dầu và bể tự hoại sẽ được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất xử lý 105 m³/ngày đêm của Nhà máy Sung Ju 1. Sau khi qua song chắn rác, nước thải chảy vào hố thu gom và qua bể điều hoà để giảm thiểu sự biến động của dòng nước thải và làm cho nồng độ nước thải đồng nhất. Sau đó, nước thải chảy vào bể thiếu khí Anoxic.

Trong bể thiếu khí Anoxic sẽ xảy ra phản ứng sinh học là quá trình khử Nitơ, mục đích nhằm loại bỏ lượng NO₃⁻ và T-N trong nước thải và không làm biến đổi các chất ô nhiễm khác.

Nước thải tiếp tục chảy vào bể hiếu khí MBBR. Bể sinh học MBBR là bể xử lý sinh học bằng màng vi sinh dính bám trên các giá thể lơ lửng biochip. Vi sinh dính bám trên giá thể có chức năng xử lý hoàn thiện các hợp chất hữu cơ trong nước thải. Các giá thể này ở dạng đĩa tròn và lớp vật liệu này có diện tích tiếp xúc lớn giữ vai trò là giá thể để các vi sinh vật xử lý nước sinh sống. Trong điều kiện thổi khí liên tục, các giá thể lơ lửng và chuyển động trong nước thải. Các màng vi sinh được hình thành trên bề mặt giá thể có 3 lớp khác nhau. Lớp trong cùng là màng vi sinh kỵ khí, lớp giữa là lớp màng vi sinh thiếu khí và lớp ngoài cùng là lớp màng vi sinh hiếu khí. Nhờ quá trình hình thành các lớp vi sinh khác nhau mà Bể sinh học MBBR có hiệu quả xử lý nitơ, photpho và BOD cao hơn rất nhiều so với bể bùn hoạt tính thông thường.

MBBR là từ viết tắt của cụm từ Moving Bed Biofilm Reactor, là quá trình xử lý sử dụng các vật liệu làm giá thể cho vi sinh dính bám vào để sinh trưởng và phát triển. MBBR là sự kết hợp giữa Aerotank truyền thống và lọc sinh học hiếu khí.

Sau khi bể sinh học MBBR, nước thải chảy vào bể lắng Lamella để loại bỏ các hạt chất rắn lơ lửng được hình thành nhờ hệ vi sinh vật trong bể nitrat hoá.

Bể lắng Lamella là loại bể sử dụng các tấm Lamella được lắp với góc nghiêng từ 45° – 60°. Quá trình lắng của bể lamella xảy ra khi nước thải được đưa từ bể phản ứng vào, các hạt lơ lửng kích thước lớn sẽ tự động rơi vào ngăn chứa bùn phía dưới. Sau đó, nước thải tiếp tục di chuyển lên phía trên theo đường đặt các tấm lamella. Trong quá trình di chuyển qua tấm lamella các cặn lắng sẽ va chạm với nhau, bám vào bề mặt các tấm lamella. Khi các bông cặn có khối lượng đủ lớn sẽ thắng được động lực của dòng nước thì bùn cặn sẽ rơi xuống vùng lắng.

Nước thải sau khi đã xử lý và lắng bùn, tiếp tục chảy qua bể chứa nước, phần bùn sẽ được bơm qua bể chứa bùn.

Bể chứa nước thải trung gian có chức năng khử trùng, để tiêu diệt các vi sinh vật và vi khuẩn có trong nước thải. NaOCl 70% (dạng bánh) sẽ được sử dụng trong bể này để khử trùng nước thải.

Sau đó, nước thải bơm qua Cột lọc áp lực để tách loại toàn bộ tạp chất có trong nước thải.

Nước sau khi xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B sẽ xả vào hệ thống thoát nước của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc thông qua 01 hố ga đầu nổi trên tuyến đường D1 tiếp giáp với nhà máy.

Các hạng mục bể của hệ thống xử lý nước thải được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3.7. Các hạng mục bể của hệ thống xử lý nước thải

TT	Hạng mục	Kích thước	Thể tích (m ³)	Kết cấu
1	Nhà kỹ thuật	L × B × H = 2,55m×3,1m×2,25m	-	Cột, đà bằng BTCT, vì kèo và kèo bằng thép, mái lợp tole, tường xây gạch
2	Hố thu - T01	L × B × H = 2,1m×1,8m×2,2m	8,3	Nền, tường làm bằng BTCT
3	Bể điều hòa - T02	L × B × H = 4,1m×2,3m×3,7m	34,9	Nền, tường làm bằng BTCT
4	Bể Anoxic - T03	L × B × H = 3,15m×2,3m × 3,7m	26,81	Nền, tường làm bằng BTCT
5	Bể MBBR - T04	L × B × H = 6,35m×2,3m×3,7m	54,04	Nền, tường làm bằng BTCT
6	Bể lắng lamella - T05	L x B x H = 2,65m×2,3m×3,7m	22,55	Nền, tường làm bằng BTCT
7	Bể trung gian khử trùng - T06	L × B × H = 1,15m×2,3m×3,7m	9,79	Nền, tường làm bằng BTCT
8	Bể chứa bùn - T07	L × B × H = 1,3×2,3m×3,7m	11,1	Nền, tường làm bằng BTCT
9	Bồn áp lọc áp lực-AL01	D × H = 0,6m×2,35m	-	Nhựa, đặt trên mặt đất

Nguồn: Công ty TNHH Sung Ju Vina, 2022

Bảng 3.9. Danh sách thiết bị của hệ thống xử lý nước thải

TT	Hạng mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Bơm nước thải bể điều hòa	02 cái	Dạng chìm
2	Bơm nước thải bể tách mỡ	01 cái	Trục ngang
3	Motor khuấy trộn bể Anoxic	01 cái	-
4	Máy thổi khí bể Aerotank	02 cái	Ring Blower
5	Bơm hồi lưu bể Aerotank	02 cái	Trục ngang
6	Bơm bùn bể lắng	02 cái	Dạng chìm
7	Bơm định lượng hóa chất	02 cái	Bơm màng
8	Bơm lọc	02 cái	Trục ngang

TT	Hạng mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật
9	Tủ điện điều khiển	01 cái	-
10	Hệ thống vi sinh bể sinh học thiếu khí/hiếu khí	01 hệ	-

Nguồn: Công ty TNHH Sung Ju Vina, 2022

- Đơn vị thi công xây dựng: Công ty cổ phần công nghệ Môi trường Phúc Nguyên.

b. Nhà máy Sung Ju 2 - Lô B7:

Để giảm thiểu ô nhiễm do nước thải sinh hoạt tại Nhà máy Sung Ju 2, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

- Thu gom toàn bộ lượng nước thải phát sinh không để phát tán ra bên ngoài.
- Nước thải sinh hoạt sẽ được thu gom và xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn, sau đó được dẫn đến bể khử trùng với thể tích 50 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B), trước khi đầu nối vào hệ thống cống thoát nước thải chung của KCN dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc. Tại đây, nước thải tiếp tục được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A và thải ra nguồn tiếp nhận – suối Tiên.
- Bể khử trùng có chức năng tiêu diệt các vi sinh vật và vi khuẩn có trong nước thải. NaOCl 70% (dạng bánh) sẽ được sử dụng trong bể này để khử trùng nước thải.

Bảng 3.10. Thông số kỹ thuật của bể tự hoại hiện hữu tại Nhà máy Sung Ju 2

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật bể tự hoại 03 ngăn		
		Kích thước (m)	Thể tích (m ³)	Vật liệu
1	Bể tự hoại	D × R × H = 3,15×2,1×1,9	12,6	Gạch
2	Tổng thể tích 02 bể tự hoại		25,2	-

Nguồn: Công ty TNHH Sung Ju Vina, 2022

1.3.2. Nước thải sản xuất:

Trong quá trình sản xuất, Dự án sử dụng nước để giải nhiệt cho máy nạp từ. Mỗi Nhà máy đều được trang bị một tháp giải nhiệt, khối lượng nước để giải nhiệt cho máy nạp từ sử dụng tại các Nhà máy như sau:

- Nhà máy Sung Ju 1, lượng nước cấp lần đầu là 2,5 m³/ngày, lượng nước châm bổ sung khoảng 1,25 m³/ngày. Như vậy, lượng nước hao hụt do bay hơi trong quá trình giải nhiệt cho máy nạp từ khoảng 1,25 m³/ngày.
- Nhà máy Sung Ju 2, lượng nước cấp lần đầu là 0,5 m³/ngày, lượng nước châm bổ sung khoảng 0,2 m³/ngày. Như vậy, lượng nước hao hụt do bay hơi trong quá trình giải nhiệt cho máy nạp từ khoảng 0,2 m³/ngày.

Nước giải nhiệt phục vụ cho quá trình giải nhiệt máy nạp từ được đưa về thiết bị giải nhiệt, sau đó được tuần hoàn tái sử dụng, không xả thải ra môi trường.

Đối với công tác vệ sinh nhà xưởng được công nhân thực hiện thường xuyên bằng biện pháp quét dọn, hút bụi nên không phát sinh nước thải từ quá trình vệ sinh nhà xưởng.

Vì vậy, quá trình hoạt động sản xuất tại hai Nhà máy không phát sinh nước thải sản xuất.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

2.1. Bụi từ quá trình sản xuất:

2.2.1. Bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển, bốc dỡ nguyên liệu:

Để giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển, bốc dỡ nguyên liệu đối với cả hai Nhà máy, Công ty đã thực hiện các biện pháp giảm thiểu sau:

- Nguyên liệu nhập về, sản phẩm xuất xưởng của nhà máy đã được đóng gói theo đúng quy cách, cẩn thận.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân như găng tay, khẩu trang,...
- Bố trí hệ thống làm mát và thông gió nhà xưởng để giảm thiểu bụi bên trong khu vực sản xuất.
- Hệ thống giao thông, sân đường nội bộ, kho chứa đã được bê tông hóa.
- Đã và đang duy trì diện tích cây xanh khu vực bao quanh phân xưởng sản xuất để cải thiện điều kiện vi khí hậu và chất lượng môi trường không khí.

2.2.2. Hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in, hơi khí hàn phát sinh từ quá trình sản xuất:

Để quản lý hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in, hơi khí hàn phát sinh từ quá trình sản xuất đối với cả hai Nhà máy, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

- Nhà xưởng đã được thiết kế thông thoáng, đảm bảo thoát khí tốt;
- Trang bị các quạt thổi công nghiệp để thông thoáng nhà xưởng trong quá trình sử dụng keo, hàn để tránh làm ảnh hưởng đến công nhân trực tiếp sản xuất;
- Đã trang bị đồ bảo hộ cần thiết cho công nhân như khẩu trang, găng tay, áo,...
- Đã cách ly khu vực sử dụng keo, khu vực gia nhiệt với các khu vực khác.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các máy móc, đảm bảo các thiết bị được hoạt động hiệu quả và ở điểm tối ưu.
- Đã trồng cây xanh xung quanh nhà máy để điều hòa khí hậu và hấp phụ một phần các chất ô nhiễm trong không khí.

Đồng thời, Công ty đã lắp đặt tại mỗi Nhà máy 02 hệ thống xử lý hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in, hơi khí hàn bằng phương pháp hấp phụ than hoạt tính.

a. Nhà máy Sung Ju 1 - Lô A5:

❖ Hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in phát sinh trong quá trình sản xuất:

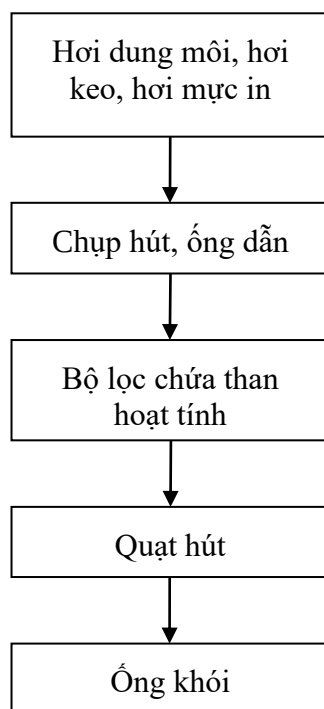
Để giảm thiểu hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in phát sinh từ quá trình sản xuất, Công ty đã lắp đặt các hệ thống chụp hút và 01 ống khói thoát khí tại Nhà máy.

Tại mỗi line sản xuất, Công ty đã bố trí các chụp hút bằng nhựa PVC Ø 90mm ở cạnh các máy chích keo, máy sấy cho loa và máy in tem. Nhà máy đã lắp đặt khoảng 155 chụp hút hơi keo, 15 chụp hút tại máy sấy, 10 chụp hút hơi mực in. Công ty đã lắp đặt bộ lọc than hoạt tính cho HTXL hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in. Bộ lọc than hoạt tính được lắp đặt tại Nhà máy có kích thước $D \times R \times H = 600 \times 600 \times 1.000 \text{mm}$, chất liệu vỏ và khung đỡ lớp lọc bằng thép tráng kẽm. Trong bộ phận lọc bố trí 3 lớp than hoạt tính. Mỗi lớp than dày 10cm. Tỷ trọng của than hoạt tính lựa chọn là 520 kg/m^3 . Khối lượng than hoạt tính sử dụng là 140,4 kg than hoạt tính/bộ lọc. Than hoạt tính bão hòa sẽ được thay thế định kỳ, lưu trữ trong kho lưu trữ chất thải nguy hại và hợp đồng thu gom với đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định.

Hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in sau khi qua chụp hút sẽ vào hệ thống ống hút nhánh bằng nhựa PVC Ø200mm và ống hút chung bằng thép tráng kẽm Ø500mm. Quạt hút với công suất 60HP có nhiệm vụ hút hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in phát sinh tại các vị trí bôi keo, sấy, in mực trong quá trình sản xuất, đi qua bộ lọc than hoạt tính trước khi thoát ra ngoài môi trường thông qua 01 ống thoát khí thải kích thước $D \times R 500 \times 400 \text{mm}$, bằng thép tráng kẽm.

Hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in sau khi xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, QCVN 20:2009/BTNMT sẽ thoát ra môi trường.

Sơ đồ quy trình xử lý hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in, hơi khí hàn của Nhà máy được trình bày như sau:



Hình 3.5. Quy trình xử lý hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in tại Nhà máy Sung Ju 1

Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in tại Nhà máy như sau:

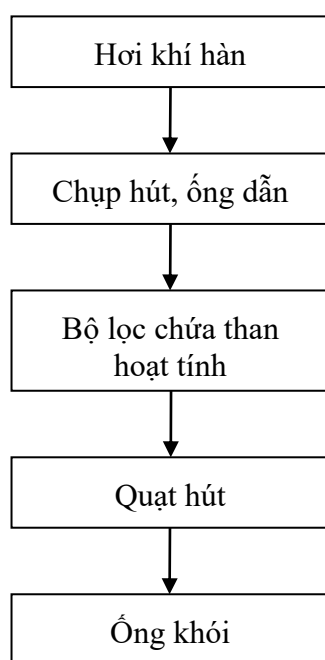
Bảng 3.11. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in tại Nhà máy Sung Ju 1

TT	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Hệ thống chụp hút hơi dung môi, keo	Hệ thống	01	Bảng nhựa PVC Ø 90mm
2	Hệ thống đường ống thu gom hơi dung môi, keo	Hệ thống	01	Đường kính Ø200mm và Ø500mm Vật liệu: thép tráng kẽm
3	Bộ phận lọc than hoạt tính	Bộ	01	Kích thước: $D \times R \times H = 600 \times 600 \times 1.000 \text{mm}$ Trong bộ phận lọc bố trí 3 lớp than hoạt tính. Mỗi lớp than dày 10 cm.
4	Quạt hút	Thiết bị	01	Quạt hút công suất 60HP Lưu lượng quạt hút khoảng 49.260 - 56.650 m ³ /giờ
5	Ống khói	Thiết bị	01	Vật liệu: thép tráng kẽm Kích thước: $D \times R \times H = 500 \times 400 \times 13.500 \text{mm}$

Nguồn: Công ty TNHH Sung Ju Vina, 2022

❖ Hơi khí hàn phát sinh trong quá trình hàn

Để giảm thiểu hơi khí hàn phát sinh từ quá trình hàn, Công ty đã lắp đặt 01 hệ thống xử lý tại Nhà máy với Sơ đồ quy trình xử lý hơi khí hàn như sau:



Hình 3.6. Quy trình xử lý hơi khí hàn tại Nhà máy Sung Ju 1

Thuyết minh công nghệ

Tại mỗi line sản xuất, Công ty đã bố trí các chụp hút bằng nhựa PVC Ø 90mm ở cạnh các máy hàn. Nhà máy đã lắp đặt các chụp hút hơi khí hàn. Hơi khí hàn sau khi qua chụp hút sẽ vào hệ thống ống hút nhánh bằng nhựa PVC Ø200mm và ống hút chung bằng thép tráng kẽm Ø500mm. Quạt hút với công suất 40HP có nhiệm vụ hút hơi khí hàn phát sinh tại các vị trí hàn trong quá trình sản xuất đi qua bộ lọc than hoạt tính trước khi thoát ra ngoài môi trường thông qua 01 ống thoát khí thải bằng thép tráng kẽm. Hơi khí hàn sau khi xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B sẽ thoát ra môi trường.

Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý hơi khí hàn tại Nhà máy như sau:

Bảng 3.12. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý hơi khí hàn tại Nhà máy Sung Ju 1

TT	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Hệ thống chụp hút hơi khí hàn	Hệ thống	01	Bằng nhựa PVC Ø 90mm
2	Hệ thống đường ống thu gom hơi khí hàn	Thiết bị	01	Đường kính Ø200mm và Ø500mm Vật liệu: thép tráng kẽm
3	Bộ phận lọc than hoạt tính	Bộ	01	Kích thước: $D \times R \times H = 600 \times 600 \times 1.000 \text{mm}$ Trong bộ phận lọc bố trí 3 lớp than hoạt tính. Mỗi lớp than dày 10 cm.
4	Quạt hút	Thiết bị	01	Quạt hút 40 HP. Lưu lượng quạt hút $40.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$
5	Ống khói	Thiết bị	01	Vật liệu: thép tráng kẽm Kích thước: $D \times R \times H = 500 \times 400 \times 13.500 \text{mm}$

Nguồn: Công ty TNHH Sung Ju Vina, 2022

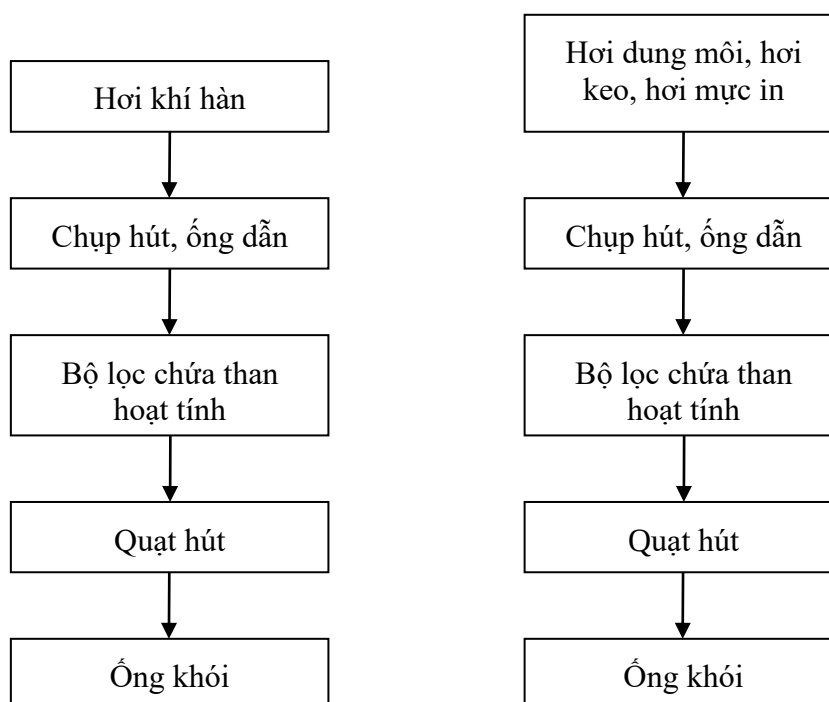
b. Nhà máy Sung Ju 2 – Lô B7:

Để giảm thiểu hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in, hơi khí hàn phát sinh từ quá trình sản xuất, Công ty đã lắp đặt các hệ thống chụp hút và 02 ống khói thoát khí tại Nhà máy.

Tại mỗi line sản xuất, công ty đã bố trí các chụp hút bằng nhựa PVC Ø90mm ở cạnh các máy hàn, máy chích keo, máy sấy cho loa và máy in tem. Hiện nay, Nhà máy Sung Ju 2 có khoảng 35 chụp hút hơi keo, 04 chụp hút tại máy sấy, 03 chụp hút hơi mực in và 05 chụp hút hơi khí hàn. Hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in, hơi khí hàn sau khi qua chụp hút sẽ vào hệ thống ống hút nhánh bằng nhựa PVC Ø200mm và ống hút chung bằng thép tráng kẽm Ø500mm. Quạt hút 50 HP có nhiệm vụ có nhiệm vụ hút hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in, hơi khí hàn phát sinh tại các vị trí bôi keo, sấy, in mực, hàn trong quá trình sản xuất, đi qua bộ lọc than hoạt tính trước khi thoát ra ngoài

môi trường thông qua 02 ống thoát khí thải đường kính Ø500mm, bằng thép tráng kẽm.

Hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in, hơi khí hàn sau khi xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, QCVN 20:2009/BTNMT sẽ thoát ra môi trường thông qua ống khói.



Hình 3.7. Quy trình xử lý hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in, hơi khí hàn tại Nhà máy Sung Ju 2

Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in, hơi khí hàn tại Nhà máy Sung Ju 2 như sau:

Bảng 3.13. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in, hơi khí hàn tại Nhà máy Sung Ju 2

TT	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
I	HTXL hơi khí hàn			
1	Hệ thống chụp hút hơi khí hàn	Hệ thống	01	Bằng nhựa PVC Ø 90mm
2	Hệ thống đường ống thu gom hơi khí hàn	Thiết bị	01	Đường kính Ø200mm và Ø500mm Vật liệu: thép tráng kẽm
3	Bộ phận lọc than hoạt tính	Bộ	01	Kích thước: D×R×H = 600×600×1.000mm Trong bộ phận lọc bố trí 3 lớp than hoạt tính. Mỗi lớp than dày 10 cm.

TT	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
4	Quạt hút	Thiết bị	01	Quạt hút 50 HP. Lưu lượng quạt hút 42.000 m ³ /giờ
5	Ống khói	Thiết bị	01	Vật liệu: thép tráng kẽm Kích thước: D×H = 500×10.000mm
II	HTXL hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in			
1	Hệ thống chụp hút hơi dung môi, keo	Hệ thống	01	Bảng nhựa PVC Ø 90mm
2	Hệ thống đường ống thu gom hơi dung môi, keo	Hệ thống	01	Đường kính Ø200mm và Ø500mm Vật liệu: thép tráng kẽm
3	Bộ phận lọc than hoạt tính	Bộ	01	Kích thước: D×R×H = 600×600×1.000mm Trong bộ phận lọc bố trí 3 lớp than hoạt tính. Mỗi lớp than dày 10 cm.
4	Quạt hút	Thiết bị	01	Quạt hút công suất 50HP Lưu lượng quạt hút khoảng 42.000 m ³ /giờ
5	Ống khói	Thiết bị	01	Vật liệu: thép tráng kẽm Kích thước: D×H = 500×10.000mm

Nguồn: Công ty TNHH Sung Ju Vina, 2022

2.2. Mùi hôi từ quá trình xử lý nước thải, khu vực lưu chứa chất thải:

Để giảm thiểu mùi hôi phát sinh từ quá trình xử lý nước thải, khu vực lưu chứa chất thải của cả hai Nhà máy, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom, thoát nước thải.
- Hệ thống xử lý nước thải, khu vực lưu chứa chất thải được bố trí xây dựng tránh hướng gió để hạn chế phát tán khí thải, mùi hôi về khu vực văn phòng và khu vực sản xuất cũng như ảnh hưởng đến các Dự án lân cận.
- Thông thoáng nhà xưởng, kho chứa bằng hệ thống quạt thông gió hay cửa hợp lý.
- Bảo quản, lưu trữ nguyên liệu, sản phẩm, chất thải đúng cách, có phân định khu vực lưu trữ đối với từng loại chất thải khác nhau.
- Tuân thủ đúng các quy trình xử lý chất thải, nước thải.

- Trang bị phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân như: khẩu trang, găng tay, quần áo hạn chế tác động của mùi hôi đến sức khỏe.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt:

3.1.1. Nhà máy Sung Ju 1 – Lô A5:

Để giảm thiểu tác động do chất thải sinh hoạt phát sinh tại Nhà máy, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

- Trong quá trình sản xuất hiện nay Công ty đã bố trí các thùng chứa rác bằng nhựa, có nắp đậy, dung tích loại 25 lít và 240 lít để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại Dự án. Toàn bộ lượng rác thải sẽ được thu gom vào thùng rác và vận chuyển đến kho chứa rác thải sinh hoạt. Rác sinh hoạt sẽ được thu gom hằng ngày vào thời điểm tan ca chiều. Hằng ngày, vào thời điểm tan ca chiều rác thải sinh hoạt sẽ được công nhân tiến hành thu gom và xử lý.
- Kho chứa chất thải sinh hoạt có diện tích 12 m², kết cấu là mái tole, nền bê tông, vách tường gạch.
- Công ty TNHH Sung Ju Vina đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt với Công ty TNHH MTV Dịch vụ Vệ sinh Môi trường Tiến Dũng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

3.1.2. Nhà máy Sung Ju 2 – Lô B7:

Để giảm thiểu tác động do chất thải sinh hoạt phát sinh tại Nhà máy, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

- Trong quá trình sản xuất hiện nay Công ty đã bố trí các thùng chứa rác bằng nhựa, có nắp đậy, dung tích loại 25 lít và 240 lít để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại Dự án. Toàn bộ lượng rác thải sẽ được thu gom vào thùng rác và vận chuyển đến kho chứa rác thải sinh hoạt. Rác sinh hoạt sẽ được thu gom hằng ngày vào thời điểm tan ca chiều. Hằng ngày, vào thời điểm tan ca chiều rác thải sinh hoạt sẽ được công nhân tiến hành thu gom và xử lý.
- Kho chứa chất thải sinh hoạt có diện tích 12 m², kết cấu là mái tole, nền bê tông, vách tường gạch.
- Công ty TNHH Sung Ju Vina đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt với Công ty TNHH MTV Dịch vụ Vệ sinh Môi trường Tiến Dũng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

3.2. Chất thải rắn sản xuất không nguy hại:

3.2.1. Dự báo về khối lượng chất thải rắn sản xuất không nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành:

Lượng chất thải rắn sản xuất không nguy hại phát sinh tại Nhà máy Sung Ju 1 và Nhà máy Sung Ju 2 chủ yếu là các sản phẩm hư hỏng, các thiết bị linh kiện điện tử thải

hoặc các thiết bị điện khác có linh kiện điện tử,... không chứa thành phần nguy hại, bao bì, bao tay ngón, bao nylon, vụn kim loại trong quá trình sản xuất, nhựa thải, gỗ, palet, giấy, carton thải, bùn từ hệ thống xử lý nước thải. Khối lượng chất thải rắn sản xuất không nguy hại tại Nhà máy Sung Ju 1 và Nhà máy Sung Ju 2 được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3.84. Danh mục và số lượng chất thải rắn sản xuất không nguy hại

STT	Tên chất thải	Số lượng (Tấn/năm)	
		Nhà máy Sung Ju 1	Nhà máy Sung Ju 2
1	Bao bì	16,2	4,4
2	Bao tay ngón	18,5	5,0
3	Bao nylon	34,6	9,4
4	Các bộ phận linh kiện hư hỏng không chứa thành phần nguy hại	57,7	15,7
5	Vụn kim loại (sắt, thép,...) trong quá trình sản xuất	27,7	7,5
6	Nhựa thải	18,5	5,0
7	Gỗ, palet	11,5	3,1
8	Giấy, carton thải	11,5	3,1
9	Chất thải hỗn hợp khác	15,9	0,5
10	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	1,87	-
Tổng cộng		213,97	53,7

Nguồn: Công ty TNHH Sung Ju Vina, 2022

a. Nhà máy Sung Ju 1 – Lô A5:

Để giảm thiểu tác động do chất thải rắn không nguy hại phát sinh tại Nhà máy, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

- Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn trong quá trình sản xuất phát sinh.
- Đối với các bộ phận, linh kiện hư hỏng không chứa thành phần nguy hại như nam châm, đế loa, khung loa, bộ giảm chấn, màng loa, nắp chắn bụi, miếng đệm loa, vỏ nhựa,... sẽ được trả lại cho nhà cung cấp để đổi trả hàng hóa. Trong trường hợp nhà cung cấp không tiếp nhận, Công ty TNHH Sung Ju Vina cam kết sẽ phân loại, thu gom, lưu trữ và xử lý theo quy định.
- Kho chứa chất thải rắn sản xuất không nguy hại có diện tích 30 m², kết cấu là mái tole, nền bê tông, vách tường gạch.
- Công ty TNHH Sung Ju Vina đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải với Công ty Cổ phần Môi trường Thảo Dương Xanh để thu gom, xử lý chất thải sản xuất không nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

b. Nhà máy Sung Ju 2 – Lô B7:

Để giảm thiểu tác động do chất thải rắn không nguy hại phát sinh tại Nhà máy, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

- Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn trong quá trình sản xuất phát sinh. Chất thải rắn sản xuất không nguy hại bao gồm: sắt thép vụn, nhựa vụn, sản phẩm hư lỗi,...
- Đối với các bộ phận, linh kiện hư hỏng không chứa thành phần nguy hại như nam châm, đế loa, khung loa, bộ giảm chấn, màng loa, nắp chắn bụi, miếng đệm loa, vỏ nhựa,... sẽ được trả lại cho nhà cung cấp để đổi trả hàng hóa. Trong trường hợp nhà cung cấp không tiếp nhận, Công ty TNHH Sung Ju Vina cam kết sẽ phân loại, thu gom, lưu trữ và xử lý theo quy định.
- Kho chứa chất thải rắn sản xuất không nguy hại có diện tích 12 m², kết cấu là mái tole, nền bê tông, vách tường gạch.
- Công ty TNHH Sung Ju Vina đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải với Công ty Cổ phần Môi trường Thảo Dương Xanh để thu gom, xử lý chất thải sản xuất không nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

4.1. Dự báo về khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành:

Lượng chất thải nguy hại phát sinh tại Nhà máy Sung Ju 1 và Nhà máy Sung Ju 2 chủ yếu là các sản phẩm hư hỏng, các thiết bị linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện khác có linh kiện điện tử,... có thành phần nguy hại, hộp mực in thải, bóng đèn huỳnh quang thải, bao bì mềm thải, dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải, bao bì cứng thải bằng kim loại, bao bì cứng thải bằng nhựa, chất hấp phụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải thải dính dầu nhớt, tấm lọc than hoạt tính. Khối lượng chất thải nguy hại tại Nhà máy Sung Ju 1 và Nhà máy Sung Ju 2 được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3.9. Số lượng và mã số chất thải nguy hại phát sinh

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (tấn/năm)	
			Nhà máy Sung Ju 1	Nhà máy Sung Ju 2
1	Các sản phẩm hư hỏng, các thiết bị linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện khác có linh kiện điện tử,... có thành phần nguy hại	15 02 14	4,3	1,2
2	Hộp mực in thải dính thành phần nguy hại	08 02 04	0,3	0,1
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	0,9	0,2
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	1,7	0,5
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	2,6	0,7
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	3,0	0,8
7	Bao bì mềm thải có các thành phần nguy hại	18 01 01	3,1	0,9

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (tấn/năm)	
			Nhà máy Sung Ju 1	Nhà máy Sung Ju 2
8	Giẻ lau, vải bảo vệ có nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	1,2	0,3
9	Ắc quy chì thải	19 06 01	0,2	0,05
10	Tấm lọc than hoạt tính thải	12 01 04	0,28	0,14
Tổng cộng			17,77	4,93

Nguồn: Công ty TNHH Sung Ju Vina, 2022

4.2. Công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

4.2.1. Nhà máy Sung Ju 1 – Lô A5:

Để giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại, Công ty đã áp dụng các biện pháp sau:

- Công ty đã đăng ký chủ nguồn thải CTNH với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước. Sổ chủ đăng ký chủ nguồn thải CTNH mã số 70.000229.T được cấp ngày 02/11/2018.
- Thu gom, phân loại và lưu giữ trong các thùng nhựa khác nhau có dán nhãn cảnh báo nguy hại theo từng loại.
- Công ty đã yêu cầu công nhân tiến hành thu gom, phân loại chất thải nguy hại phát sinh tại các khu vực phát sinh sau mỗi ca làm việc. Các loại chất thải được chứa trong các thùng chuyên dụng, sau đó công nhân đưa vào khu vực lưu trữ hiện hữu để chờ đơn vị đến thu gom xử lý định kỳ.
- Chất thải nguy hại được lưu trữ trong khu vực lưu chứa có thành kín, mái che, nền láng xi măng, mái lợp bằng tôn, tường xây gạch, rãnh, rôn, bình phòng cháy chữa cháy, cát, xẻng, phân khu, dán nhãn theo đúng quy định. Kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 6 m².
- Công ty đã ký hợp đồng với Công ty cổ phần Môi trường Thảo Dương Xanh để thu gom, xử lý theo quy định.

4.2.2. Nhà máy Sung Ju 2 – Lô B7:

Để giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại, Công ty đã áp dụng các biện pháp sau:

- Công ty đã đăng ký chủ nguồn thải CTNH với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước. Sổ chủ đăng ký chủ nguồn thải CTNH mã số 70.000229.T được cấp ngày 02/11/2018.
- Thu gom, phân loại và lưu giữ trong các thùng nhựa khác nhau có dán nhãn cảnh báo nguy hại theo từng loại.

- Công ty đã yêu cầu công nhân tiến hành thu gom, phân loại chất thải nguy hại phát sinh tại các khu vực phát sinh sau mỗi ca làm việc. Các loại chất thải được chứa trong các thùng chuyên dụng, sau đó công nhân đưa vào khu vực lưu trữ hiện hữu để chờ đơn vị đến thu gom xử lý định kỳ.
- Chất thải nguy hại được lưu trữ trong khu vực lưu chứa có thành kín, mái che, nền láng xi măng, mái lợp bằng tôn, tường xây gạch, rãnh, rốn, bình phòng cháy chữa cháy, cát, xẻng, phân khu, dán nhãn theo đúng quy định. Kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 12 m².
- Công ty đã ký hợp đồng với Công ty cổ phần Môi trường Thảo Dương Xanh để thu gom, xử lý theo quy định.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung trong quá trình hoạt động sản xuất, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

- Tất cả các phương tiện vận chuyển và máy móc thiết bị phục vụ Dự án phải đạt Tiêu chuẩn của Việt Nam về an toàn kỹ thuật và môi trường.
- Gia cố nền móng để giảm độ rung và tiếng ồn.
- Lắp đệm chống rung cho các máy móc thiết bị có độ rung cao.
- Thường xuyên bảo dưỡng trang thiết bị.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp sản xuất.
- Trồng cây xanh xung trong phạm vi Nhà máy, đảm bảo tỷ lệ cây xanh theo tỷ lệ yêu cầu.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành:

a. Sự cố bể tự hoại:

Để phòng ngừa sự cố bể tự hoại, Công ty đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu, cụ thể như sau:

- Định kỳ hợp đồng hút bùn thải từ bể tự hoại.
- Thường xuyên kiểm tra đường ống dẫn nước, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.
- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với bể tự hoại.

b. Sự cố hệ thống xử lý nước thải:

Để phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, Công ty đã áp dụng các biện pháp sau:

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành, và bảo trì, bảo dưỡng HTXLNT.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.
- Luôn trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng. Trong trường hợp sự cố thiết bị, nhanh chóng khắc phục sự cố và sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.
- Ngưng hoạt động sản xuất nếu hệ thống xử lý nước thải không có khả năng xử lý nước thải đạt quy chuẩn môi trường cho phép.

c. Biện pháp giảm thiểu tai nạn lao động:

Để đảm bảo an toàn lao động trong Nhà máy, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

Phòng ngừa tai nạn lao động:

Các biện pháp để bảo vệ an toàn lao động cho người công nhân là không thể thiếu. Vì vậy Công ty phải quan tâm đến các yếu tố vi khí hậu nhằm đảm bảo môi trường lao động an toàn và hợp vệ sinh cho công nhân như sau:

- Thường xuyên huấn luyện cho công nhân thực thi đầy đủ và kiểm tra để không xảy ra tai nạn lao động do không thực hiện đúng nội quy vận hành sử dụng an toàn thiết bị.
- Toàn bộ máy móc thiết bị sẽ được kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ theo kế hoạch để bảo đảm luôn ở tình trạng tốt.
- Về an toàn kỹ thuật điện: Công ty sẽ chú trọng công tác thực hiện các biện pháp an toàn kỹ thuật tại các bộ phận của các phân xưởng. Tất cả các bộ phận đều có bảng nội quy an toàn kỹ thuật điện tại nơi làm việc, đảm bảo công nhân phải tuân thủ đúng nội quy.
- Đào tạo định kỳ về an toàn lao động;
- Trang bị đầy đủ các phục trang cần thiết về an toàn lao động và hạn chế những tác hại cho sức khỏe công nhân. Các trang phục này bao gồm: quần áo bảo hộ lao động, mũ, găng tay, kính bảo vệ mắt, ủng,...
- Ngoài ra, trong những trường hợp cần thiết phải sử dụng thêm quạt thông gió để làm thoáng và mát cục bộ.
- Điều kiện về tiếng ồn, độ rung và ánh sáng cũng cần được tuân thủ chặt chẽ.
- Trong những trường hợp sự cố, công nhân vận hành phải được hướng dẫn và thực tập xử lý theo đúng quy tắc an toàn. Các dụng cụ và thiết bị cũng như những địa chỉ cần thiết liên hệ khi xảy ra sự cố cần được chỉ thị rõ ràng: địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: bệnh viện, cứu hỏa,...

Ứng phó tai nạn lao động:

- Trang bị các dụng cụ và thiết bị cần thiết cho việc sơ cấp cứu người bị tai nạn lao động.
- Ghi rõ các địa chỉ liên hệ cần thiết như người liên hệ trong trường hợp khẩn cấp, trạm xá, bệnh viện,.... tại vị trí dễ thấy để liên hệ.

- Tiến hành sơ cấp cứu cho người bị tai nạn hoặc chuyển người bị nạn đến trạm xá, bệnh viện gần nhất hoặc gọi cấp cứu để kịp thời cứu chữa người bị nạn.

Nhà máy cũng tổ chức bộ phận sơ cứu tai nạn, bố trí phòng y tế ngay tại Nhà máy và ký hợp đồng chăm sóc sức khỏe với cơ sở y tế tại địa phương, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho công nhân làm việc tại Nhà máy. Bố trí cán bộ an toàn vệ sinh lao động làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

d. Biện pháp đảm bảo an toàn giao thông:

Để đảm bảo an toàn giao thông tại khu vực Dự án, Công ty đã thực hiện các biện pháp như sau:

- Cấu trúc đường giao thông trong nội bộ Công ty sẽ được bố trí hợp lý, tránh xung đột giao thông, gây nguy hiểm cho người và phương tiện ra vào bốc dỡ hàng hóa.
- Bố trí hợp lý tuyến đường vận chuyển và đi lại. Hạn chế vận chuyển vào giờ cao điểm có mật độ người qua lại cao.
- Chở đúng tải trọng quy định.
- Bố trí xe có trọng tải phù hợp để tránh làm hư hỏng đường sá.
- Lập rào chắn cách ly các khu vực nguy hiểm như trạm biến thế, vật liệu dễ cháy nổ,...

e. Phòng chống cháy, nổ:

Để giảm phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

Biện pháp phòng ngừa sự cố chống cháy:

- Thiết lập khoảng cách ly an toàn của kho chứa nguyên liệu, kho thành phẩm với các công trình khác hoặc khu vực sản xuất. Sắp xếp bố trí nguyên vật liệu theo thứ tự, dễ bảo quản, vận chuyển và sử dụng. Lập kế hoạch sử dụng để tránh tồn kho nhiều dễ phát sinh cháy nổ mùa nắng nóng.
- Bông bụi được thu gom, lưu trữ hợp lý, không để gần nguồn phát sinh lửa để hạn chế tối đa khả năng cháy bụi bông xảy ra.
- Dung môi trong không khí có khả năng gây cháy khi đạt nồng độ nhất định và có tác nhân phát lửa gây cháy hoặc nguồn nhiệt phát ra do bất cẩn, do ma sát, do động cơ điện, tiếp điểm điện,... Chính vì vậy, khi xây dựng cần quy định rõ khu nhà kho đảm bảo vệ sinh công nghiệp, gọn sạch khi vận chuyển nguyên vật liệu và khi lắp đặt máy móc thiết bị cần thiết phải thực hiện hệ thống thông gió để giảm nồng độ chất gây cháy, giảm nhiệt độ không khí cũng như cách ly các bảng điện, tủ điện điều khiển,... Đồng thời trong các giai đoạn công nghệ cần lưu ý tiếp đất cho các thiết bị.
- Cần định rõ khu nhà kho, khu trữ nguyên liệu đảm bảo vệ sinh công nghiệp, dọn sạch khi vận chuyển nguyên vật liệu và khi lắp đặt máy móc thiết bị cần thiết phải thực hiện hệ thống thông gió để giảm nồng độ chất gây cháy, giảm

nhệt độ không khí cũng như cách ly các bảng điện, tủ điện điều khiển,... Đồng thời trong các giai đoạn công nghệ cần lưu ý tiếp đất cho các thiết bị.

- Đã đầu tư hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống cảnh báo tự động đảm bảo đúng quy định, thiết lập các hệ thống báo cháy, đèn hiệu và thông tin tốt, các phương tiện và thiết bị chữa cháy hiệu quả.
- Trang bị đầy đủ trang thiết bị sẵn sàng ứng phó với sự cố cháy nổ: cát chữa cháy, bình khí CO₂ và bình bột cầm tay tại các khu vực dễ phát sinh cháy nổ như kho chứa hóa chất, kho chứa nguyên liệu vải, khu vực lưu trữ CTNH để kịp thời ngăn chặn khi có đám cháy nhỏ phát sinh.
- Có phương án PCCC và đội PCCC của Công ty được phân công nhiệm vụ và trách nhiệm khi có sự cố cháy, nổ.
- Tập huấn và đào tạo cho đội PCCC của Công ty và định kỳ 1 lần/năm diễn tập PCCC cho toàn bộ công nhân trong nhà máy.
- Thường xuyên kiểm tra các trang thiết bị, đến niên hạn thay mới phải lập kế hoạch thay mới, tránh trường hợp khi có sự cố cháy, nổ lại không sử dụng được.
- Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và tuân thủ các qui định về Phòng cháy Chữa cháy của tỉnh Bình Phước.

Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ:

1. **Dập lửa:** Ngay từ khi phát hiện có cháy, lực lượng chữa cháy tại các công trường và các lực lượng khác cần tiến hành ngay các công tác dập lửa. Sử dụng các dụng cụ như: bình chữa cháy, nước để dập lửa.

Khi xảy ra sự cố cháy nổ tại nhà máy: đặc biệt tại các khu vực cháy có liên quan đến hóa chất, nhanh chóng khóa hoặc chặn hệ thống thoát nước mưa, nhằm hạn chế khả năng nước sau quá trình dập lửa có thể nhiễm hoá chất, chảy vào hệ thống thoát nước mưa. Đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình chữa cháy được dẫn về hệ thống thu gom nước thải để xử lý.

2. **Dọn dẹp:** Sau khi ngọn lửa được dập tắt, điều động nhân công dọn dẹp sạch sẽ khu vực bị cháy, các chi tiết, thiết bị, máy móc bị hỏng cũng được tháo dỡ và vận chuyển ra khỏi khu vực.

3. **Báo cáo điều tra nguyên nhân và rút kinh nghiệm:** Ngay sau khi phát hiện cháy, cần báo cáo ngay với cơ quan hữu quan để phối hợp trong công tác chữa cháy. Sau đó chủ đầu tư sẽ cùng với cơ quan hữu quan sẽ cùng tiến hành công tác điều tra xác định nguyên nhân và lập thành báo cáo gửi các bên có liên quan. Ngoài ra, Chủ đầu tư sẽ tiến hành công tác đánh giá thiệt hại, xác định những hư hại và phần cần sửa chữa để có kế hoạch cụ thể khắc phục.

f. Sự cố rò rỉ, rơi vãi, tràn đổ hóa chất:

Để phòng ngừa sự cố rò rỉ, rơi vãi, tràn đổ hóa chất trong Nhà máy, Công ty đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu, cụ thể như sau:

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn khi vận chuyển. Tránh chất đóng bừa bãi trong quá trình vận chuyển. Những thùng chứa chất lỏng dễ cháy phải

được sắp xếp một cách có khoa học để đảm bảo chống va đập và ngăn chặn sự phát sinh lửa do chính chất lỏng tạo ra.

- Thường xuyên kiểm tra các phương tiện khi vận chuyển, đảm bảo phương tiện không làm hỏng thùng chứa hóa chất. Phải kiểm tra trên xe có đinh hoặc vật sắc nhọn.
- Hóa chất được lưu trữ thích hợp trong khu vực chứa, lập kế hoạch để việc lưu kho hóa chất tối thiểu.
- Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình lưu trữ và sử dụng các loại hóa chất theo hướng dẫn của nhà sản xuất.
- Khi làm việc với hóa chất, công nhân phải mang bảo hộ lao động phù hợp như khẩu trang, kính, găng tay,...
- Lựa chọn nhà cung cấp hóa chất uy tín, đảm bảo chất lượng hóa chất và bao bì an toàn, không rách, thùng trong quá trình di chuyển.
- Công nhân quản kho và trực tiếp sử dụng hóa chất được huấn luyện an toàn hóa chất theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP.
- Việc lưu trữ, sử dụng hóa chất phải thực hiện tuân thủ theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5507:2002 về Hóa chất nguy hiểm - Quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

g. Sự cố an toàn vệ sinh thực phẩm:

Để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong Nhà máy, Công ty đã ký kết với nhà thầu nấu ăn uy tín, có giấy phép và giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Thực phẩm phải được bảo quản đúng quy trình vệ sinh thực phẩm.
- Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.
- Đảm bảo thực phẩm tươi, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và đã được kiểm định vệ sinh An toàn vệ sinh thực phẩm và An toàn vệ sinh thú y.
- Đảm bảo điều kiện lưu trữ thực phẩm an toàn, sạch sẽ, tránh lây nhiễm chéo.
- Khám sức khỏe định kỳ cho nhân viên.

Ứng phó khi xảy ra ngộ độc thực phẩm

- Ghi rõ các địa chỉ liên hệ cần thiết như người liên hệ trong trường hợp khẩn cấp, trạm xá, bệnh viện,... tại vị trí dễ thấy để liên hệ.
- Tiến hành sơ cấp cứu cho người bị ngộ độc hoặc chuyển người bị ngộ độc đến trạm xá, bệnh viện gần nhất hoặc gọi cấp cứu để kịp thời cứu chữa người bị ngộ độc.

7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: Không có

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

1.1 Nội dung thu gom đầu nối nước thải:

Nước thải phát sinh từ dự án tại nhà máy Sung Ju 1 sau khi xử lý bởi hệ thống XLNT 105 m³/ngày đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT sẽ được đầu nối về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định trước khi thải ra môi trường.

Nước thải phát sinh từ dự án tại nhà máy Sung Ju 2 sau khi xử lý bởi bể tự hoại và được khử trùng đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT sẽ được đầu nối về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định trước khi thải ra môi trường.

Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì Dự án không thuộc đối tượng xin cấp phép đối với nước thải.

1.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.2.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải:

1.2.1.1. Mạng lưới thu gom và thoát nước mưa:

a. Nhà máy Sung Ju 1:

Hệ thống thoát nước mưa của công ty có chiều dài khoảng 916 m được bố trí dọc theo nhà xưởng, văn phòng và riêng biệt với tuyến thoát nước thải. Cống thoát được xây dựng bằng bê tông cốt thép với đường kính dao động từ 300 mm - 600 mm. Hệ thống cống thoát nước mưa có khoảng 46 hố ga. Toàn bộ nước mưa phát sinh sẽ được đầu nối về hệ thống thoát nước mưa của KCN tại 2 điểm đầu nối trên đường nội bộ của KCN.

b. Nhà máy Sung Ju 2:

Hệ thống thoát nước mưa của công ty có chiều dài khoảng 406 m được bố trí dọc theo nhà xưởng, văn phòng và riêng biệt với tuyến thoát nước thải. Cống thoát được xây dựng bằng bê tông cốt thép với đường kính dao động từ 300 mm - 600 mm. Hệ thống cống thoát nước mưa có khoảng 27 hố ga. Toàn bộ nước mưa phát sinh sẽ được đầu nối về hệ thống thoát nước mưa của KCN tại 1 điểm đầu nối trên đường nội bộ của KCN.

1.2.1.2. Mạng lưới thu gom nước thải:

a. Nước thải sinh hoạt:

Nhà máy Sung Ju 1: Nước thải sinh hoạt chủ yếu phát sinh từ nhà vệ sinh, nước rửa tay chân của công nhân từ khu vực nhà vệ sinh chung, nhà văn phòng, nhà ăn.

Công ty đã xây dựng hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt bằng ống nhựa PVC với đường kính từ 80 – 150 mm, hệ thống tổng chiều dài khoảng 345m và có khoảng 10 hố ga. Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại được dẫn về hệ thống XLNT tập trung của Nhà máy để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B và đầu nối vào cống thoát nước thải của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc tại 1 điểm trên đường nội bộ của KCN.

Nhà máy Sung Ju 2: Nước thải sinh hoạt chủ yếu phát sinh từ nhà vệ sinh, nước rửa tay chân của công nhân từ khu vực nhà vệ sinh chung, nhà văn phòng, nhà ăn. Công ty đã xây dựng hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt bằng ống HDPE Ø=200, hệ thống tổng chiều dài khoảng 169m và có khoảng 10 hố ga. Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại và bể khử trùng đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B và đầu nối vào cống thoát nước thải của KCN Minh Hưng - Quốc tại 1 điểm trên đường nội bộ của KCN.

b. Nước thải sản xuất:

Trong quá trình sản xuất, Dự án sử dụng nước để giải nhiệt cho máy nạp từ. Mỗi Nhà máy đều được trang bị một tháp giải nhiệt. Nước giải nhiệt phục vụ cho quá trình giải nhiệt máy nạp từ được đưa về thiết bị giải nhiệt, sau đó được tuần hoàn tái sử dụng, không xả thải ra môi trường. Vì vậy, quá trình hoạt động sản xuất tại 02 Nhà máy không phát sinh nước thải sản xuất.

1.2.2. Công trình xử lý nước thải:

a. Nhà máy Sung Ju 1:

Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt được xử lý như sau:

- Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 03 ngăn → HTXLNT 105m³/ngày.
- Nước thải từ nhà ăn → Bể tách dầu → Bể tự hoại 03 ngăn → HTXLNT 105 m³/ngày.

Quy trình công nghệ hệ thống xử lý 105 m³/ngày với quy trình như sau:

Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại + Nước thải từ nhà ăn sau bể tách dầu, bể tự hoại → Hố thu gom → Bể điều hòa → Bể sinh học (Anoxic) → Bể sinh học có giá thể MBBR → Bể Lắng Lamella → Bể trung gian khử trùng → Bể lọc áp lực → Nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B đầu nối vào KCN Minh Hưng – Hàn Quốc.

Các thiết bị chính của HTXL NT được trình bày trong bảng sau:

Bảng 4.1. Danh sách các thiết bị của hệ thống xử lý nước thải 105 m³/ngày

TT	Hạng mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Bơm nước thải bể điều hòa	02 cái	Dạng chìm
2	Bơm nước thải bể tách mỡ	01 cái	Trục ngang
3	Motor khuấy trộn bể Anoxic	01 cái	-
4	Máy thổi khí bể Aerotank	02 cái	Ring Blower
5	Bơm hồi lưu bể Aerotank	02 cái	Trục ngang

TT	Hạng mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật
6	Bơm bùn bể lắng	02 cái	Dạng chìm
7	Bơm định lượng hóa chất	02 cái	Bơm màng
8	Bơm lọc	02 cái	Trục ngang
9	Tủ điện điều khiển	01 cái	-
10	Hệ thống vi sinh bể sinh học thiếu khí/hiếu khí	01 hệ	-

Nguồn: Công ty TNHH Sung Ju Vina, 2022

b. Nhà máy Sung Ju 2:

Công ty xây dựng 02 bể tự hoại 03 ngăn và 1 bể khử trùng 50m³ để xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh của công nhân viên.

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ nhà vệ sinh → Bể tự hoại 03 ngăn → Bể khử trùng → Đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN.

Thông số kỹ thuật của bể tự hoại 03 ngăn tại Nhà máy:

Bảng 4.2. Kích thước bể tự hoại 03 ngăn của Công ty

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật bể tự hoại 3 ngăn		
		Kích thước (m)	Thể tích (m ³)	Vật liệu
1	Bể tự hoại	D × R × H = 3,15×2,1×1,9	12,6	Gạch
2	Tổng thể tích 02 bể tự hoại		25,2	-

Nguồn: Công ty TNHH Sung Ju Vina, 2022

Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt được xử lý như sau: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 3 ngăn → Khử trùng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Trang bị phương tiện, thiết bị dự phòng cho hệ thống để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý. Thường xuyên kiểm tra đường ống, công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo trì và bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải.

Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

Phối hợp với Chủ đầu tư hạ tầng KCN Minh Hưng – Hàn Quốc để giám sát các thông số nước thải của nhà máy trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc.

1.5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Chủ đầu tư hạ tầng KCN Minh Hưng – Hàn Quốc, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý thu gom nước thải.

Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Chủ đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Minh Hưng – Hàn Quốc và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

Dự án được triển khai sản xuất tại 2 địa điểm là Nhà máy Sung Ju 1 – Lô A5 và Nhà máy Sung Ju 2 – Lô B7.

2.1. Nguồn phát sinh khí thải: 04 nguồn

- Nhà máy Sung Ju 1 – Lô A5:
 - + Nguồn số 01: Hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in phát sinh từ quá trình sử dụng dung môi pha keo, dán keo và in tem.
 - + Nguồn số 02: Hơi khí hàn phát sinh từ quá trình hàn.
- Nhà máy Sung Ju 2 – Lô B7:
 - + Nguồn số 03: Hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in phát sinh từ quá trình sử dụng dung môi pha keo, dán keo và in tem.
 - + Nguồn số 04: Hơi khí hàn phát sinh từ quá trình hàn.

2.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.2.1. Lưu lượng xả thải tối đa: 180.650 m³/giờ

a. Nhà máy Sung Ju 1 – Lô A5:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 56.650 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 40.000 m³/giờ.

b. Nhà máy Sung Ju 2 – Lô B7:

- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 42.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 04: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 42.000 m³/giờ.

2.2.2. Dòng khí thải: 04 dòng khí thải.

TT	Dòng khí thải	Vị trí
1	Dòng khí thải số 01	Ống thoát khí từ hệ thống xử lý hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in tại Nhà máy Sung Ju 1 – Lô A5
2	Dòng khí thải số 02	Ống thoát khí từ hệ thống xử lý hơi khí hàn tại Nhà máy Sung Ju 1 – Lô A5
3	Dòng khí thải số 03	Ống thoát khí từ hệ thống xử lý hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in tại Nhà máy Sung Ju 2 – Lô B7
4	Dòng khí thải số 04	Ống thoát khí từ hệ thống xử lý hơi khí hàn tại Nhà máy Sung Ju 2 – Lô B7

2.2.3. Các chất ô nhiễm và giá trị tới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:

a. Khí thải từ HTXL hơi dung môi từ quá trình sử dụng dung môi pha keo, dán keo và in tem:

Bảng 4.3. Nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải từ HTXL hơi dung môi

TT	Chất ô nhiễm	QCVN 20:2009/BTNMT
1	Phenol	19
2	Toluen	750

b. Khí thải từ HTXL hơi khí hàn từ quá trình hàn:

Bảng 4.4. Nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải từ HTXL hơi khí hàn

TT	Chất ô nhiễm	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với Kv = 1 và Kp = 0,9
1	SO ₂	500
2	NO _x	850
3	CO	1.000
4	Sn	-

2.2.4. Vị trí, phương thức xả khí thải:

Vị trí xả khí thải được trình bày trong bảng sau:

Bảng 4.1. Vị trí xả khí thải tại các ống thoát HTXL

TT	Vị trí	Tọa độ VN-2000: Kinh tuyến: 106 ⁰ 15', múi chiều 3 ⁰	
		X(m)	Y(m)
1	Ống thoát khí từ hệ thống xử lý hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in tại Nhà máy Sung Ju 1 – Lô A5	1270975	539846
2	Ống thoát khí từ hệ thống xử lý hơi khí hàn tại Nhà máy Sung Ju 1 – Lô A5	1270915	539812
3	Ống thoát khí từ hệ thống xử lý hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in tại Nhà máy Sung Ju 2 – Lô B7	1270893	540043
4	Ống thoát khí từ hệ thống xử lý hơi khí hàn tại Nhà máy Sung Ju 2 – Lô B7	1270893	540048

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Công ty TNHH Sung Ju Vina, thuộc Khu công nghiệp Minh Hưng – Hàn Quốc, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Phương thức xả khí thải:

Dòng khí thải số 01 đến số 04: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua 4 ống thoát khí thải, xả liên tục 24 giờ/ngày khi hoạt động.

2.3. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

2.3.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý:

Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ các quá trình sử dụng dung môi pha keo, dán keo và in tem tại Nhà máy Sung Ju 1 – Lô A5 được dẫn về hệ thống xử lý hơi dung môi (dòng khí thải số 01).

Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ quá trình hàn tại Nhà máy Sung Ju 1 – Lô A5 được dẫn về hệ thống xử lý khí hàn (dòng khí thải số 02).

Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ các quá trình sử dụng dung môi pha keo, dán keo và in tem tại Nhà máy Sung Ju 2 – Lô B7 được dẫn về hệ thống xử lý hơi dung môi (dòng khí thải số 03).

Nguồn số 04: Khí thải phát sinh tại quá trình hàn tại Nhà máy Sung Ju 2 – Lô B7 được dẫn về hệ thống xử lý khí hàn (dòng khí thải số 04).

2.3.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

a. Hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ quá trình sử dụng dung môi pha keo, dán keo và in tem tại Nhà máy Sung Ju 1 – Lô A5 và Sung Ju 2 – Lô B7 (nguồn số 01, 03)

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý: Khí thải → Chụp hút, ống dẫn → Bộ lọc chứa than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát.
- Công suất thiết kế:
 - + Hệ thống xử lý hơi dung môi từ quá trình sử dụng dung môi pha keo, dán keo và in tem tại Nhà máy Sung Ju 1 – Lô A5 (dòng số 01): 56.650 m³/giờ.
 - + Hệ thống xử lý hơi dung môi từ quá trình sử dụng dung môi pha keo, dán keo và in tem tại Nhà máy Sung Ju 2 – Lô B7 (dòng số 03): 42.000 m³/giờ.
- Số lượng: 02 hệ thống
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: tấm lọc than hoạt tính.

b. Hệ thống xử lý khí hàn phát sinh từ quá trình hàn tại Nhà máy Sung Ju 1 – Lô A5 và Sung Ju 2 – Lô B7 (nguồn số 02, 04):

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý: Khí thải → Chụp hút, ống dẫn → Bộ lọc chứa than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát.
- Công suất thiết kế:
 - + Hệ thống xử lý khí hàn từ quá trình hàn tại Nhà máy Sung Ju 1 – Lô A5 (dòng số 02): 40.000 m³/giờ.
 - + Hệ thống xử lý khí hàn từ quá trình hàn tại Nhà máy Sung Ju 2 – Lô B7 (dòng số 04): 42.000 m³/giờ.
- Số lượng: 02 hệ thống
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: tấm lọc than hoạt tính.

2.3.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.3.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải.

Kiểm tra thường xuyên hệ thống xử lý khí thải và định kỳ bổ sung thay than hoạt tính nhằm đảm bảo hiệu suất xử lý.

Khi có sự cố, tạm dừng hoạt động sản xuất để kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, hoạt động sản xuất tiếp tục khi hệ thống xử lý khí thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

2.4. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải.

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn:

3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: từ khu vực hàn tại Nhà máy Sung Ju 1
- Nguồn số 02: từ khu vực lắp ráp tại Nhà máy Sung Ju 1
- Nguồn số 03: từ khu vực hệ thống xử lý hơi dung môi tại Nhà máy Sung Ju 1
- Nguồn số 04: từ khu vực hệ thống xử lý khí hàn tại Nhà máy Sung Ju 1
- Nguồn số 05: từ khu vực HTXL nước thải tại Nhà máy Sung Ju 1
- Nguồn số 06: từ khu vực hàn tại Nhà máy Sung Ju 2
- Nguồn số 07: từ khu vực lắp ráp tại Nhà máy Sung Ju 2
- Nguồn số 08: từ khu vực hệ thống xử lý hơi dung môi tại Nhà máy Sung Ju 2
- Nguồn số 09: từ khu vực hệ thống xử lý khí hàn tại Nhà máy Sung Ju 2

3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Tại lô A5 và B7, Khu công nghiệp Minh Hưng – Hàn Quốc, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

3.3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

3.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc bộ phận hoặc thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất.

Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn,

Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy để khi hoạt động tránh va chạm, giảm thiểu tiếng ồn.

Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân viên làm việc trong khu vực có độ ồn cao.

Áp dụng biện pháp bốc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, dùng các biện pháp sử dụng xe nâng để bốc dỡ, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân hoạt động.

3.5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép.

Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với các công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

4.1. Chứng loại, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh:

4.1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (tấn/năm)	
			Nhà máy Sung Ju 1	Nhà máy Sung Ju 2
1	Các sản phẩm hư hỏng, các thiết bị linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện khác có linh kiện điện tử,... có thành phần nguy hại	15 02 14	4,3	1,2
2	Hộp mực in thải dính thành phần nguy hại	08 02 04	0,3	0,1
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	0,9	0,2
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	1,7	0,5
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	2,6	0,7
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	3,0	0,8
7	Bao bì mềm thải có các thành phần nguy hại	18 01 01	3,1	0,9
8	Giẻ lau, vải bảo vệ có nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	1,2	0,3
9	Ắc quy chì thải	19 06 01	0,2	0,05
10	Tấm lọc than hoạt tính thải	12 01 04	0,28	0,14
Tổng cộng			17,77	4,93

Nguồn: Công ty TNHH Sung Ju Vina, 2022

4.1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Số lượng (Tấn/năm)	
		Nhà máy Sung Ju 1	Nhà máy Sung Ju 2
1	Bao bì	16,2	4,4
2	Bao tay ngón	18,5	5,0
3	Bao nylon	34,6	9,4
4	Các bộ phận linh kiện hư hỏng không chứa thành phần nguy hại	57,7	15,7
5	Vụn kim loại (sắt, thép,...) trong quá trình sản xuất	27,7	7,5

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Sản xuất các thiết bị điện tử với qui mô 150 triệu bộ sản phẩm/năm tại nhà máy Sung Ju 1 – lô A5 và 20 triệu bộ sản phẩm loa tivi /năm tại nhà máy Sung Ju 2 – lô B7”

TT	Tên chất thải	Số lượng (Tấn/năm)	
		Nhà máy Sung Ju 1	Nhà máy Sung Ju 2
6	Nhựa thải	18,5	5,0
7	Gỗ, palet	11,5	3,1
8	Giấy, carton thải	11,5	3,1
9	Chất thải hỗn hợp khác	15,9	0,5
10	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	1,87	-
Tổng cộng		213,97	53,7

Nguồn: Công ty TNHH Sung Ju Vina, 2022

4.1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Số lượng (Tấn/năm)	
		Nhà máy Sung Ju 1	Nhà máy Sung Ju 2
1	Rác sinh hoạt	253,5	195

Nguồn: Công ty TNHH Sung Ju Vina, 2022

4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

a. Thiết bị lưu chứa:

Thùng lưu chứa có nắp đậy, dán mã số phân loại, dung tích 60-90 lít. Bao chứa bùn thải.

b. Kho lưu chứa:

Nhà máy Sung Ju 1:

- Diện tích kho: 6 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường bao, có mái che, phân chia các ô cho từng loại CTNH, có rãnh thu chất lỏng, có cao độ nền đảm bảo không bị ngập lụt, mặt sàn có kết cấu chống thấm thích hợp, có biển cảnh báo, thiết bị PCCC,...

Nhà máy Sung Ju 2:

- Diện tích kho: 12 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường bao, có mái che, phân chia các ô cho từng loại CTNH, có rãnh thu chất lỏng, có cao độ nền đảm bảo không bị ngập lụt, mặt sàn có kết cấu chống thấm thích hợp, có biển cảnh báo, thiết bị PCCC,...

4.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

a. Thiết bị lưu chứa:

Thùng chứa, bao chứa.

b. Kho lưu chứa:

+ Nhà máy Sung Ju 1:

- Diện tích kho: 30 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho chứa có mái che, tường bao quanh, có cao độ nền đảm bảo không bị ngập lụt, mặt sàn có kết cấu chống thấm thích hợp, có biển cảnh báo,...

+ Nhà máy Sung Ju 2

- Diện tích kho: 12 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho chứa có mái che, tường bao quanh, có cao độ nền đảm bảo không bị ngập lụt, mặt sàn có kết cấu chống thấm thích hợp, có biển cảnh báo,...

4.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

a. Thiết bị lưu chứa:

Thùng đựng rác có nắp đậy, dung tích 25 lít và 240 lít.

b. Kho lưu chứa:

+ Nhà máy Sung Ju 1:

- Diện tích kho: 12 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho chứa có mái che, tường bao quanh, có cao độ nền đảm bảo không bị ngập lụt, mặt sàn có kết cấu chống thấm thích hợp, có biển cảnh báo,...

+ Nhà máy Sung Ju 2

- Diện tích kho: 12 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho chứa có mái che, tường bao quanh, có cao độ nền đảm bảo không bị ngập lụt, mặt sàn có kết cấu chống thấm thích hợp, có biển cảnh báo,...

4.2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

4.3. Các yêu cầu về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 108, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

CHƯƠNG V

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án:

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án đầu tư được trình bày trong bảng sau:

Bảng 5.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư

TT	Công trình xử lý chất thải	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được
A	Nhà máy Sung Ju 1 – Lô A5			
1	Hệ thống xử lý hơi khí hàn	06/2023	12/2023	40.000 m ³ /giờ
2	Hệ thống xử lý hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in	06/2023	12/2023	56.650 m ³ /giờ
3	Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy	06/2023	12/2023	105 m ³ /ngày.đêm
B	Nhà máy Sung Ju 2 – Lô B7			
1	Hệ thống xử lý hơi khí hàn	06/2023	12/2023	42.000 m ³ /giờ
2	Hệ thống xử lý hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in	06/2023	12/2023	42.000 m ³ /giờ

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải của công trình trước khi thải ra môi trường.

a. Nước thải tại Nhà máy Sung Ju 1 – Lô A5 và Sung Ju 2 – Lô B7:

Căn cứ Khoản 4, Điều 21, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT Công ty thuộc đối tượng thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải gồm giai đoạn điều chỉnh hiệu quả và giai đoạn vận hành ổn định của hệ thống xử lý nước thải.

Thời gian dự kiến lấy mẫu nước thải: 01/06/2023 – 16/08/2023.

Quy chuẩn so sánh: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc (QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp, cột B).

Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra môi trường

Bảng 5.2. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra môi trường

TT	Tên mẫu, vị trí lấy mẫu	Thông số phân tích	Số lần lấy mẫu	Thời gian dự kiến lấy mẫu
A	Giai đoạn điều chỉnh hệ thống: Lấy 5 lần vào 5 ngày khác nhau và cách nhau 15 ngày sau mỗi lần lấy mẫu (mẫu tổ hợp)			
1	Nước thải đầu vào của HTXL nước thải tập trung tại Sung Ju 1 – Lô A5	Lưu lượng, pH, TSS, COD, BOD ₅ , Tổng N, Amoni, Tổng P, Coliform, Dầu mỡ động - thực vật	5	01/06/2023 16/06/2023 01/07/2023 16/07/2023 01/08/2023
2	Nước thải tại điểm đầu nối của HTXL nước thải tập trung với KCN tại Sung Ju 1 – Lô A5	Lưu lượng, pH, TSS, COD, BOD ₅ , Tổng N, Amoni, Tổng P, Coliform, Dầu mỡ động - thực vật	5	01/06/2023 16/06/2023 01/07/2023 16/07/2023 01/08/2023
B	Giai đoạn ổn định hệ thống: Lấy 7 lần vào 7 ngày liên tiếp (mẫu đơn)			
1	Nước thải đầu vào của HTXL nước thải tập trung tại Sung Ju 1 – Lô A5	Lưu lượng, pH, TSS, COD, BOD ₅ , Tổng N, Amoni, Tổng P, Coliform, Dầu mỡ động - thực vật	1	10/08/2023
2	Nước thải tại điểm đầu nối của HTXL nước thải tập trung với KCN tại Sung Ju 1 – Lô A5	Lưu lượng, pH, TSS, COD, BOD ₅ , Tổng N, Amoni, Tổng P, Coliform, Dầu mỡ động - thực vật	7	10/08/2023 11/08/2023 12/08/2023 13/08/2023 14/08/2023 15/08/2023 16/08/2023

b. Khí thải tại Nhà máy Sung Ju 1 – Lô A5 và Sung Ju 2 – Lô B7:

Căn cứ Khoản 4, Điều 21, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT Công ty thuộc đối tượng thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải gồm giai đoạn điều chỉnh hiệu quả và giai đoạn vận hành ổn định của hệ thống xử lý khí thải.

Thời gian dự kiến lấy mẫu khí thải: 01/06/2023 – 16/08/2023.

Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (với Kp = 0,9 và Kv = 1),

QCVN 20:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra môi trường

Bảng 5.3. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra môi trường

TT	Tên mẫu, vị trí lấy mẫu	Thông số phân tích	Số lần lấy mẫu	Thời gian dự kiến lấy mẫu
A	Giai đoạn điều chỉnh hệ thống: Lấy 5 lần vào 5 ngày khác nhau và cách nhau 15 ngày sau mỗi lần lấy mẫu (mẫu tổ hợp)			
1	Khí thải tại ống thoát hơi khí hàn tại Sung Ju 1 – Lô A5 và Sung Ju 2 – Lô B7	Lưu lượng, NO _x , SO ₂ , CO, Sn	5	01/06/2023 16/06/2023 01/07/2023 16/07/2023 01/08/2023
2	Khí thải tại ống thoát hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in tại Sung Ju 1 – Lô A5	Lưu lượng, Toluen, Phenol	5	01/06/2023 16/06/2023 01/07/2023 16/07/2023 01/08/2023
3	Khí thải tại ống thoát hơi khí hàn tại Sung Ju 2 – Lô B7	Lưu lượng, NO _x , SO ₂ , CO, Sn	5	01/06/2023 16/06/2023 01/07/2023 16/07/2023 01/08/2023
4	Khí thải tại ống thoát hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in tại Sung Ju 2 – Lô B7	Lưu lượng, Toluen, Phenol	5	01/06/2023 16/06/2023 01/07/2023 16/07/2023 01/08/2023
B	Giai đoạn ổn định hệ thống: Lấy 7 lần vào 7 ngày liên tiếp (mẫu đơn)			
1	Khí thải tại ống thoát hơi khí hàn tại Sung Ju 1 – Lô A5 và Sung Ju 2 – Lô B7	Lưu lượng, NO _x , SO ₂ , CO, Sn	7	10/08/2023 11/08/2023 12/08/2023 13/08/2023 14/08/2023 15/08/2023 16/08/2023

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Sản xuất các thiết bị điện tử với qui mô 150 triệu bộ sản phẩm/năm tại nhà máy Sung Ju 1 – lô A5 và 20 triệu bộ sản phẩm loa tivi /năm tại nhà máy Sung Ju 2 – lô B7”

TT	Tên mẫu, vị trí lấy mẫu	Thông số phân tích	Số lần lấy mẫu	Thời gian dự kiến lấy mẫu
2	Khí thải tại ống thoát hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in tại Sung Ju 1 – Lô A5	Lưu lượng, Toluen, Phenol	7	10/08/2023 11/08/2023 12/08/2023 13/08/2023 14/08/2023 15/08/2023 16/08/2023
3	Khí thải tại ống thoát hơi khí hàn tại Sung Ju 2 – Lô B7	Lưu lượng, NO _x , SO ₂ , CO, Sn	7	10/08/2023 11/08/2023 12/08/2023 13/08/2023 14/08/2023 15/08/2023 16/08/2023
4	Khí thải tại ống thoát hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in tại Sung Ju 2 – Lô B7	Lưu lượng, Toluen, Phenol	7	10/08/2023 11/08/2023 12/08/2023 13/08/2023 14/08/2023 15/08/2023 16/08/2023

Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch:

- Tên công ty: Công ty CP đầu tư phát triển môi trường Đại Việt (DVE).
- Đại diện: Bà Phan Thanh Quý – Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- Địa chỉ liên lạc: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P.Thạnh Lộc, Q.12, TP.HCM.
- Điện thoại: 028.37010199 Fax: 028.37010198
- Email: daiviet@dve.vn
- Điều kiện năng lực: (hồ sơ đính kèm phụ lục)
 - + Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường với mã số chứng nhận VIMCERTS 066 kèm theo quyết định số 386/QĐ-BTNMT cấp ngày 04 tháng 03 năm 2021 về việc đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.
 - + Chứng nhận VILAS số hiệu VILAS 718 của Bộ Khoa học và công nghệ – Văn phòng công nhận chất lượng kèm theo quyết định số 660.2020/QĐ-VPCNCL

ngày 11 tháng 08 năm 2020 về việc công nhận phòng thí nghiệm phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật:

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

a. Giám sát khí thải

- Vị trí giám sát: 04 vị trí:
 - + 01 vị trí tại ống thoát của hệ thống xử lý hơi khí hàn tại Nhà Máy Sung Ju 1 – Lô A5.
 - + 01 vị trí tại ống thoát của hệ thống xử lý hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in tại Nhà Máy Sung Ju 1 – Lô A5.
 - + 01 vị trí tại ống thoát của hệ thống xử lý hơi khí hàn tại Nhà Máy Sung Ju 2 – Lô B7.
 - + 01 vị trí tại ống thoát của hệ thống xử lý hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in tại Nhà Máy Sung Ju 2 – Lô B7.
- Thông số giám sát:
 - + Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý hơi khí hàn: Lưu lượng, NO_x, SO₂, CO, Sn.
 - + Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in: Lưu lượng, Toluene, Phenol.
- Tần suất giám sát:
 - + 06 tháng/lần đối với các thông số: Toluene, Phenol, Sn.
 - + 03 tháng/lần đối với các thông số: Lưu lượng, NO_x, SO₂, CO.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, Kp=0,9, Kv=1, và QCVN 20:2009/BTNMT, cột B.

b. Giám sát nước thải:

Căn cứ tại khoản 2, điều 97 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, công trình xử lý nước thải của Công ty không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ. Do đó, công ty sẽ không tiến hành quan trắc định kỳ nước thải.

c. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt:

- Vị trí giám sát: Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt.
- Thông số giám sát: Giám sát khối lượng, thành phần và chứng từ.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên.
- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

d. Giám sát chất thải rắn sản xuất không nguy hại:

- Vị trí giám sát: Khu vực tập kết chất thải sản xuất không nguy hại.
- Thông số giám sát: Giám sát khối lượng, thành phần và chứng từ.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên.
- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

e. Giám sát chất thải nguy hại:

- Vị trí giám sát: Khu vực tập kết chất thải nguy hại.
- Thông số giám sát: Giám sát khối lượng, thành phần và chứng từ.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên.
- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

Về chất thải, Công ty sẽ tiếp tục ký kết hợp đồng với các đơn vị chức năng để chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất không nguy hại, chất thải nguy hại xử lý theo đúng quy định hiện hành.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

Căn cứ tại khoản 2, điều 97 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, công trình xử lý nước thải của Nhà máy Sung Ju 1 – Lô A5 và Nhà máy Sung Ju 2 – Lô B7 do Công ty TNHH Sung Ju Vina làm Chủ đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục.

Căn cứ tại khoản 2, điều 98 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, công trình xử lý khí thải của Nhà máy Sung Ju 1 – Lô A5 và Nhà máy Sung Ju 2 – Lô B7 do Công ty TNHH Sung Ju Vina làm Chủ đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục.

Vì vậy, Dự án không thực hiện chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm:

Bảng 5.4. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

TT	Nội dung	Đơn vị	Chi phí
A	Nhà máy Sung Ju 1 – Lô A5		
1	Quan trắc khí thải	triệu đồng/năm	16
2	Giám sát chất thải rắn sinh hoạt	triệu đồng/năm	1
3	Giám sát chất thải rắn sản xuất không nguy hại	triệu đồng/năm	1
4	Giám sát chất thải nguy hại	triệu đồng/năm	1
B	Nhà máy Sung Ju 2 – Lô B7		
1	Quan trắc khí thải	triệu đồng/năm	16

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Sản xuất các thiết bị điện tử với qui mô 150 triệu bộ sản phẩm/năm tại nhà máy Sung Ju 1 – lô A5 và 20 triệu bộ sản phẩm loa tivi /năm tại nhà máy Sung Ju 2 – lô B7”

TT	Nội dung	Đơn vị	Chi phí
2	Giám sát chất thải rắn sinh hoạt	triệu đồng/năm	1
3	Giám sát chất thải rắn sản xuất không nguy hại	triệu đồng/năm	1
4	Giám sát chất thải nguy hại	triệu đồng/năm	1
Tổng cộng		Triệu đồng	38

Nguồn: Công ty TNHH Sung Ju Vina, 2022

CHƯƠNG VI

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Các cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường

Nội dung của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án “Sản xuất các thiết bị điện tử với qui mô 150 triệu bộ sản phẩm/năm tại nhà máy Sung Ju 1 – lô A5 và 20 triệu bộ sản phẩm loa tivi /năm tại nhà máy Sung Ju 2 – lô B7” được thực hiện theo tình hình thực tế của Dự án. Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

2. Cam kết về việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan

Công ty TNHH Sung Ju Vina cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

Công ty TNHH Sung Ju Vina cam kết dự án sẽ xử lý môi trường đạt QCVN quy định về không khí, nước thải không ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng cũng như các hoạt động kinh tế - xã hội khác trong khu vực lân cận.

Công ty TNHH Sung Ju Vina cam kết các nguồn gây ô nhiễm từ Dự án được phát hiện kịp thời, giám sát thường xuyên không để các nguồn này ảnh hưởng đến con người và môi trường xung quanh.

Công ty TNHH Sung Ju Vina cam kết trường hợp các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường mà chủ dự án đã đề xuất không đảm bảo tiếp nhận, xử lý các chất thải phát sinh của quy trình sản xuất thì chủ đầu tư sẽ thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật để cải tạo các công trình và thay đổi các phương pháp quản lý cho phù hợp.

Công ty TNHH Sung Ju Vina cam kết hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường trước khi vào hoạt động chính thức.

Công ty TNHH Sung Ju Vina cam kết các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã đề xuất trong báo cáo này đảm bảo xử lý các chất thải phát sinh từ dự án đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Công ty TNHH Sung Ju Vina cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường. Cụ thể như sau:
- Thực hiện các biện pháp thu gom, thoát nước mưa như đã trình bày trong mục 1.1 của chương III.
- Thực hiện các biện pháp thu gom, thoát nước thải như đã trình bày trong mục 1.2 của chương III.
- Thực hiện các công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải như đã trình bày trong chương III.

- Thực hiện các công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn thông thường như đã trình bày trong mục 3 của chương III.
- Thực hiện các công trình, biện pháp lưu giữ chất thải nguy hại như đã trình bày trong mục 4 của chương III.
- Thực hiện các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung như đã trình bày trong mục 5 của chương III.
- Thực hiện các phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm như đã trình bày trong mục 6 của chương III.
- Thực hiện đúng nội dung đề nghị cấp phép như đã trình bày trong chương IV.
- Thực hiện đúng kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và chương trình quan trắc môi trường của Dự án như đã trình bày trong chương V.
- Công ty TNHH Sung Ju Vina cam kết hoạt động của Dự án tuân thủ nghiêm ngặt các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn về môi trường như sau:
- Khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, Kp=0,9; Kv=1,0 và QCVN 20:2009/BTNMT.
- Bụi đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi nơi làm việc – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc (QCVN 02:2019/BYT).
- Hoi hóa chất khu vực sản xuất đạt Tiêu chuẩn vệ sinh lao động theo Quyết định 3733/2002 QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ Y tế, QCVN 03:2019/BYT ngày 10/06/2019 của Bộ Y tế
- Vi khí hậu đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc (QCVN 26:2016/BYT).
- Tiếng ồn khu vực sản xuất đạt Quy định kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc của Bộ Y tế (QCVN 24:2016/BYT).
- Ánh sáng khu vực làm việc đạt Quy định kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng – Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc của Bộ Y tế (QCVN 22:2016/BYT).
- Nước thải đạt Tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc (QCVN 40:2011/BTNMT – cột B).
- Công ty cam kết thực hiện báo cáo kết quả quan trắc môi trường định kỳ và trình lên cơ quan nhà nước đúng quy định.
- Công ty cam kết thực hiện các biện pháp ứng phó khi có sự cố môi trường xảy ra.

Thực hiện chương trình quản lý môi trường, chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong chương V.

Thực hiện đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường theo quy định trong trường hợp xảy ra các sự cố, rủi ro môi trường do triển khai Dự án.

Chịu trách nhiệm trước Pháp luật nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam nếu vi phạm các Công ước Quốc Tế, các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật môi trường Việt Nam nếu xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A Tài liệu trong nước

1. Công ty TNHH Sung Ju Vina, Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Tăng công suất sản xuất loa vi tính, loa màn hình, loa điện thoại, loa ti vi từ 15,5 triệu sản phẩm/năm lên 150 triệu bộ sản phẩm/năm và Bổ sung dịch vụ cho thuê 4.000 m² nhà xưởng tại Nhà máy Sung Ju 1 – Lô A5; Giữ nguyên công suất sản xuất loa tivi với công suất 20 triệu bộ sản phẩm/năm tại Nhà máy Sung Ju 2 – Lô B7”, năm 2021.
2. Hoàng Huệ, Giáo trình cấp Thoát nước, NXB Xây Dựng, 2011.
3. Cục Thống kê tỉnh Bình Phước, Niên giám thống kê tỉnh Bình Phước 2020, xuất bản 2021.
4. Trần Văn Nhân, Ngô Thị Nga, Giáo trình công nghệ xử lý nước thải, NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2006.
5. Trần Ngọc Chấn, Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải, NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2000.
6. Nguyễn Trung Việt, Kỷ yếu hội thảo “Hướng dẫn kỹ thuật xử lý ô nhiễm môi trường các bãi chôn lấp đang hoạt động, đã đóng bãi” tại TP.HCM, 2003.

B Tài liệu nước ngoài

- 1 US EPA, Emission factors of grain elevators, seed cleaning & animal feed mill – oregon department of environment quality air contaminants discharge permit.
- 2 WHO, Environmental technology series. Assessment of sources of air, water, and land pollution - A Guide to rapid source inventory techniques and their use in formulating environmental control strategies - Part I and II, 1993.
- 3 ADB, Environmental Guidelines for Selected Infrastructure Projects, 1990.
- 4 ADB, Environmental Guidelines for Selected Industrial and Power Development Projects, 1990.
- 5 WB, Environmental Assessment Sourcebook, Vol. II, Sectoral Guidelines, 1991.
- 6 WB, Environmental Assessment Sourcebook, Vol. III, Guidelines for Environmental Assessment of Energy and Industry project, 1992.
- 7 Water quality criteria 1972, Environmental Study Board.
- 8 National Academy of Sciences, Washington D.C. 1972, Standard Methods for

Water and Wastewater Examination, New York, 2012.

- 9 WHO (1979), Sulphur oxides and suspended particulate matter. Environmental Health Criteria Document No.8, World Health Organization, Geneva, Switzerland.
- 10 WHO, Assessment of Sources of Air, Water, and Land Pollution, A guide to rapid source inventory techniques and their use in formulating Environmental Control Strategies, Geneva, 1993.
- 11 Roger Batstone, James E. Smith, Jr. and David Wilson, The Safe Disposal of Hazardous Wastes, The Special Needs and Problems of Developing Countries, Volume I, II, III, WHO, 1989.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Sản xuất các thiết bị điện tử với qui mô 150 triệu bộ sản phẩm/năm tại nhà máy Sung Ju 1 – lô A5 và 20 triệu bộ sản phẩm loa tivi /năm tại nhà máy Sung Ju 2 – lô B7”

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Văn bản pháp lý.
- Kết quả phân tích.
- Bản vẽ.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3801081366

Đăng ký lần đầu: ngày 08 tháng 08 năm 2014

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 29 tháng 12 năm 2015

Chuyển đổi ngày 29/12/2015 từ Công ty TNHH hai thành viên thành Công ty
TNHH Một Thành Viên: Công ty TNHH Sung Ju Vina, MSDN: 3801081366.

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SUNG JU VINA CO.,LTD

Tên công ty viết tắt: SJV

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô A5, KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, Xã Minh Hưng, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình
Phước, Việt Nam

Điện thoại: 0651.3645860~64

Fax: 0651.3645859

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ 73.500.000.000 đồng

Bằng chữ: Bảy mươi ba tỷ năm trăm triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH SUNG JU SOUND

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 132-81-11763

Do: Văn phòng thuế quận Pocheon

Cấp ngày: 04/07/1995

Địa chỉ trụ sở chính: Số 8, Pocheon-ro 1160 Beon-gil, Gunnae-myeon, Pocheon-si,
Gyeonggi-do, HÀN QUỐC

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: SONG YOU WOO

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 17/06/1978

Dân tộc: Quốc tịch:

Hàn Quốc

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy chứng thực cá nhân: M07566367

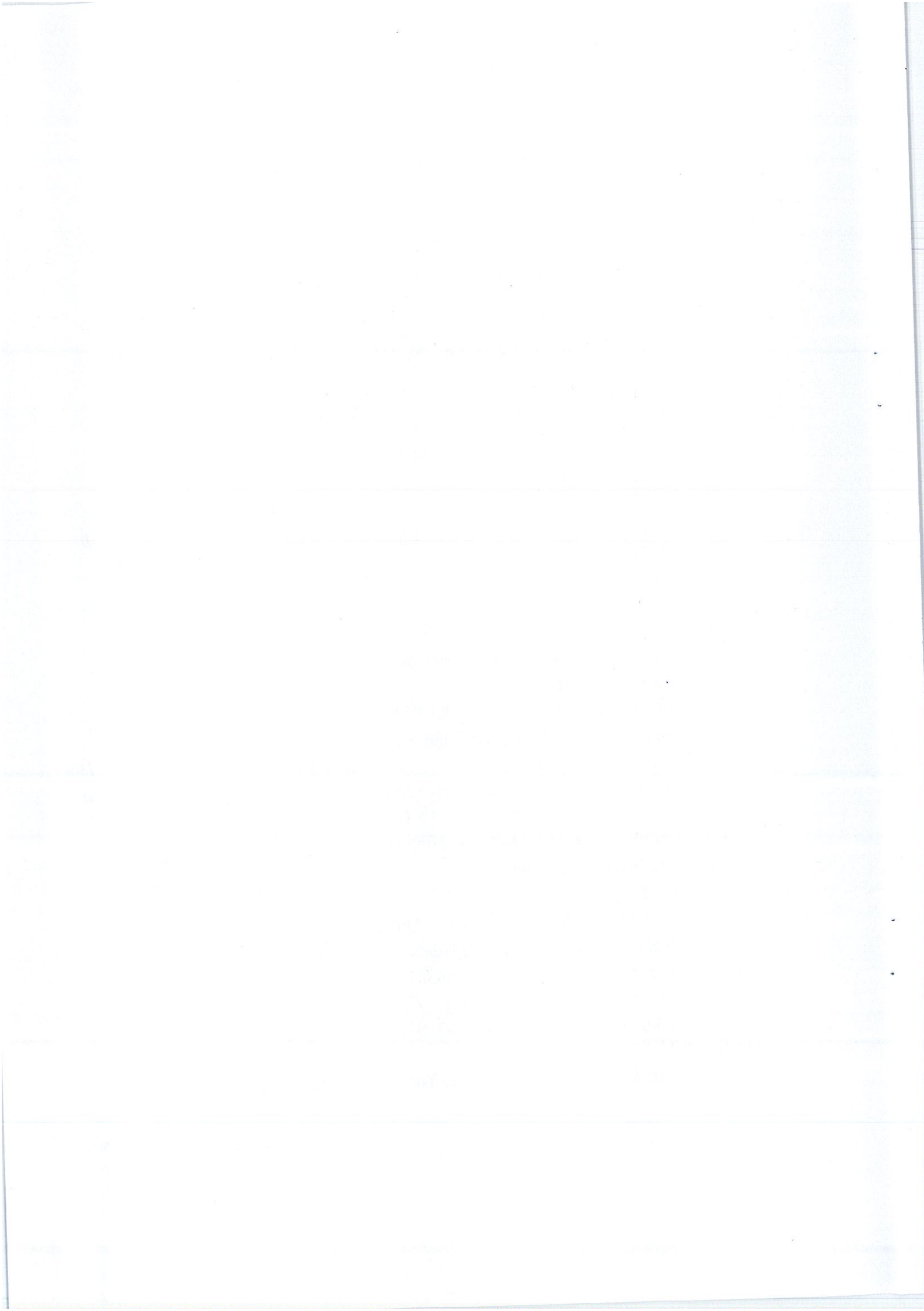
Ngày cấp: 23/04/2015

Nơi cấp: Bộ ngoại giao Thương Mại Hàn Quốc

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 47-2, Sinwol 1-dong, Yangcheon -gu, Seoul,
HÀN QUỐC

Chỗ ở hiện tại: Số 47-2, Sinwol 1-dong, Yangcheon -gu, Seoul, HÀN QUỐC





**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH**

Mã số địa điểm kinh doanh: 00001

Cấp ngày 04 tháng 01 năm 2018

1. Tên địa điểm kinh doanh:

ĐIỂM KINH DOANH CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA

Tên địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên địa điểm kinh doanh viết tắt:

2. Địa chỉ:

Lô B7, KCN Minh Hưng- Hàn Quốc, Xã Minh Hưng, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: 0271 3645860

Fax: 0271 3645 869

Email:

Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: SONG YOU WOO

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 17/06/1978

Dân tộc:

Quốc tịch: Hàn Quốc

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy chứng thực cá nhân: M07566367

Ngày cấp: 23/04/2015

Nơi cấp: Bộ ngoại giao Thương Mại Hàn Quốc

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 47-2, Sinwol 1-dong, Yangcheon -gu, Seoul, Hàn Quốc

Chỗ ở hiện tại: Lô A5, KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, Xã Minh Hưng, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

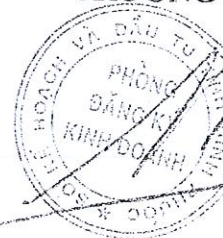
4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp/chi nhánh

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA

Mã số doanh nghiệp: 3801081366

Địa chỉ trụ sở chính: Lô A5, KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, Xã Minh Hưng, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Duy Hải

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 2155174488.

Chứng nhận lần đầu: Ngày 08 tháng 8 năm 2014.

Chứng nhận thay đổi lần thứ bảy: Ngày 26 tháng 4 năm 2021.

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 04 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 2070/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành quy định về chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 2155174488 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp thay đổi lần thứ sáu ngày 03 tháng 02 năm 2021;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801081366 do Phòng Đăng ký kinh doanh-Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 08 tháng 8 năm 2014 và thay đổi lần thứ tư ngày 25 tháng 12 năm 2018 và Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 05 tháng 12 năm 2019;

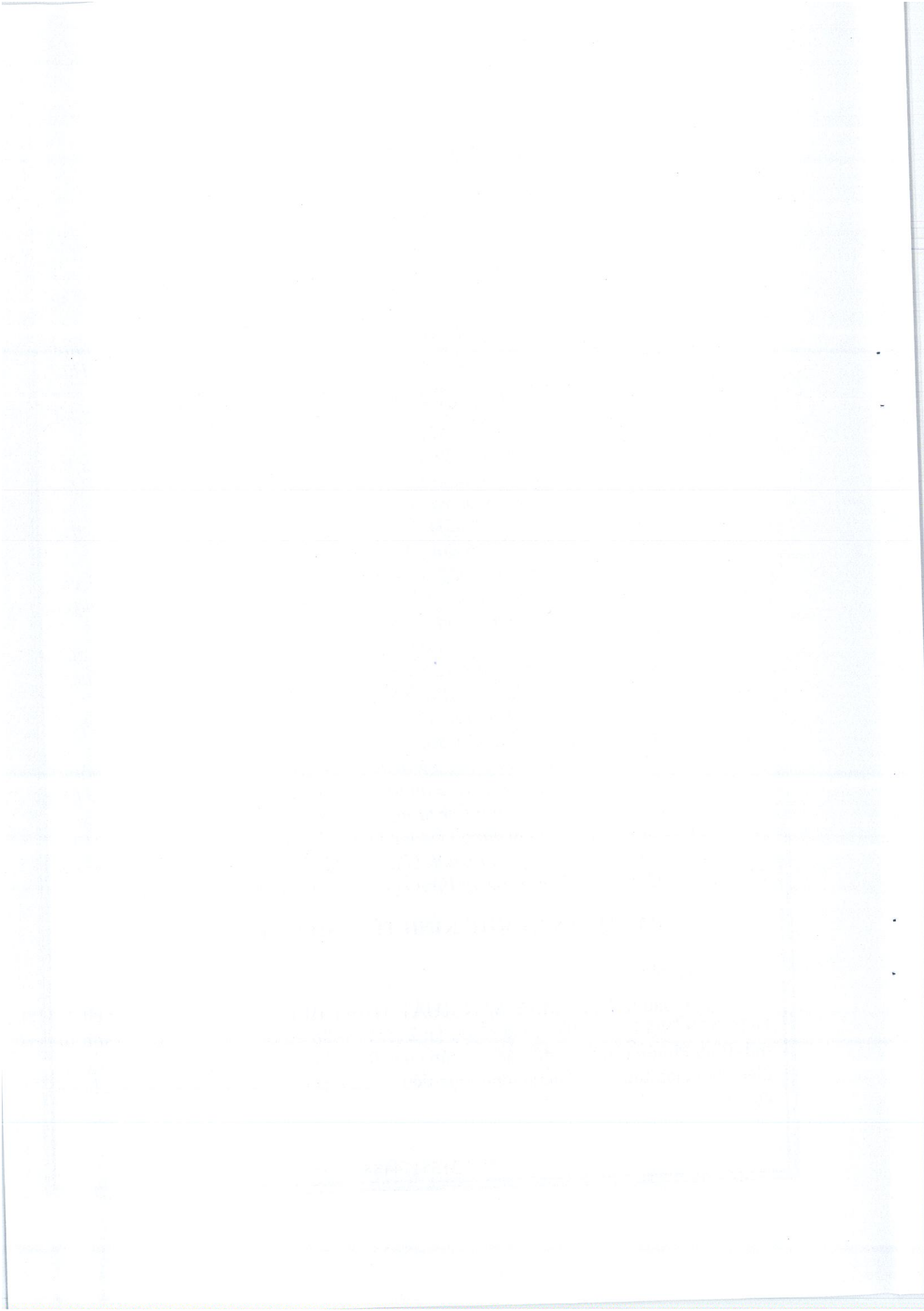
Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Sung Ju Vina nộp ngày 20 tháng 4 năm 2021,

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Chứng nhận:

Dự án đầu tư NHÀ MÁY SẢN XUẤT THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ VÀ CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG DU THỪA; mã số dự án 2155174488 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp thay đổi lần thứ sáu ngày 03 tháng 02 năm 2021; được đăng ký điều chỉnh lần thứ bảy: Điều chỉnh mục tiêu và quy mô của dự án; tiến độ thực hiện dự án.

(1/7/2155174488)



Nhà đầu tư:

- Công ty TNHH Sung Ju Sound; Quyết định thành lập số 132-S1-11763 cấp ngày 04/07/1995 tại Văn phòng thuế quận Pocheon; trụ sở đăng ký tại số 8, Pocheon-ro 1160 Beon-gil, Gunnae-myeon, Pocheon-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc.

Đại diện bởi: Ông Choi Yun Kil; sinh ngày 01/03/1952; quốc tịch Hàn Quốc; hộ chiếu số M10204693 cấp ngày 12/09/2008 tại Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc; địa chỉ thường trú tại số 602, 32 Dong, Walker Hill Apt, 637 Ahasan-ro, Gwangjin-gu, Seoul, Hàn Quốc; chỗ ở hiện nay tại số 602, 32 Dong, Walker Hill Apt, 637 Ahasan-ro, Gwangjin-gu, Seoul, Hàn Quốc; điện thoại: +82-31-8007-2103; email: ywsong@soundpia.co.kr; chức vụ: Giám đốc.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: Công ty TNHH Sung Ju Vina, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801081366 do Phòng Đăng ký kinh doanh-Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 08 tháng 8 năm 2014 và thay đổi lần thứ tư ngày 25 tháng 12 năm 2018.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY SẢN XUẤT THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ VÀ CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG DU THỪA.

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành	Mã ngành theo VSIC
1	Chế biến, sản xuất linh kiện điện tử	Sản xuất linh kiện điện tử chi tiết: Chế biến, sản xuất linh kiện điện tử	2610 (chính)
2	Chế tạo, sản xuất sản phẩm, thiết bị điện tử	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng chi tiết: Chế tạo, sản xuất sản phẩm, thiết bị điện tử	2640
3	Cho thuê nhà xưởng	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê chi tiết: Cho thuê nhà xưởng	6810
4	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	
5	Bán buôn bao bì, thùng đựng thiết bị và linh kiện điện tử.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn bao bì, thùng đựng thiết bị và linh kiện điện tử.	4669

3. Quy mô dự án: Xây dựng nhà máy sản xuất thiết bị điện tử, cụ thể như sau:

(2/7/2155174488)

*** Giai đoạn I:**

- Lô A5:

Loa vi tính với quy mô 1.800.000 bộ/năm, 45.000.000 bộ/năm sản xuất ổn định; loa màn hình với quy mô 200.000 bộ/năm, 8.000.000 bộ/năm sản xuất ổn định; loa điện thoại với quy mô 900.000 bộ/năm, 30.000.000 bộ/năm sản xuất ổn định; loa ti vi với quy mô 5.300.000 bộ/năm, 40.000.000 bộ/năm sản xuất ổn định; Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng với quy mô 20.000.000 bộ/năm, 130.000.000 sản phẩm/năm sản xuất ổn định; cho thuê nhà xưởng dư thừa với diện tích 4.000 m².

- Lô B7:

Loa ti vi quy mô: 3.700.000 bộ/năm. Khi ổn định sản xuất: 15.000.000 bộ/năm.

*** Giai đoạn II:**

- Lô A5:

Loa vi tính với quy mô 45.000.000 bộ/năm lên 53.225.806 bộ/năm sản xuất ổn định; loa màn hình với quy mô 8.000.000 bộ/năm lên 9.677.419 bộ/năm sản xuất ổn định; loa điện thoại với quy mô 30.000.000 bộ/năm lên 35.806.452 bộ/năm sản xuất ổn định; loa ti vi với quy mô 40.000.000 bộ/năm lên 51.290.323 bộ/năm sản xuất ổn định. Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng với quy mô 130.000.000 bộ sản phẩm/năm lên 150.000.000 sản phẩm/năm sản xuất ổn định; cho thuê nhà xưởng dư thừa với diện tích 4.000 m².

*** Lô B7:**

Loa ti vi quy mô: Khi ổn định sản xuất 15.000.000 bộ/năm lên 20.000.000 bộ/năm.

Thực hiện quyền nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền phân phối bán buôn không thành lập cơ sở bán buôn vật tư, thiết bị, công cụ dụng cụ và linh kiện điện tử. Cụ thể như sau:

STT	Mã HS	Tên Hàng	Số lượng
1	8518	Micro và giá đỡ micro; loa, đã hoặc chưa lắp ráp vào trong vỏ loa; tai nghe có khung chụp qua đầu và tai nghe không có khung chụp qua đầu, có hoặc không ghép nối với một micro, và các bộ gồm có một micro và một hoặc nhiều loa; thiết bị điện khuếch đại âm tần; bộ tăng âm điện.	400.000.000 cái, bộ/năm
2	8505	Nam châm điện; nam châm vĩnh cửu và các mặt hàng được dùng làm nam châm vĩnh cửu sau khi từ hóa; bàn cặp, giá kẹp và các dụng cụ để giữ tương tự, hoạt động bằng nam châm điện hoặc nam châm vĩnh cửu; các khớp nối, khớp ly hợp	200.000.000 cái /năm

(3/7/2155174488)

		và phanh hoạt động bằng điện từ; đầu nâng hoạt động bằng điện từ.	
3	8536	Thiết bị điện để đóng ngắt mạch hay bảo vệ mạch điện, hoặc dùng để đầu nối hay lắp trong mạch điện (ví dụ, cầu dao, rơ le, công tắc, chi tiết đóng ngắt mạch, cầu chì, bộ triệt xung điện, phích cắm, ổ cắm, đầu đèn và các đầu nối khác, hộp đầu nối), dùng cho điện áp không quá 1.000V; đầu nối dùng cho sợi quang, bó sợi quang hoặc cáp quang.	200.000.000 cái /năm
4	3921	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic.	200.000.000 cái /năm
5	8544	Dây điện, cáp điện (kể cả cáp đồng trục) có cách điện (kể cả loại đã tráng men cách điện hoặc mạ lớp cách điện) và dây dẫn có cách điện khác, đã hoặc chưa gắn với đầu nối; cáp sợi quang, làm bằng các bó sợi đơn có vỏ bọc riêng biệt từng sợi, có hoặc không gắn với dây dẫn điện hoặc gắn với đầu nối.	200.000.000 cái /năm
6	4016	Các sản phẩm khác bằng cao su lưu hóa trừ cao su cứng.	200.000.000 cái /năm
7	7413	Dây bện tạo, cáp, dây tết và các loại tương tự, bằng đồng, chưa được cách điện.	200.000.000 cái /năm
8	8003	Thiếc ở dạng thanh, que, dạng hình và dây.	200.000.000 cái /năm
9	7318	Vít, bu lông, đai ốc, vít đầu vuông, vít treo, đinh tán, chốt hãm, chốt định vị, vòng đệm (kể cả vòng đệm lò xo vênh) và các sản phẩm tương tự, bằng sắt hoặc thép.	200.000.000 cái /năm
10	3919	Tấm, phiến, màng, lá, băng, dải và các hình dạng phẳng khác tự dính, bằng plastic, có hoặc không ở dạng cuộn.	200.000.000 cái /năm
11	4819	Thùng, hộp, vỏ chứa, túi xách và các loại bao bì đựng khác, bằng giấy, bìa, tấm xenlulo hoặc màng xơ sợi xenlulo; hộp đựng hồ sơ (files), khay thư, và các vật phẩm tương tự, bằng giấy hoặc bìa dùng cho văn phòng, cửa hàng hoặc những nơi tương tự.	200.000.000 cái /năm

(4/7/2155174488)

12	3923	Các sản phẩm dùng trong vận chuyển hoặc đóng gói hàng hóa, bằng plastic; nút, nắp, mũ van và các loại nút dây khác, bằng plastic.	200.000.000 cái /năm
13	3926	Các sản phẩm khác bằng plastic và các sản phẩm bằng các vật liệu khác của các nhóm từ 39.01 đến 39.14.	200.000.000 cái /năm
14	3506	Kéo đã điều chế và các chất dính đã điều chế khác, chưa được chỉ tiết hoặc ghi ở nơi khác; các sản phẩm phù hợp dùng như keo hoặc các chất kết dính, đã đóng gói để bán lẻ như keo hoặc như các chất kết dính; trọng lượng tịnh không quá 1 kg.	200.000.000 kg /năm
15	7616	Các sản phẩm khác bằng nhôm.	200.000.000 cái /năm
16	8532	Tụ điện, loại có điện dung cố định, biến đổi hoặc điều chỉnh được (theo mức định trước).	200.000.000 cái /năm
17	8533	Điện trở (kể cả biến trở và chiết áp), trừ điện trở nung nóng.	200.000.000 cái /năm
18	4821	Các loại nhãn mác bằng giấy hoặc bìa, đã hoặc chưa in.	200.000.000 cái /năm

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô A5 và B7, KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

5. Diện tích mặt đất: 37.408,5 m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 197.250.000.000 VNĐ (Một trăm chín mươi bảy tỷ, hai trăm năm mươi triệu đồng), tương đương 9.000.000 USD (Chín triệu đô la Mỹ).

Trong đó vốn góp để thực hiện dự án là 73.500.000.000 VNĐ (Bảy mươi ba tỷ, năm trăm triệu đồng), tương đương 3.500.000 USD (Ba triệu, năm trăm nghìn đô la Mỹ), chiếm tỷ lệ 38,9% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			
01	Công ty TNHH Sung Ju	73.500.000.000	3.500.000	100	bằng tiền mặt	Góp đủ số vốn trong 36 tháng kể từ ngày

(5/7/2155174488)

	Sound					được cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu.
--	-------	--	--	--	--	--

7. Thời hạn hoạt động của dự án đến ngày 15/01/2057.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

* Giai đoạn I:

- Tại lô A5:

+ Khởi công, hoàn thành việc lắp đặt máy móc thiết bị và vận hành thử: Từ tháng 08/2014 đến tháng 05/2015.

+ Sản xuất chính thức: Từ tháng 06/2015.

- Tại lô B7:

+ Khởi công, hoàn thành việc lắp đặt máy móc thiết bị và vận hành thử: Từ tháng 06/2018 đến tháng 02/2019.

+ Sản xuất chính thức: Từ tháng 02/2019.

* Giai đoạn II:

- Tại lô A5:

+ Tiến hành lập các thủ tục liên quan, lắp đặt máy móc thiết bị và vận hành thử: Từ tháng 04/2021 đến tháng 07/2021.

+ Sản xuất chính thức: Từ tháng 08/2021.

- Tại lô B7:

+ Tiến hành lập các thủ tục liên quan, lắp đặt máy móc thiết bị và vận hành thử: Từ tháng 04/2021 đến tháng 07/2021.

+ Sản xuất chính thức: Từ tháng 08/2021.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp và các hình thức hỗ trợ đầu tư:

Được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp và các hình thức hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành quy định về chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Được hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu theo quy định tại Luật Thuế xuất nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016; Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các quy định hiện hành.

Điều 3: Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:

1. Công ty TNHH Sung Ju Vina phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư và mở tài khoản vốn đầu tư theo quy định của pháp luật.

(6/7/2155174488)

2. Các quy định khác đối với nhà đầu tư khi thực hiện dự án: Công ty TNHH Sung Ju Vina phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật Việt Nam về đầu tư, môi trường, xây dựng, lao động...

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đầu tư số 2155174488 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp thay đổi lần thứ sáu ngày 03 tháng 02 năm 2021.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 03 (ba) bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 bản, 01 bản cấp cho tổ chức kinh tế thực hiện dự án và 01 bản lưu tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Lưu VT.

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Minh Chiến



(7/7/2155174488)

CÔNG TY TNHH C&N VINA
KHU CÔNG NGHIỆP MINH HƯNG – HÀN QUỐC
3A, Xã Minh Hưng – Huyện Chơn Thành – Tỉnh Bình Phước
.....000.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CHO THUÊ LẠI QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
SỐ: 075- 2014/HĐTD/SJ

Ngày 25/6/2015

BÊN CHO THUÊ: (Sau đây gọi là Bên A)

- CÔNG TY TNHH C&N VINA
- Giấy chứng nhận đầu tư số : 44202300061 do ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp.
- Địa chỉ trụ sở chính: 3A, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
- Họ tên người đại diện theo pháp luật: Ông LEE CHUNG KEUN
Quốc tịch: Hàn Quốc.
- Tài khoản: Tài khoản VNĐ: 238-07-252348
Tài khoản USD: 238-67-252339
(Tại Ngân hàng Shin Han Vina trụ sở TPHCM)
- Mã số thuế: 3800283930

BÊN THUÊ: (Sau đây gọi là Bên B)

- CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA
- Giấy chứng nhận đầu tư số : 442023000080
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô A5, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.
- Họ tên người đại diện theo pháp luật: Ông SONG YOU WOO
Quốc tịch: Hàn Quốc.

Hai bên đã cùng nhau thảo luận và đồng ý ký Bản Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất (sau đây gọi là "**Hợp đồng**") gồm các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT THUÊ

1.1 Quyền sử dụng đất:

Quyền sử dụng đất của Bên A đối với thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 279671, Do UBND tỉnh Bình Phước cấp ngày 13 tháng 5 năm 2009.

Cụ thể như sau:

- Thửa đất số: A5
- Địa chỉ thửa đất: Lô A5, Khu công nghiệp Minh Hưng – Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
- Diện tích: 24,565.1m² (bằng chữ: hai mươi bốn ngàn năm trăm sáu mươi lăm lẻ một mét vuông).
- Nguồn gốc sử dụng: Công ty TNHH C&N VINA

* Những hạn chế về quyền sử dụng đất (nếu có): không
1.2 Tài sản gắn liền với đất: không
Giấy tờ về quyền sở hữu tài sản: không.

ĐIỀU 2: THỜI HẠN THUÊ:

Thời hạn thuê lại đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này có hiệu lực đến hết ngày 15/01/2057.

ĐIỀU 3: MỤC ĐÍCH THUÊ:

Mục đích thuê quyền sử dụng đất nêu tại điều 1 của hợp đồng là vận hành nhà máy chế tạo linh kiện điện tử.

ĐIỀU 4: GIÁ CHO THUÊ LẠI QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, PHÍ QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN

4.1 Giá cho thuê lại quyền sử dụng đất:

Giá cho thuê lại quyền sử dụng đất bao gồm Tiền thuê mặt bằng đã có hạ tầng kỹ thuật và tiền thuê đất.

4.1.1 Tiền thuê mặt bằng đã có hạ tầng kỹ thuật:

Tiền thuê mặt bằng được sử dụng cho các nội dung: xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp như: hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống cây xanh, thảm cỏ, hệ thống chiếu sáng đường giao thông.

4.1.2 Tiền thuê đất.

Tiền thuê đất được tính bao gồm trong tổng tiền thuê đất, bên B thanh toán cho bên A sau khi ký kết hợp đồng. Đơn giá tham khảo 0.008USD/m²/năm (chưa bao gồm VAT), (được miễn giảm 100% cho 13 năm hoạt động đầu tiên và 50% cho 06 năm tiếp theo công văn ưu đãi đầu tư của UBND tỉnh Bình Phước).

4.2 Tổng giá trị tiền thuê quyền sử dụng đất:

Tổng tiền thuê đất = $(21.047\text{USD}/\text{m}^2/42\text{năm} \times 24,565.1\text{m}^2) + (0.008\text{USD}/\text{m}^2/\text{năm} \times 34\text{năm} \times 24,565.1\text{m}^2) = 523,703 \text{ USD}$
+ 10% VAT (52,370 USD) = 576,073 USD.

4.3 Điều kiện và phương thức thanh toán:

4.3.1 Điều kiện thanh toán:

- Tính tới thời điểm hiện tại Bên B đã thanh toán: 359,921USD
- Bên B còn phải thanh toán 216,152USD

4.3.2 Bên A sẽ tiến hành giao quyền sử dụng đất cho bên B trong trường hợp bên B hoàn thành việc thanh toán tổng giá tiền thuê đất sớm hơn so với điều kiện thanh toán nêu tại điều 4.3.1 trên.

4.2.2 Phương thức thanh toán: Bên B chuyển tiền thuê đất cho Bên A qua tài khoản ngân hàng.

4.4 Phí quản lý:

4.4.1 Phí quản lý được sử dụng cho công tác quản lý, bảo dưỡng các công trình hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp như: hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống cây xanh, thảm cỏ, hệ thống chiếu sáng đường giao thông và vệ sinh khu công nghiệp.

4.4.2 Mức phí quản lý:

- Mức phí quản lý là: $0.03\$/m^2/tháng$ (Chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng).
- Phí quản lý được tính 50% mức phí từ ngày doanh nghiệp đi vào xây dựng nhà xưởng, và 100% mức phí từ ngày doanh nghiệp đi vào hoạt động. Bên A sẽ thông báo bên B bằng văn bản nêu mức phí có thay đổi.

4.4.3 Phương thức thanh toán:

- Bên B thanh toán tiền phí quản lý bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, làm 1 lần theo Giấy báo thanh toán của Bên A.
- Thời hạn thanh toán: Thanh toán vào ngày 30 mỗi tháng.

4.5 Đồng tiền thanh toán:

Bên B thanh toán các loại phí của hợp đồng cho bên A bằng tiền VNĐ hoặc USD theo tỷ giá ngân hàng Ngoại thương tại thời điểm thanh toán. Bên A xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Bên B.

ĐIỀU 5: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Bên B cam kết thực hiện theo đúng các quy định về bảo vệ môi trường của Nhà nước Việt Nam tại Khu công nghiệp.

- Hệ thống thoát nước mưa và nước thải bên trong nhà máy của Bên B phải được xây dựng riêng biệt.

- Nước thải từ nhà máy của bên B ra Khu công nghiệp phải đạt giới hạn cho phép tại cột B của tiêu chuẩn nước thải công nghiệp QCVN40:2011BTNMT.

- Hệ thống xử lý nước thải chung cho Khu công nghiệp do bên A xây dựng theo Luật bảo vệ môi trường của Nhà nước Việt Nam đảm bảo đáp ứng kịp thời cho nhu cầu sử dụng của bên B.

- Trong trường hợp Bên B muốn sử dụng hệ thống xử lý nước thải chung của Khu công nghiệp thì:

- + Phải thông báo cho Bên A bằng văn bản.
- + Phải cam kết, bằng phí tổn của mình, sẽ xử lý nước thải trong phần đất thuê đạt tiêu chuẩn trước khi chảy vào hệ thống xử lý chung của Khu công nghiệp.
- + Lượng nước thải được tính bằng 80% lượng nước cấp.
- + Phí xử lý nước thải của bên B do bên B trả cho Bên A. Phí xử lý nước thải tham khảo năm 2014 là $0.34\$/m^3$ (chưa bao gồm VAT).

ĐIỀU 6: NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A

6.1. Bên A có các nghĩa vụ sau đây:

- Giao thừa đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng cho Bên B vào thời điểm ngay khi Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận đầu tư.
- Kiểm tra, nhắc nhở Bên B bảo vệ, giữ gìn đất và sử dụng đất đúng mục đích;
- Khi Bên B đã thanh toán cho Bên A 100% giá trị hợp đồng Bên A sẽ tiến hành các thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) cho Bên B. Các khoản thuế và lệ phí liên quan dự kiến do Bên B chịu (ngoại trừ trường hợp pháp luật quy định khác).
- Hỗ trợ bên B thực hiện bản đồ địa chính (BĐĐC). Chi phí liên quan dự kiến do bên B chịu.
- Bên A sẽ hợp tác hỗ trợ tốt nhất để việc thực hiện giấy tờ như giấy chứng nhận đầu tư và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bên B một cách nhanh nhất.

6.2. Bên A có các quyền sau đây:

- Yêu cầu Bên B trả đủ tiền thuê quyền sử dụng đất; trả đúng kỳ hạn theo Hợp đồng. Nếu sau 15 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán mà Bên B chưa thanh toán cho Bên A, thì Bên A sẽ tính lãi suất 0.05%/ ngày với số tiền thanh toán chậm vào thời điểm đó.
- Yêu cầu Bên B phải tiến hành xây dựng nhà máy trong vòng một năm kể từ ngày ký kết Hợp đồng. Nếu thời hạn vượt quá một năm mà bên B vẫn chưa tiến hành xây dựng thì bên A có quyền kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét thu hồi lại quyền sử dụng đất theo đúng quy định.
- Yêu cầu Bên B chấm dứt ngay việc sử dụng đất không đúng mục đích, huỷ hoại đất hoặc làm giảm sút giá trị của đất; nếu Bên B không chấm dứt hành vi vi phạm, thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng, yêu cầu Bên B hoàn trả quyền sử dụng đất đang thuê và bồi thường thiệt hại;
- Đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu Bên B vi phạm nghĩa vụ thanh toán quá 03 (ba) tháng kể từ ngày chấm dứt thời hạn được thanh toán chậm theo quy định tại điều kiện và phương thức thanh toán nêu tại Điều 4 của Hợp đồng và Bên B sẽ bị mất 10% số tiền đã thanh toán cho Bên A.
- Yêu cầu Bên B trả lại đất, khi thời hạn cho thuê đã hết theo quy định của Nhà nước.

ĐIỀU 7: NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B

7.1. Bên B có các nghĩa vụ sau đây:

- Sử dụng đất đúng mục đích, đúng thời hạn thuê
- Phải tiến hành xây dựng nhà máy trong vòng một năm kể từ ngày ký kết hợp đồng thuê đất. Nếu thời hạn vượt quá một năm mà bên B vẫn chưa tiến hành xây dựng thì bên A có quyền kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét thu hồi lại đất theo đúng quy định.
- Không được huỷ hoại, làm giảm sút giá trị sử dụng của đất;
- Tuân theo các quy định về bảo vệ môi trường; không được làm tổn hại đến quyền, lợi ích của người sử dụng đất xung quanh.
- Trả lại đất sau khi hết thời hạn thuê theo quy định của Nhà nước.

7.2. Bên B có các quyền sau đây:

- Được nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nếu đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán tổng tiền thuê đất cho Bên A.

- Bên B có thể chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bên thứ 3 trong thời gian ký hợp đồng thuê đất. Bên B thông báo cho Bên A bằng văn bản, Bên A có thể yêu cầu điều chỉnh, kiểm tra nội dung hợp đồng đúng với mục đích thuê quyền sử dụng ban đầu. Trường hợp không phù hợp với mục đích thuê ban đầu thì Bên A phải cung cấp cho bên B cũng như bên thứ 3 về điều kiện thỏa mãn với hợp đồng hiện tại.

- Trường hợp sang nhượng quyền sử dụng cho bên thứ 3, bên B có thể nhận lợi ích liên quan.

ĐIỀU 8: VIỆC ĐĂNG KÝ CHO THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ NỘP LỆ PHÍ

Việc đăng ký cho thuê quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật do Bên A chịu trách nhiệm thực hiện và nộp lệ phí liên quan.

ĐIỀU 9: PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không thương lượng được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu toà án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 10: CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

Bên A và Bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

10.1. Bên A cam đoan

- Những thông tin về nhân thân, về thửa đất đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

- Thửa đất thuộc trường hợp được cho thuê quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

- Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này:

+ Thửa đất không có tranh chấp;

+ Quyền sử dụng đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;

- Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

- Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

10.2. Bên B cam đoan

- Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

- Đã xem xét kỹ, biết rõ về thửa đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sử dụng đất;

- Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

- Thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

ĐIỀU 11: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

Hai Bên đồng ý miễn trừ trách nhiệm về sự mất mát, tổn thương, trễ nải, thiệt hại hay bất cứ tổn thất nào xảy đến cho Bên kia do việc bộc phát tình trạng khẩn trương, các hoạt động thù nghịch, chiến tranh, bạo loạn, bệnh dịch, bão táp, hỏa hoạn, động đất hay những nguyên nhân tương tự xảy ra ngoài tầm kiểm soát của Bên kia.

ĐIỀU 12: NGÔN NGỮ, SỬA ĐỔI

1. Hợp đồng này được hai bên viết lại bằng tiếng Việt sau khi ký tên và ghi ngày tháng năm ký hợp đồng, công chứng và được sử dụng chính thức theo quy định pháp luật Việt Nam.
2. Các quyền và nghĩa vụ quy định trong Bản Hợp đồng này không được cải biến, sửa đổi, chuyển nhượng cho bên thứ 3 bởi một trong hai bên mà không được sự đồng ý của bên kia.

ĐIỀU 13: XỬ LÝ VI PHẠM

Các tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng trước hết phải được hai bên giải quyết qua con đường thương lượng hòa giải. Trong trường hợp thương lượng hòa giải không giải quyết được tranh chấp thì phải đưa vụ tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế quốc tế để xét xử. Việc phân xử sẽ theo pháp luật Việt Nam.

ĐIỀU 14: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

- Bản Hợp đồng này thay thế cho tất cả các thỏa thuận bằng lời nói hay các trao đổi cam kết ưng thuận bằng văn bản trước đây. Những điều khoản không được quy định tại hợp đồng này sẽ tuân theo pháp luật Việt Nam.
- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Cả hai bên đã đọc các nội dung của Hợp đồng này, hoàn toàn am hiểu và nhìn nhận là các nội dung đó đã thể hiện đúng ý định của mình.

ĐẠI DIỆN BÊN A



CTY C & N VINA
TỔNG GIÁM ĐỐC

LEE CHUNG KEUN

ĐẠI DIỆN BÊN B



LIÊN
PHƯỚC

LIÊN
PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH SUNG JU VINA

- Giấy chứng nhận đầu tư số 442023000080 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp đổi lần thứ nhất ngày 04/5/2015.
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô A5, Khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

BX 131504

I. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 01, tờ bản đồ số: ,
b) Địa chỉ: Lô A5, KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước,
c) Diện tích: 24.408,5 m²,
(Bằng chữ: Hai mươi bốn nghìn bốn trăm lẻ tám phẩy năm mét vuông),
d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng,
đ) Mục đích sử dụng: Đất khu công nghiệp,
e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 15/01/2057,
g) Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất trả tiền một lần của Doanh nghiệp đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Nhà máy sản xuất Công ty TNHH Sung Ju Vina.

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
01. Nhà xưởng sản xuất số 01 (01 nhà)	9.527,70	9.995,70	Sở hữu riêng	III	-/-
02. Nhà xưởng sản xuất số 02 (01 nhà)	2.738,00	2.858,00	Sở hữu riêng	III	-/-
03. Nhà nghỉ giữa ca (01 nhà)	290,40	580,80	Sở hữu riêng	III	-/-
04. Nhà ăn (01 nhà)	480,00	480,00	Sở hữu riêng	IV	-/-
05. Nhà xe (01 nhà)	450,00	450,00	Sở hữu riêng	IV	-/-
06. Nhà bảo vệ 02 (01 nhà)	12,00	12,00	Sở hữu riêng	IV	-/-
07. Nhà điện (01 nhà)	48,00	48,00	Sở hữu riêng	IV	-/-
08. Nhà vệ sinh công nhân (02 nhà)	153,52	153,52	Sở hữu riêng	IV	-/-
09. Bể nước ngầm 300m ³ (01 bể)	97,90	97,90	Sở hữu riêng	IV	-/-
10. Thủy đài (01 đài)	14,10	14,10	Sở hữu riêng	IV	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: -/-

Bình Phước, ngày ..04.. tháng ..04.. năm 2016

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH PHƯỚC

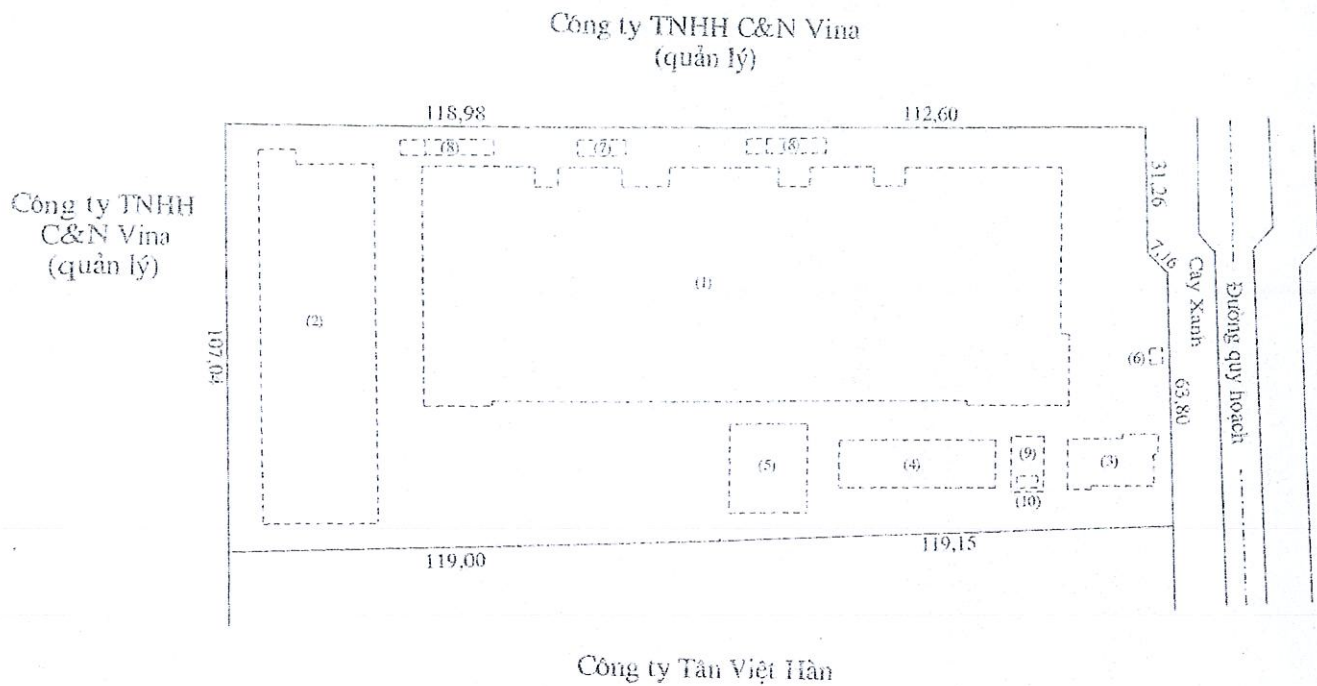
GIÁM ĐỐC



Số vào sổ cấp GCN: CT.0.6.3.1.3....

Nguyễn Phú Quốc

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



(Sơ đồ đất tỷ lệ 1/2.000, sơ đồ công trình phi tỷ lệ)

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi GCNQSD đất (cũ), cấp đổi GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty TNHH Sung Ju Vina.

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;

Căn cứ Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND ngày 28/5/2015 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2277/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 của UBND tỉnh Bình Phước về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 303/QĐ-STNMT ngày 12/10/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc cấp GCNQSD đất cho Công ty TNHH Sung Ju Vina để sản xuất linh kiện điện tử;

Căn cứ Công văn số 638/BQL-QHXDTN ngày 17/11/2015 của Ban Quản lý Khu kinh tế về việc xác nhận tài sản gắn liền với đất cho Công ty TNHH Sung Ju Vina;

Xét đề nghị của Văn phòng Đăng ký đất đai tại Tờ trình số: 389/TTr-VPĐKĐĐ ngày 11/12/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi và cấp đổi GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty TNHH Sung Ju Vina như sau:



1. Thu hồi GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ 06200 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp cho Công ty TNHH Sung Ju Vina ngày 12/10/2015.

Lý do thu hồi: Công ty TNHH Sung Ju Vina đề nghị chứng nhận bổ sung quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và cấp đổi GCNQSD đất.

2. Cấp đổi GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất với diện tích 24.408,5 m² (hai mươi bốn nghìn bốn trăm lẻ tám phẩy năm mét vuông) cho Công ty TNHH Sung Ju Vina để sản xuất lĩnh vực điện tử.

- Khu đất tọa lạc tại: lô A5, Khu công nghiệp Minh Hưng – Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

- Mục đích sử dụng: đất khu công nghiệp;

- Hình thức sử dụng đất: thuê đất trả tiền một lần của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp;

- Thời hạn sử dụng đất: đến ngày 15/01/2057;

- Nguồn gốc đất: thuộc đất của Công ty TNHH C&N Vina đã được UBND tỉnh cho thuê đất và cấp GCNQSD đất số vào sổ T 01390 ngày 13/5/2009. Công ty TNHH Sung Ju Vina thuê lại đất của Công ty TNHH C&N Vina theo Hợp đồng số 0719, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng Công chứng Bình Phước chứng thực ngày 04/9/2015 và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp GCNQSD đất số vào sổ 06200 ngày 12/10/2015.

- Tài sản gắn liền với đất: (có biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Sau khi có Quyết định cấp đổi GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, các cơ quan, đơn vị sau đây có trách nhiệm:

1. Văn phòng Đăng ký đất đai:

- Lập hồ sơ xác định thông tin địa chính về tài sản trên đất gửi đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính cho Công ty TNHH Sung Ju Vina.

- Trao GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty TNHH Sung Ju Vina sau khi Công ty đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

- Thu hồi GCNQSD đất số vào sổ 06200 ngày 12/10/2015 và chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

2. Cục Thuế phối hợp với các cơ quan có liên quan:

- Xác định các khoản nghĩa vụ tài chính mà Công ty TNHH Sung Ju Vina phải nộp.

- Thông báo cho Công ty TNHH Sung Ju Vina nộp các khoản nghĩa vụ tài chính theo quy định.

3. Công ty TNHH Sung Ju Vina:

- Chấp hành đúng các quy định về quản lý, sử dụng đất.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Quy hoạch Kế hoạch Sở, Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai, Chủ tịch UBND huyện Chơn Thành, Chủ tịch UBND xã Minh Hưng, Giám đốc Công ty TNHH C&N Vina, Giám đốc Công ty TNHH Sung Ju Vina và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký.

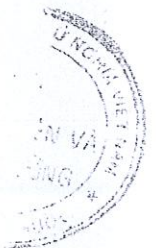
Nơi nhận:

- VP UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Các Sở ngành: XD, TC, CT;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Phú Quốc



DANH MỤC TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT ĐƯỢC CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỞ HỮU CHO CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA
 (Kèm theo Quyết định số: ... 91 ... /QĐ-STNMT ngày ... 01 ... tháng ... 01 ... năm 2015
 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước)

TT	Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
01	Nhà xưởng sản xuất số 01 (01 nhà)	9.527,70	9.995,70	Sở hữu riêng	III	-/-
02	Nhà xưởng sản xuất số 02 (01 nhà)	2.738,00	2.858,00	Sở hữu riêng	III	-/-
03	Nhà nghỉ giữa ca (01 nhà)	290,40	580,80	Sở hữu riêng	III	-/-
04	Nhà ăn (01 nhà)	480,00	480,00	Sở hữu riêng	IV	-/-
05	Nhà xe (01 nhà)	450,00	450,00	Sở hữu riêng	IV	-/-
06	Nhà bảo vệ 02 (01 nhà)	12,00	12,00	Sở hữu riêng	IV	-/-
07	Nhà điện (01 nhà)	48,00	48,00	Sở hữu riêng	IV	-/-
08	Nhà vệ sinh công nhân (02 nhà)	153,52	153,52	Sở hữu riêng	IV	-/-
09	Bể nước ngầm 300 m ³ (01 bể)	97,90	97,90	Sở hữu riêng	IV	-/-
10	Thủy đài (01 đài)	14,10	14,10	Sở hữu riêng	IV	-/-
Tổng		13.811,62	14.690,02			



CÔNG TY TNHH C&N VINA
KHU CÔNG NGHIỆP MINH HƯNG – HÀN QUỐC
3A, Xã Minh Hưng – Huyện Chơn Thành – Tỉnh Bình Phước
.....006.....

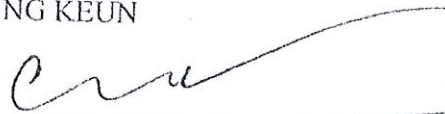
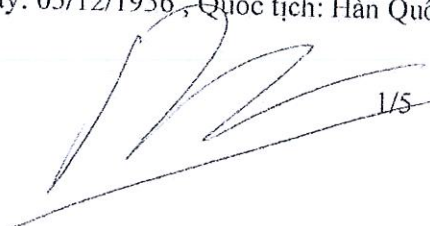
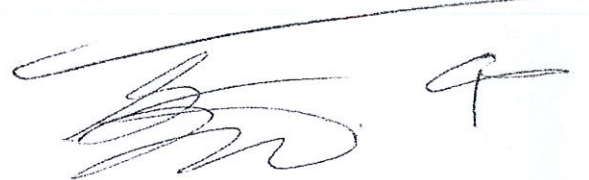
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CHO THUÊ LẠI QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
Số: 075-1- 2017/HĐTD/SJ

- Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2013.
- Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai;
- Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 279671, Do UBND tỉnh Bình Phước cấp ngày 13 tháng 5 năm 2009.
- Căn cứ giấy chứng nhận đầu tư số 442023000061 do Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 17/7/2013 cho Công ty TNHH C&N VINA.
- Căn cứ hợp đồng cho thuê lại quyền sử dụng đất số 086-2015/HĐTD/YH ký ngày 05/11/2015 tại văn phòng công chứng Bình Phước giữa Công ty TNHH C&N Vina và Công ty TNHH Yng Hua Việt Nam.
- Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CT08818 do Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Phước cấp cho Công ty TNHH Yng Hua Việt Nam ngày 15/5/2017.
- Căn cứ biên bản thanh lý hợp đồng 086-2015/HĐTD/YH ngày 19/7/2017 giữa Công ty TNHH C&N Vina và Công ty TNHH Yng Hua Việt Nam.
- Căn cứ hợp đồng mua bán tài sản gắn liền với đất giữa Công ty TNHH Yng Hua Việt Nam và Công ty TNHH Sung Ju Vina ký ngày 03/07/2017 tại Văn phòng Công chứng Chơn Thành.
- Vào lúc ^h ngày 04 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG HÒN QUẢN, địa chỉ: quốc lộ 13, ấp 1, xã Tân Khai, huyện Hòn Quản, tỉnh Bình Phước, chúng tôi gồm:

BÊN CHO THUÊ: (Sau đây gọi là Bên A)

- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH C&N VINA
- Giấy chứng nhận đầu tư (ĐKKD) số: 442023000061 do Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 17/7/2013.
- Địa chỉ trụ sở chính: 3A, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
- Họ tên người đại diện theo pháp luật: Ông LEE CHUNG KEUN
Chức danh: Tổng Giám đốc Công ty
Sinh ngày: 05/12/1956, Quốc tịch: Hàn Quốc

Hộ chiếu số: M63696972, do Bộ ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc cấp ngày: 26/8/2011

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Chuol Weon distrist, Kang Weon, Do town, South Korea

Chỗ ở hiện tại: số 133, Mỹ Kim 3, Khu đô thị Phú Mỹ Hưng, Quận 7, Tp. HCM

• Tài khoản: Tài khoản VND: 238-07-252348

Tài khoản USD: 238-67-252339

(Tại Ngân hàng Shin Han Vina trụ sở TPHCM)

Người được ủy quyền:

- Họ và tên: Ông SON PAN GU

- Ngày sinh: 20/12/1958

- Số hộ chiếu: GN1364806 Cấp ngày: 24/4/2007 Tại: Hàn Quốc

- Địa chỉ thường trú: Kyeong nam, Jinju City, Kangbeon – gil 31, 104 Dong 802 Ho

- Chỗ ở hiện tại: 9c, 5-15 Sky Garden 3, Phú Mỹ Hưng, Quận 7, HCM.

BÊN THUÊ: (Sau đây gọi là Bên B)

- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA
- Giấy chứng nhận đầu tư số: 2155174488 do Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 05/5/2016, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801081366 do Sở KHĐT cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 29/12/2015.
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô A5, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
- Họ tên người đại diện theo pháp luật: SONG YOU WOO
Sinh năm: 17/6/1978
Quốc tịch: Hàn Quốc
Hộ chiếu số: M71479489, cấp ngày: 07/12/2012, Nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc.
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện tại: 47-2, Sinwol 1 – dong, Yangcheon-gu, Seoul, Hàn Quốc.

Để hỗ trợ việc chuyển nhượng và sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc KCN Minh Hưng – Hàn Quốc giữa Công ty TNHH Yng Hua Việt Nam và Công ty TNHH Sung Ju Vina, nay hai bên đã cùng nhau thảo luận và đồng ý ký Bản Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất (sau đây gọi là “Hợp đồng”) gồm các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT THUÊ:

1. Quyền sử dụng đất:

Quyền sử dụng đất của Bên A đối với thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 279671, Do UBND tỉnh Bình Phước cấp ngày 13 tháng 5 năm 2009.

Cụ thể như sau:

- Thửa đất số: B7
- Địa chỉ thửa đất: Lô B7, Khu công nghiệp Minh Hưng – Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
- Diện tích: 13,000m² (bằng chữ: mười ba ngàn mét vuông).
- Hình thức sử dụng:
 - + Sử dụng riêng: 13,000m²
 - + Sử dụng chung: 0 m²

Mục đích sử dụng: xây dựng nhà xưởng sản xuất

- Thời hạn sử dụng: đến ngày 15/01/2057

• Nguồn gốc sử dụng: thuê đất trả tiền một lần của chủ hạ tầng KCN Công ty TNHH C&N VINA

• Những hạn chế về quyền sử dụng đất (nếu có): không

2. Tài sản gắn liền với đất: không

Giấy tờ về quyền sở hữu tài sản: không

ĐIỀU 2: THỜI HẠN THUÊ

Thời hạn thuê lại đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này có hiệu lực đến hết ngày 15/01/2057.

ĐIỀU 3: MỤC ĐÍCH THUÊ

Mục đích thuê quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là: xây dựng nhà xưởng sản xuất thiết bị âm thanh.

ĐIỀU 4: GIÁ CHO THUÊ LẠI ĐẤT, PHÍ QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN

4.1 Tổng giá trị tiền thuê đất:

Không thu thêm (trước đó Bên A đã thu từ Công ty TNHH Aludo là doanh nghiệp đầu tiên thuê lại lô đất này với số tiền là 3,741,995,343 VNĐ (ba tỷ bảy trăm bốn mươi một triệu chín trăm chín mươi lăm ngàn ba trăm bốn mươi ba đồng) (đã bao gồm tiền thuê đất và thuế GTGT VAT) cho suốt thời gian sử dụng đất còn lại).

4.2 Điều kiện và phương thức thanh toán:

Không thể hiện.

4.3 Phí quản lý:

4.3.1. Phí quản lý được sử dụng cho công tác quản lý, bảo dưỡng các công trình hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp như: hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống cây xanh, tham cỏ, hệ thống chiếu sáng đường giao thông và vệ sinh khu công nghiệp.

4.3.2. Mức phí quản lý:

- Theo thông báo từ chủ hạ tầng KCN theo từng thời kỳ.

ĐIỀU 5: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

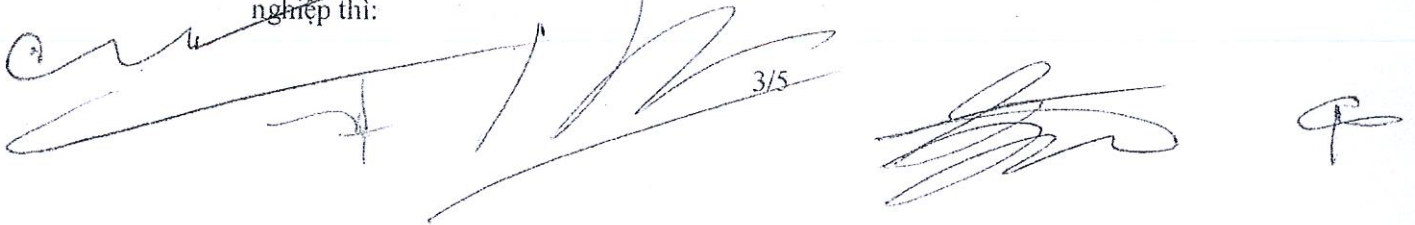
5.1. Bên B cam kết thực hiện theo đúng các quy định về bảo vệ môi trường của Nhà nước Việt Nam tại Khu công nghiệp.

5.2. Hệ thống thoát nước mưa và nước thải bên trong nhà máy của Bên B phải được xây dựng riêng biệt.

5.3. Nước thải từ nhà máy của bên B ra Khu công nghiệp phải đạt giới hạn cho phép tại cột B của tiêu chuẩn nước thải công nghiệp QCVN40:2011BTNMT và theo Luật bảo vệ môi trường của Nhà nước Việt Nam.

5.4. Hệ thống xử lý nước thải chung cho Khu công nghiệp do bên A xây dựng theo Luật bảo vệ môi trường của Nhà nước Việt Nam đảm bảo đáp ứng kịp thời cho nhu cầu sử dụng của bên B.

5.5. Trong trường hợp Bên B muốn sử dụng hệ thống xử lý nước thải chung của Khu công nghiệp thì:



- Phải thông báo cho Bên A bằng văn bản.
- Phải cam kết, bằng phí tổn của mình, sẽ xử lý nước thải trong phần đất thuê đạt tiêu chuẩn trước khi chảy vào hệ thống xử lý chung của Khu công nghiệp.
- Khối lượng nước thải tính phí được tính bằng 80% khối lượng nước cấp.
- Phí xử lý nước thải của bên B do bên B trả cho Bên A.

ĐIỀU 6: NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A

6.1. Bên A có các nghĩa vụ sau đây:

- Kiểm tra, nhắc nhở Bên B bảo vệ, giữ gìn đất và sử dụng đất đúng mục đích;
- Báo cho Bên B về quyền của người thứ ba đối với thửa đất
- Cấp bản đồ địa chính (BDDC) cho Bên B

6.2. Bên A có các quyền sau đây:

- Yêu cầu Bên B chấm dứt ngay việc sử dụng đất không đúng mục đích, huỷ hoại đất hoặc làm giảm sút giá trị của đất; nếu Bên B không chấm dứt hành vi vi phạm sau khi đã được Bên A thông báo bằng văn bản, thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng, yêu cầu Bên B hoàn trả đất đang thuê và bồi thường thiệt hại;
- Yêu cầu Bên B trả lại đất, khi thời hạn cho thuê đã hết theo quy định của Nhà nước.

ĐIỀU 7: NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B

7.1. Bên B có các nghĩa vụ sau đây:

- Sử dụng đất đúng mục đích, đúng thời hạn thuê
- Không được huỷ hoại, làm giảm sút giá trị sử dụng của đất;
- Tuân theo các quy định về bảo vệ môi trường; không được làm tổn hại đến quyền, lợi ích của người sử dụng đất xung quanh.
- Không được cho người khác thuê lại quyền sử dụng đất nếu không được bên A đồng ý bằng văn bản.
- Trả lại đất sau khi hết thời hạn thuê theo quy định của Nhà nước.

7.2. Bên B có các quyền sau đây:

- Được sử dụng đất ổn định theo thời hạn thuê đã thoả thuận;
- Được hưởng hoa lợi, lợi tức từ việc sử dụng đất.
- Được thanh toán chậm tối đa 15 ngày kể từ ngày tới thời hạn thanh toán đối với phí quản lý, phí xử lý nước thải theo quy định tại Điều 4.3, 4.4, 4.5 của Hợp đồng này.

ĐIỀU 8: VIỆC ĐĂNG KÝ CHO THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ NỘP LỆ PHÍ

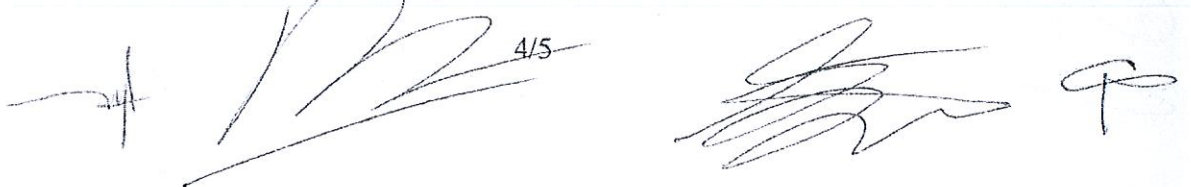
Việc đăng ký cho thuê quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật do Bên A chịu trách nhiệm thực hiện.

ĐIỀU 9: PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không thương lượng được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu toà án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 10: CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

Bên A và Bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

 4/5

10.1. Bên A cam đoan

- a) Những thông tin về nhân thân, về thửa đất đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
- b) Thửa đất thuộc hợp đồng được cho thuê quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;
- c) Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này:
 - Thửa đất không có tranh chấp;
 - Quyền sử dụng đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;
- d) Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;
- e) Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

10.2. Bên B cam đoan

- a) Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
- b) Đã xem xét kỹ, biết rõ về thửa đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sử dụng đất;
- c) Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;
- d) Thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

ĐIỀU 11: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

Hai Bên đồng ý miễn trừ trách nhiệm về sự mất mát, tổn thương, trễ nải, thiệt hại hay bất cứ tổn thất nào xảy đến cho Bên kia do việc bộc phát tình trạng khẩn trương, các hoạt động thù nghịch, chiến tranh, bạo loạn, bệnh dịch, bão táp, hỏa hoạn, động đất hay những nguyên nhân tương tự xảy ra ngoài tầm kiểm soát của Bên kia.

ĐIỀU 12: NGÔN NGỮ, SỬA ĐỔI

- 1. Tiếng Việt được dùng làm ngôn ngữ để cắt nghĩa các nội dung của Bản Hợp đồng này. Bản Hợp đồng này sẽ do Luật pháp Việt Nam chi phối và ràng buộc các Bên.
- 2. Trừ khi được hai bên đồng ý bằng một văn bản khác, các quyền và nghĩa vụ quy định trong Bản Hợp đồng này không được cải biến, sửa đổi, chuyển nhượng bởi một trong hai bên mà không được sự đồng ý của bên kia.

ĐIỀU 13: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

- Mọi điều khoản không được quy định cụ thể tại Bản Hợp đồng này sẽ được hai Bên thực hiện theo Luật pháp Việt Nam.
- Hợp đồng cho thuê lại đất được lập thành 06 bản, mỗi bên giữ 03 bản. Cả hai bên đã đọc các nội dung của Hợp đồng này, hoàn toàn am hiểu và nhìn nhận là các nội dung đó đã thể hiện đúng ý định của mình.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(ký tên và đóng dấu)



Sonpan Gu

Người phiên dịch

Nguyễn Thị Cẩm Tú

Nguyễn Thị Cẩm Tú

ĐẠI DIỆN BÊN B

(ký tên và đóng dấu)



SONG YOU WOO

Người phiên dịch

Mi: Công Duyệt

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, Ngày 07 tháng 08 năm 2017 (ngày mùng bảy, tháng tám, năm hai nghìn không trăm mười bảy) tại Văn phòng công chứng Hón Quán, Quốc lộ 13, ấp 1, xã Tân Khai, huyện Hón Quán, tỉnh Bình Phước.

Tôi Nguyễn Đức Tá, Công chứng viên thuộc Văn phòng công chứng Hón Quán, tỉnh Bình Phước.

Chứng nhận:

Hợp đồng cho thuê lại quyền sử dụng đất được giao kết giữa:

Bên A: BÊN CHO THUÊ

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY TNHH C&N VINA**

Giấy chứng nhận đầu tư số: 442023000061 do Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 17/7/2013.

Địa chỉ trụ sở chính: 3A, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

Họ tên người đại diện theo pháp luật: ông **LEE CHUNG KEUN**

Chức danh: Tổng Giám đốc Công ty

Sinh ngày: 05/12/1956, Quốc tịch: Hàn Quốc

Hộ chiếu số: M63696972, do Bộ ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc cấp ngày 26/8/2011.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Chuol Weon distrist, Kang Weon, Do town, South Korea.

Chỗ ở hiện tại: số 133, Mỹ Kim 3, Khu đô thị Phú Mỹ Hưng, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

Người được ủy quyền:

Ông: **SON PAN GU**

Sinh năm: 20/12/1958

Số hộ chiếu: GN 1364806; cấp ngày: 24/4/2007 tại Hàn Quốc

Thường trú: Kyeong nam, Jinju City, Kangbeon – gıl 31, 104 Dong 802 Ho

Chỗ ở hiện tại: 9c, 5-15 Sky Graden 3, Phú Mỹ Hưng, quận 7, HCM.

Người phiên dịch: Bà **NGUYỄN THỊ CẨM TÚ**

Sinh ngày: 23/01/1983, Quốc tịch: Việt Nam

CMND số: 211749666, do CA. Bình Định cấp ngày: 27/02/2007.

Thường trú: 63D/33 Quang Trung, P. 10, Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

Bên B: BÊN THUÊ

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA**

Giấy chứng nhận đầu tư số: 2155174488 do Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 05/5/2016, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3801081366 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Phước cấp thay đổi lần 3 ngày 29/12/2015.

Địa chỉ trụ sở chính: Lô A5, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Họ tên người đại diện theo pháp luật: **SONG YOU WOO**



Hộ chiếu số : M71479489, cấp ngày : 07/12/2012, nơi cấp : Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện tại : 47-2, Sinwol 1 - dong, Yangcheon gu, Seoul, Hàn Quốc.

Người phiên dịch : Ông MAI TRỌNG DŨNG

Sinh ngày: 1977, Quốc tịch: Việt Nam

CMND số: 285.074.556, do CA, Tỉnh Bình Phước cấp ngày: 02/3/2011

Thường trú : ấp 3B, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Các bên đã tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng này;
- Tại thời điểm công chứng, các bên giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;

- Mục đích, nội dung của hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;
- Các bên giao kết đã đọc lại toàn bộ hợp đồng này, đồng ý toàn bộ nội dung hợp đồng, đã ký và điểm chỉ vào hợp đồng này trước mặt tôi;

Hợp đồng này gồm 06 (sáu) bản chính (mỗi bản gồm 07 tờ, 07 trang), cấp cho:

+ Bên A: 02 (hai) bản chính;

+ Bên B: 03 (ba) bản chính;

+ Lưu tại Văn phòng Công chứng Hôn Quan: 01 (một) bản chính.

Số

002587

Quyển số: 01.TP/CC-SCC/HĐGD.

Công chứng viên



Nguyễn Đức Tú

Số: 562 /QĐ-STNMT

Bình Phước, ngày 08 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty TNHH Sung Ju Vina để xây dựng nhà xưởng sản xuất thiết bị âm thanh.

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND ngày 28/5/2015 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 05/12/2016 của UBND tỉnh Bình Phước về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Hợp đồng mua bán tài sản gắn liền với đất số 06389, quyền số 07/2017/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/7/2017 giữa Công ty TNHH Yng Hua Việt Nam và Công ty TNHH Sung Ju Vina;

Căn cứ Biên bản thanh lý Hợp đồng số 086-2015/HĐTD/YH ký ngày 05/11/2015 giữa Công ty TNHH C&N Vina và Công ty TNHH Yng Hua Việt Nam;

Căn cứ Hợp đồng cho thuê lại quyền sử dụng đất số: 075-1-2017/HĐTD/SJ giữa Công ty TNHH C&N Vina và Công ty TNHH Sung Ju Vina được Văn phòng Công chứng Hồn Quán công chứng số 02587, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/8/2017.

Xét đề nghị của Văn phòng Đăng ký đất đai tại Tờ trình số 883/TTr-VPĐKĐĐ ngày 29/8/2017,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất với diện tích 13.000,0 m² (mười ba nghìn mét vuông) cho Công ty TNHH Sung Ju Vina để xây dựng nhà xưởng sản xuất thiết bị âm thanh.

DANH MỤC TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT ĐƯỢC CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỞ HỮU/HỢP ĐỒNG TỶ TNHH SÚNG JU VINA
(Kèm theo Quyết định số 562/QĐ-STNAT ngày 08/9/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

Sst	Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
1	Nhà xưởng (01 nhà)	2.496,0	2.496,0	Sở hữu riêng	III	-/-
2	Nhà căn tin	384,0	384,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
3	Nhà bảo vệ (01 nhà)	16,0	16,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
Tổng		2.896,0	2.896,0			

- Khu đất tọa lạc tại: Lô B7, Khu công nghiệp Minh Hưng -- Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Vị trí, ranh giới khu đất: được xác định theo sơ đồ thửa đất tại trang 03 GCNQSD đất số CT 08818 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 15/5/2017.

- Mục đích sử dụng: đất khu công nghiệp.

- Thời hạn sử dụng: đến ngày 15/01/2057.

- Hình thức sử dụng đất: Thuê đất trả tiền một lần của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp.

- Nguồn gốc đất: thuộc đất của Công ty TNHH C&N Vina đã được UBND tỉnh cho thuê đất và cấp GCNQSD đất số vào sổ T 01390 ngày 13/5/2009. Công ty TNHH Sung Ju Vina thuê lại đất trong Khu công nghiệp Minh Hưng -- Hàn Quốc do Công ty TNHH C&N Vina làm chủ đầu tư hạ tầng theo Hợp đồng cho thuê lại quyền sử dụng đất số công chứng số 02587 do Văn phòng Công chứng Hớn Quản công chứng ngày 07/8/2017.

- Tài sản gắn liền với đất: *(Có biểu chi tiết kèm theo)*

Điều 2. Sau khi có Quyết định cấp GCNQSD đất; các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm:

1. Văn phòng Đăng ký đất đai:

- Thu hồi GCNQSD đất số vào sổ CT 08818 ngày 15/5/2017; chỉnh lý GCNQSD đất số vào sổ T 01390 ngày 13/5/2009 và chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

- Trao GCNQSD đất cho Công ty TNHH Sung Ju Vina sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

2. Công ty TNHH Sung Ju Vina:

- Chấp hành đúng các quy định về quản lý và sử dụng đất; kinh doanh ngành nghề theo đúng Giấy chứng nhận đầu tư đã được cấp.

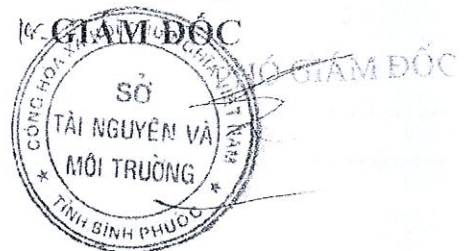
- Nộp các khoản nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Sở, Chi Cục trưởng Chi cục Quản lý đất đai, Giám đốc Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Chơn Thành, Chủ tịch UBND xã Minh Hưng, Giám đốc Công ty TNHH C&N Vina, Giám đốc Công ty TNHH Sung Ju Vina và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký. *Nghe*

Nơi nhận:

- VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Hành chính công;
- Như điều 3;
- Ban QLKKT;
- Lưu: VT.

Đưa



Nguyễn Song Đoàn

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thửa đất số: , tờ bản đồ số: ,
- b) Địa chỉ: Lô B7, Khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước,
- c) Diện tích: 13.000,0 m²,
(Bằng chữ: mười ba nghìn mét vuông),
- d) Hình thức sử dụng: sử dụng riêng,
- đ) Mục đích sử dụng: đất khu công nghiệp,
- e) Thời hạn sử dụng: đến ngày 15/01/2057,
- g) Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất trả tiền một lần của Doanh nghiệp đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Nhà máy sản xuất các loại cửa nhôm.

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp Công trình	Thời hạn sở hữu
01. Nhà ở riêng (01 nhà)	2.496,0	2.496,0	Sở hữu riêng	III	-/-
02. Nhà căn tin (01 nhà)	384,0	384,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
03. Nhà bảo vệ (01 nhà)	16,0	16,0	Sở hữu riêng	IV	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: -/-

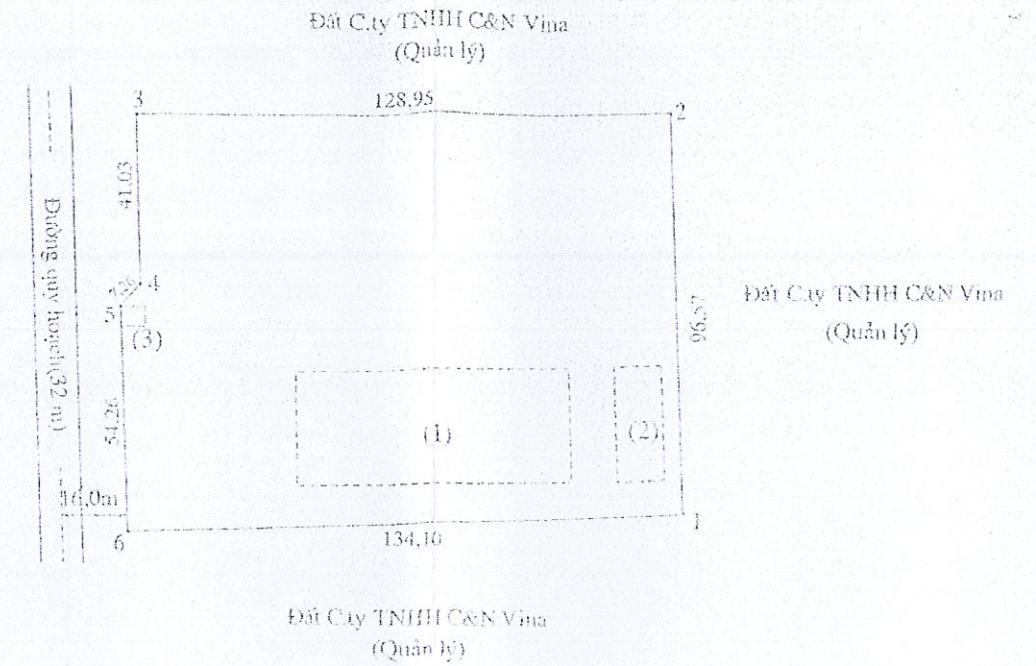
Bình Phước, ngày 08, tháng 01, năm 2017

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHOA QUẢN LÝ ĐẤT VÀ NƯỚC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Bình

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



(Sơ đồ đất tỷ lệ 1/2.000, sơ đồ công trình phi tỷ lệ)

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

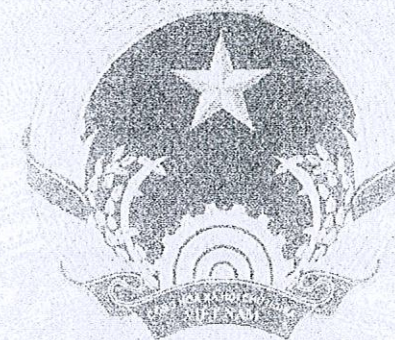
Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH Sung Ju Vina

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801081366 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đổi lần thứ 3 ngày 29/12/2015.
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô A5, Khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

CK 806957

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số : 26./GPXD

I. Cấp cho Công ty TNHH Sung Ju Vina.

Địa chỉ : Lô A5, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

II. Được phép xây dựng công trình thuộc dự án : “Nhà máy sản xuất thiết bị điện tử”.

Tổng số hạng mục công trình theo hồ sơ thiết kế cơ sở là 09 hạng mục công trình do Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghiệp Đồng Nai lập.

Vị trí xây dựng : Lô B7, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Mật độ xây dựng: 62,61%.

Màu sắc công trình : Chủ đầu tư chỉ được sử dụng các màu sắc cho hài hòa với cảnh quan và công trình xung quanh, không được sử dụng màu sắc, vật liệu gây ảnh hưởng tới thị giác, sức khỏe con người và an toàn giao thông.

Chỉ giới xây dựng : Cách 16m tính từ trục đường Đ4 và Đ9.

Nội dung và quy mô đầu tư công trình:

1. Nhà xưởng: 01 nhà

- Loại công trình : Công trình dân dụng.

- Cấp công trình: Cấp III.

- Số tầng : 01 tầng.

- Diện tích xây dựng : $110\text{m} \times 40\text{m} = 4.400\text{m}^2$.

- Chiều cao công trình : 12,5 m

- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,000$ cao hơn so với mặt sân hoàn thiện là 0,2m.

- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng, bằng BTCT; nền bê tông; khung kèo thép, tường xây gạch cao 3,5m, phía trên lợp tole; hệ thống cửa sắt, nhôm kính.

2. Nhà vệ sinh: 01 nhà

- Loại công trình : Công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Số tầng : 01 tầng.

- Diện tích xây dựng : $21,5\text{m} \times 3\text{m} = 64,5\text{m}^2$.

- Chiều cao công trình : 3,2 m
- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,000$ cao hơn so với mặt sân hoàn thiện là 0,2m.

- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng, bằng BTCT; nền lát gạch Ceramic; tường xây gạch, phía trên lợp tole; hệ thống cửa sắt, nhôm kính.

3. Nhà xe: 01 nhà

- Loại công trình : Công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Cấp công trình: Cấp IV.
- Số tầng : 01 tầng.
- Diện tích xây dựng : $20\text{m} \times 5\text{m} = 100\text{m}^2$.
- Chiều cao công trình : 3,0 m
- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,000$ cao hơn so với mặt sân hoàn thiện là 0,2m.
- Giải pháp kết cấu : Móng, bằng BTCT; nền bê tông; khung kèo, xà gỗ thép; mái lợp tole.

4. Nhà rác: 01 nhà

- Loại công trình : Công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Cấp công trình: Cấp IV.
- Số tầng : 01 tầng.
- Diện tích xây dựng : $12\text{m} \times 3\text{m} = 36\text{m}^2$.
- Chiều cao công trình : 3,2 m
- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,000$ cao hơn so với mặt sân hoàn thiện là 0,1m.

- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; nền bê tông; tường xây gạch cao 1,2m, phía trên bằng lưới thép; mái lợp tole; hệ thống cửa sắt.

5. Nhà máy bơm, bể nước ngầm: 01 nhà

- Loại công trình : Công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Cấp công trình: Cấp IV.

* Nhà máy bơm:

- Số tầng : 01 tầng.
- Diện tích xây dựng : $4,5\text{m} \times 4\text{m} = 18\text{m}^2$.
- Chiều cao công trình : 3,8 m
- Giải pháp kết cấu : Nền bê tông; tường xây gạch mái lợp tole; hệ thống cửa sắt.

* Bể nước ngầm:

- Diện tích xây dựng : $30\text{m} \times 5\text{m} = 150\text{m}^2$.
- Thể tích xây dựng : $30\text{m} \times 5\text{m} \times 3,95\text{m} = 592,5\text{m}^3$.
- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,000$ cao hơn so với mặt sân hoàn thiện là 0,1m.

- Giải pháp kết cấu : Bê tông BTCT

6. Nhà kho mở rộng: 01 nhà

- Loại công trình : Công trình công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp III.

- Số tầng : 01 tầng.

- Diện tích xây dựng : $32m \times 12m = 384m^2$.

- Chiều cao công trình : 9,3 m

- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,000$ cao hơn so với mặt sân hoàn thiện là 0,1m.

- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng, bằng BTCT; nền bê tông; khung kèo thép, tường xây gạch cao 1m, phía trên lợp tole; hệ thống cửa sắt, nhôm kính.

7. Nhà bảo vệ: 01 nhà

- Loại công trình : Công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Số tầng : 01 tầng.

- Diện tích xây dựng : $4m \times 4m = 16m^2$.

- Chiều cao công trình : 3,3 m

- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,000$ cao hơn so với mặt sân hoàn thiện là 0,2m.

- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng, bằng BTCT; nền lát gạch Ceramic; tường xây gạch; hệ thống cửa nhôm kính.

8. Phòng máy nén khí: 01 nhà

- Loại công trình : Công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Số tầng : 01 tầng.

- Diện tích xây dựng : $10m \times 4,5m = 45m^2$.

- Chiều cao công trình : 4,5 m

- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,000$ cao hơn so với mặt sân hoàn thiện là 0,2m.

- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng, bằng BTCT; nền bê tông; tường xây gạch; hệ thống cửa sắt.

9. Nhà keo: 01 nhà

- Loại công trình : Công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Số tầng : 01 tầng.

- Diện tích xây dựng : $10m \times 4,5m = 45m^2$.

- Chiều cao công trình : 4,5 m

- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu =0,000 cao hơn so với mặt sân hoàn thiện là 0,2m.

- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng, bằng BTCT; nền bê tông; tường xây gạch; hệ thống cửa sắt.

III. Giấy tờ về quyền sử dụng đất : 13.000m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT09888 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty TNHH Sung Ju Vina ngày 08/9/2017.

IV. Ghi nhận công trình đã khởi công : Không.

V. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp. Quá thời hạn trên, Công ty TNHH Sung Ju Vina phải đề nghị gia hạn Giấy phép xây dựng./.

(Chủ đầu tư lưu ý xem những nội dung phải thực hiện ở mặt sau Giấy phép này).

Bình Phước, ngày 12 tháng 7 năm 2018

TRƯỞNG BAN

PHỤ TẠO ĐƠN ANK

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.



Nguyễn Hưng Hùng

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY :

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kế.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh :

.....

.....

.....

2. Thời gian có hiệu lực của Giấy phép :

.....

.....

.....

Bình Phước, ngày tháng năm

TRƯỞNG BAN

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số : 48./CPXD

I. Cấp cho Công ty TNHH Sung Ju Vina.

Địa chỉ : Lô A5, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

II. Được phép xây dựng các công trình: “Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải nhà ăn 105m³/ngày”.

Tổng số công trình theo hồ sơ thiết kế cơ sở là 01 do Công ty TNHH MTV Thương mại – Dịch vụ Tài Phát lập.

Vị trí xây dựng : Lô A5, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Chỉ giới xây dựng: Cách 16 m tính từ trục đường D4 và D9.

Nội dung và quy mô đầu tư công trình :

- Loại công trình : Công trình hạ tầng kỹ thuật – Hệ thống xử lý nước thải.
- Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu chủ yếu: Nền, tường, bể bằng bê tông cốt thép.
- Quy mô xây dựng:
- Diện tích xây dựng: $40,2\text{m} \times 3\text{m} = 120,6\text{m}^2$

Bao gồm:

a) Nhà máy thổi khí : 01 nhà.

Kích thước xây dựng: $L \times B \times H = 2,7\text{m} \times 2,3\text{m} \times 2,5\text{m}$; giải pháp kết cấu: nền, móng, cột, dầm bằng BTCT, vì kèo và kèo bằng thép, mái lợp tole, đường xây gạch.

b) Bể tách dầu mỡ: 01 bể.

Kích thước xây dựng $L \times B \times H = 1\text{m} \times 1\text{m} \times 1,375\text{m}$; giải pháp kết cấu bằng inox 304; cao hơn mặt sân hoàn thiện ± 0.000 là 0,2 m.

c) Hố thu – T01: 02 hố.

Kích thước xây dựng $L \times B \times H = 2,2\text{m} \times 2,0\text{m} \times 2,4\text{m}$ và $3\text{m} \times 3\text{m} \times 2,6\text{m}$; giải pháp kết cấu: nền, tường làm bằng BTCT; cao hơn mặt sân hoàn thiện ± 0.000 là 0,2m.

d) Bể điều hòa – T02: 01 bể.

Kích thước xây dựng $L \times B \times H = 6\text{m} \times 3\text{m} \times 4,2\text{m}$; giải pháp kết cấu: nền, tường làm bằng BTCT; cao hơn mặt sân hoàn thiện ± 0.000 là 2,5m.

e) Bể sinh học có giá thể - T03: 01 bể.

Kích thước xây dựng $L \times B \times H = 14,15m \times 2,2m \times 3,7m$; giải pháp kết cấu: nền, tường làm bằng BTCT; cao hơn mặt sân hoàn thiện ± 0.000 là 2,5m

l) Bể lắng sinh học – T04: 01 bể.

Kích thước xây dựng $L \times B \times H = 3m \times 3,2m \times 4,2m$; giải pháp kết cấu: nền, tường làm bằng BTCT; cao hơn mặt sân hoàn thiện ± 0.000 là 2,5m

g) Bể trung gian – T05: 01 bể.

Kích thước xây dựng $L \times B \times H = 3,95m \times 2,2m \times 3,7m$; giải pháp kết cấu: nền, tường làm bằng BTCT; cao hơn mặt sân hoàn thiện ± 0.000 là 2,5m

h) Bể chứa bùn – T06: 01 bể.

Kích thước xây dựng $L \times B \times H = 7m \times 2,2m \times 3,7m$; giải pháp kết cấu: nền, tường làm bằng BTCT; cao hơn mặt sân hoàn thiện ± 0.000 là 2,5m

i) Bồn áp lực áp lực – AL01: 01 bể.

Kích thước xây dựng $D \times H = 1,73m \times 2,35m$; giải pháp kết cấu bằng nhựa, đặt trên mặt đất.

III. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: 24.408,5m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CT: 06313 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 04/11/2016.

IV. Giấy phép này hợp thức hóa các hạng mục công trình vi phạm quy định trong xây dựng bị xử phạt tại Quyết định số 349/ QĐ-TTTrXD ngày 07/10/2016 của Thanh tra Xây dựng Bình Phước về việc xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng./.

(Chủ đầu tư lưu ý xem những nội dung phải thực hiện ở mặt sau giấy phép này).

Bình Phước, ngày 46 tháng 11 năm 2016.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu VT.



Đào Văn Hoàng

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN NHỮNG NỘI DUNG SAU ĐÂY :

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền pháp của các chủ sở hữu liên kế.

2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây g và Giấy phép xây dựng này.

3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công n, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).

4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.

5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề i điều chỉnh giấy phép và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

Nội dung gia hạn, điều chỉnh :

H thời gian có hiệu lực của Giấy phép :

Bình Phước, ngày tháng năm 2016.

TRƯỞNG BAN

Bình Phước, ngày 27 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án:
“Tăng công suất sản xuất loa vi tính, loa màn hình, loa điện thoại, loa tivi từ 15,5 triệu sản phẩm/năm lên 150 triệu bộ sản phẩm/năm và bổ sung dịch vụ cho thuê 4.000 m² nhà xưởng tại nhà máy Sung Ju 1 - Lô A5; Giữ nguyên công suất sản xuất loa tivi với công suất 20 triệu bộ sản phẩm/năm tại nhà máy Sung Ju 2 - Lô B7” do Công ty TNHH Sung Ju Vina làm chủ đầu tư tại lô A5 và lô B7, KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: “Tăng công suất sản xuất loa vi tính, loa màn hình, loa điện thoại, loa tivi từ 15,5 triệu sản phẩm/năm lên 150 triệu sản phẩm/năm và bổ sung dịch vụ cho thuê 4.000 m² nhà xưởng tại nhà máy Sung Ju 1 - Lô A5; Giữ nguyên công suất sản xuất loa tivi với công suất 20 triệu bộ sản phẩm/năm tại nhà máy Sung Ju 2 - Lô B7” họp ngày 19/3/2021 tại Ban Quản lý Khu kinh tế;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: “Tăng công suất sản xuất loa vi tính, loa màn hình, loa điện thoại, loa tivi từ 15,5 triệu sản phẩm/năm lên 150 triệu bộ sản phẩm/năm và bổ sung dịch vụ cho thuê 4.000 m² nhà xưởng tại nhà máy Sung Ju 1 - Lô A5; Giữ nguyên công suất sản xuất loa tivi

với công suất 20 triệu bộ sản phẩm/năm tại nhà máy Sung Ju 2 - Lô B7" đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 05/SSJ ngày 14/5/2021 của Công ty TNHH Sung Ju Vina;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 33/TTr-BQL ngày 24/5/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: "Tăng công suất sản xuất loa vi tính, loa màn hình, loa điện thoại, loa tivi từ 15,5 triệu sản phẩm/năm lên 150 triệu bộ sản phẩm/năm và bổ sung dịch vụ cho thuê 4.000 m² nhà xưởng tại Nhà máy Sung Ju 1 - Lô A5; giữ nguyên công suất sản xuất loa tivi với công suất 20 triệu bộ sản phẩm/năm tại nhà máy Sung Ju 2 - Lô B7" (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Sung Ju Vina (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại lô A5 và lô B7, KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật (trừ trường hợp được miễn tham vấn).

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này; tổ chức kiểm tra và cấp Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án.

Điều 5. Quyết định này thay thế Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 05/02/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Xây dựng nhà máy gia công và lắp ráp loa các loại - công suất 15.500.000 sản phẩm/năm", Quyết định số 1462/QĐ-UBND ngày 26/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Xây dựng nhà máy sản xuất loa tivi - công suất 20.000.000 bộ sản phẩm/năm" do Công ty TNHH Sung Ju Vina chủ đầu tư tại lô A5 và lô B7, KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Chơn Thành, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Sung Ju Vina và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 6;
- UBND xã Minh Hưng;
- Chi nhánh Công ty TNHH C&N Vina MHK;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT (MH-40-QĐPD-26/5).



Nguyễn Anh Minh

PHỤ LỤC

Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án "Tăng công suất sản xuất loa vi tính, loa màn hình, loa điện thoại, loa tivi từ 15,5 triệu sản phẩm/năm lên 150 triệu bộ sản phẩm/năm và bổ sung dịch vụ cho thuê 4.000 m² nhà xưởng tại nhà máy Sung Ju 1 - Lô A5; Giữ nguyên công suất sản xuất loa tivi với công suất 20 triệu bộ sản phẩm/năm tại nhà máy Sung Ju 2 - Lô B7" do Công ty TNHH Sung Ju Vina làm Chủ đầu tư tại Lô A5 và B7, KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
(Kèm theo Quyết định số 1.436...../QĐ-UBND ngày 22/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án:

Tăng công suất sản xuất loa vi tính, loa màn hình, loa điện thoại, loa tivi từ 15,5 triệu sản phẩm/năm lên 150 triệu bộ sản phẩm/năm và bổ sung dịch vụ cho thuê 4.000 m² nhà xưởng tại nhà máy Sung Ju 1 - Lô A5; Giữ nguyên công suất sản xuất loa tivi với công suất 20 triệu bộ sản phẩm/năm tại nhà máy Sung Ju 2 - Lô B7.

1.2. Địa điểm thực hiện:

Lô A5 và B7, KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

1.3. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Sung Ju Vina.

Địa chỉ liên hệ: Lô A5 và B7, KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

1.4.1. Phạm vi, quy mô:

Dự án "Tăng công suất sản xuất loa vi tính, loa màn hình, loa điện thoại, loa tivi từ 15,5 triệu sản phẩm/năm lên 150 triệu bộ sản phẩm/năm và bổ sung dịch vụ cho thuê 4.000 m² nhà xưởng tại nhà máy Sung Ju 1 - Lô A5; Giữ nguyên công suất sản xuất loa tivi với công suất 20 triệu bộ sản phẩm/năm tại nhà máy Sung Ju 2 - Lô B7" được thực hiện tại 02 vị trí, tổng diện tích thực hiện dự án 37.408,5 m², bao gồm:

- Nhà máy Sung Ju 1: Lô A5, KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, diện tích 24.408,5 m², bao gồm các hạng mục công trình của Dự án như sau:

+ Công trình chính: Xưởng sản xuất số 1, xưởng sản xuất số 2, xưởng sản xuất số 3 (nhà xưởng cho thuê), nhà nghỉ giữa ca, nhà ăn...

+ Công trình bảo vệ môi trường: Bể tự hoại 3 ngăn, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý hơi khí hàn, hệ thống xử lý hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in, khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại.

+ Đường giao thông nội bộ, sân, cây xanh và các công trình phụ trợ khác.

- *Nhà máy Sung Ju 2*: Lô B7, KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, diện tích 13.000 m², bao gồm các hạng mục công trình của Dự án như sau:

+ Công trình chính: Nhà xưởng sản xuất, nhà kho 1, nhà kho 2, nhà ăn, nhà keo.

+ Công trình bảo vệ môi trường: Bể tự hoại 3 ngăn, bể khử trùng nước thải, hệ thống xử lý hơi khí hàn, hệ thống xử lý hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in, khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại.

+ Đường giao thông nội bộ, sân, cây xanh và các công trình phụ trợ khác.

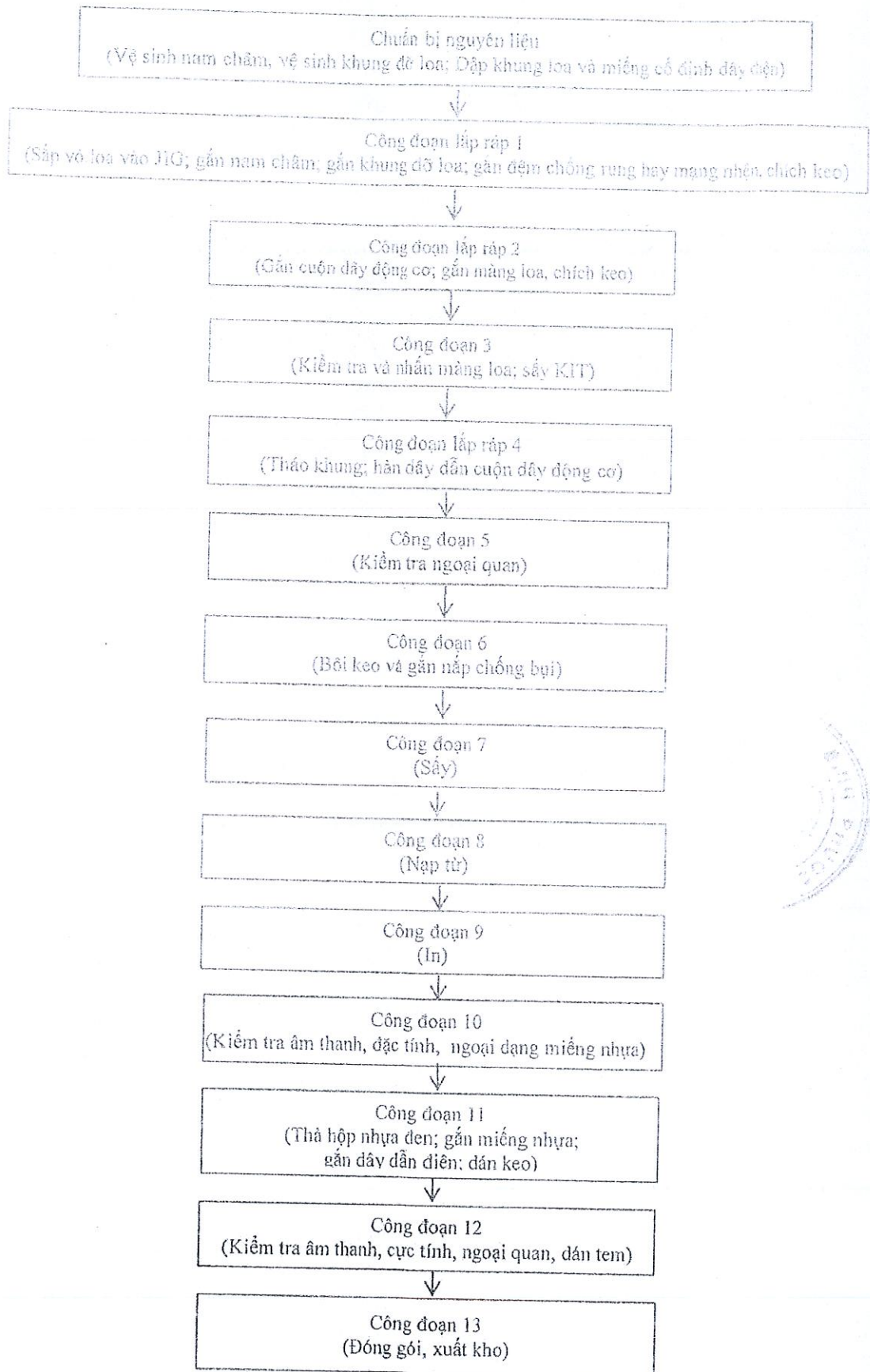
1.4.2. Công suất:

- *Nhà máy Sung Ju 1*: Sản xuất loa vi tính, loa màn hình, loa điện thoại, loa tivi công suất 150 triệu bộ sản phẩm/năm; cho thuê 4.000 m² nhà xưởng dư thừa.

- *Nhà máy Sung Ju 2*: Sản xuất loa tivi với công suất 20 triệu bộ sản phẩm/năm.

1.5. Công nghệ sản xuất của Dự án:

Quy trình công nghệ sản xuất loa vi tính, loa màn hình, loa điện thoại, loa tivi như sau:



2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

Dự án đã xây dựng hoàn thiện nhà xưởng và các hạng mục công trình khác. Để đáp ứng nhu cầu hoạt động trong giai đoạn nâng công suất, Chủ Dự án bố trí lại không gian sản xuất, trang bị, lắp đặt thêm một số máy móc, thiết bị sản xuất và cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải tại nhà máy Sung Ju 1 (lô A5); cải tạo hệ thống xử lý khí thải tại nhà máy Sung Ju 2 (lô B7).

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Tác động trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị, cải tạo hệ thống xử lý chất thải:*

Bụi, khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị; khí thải do các phương tiện vận chuyển trong giai đoạn thi công lắp đặt thiết bị; bụi và khí thải từ hoạt động của các loại máy móc thiết bị phục vụ thi công cải tạo hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải và lắp đặt bổ sung máy móc, thiết bị sản xuất; khí thải từ quá trình hàn công trình xây dựng và lắp đặt thiết bị; nước mưa chảy tràn; nước thải sinh hoạt; nước thải xây dựng; chất thải rắn xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải nguy hại; tiếng ồn của các phương tiện thi công và lắp đặt máy móc thiết bị của nhà máy.

- *Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:*

Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông; bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên, nhiên, vật liệu; bụi, hơi keo, khói hàn phát sinh trong quá trình sản xuất; nước mưa chảy tràn; nước thải sinh hoạt; nước thải sản xuất; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn sản xuất; chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn thi công, lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Nước thải sinh hoạt:* Phát sinh khoảng $0,7 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Nước thải sinh hoạt chứa các thành phần gây ô nhiễm môi trường nước như: Các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng (N, P) và các loại vi sinh vật.

- *Nước thải xây dựng:* Phát sinh khoảng $0,1 \text{ m}^3/\text{ngày}$ gồm nước rửa máy móc, thiết bị, dụng cụ phục vụ thi công... Thành phần trong nước thải xây dựng chứa chủ yếu là bùn, đất cát, xi măng, dầu mỡ.

2.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Nước thải sinh hoạt:*

+ *Nhà máy Sung Ju 1:* Lưu lượng nước thải phát sinh $91 \text{ m}^3/\text{ngày}$, bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải từ quá trình nấu ăn. Nước thải sinh hoạt có chứa các chất lơ lửng, chất hữu cơ, các chất cặn bã, vi sinh vật, dầu mỡ động thực vật, các chất hoạt động bề mặt...

+ *Nhà máy Sung Ju 2:* Lưu lượng nước thải phát sinh khoảng $45 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Nước thải sinh hoạt có chứa các chất lơ lửng, chất hữu cơ, các chất cặn bã, vi sinh...

- *Nước thải sản xuất:* Trong quá trình sản xuất, Dự án sử dụng nước để làm mát máy nạp từ. Nước làm mát chủ yếu có nhiệt độ cao, sau khi được làm nguội

bằng thép giải nhiệt được tuần hoàn tái sử dụng hoàn toàn. Do đó, hoạt động sản xuất tại 2 nhà máy không phát sinh nước thải sản xuất.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn thi công, lắp đặt máy móc, thiết bị:

- Bụi, khí thải do các phương tiện vận chuyển, hoạt động của các loại máy móc thiết bị phục vụ thi công cải tạo hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải và lắp đặt bổ sung máy móc, thiết bị sản xuất: Chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, SO_2 , NO_2 , CO, VOC...

- Khí thải từ quá trình hàn công trình xây dựng và lắp đặt thiết bị: Quá trình hàn phát sinh chủ yếu là bụi và hơi kim loại.

2.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông, hoạt động vận chuyển nguyên, nhiên, vật liệu: Thành phần khí thải gồm bụi, SO_2 , NO_2 , CO và HC...

- Hơi keo trong quá trình sản xuất: Có chứa thành phần hơi hữu cơ như methyl methacrylate, butadinene, hydroxyethyl methacrylate, ethylene thiourea, phenol, toluen, ethanol.

- Khói hàn phát sinh từ hoạt động hàn: Thành phần là hơi thiếc hàn.

- Hơi mực in từ công đoạn in: Thành phần ô nhiễm gồm butanone và acetone.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- Chất thải thải rắn xây dựng: Phát sinh khoảng 0,81 tấn trong suốt thời gian thi công lắp đặt máy móc, thiết bị. Thành phần chủ yếu là bao bì giấy, ni lông, sắt thép vụn...

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh trong giai đoạn thi công lắp đặt máy móc, thiết bị khoảng 9,75 kg/ngày. Thành phần gồm: Rau, vỏ hoa quả, giấy, vỏ đồ hộp... Chất thải sinh hoạt có chứa 76% - 82% chất hữu cơ và 18% - 24% các chất khác.

2.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Nhà máy Sung Ju 1: Phát sinh khoảng 213,87 tấn/năm. Thành phần gồm: Bao bì giấy, ni lông, giấy carton, các bộ phận, linh kiện điện tử hư hỏng không chứa thành phần nguy hại, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải (đã được phân định không phải là chất thải nguy hại)...

+ Nhà máy Sung Ju 2: Phát sinh khoảng 54,15 tấn/năm. Thành phần gồm: Bao bì giấy, ni lông, carton, các bộ phận, linh kiện điện tử hư hỏng không chứa thành phần nguy hại...

- Chất thải rắn sinh hoạt: Nhà máy Sung Ju 1 phát sinh khoảng 845 kg/ngày. Nhà máy Sung Ju 2 phát sinh khoảng 650 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là chất hữu cơ, chiếm tỷ lệ từ 60% - 75% tổng khối lượng chất thải. Thành phần còn lại chủ yếu là giấy, ni lông, đất cát...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn thi công, lắp đặt máy móc, thiết bị: Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 10 kg/tháng chủ yếu là giẻ lau dính dầu nhớt, que hàn thải, bao bì thải...

2.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành: Chất thải nguy hại phát sinh tại nhà máy Sung Ju 1 khoảng 20,93 tấn/năm và tại nhà máy Sung Ju 2 khoảng 6,13 tấn/năm. Thành phần chủ yếu là nam châm, màng loa, màng chống rung hay màng nhện; thùng chứa dầu máy bảo trì máy móc, hộp mực in, giẻ lau, bóng đèn huỳnh quang...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

Dự án tiến hành cải tạo hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải tại nhà máy Sung Ju 1 và cải tạo hệ thống xử lý khí thải tại nhà máy Sung Ju 2.

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn thi công, lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:* Sử dụng nhà vệ sinh hiện hữu tại nhà máy Sung Ju 1. Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh hiện nay được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn và đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung hiện hữu công suất 105 m³/ngày của nhà máy Sung Ju 1 để tiếp tục xử lý đạt giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc (QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B).

- *Biện pháp giảm thiểu nước thải xây dựng:* Thu gom toàn bộ lượng nước thải thi công phát sinh không để phát tán ra môi trường. Nước thải xây dựng được thu gom, lắng; nước sau khi lắng được dẫn vào bể gom của hệ thống xử lý nước thải hiện hữu của nhà máy để tiếp tục xử lý. Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông, không để phế thải hay cát xây dựng xâm nhập vào cống thoát nước gây tắc nghẽn.

- *Yêu cầu bảo vệ môi trường:* Nước thải phải được thu gom, xử lý đạt giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc (QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B).

3.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

* *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:*

- *Nhà máy Sung Ju 1:* Nước thải nhà ăn sau khi qua bể tách dầu; nước rửa tay, nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 105 m³/ngày.đêm của Dự án để xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc.

Dự án tiến hành cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải công suất 105 m³/ngày.đêm hiện hữu, cụ thể như sau: Chuyển bể xử lý sinh học hiếu khí aerotank thành bể hiếu khí dạng vật liệu đệm di động MBBR, chuyển bể lắng đứng thông thường sang dạng bể lắng vách nghiêng lamella, bảo trì và bảo dưỡng toàn bộ thiết bị, vật tư hệ thống xử lý nước thải hiện hữu, sửa chữa thiết bị hư hỏng, nuôi cấy lại

toàn bộ vì sinh. Quy trình xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 105 m³/ngày.đêm của Dự án sau khi cải tạo bao gồm các hạng mục chính sau:

Nước thải → Hồ thu gom → Bể điều hòa → Bể sinh học anoxic → Bể sinh học MBBR → Bể lắng lamella → Bể trung gian - khử trùng → Bể lọc áp lực → Dẫn nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc.

- *Nhà máy Sung Ju 2:* Nước rửa tay, nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại → Bể khử trùng → Dẫn nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc.

- *Đối với đơn vị thuê lại nhà xưởng tại nhà máy Sung Ju 1:* Công ty TNHH Sung Ju Vina tiếp nhận, thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà xưởng cho thuê dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 105 m³/ngày của Dự án để xử lý. Quá trình tiếp nhận và xử lý nước thải phát sinh từ đơn vị thuê nhà xưởng phải đảm bảo theo các yêu cầu quy định tại Điều 20 Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án được xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nối nước thải của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc (QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B).

** Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sản xuất:*

- *Đối với nhà máy Sung Ju 1 và nhà máy Sung Ju 2:* Nước giải nhiệt được tuần hoàn tái sử dụng hoàn toàn, không xả ra môi trường.

- *Đối với nước thải sản xuất phát sinh từ đơn vị thuê lại nhà xưởng (nếu có):* Đơn vị thuê nhà xưởng có trách nhiệm lắp đặt (không xây dựng) công trình thu gom, xử lý nước thải sản xuất và ký hợp đồng thu gom, xử lý nước thải sản xuất với đơn vị chủ đầu tư hạ tầng KCN Minh Hưng – Hàn Quốc hoặc đơn vị có chức năng theo quy định, không được phép xả thải nước thải sản xuất vào hệ thống xử lý nước thải của nhà máy Sung Ju 1.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Đảm bảo nước giải nhiệt được tái sử dụng hoàn toàn, không xả ra môi trường. Đơn vị thuê nhà xưởng phải chịu trách nhiệm về chất lượng nước thải sản xuất sau hệ thống xử lý nước thải lắp đặt tại nhà xưởng thuê.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn thi công, lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Bụi, khí thải do các phương tiện vận chuyển, hoạt động của các loại máy móc thiết bị phục vụ thi công cải tạo hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải và lắp đặt bổ sung máy móc, thiết bị sản xuất:* Có kế hoạch thi công thích hợp, trang bị bảo hộ lao động, tập huấn an toàn lao động cho công nhân, thiết bị máy móc được sử dụng đảm bảo kỹ thuật, quy hoạch tuyến đường vận chuyển phế thải, máy móc, thiết bị hợp lý...

- *Khí thải từ quá trình hàn công trình xây dựng và lắp đặt thiết bị:* Bố trí thời gian làm việc hợp lý, trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thi công...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực thi công và lắp đặt máy móc, thiết bị đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào nhà máy, quá trình vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa:* Kiểm tra kỹ thuật, bảo dưỡng xe định kỳ; vệ sinh, thu dọn đất cát trong khuôn viên Dự án; bố trí bãi đậu xe hợp lý, xe chờ đúng tải trọng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về giao thông...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in, hơi khí hàn trong quá trình sản xuất:*

+ *Nhà máy Sung Ju 1:* Chủ Dự án tiến hành cải tạo, nâng cấp 01 hệ thống xử lý khí thải hơi khí hàn, 01 hệ thống xử lý hơi dung môi như: Bổ sung chụp hút, lắp đặt thêm bộ lọc than hoạt tính và nâng chiều cao ống khói. Quy trình công nghệ xử lý sau khi cải tạo, nâng công suất bao gồm những hạng mục chính như sau:

Hệ thống xử lý hơi khí hàn: Hơi khí hàn → Chụp hút → Ống dẫn có bộ phận lọc than hoạt tính → Quạt hút → Ống khói (chiều cao 13,5 m, đường kính 0,2 m).

Hệ thống xử lý hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in: Hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in → Chụp hút → Ống dẫn có bộ phận lọc than hoạt tính → Quạt hút → Ống khói (chiều cao 13,5 m, đường kính 0,2 m).

Hơi khí hàn, hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in sau hệ thống xử lý đạt cột B QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (căn cứ lưu lượng nguồn thải phát sinh để áp dụng hệ số k_p phù hợp); QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với chất hữu cơ.

+ *Nhà máy Sung Ju 2:* Chủ Dự án đã lắp đặt 01 hệ thống xử lý hơi khí hàn và 01 hệ thống xử lý hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in với quy trình xử lý bao gồm các hạng mục chính sau:

Hệ thống xử lý hơi khí hàn: Hơi khí hàn → Chụp hút → Ống dẫn có bộ phận lọc than hoạt tính → Quạt hút → Ống khói (chiều cao 13 m, đường kính 0,2 m).

Hệ thống xử lý hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in: Hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in → Chụp hút → Ống dẫn có bộ phận lọc than hoạt tính → Quạt hút → Ống khói (chiều cao 13 m, đường kính 0,2 m).

Hơi khí hàn, hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in sau hệ thống xử lý đạt cột B QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp

đối với bụi và các chất vô cơ (căn cứ lưu lượng nguồn thải phát sinh để áp dụng hệ số k_p phù hợp); QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với chất hữu cơ.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi phát sinh trong quá trình sản xuất:* Vệ sinh quét dọn thường xuyên khu vực sản xuất; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân, thông gió trong khu vực sản xuất...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên:* Bố trí riêng biệt khu chứa rác, thường xuyên quét dọn, hợp đồng thu gom định kỳ...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất của Dự án đạt cột B QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ và các quy định hiện hành. Môi trường không khí khu vực sản xuất đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

3.3.1. Trong giai đoạn thi công, lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Chất thải rắn từ quá trình thi công, lắp đặt máy móc thiết bị:* Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn phát sinh và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý cùng với chất thải rắn sản xuất không nguy hại phát sinh từ nhà máy Sung Ju 1 theo đúng quy định của pháp luật.

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Thu gom và lưu trữ trong các thùng chứa loại 25 lít và 240 lít bằng nhựa, có nắp đậy. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Chất thải rắn sinh hoạt:*

+ *Nhà máy Sung Ju 1:* Bố trí các thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy, sau đó lưu giữ vào kho chứa chất thải rắn sinh hoạt, diện tích 12 m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

+ *Nhà máy Sung Ju 2*: Bố trí các thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy, sau đó lưu giữ vào kho chứa chất thải rắn sinh hoạt, diện tích 12 m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường*:

+ *Nhà máy Sung Ju 1*: Thu gom toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường lưu chứa vào trong kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường với diện tích 30 m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

+ *Nhà máy Sung Ju 2*: Thu gom toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường lưu chứa vào trong kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường với diện tích 12 m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn thi công, lắp đặt máy móc, thiết bị:

- Phân loại, lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng đặt trong kho chứa chất thải nguy hại hiện hữu của nhà máy Sung Ju 1 với diện tích 06 m² có mái che, vách bao quanh, phân khu, dán nhãn, có gờ bao quanh, rãnh rôn thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng, thiết bị phòng cháy chữa cháy... Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Nhà máy Sung Ju 1*: Phân loại, lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng đặt trong kho chứa chất thải nguy hại với diện tích 06 m² có mái che, vách bao quanh, phân khu, dán nhãn, có gờ bao quanh, rãnh rôn thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng, thiết bị phòng cháy chữa cháy... Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Nhà máy Sùng Ju 2*: Phân loại, lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng đặt trong kho chứa chất thải nguy hại với diện tích 12 m² có mái che, vách bao quanh, phân khu, dán nhãn, có gờ bao quanh, rãnh rốn thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng, thiết bị phòng cháy chữa cháy... Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn thi công, lắp đặt máy móc, thiết bị:

- Các phương tiện vận chuyển và máy móc thiết bị phục vụ Dự án phải đạt Tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn kỹ thuật và môi trường, không thi công vào các giờ cao điểm để tránh gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh, không nổ máy trong khi chờ bốc dỡ nguyên vật liệu...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Tuân thủ QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - Giá trị tại nơi làm việc; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu tại nơi làm việc và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong giai đoạn thi công và lắp đặt máy móc, thiết bị Dự án.

3.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn và độ rung*: Lắp đặt thiết bị có chất lượng tốt đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân, trồng cây xanh, thảm cỏ xung quanh nhà máy...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nhiệt dư*: Thiết kế nhà máy thông thoáng, thông gió tự nhiên, bố trí các chụp hút trên trần mái; trồng cây xanh xung quanh nhà máy...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Tuân thủ QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - Giá trị tại nơi làm việc; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu tại nơi làm việc và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án. Trồng, chăm sóc, duy trì cây xanh trong khuôn viên nhà máy, đảm bảo tỷ lệ diện tích đất cây xanh đạt tối thiểu 20% tổng diện tích của Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

3.6.1. Trong giai đoạn thi công lắp đặt máy móc, thiết bị:

Thực hiện các biện pháp để phòng ngừa, ứng phó tai nạn lao động, tai nạn giao thông, các sự cố về cháy nổ... theo đúng nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và tuân thủ các quy định hiện hành.

3.6.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố cháy nổ:* Các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất, hệ thống điện, hệ thống phòng cháy chữa cháy được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ. Thiết lập khoảng cách ly an toàn của kho chứa nguyên liệu, kho thành phẩm với các công trình khác hoặc khu vực sản xuất. Sắp xếp cách bố trí máy móc thiết bị đảm bảo trật tự, gọn gàng và có khoảng cách an toàn cho công nhân làm việc khi có sự cố xảy ra; các nguyên vật liệu dễ cháy, hóa chất gây cháy được lưu trữ trong nhà kho, cách ly với các loại nguyên vật liệu khác...

- *Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động:* Trang bị các thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân, huấn luyện cho công nhân về vệ sinh an toàn lao động, xây dựng nội quy an toàn lao động cho từng công đoạn sản xuất, biển báo nhắc nhở nơi sản xuất nguy hiểm, thường xuyên thực hiện việc kiểm tra và giám sát sức khỏe định kỳ cho công nhân.

- *Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố an toàn giao thông:* Sử dụng các phương tiện vận chuyển phù hợp, còn hạn kiểm định. Vận chuyển với tải trọng phù hợp. Tuyên truyền ý thức giao thông đối với các tài xế lái xe vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm...

- *Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất:* Ban hành quy trình vận hành an toàn đối với khâu bốc xếp nguyên liệu từ xe vào kho chứa, vận chuyển nguyên liệu sản xuất, thao tác trong quá trình sản xuất; lựa chọn nhà cung cấp hóa chất uy tín, đảm bảo chất lượng hóa chất và bao bì an toàn, không rách, thủng trong quá trình di chuyển. Xây dựng biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất theo quy định. Bố trí kho chứa hóa chất và sản phẩm hợp lý, an toàn. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý môi trường:* Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải, nước thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống như trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý...

- *Phương án phòng ngừa sự cố ngộ độc hóa chất, ngộ độc thực phẩm:* Thực hiện huấn luyện định kỳ về an toàn lao động và xử lý môi trường. Sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động được cấp trong khi thao tác sản xuất. Thực hiện đo đạc khảo sát định kỳ các thông số môi trường lao động. Chuẩn bị đầy đủ thuốc men, phương tiện y tế để đối phó với trường hợp ngộ độc. Quy định nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh thực phẩm đối với đơn vị nhà ăn của Công ty...

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

4.1. Danh mục công trình bảo vệ môi trường của nhà máy Sung Ju 1:

- Bể tự hoại 3 ngăn; số lượng 05 bể.
- Hệ thống xử lý nước thải, công suất 105 m³/ngày.đêm.
- Hệ thống xử lý hơi khí hàn; số lượng 01 hệ thống, công suất 56.650 m³/giờ.

- Hệ thống xử lý hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in; số lượng 01 hệ thống, công suất 20.628 m³/giờ.

- Khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt có diện tích 12 m².

- Khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp có diện tích 30 m².

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại có diện tích 06 m².

- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

4.2. Danh mục công trình bảo vệ môi trường của nhà máy Sung Ju 2:

- Bể tự hoại 3 ngăn; số lượng 02 bể.

- Bể khử trùng nước thải; số lượng 01 bể.

- Hệ thống xử lý hơi khí hàn; số lượng 01 hệ thống, công suất 42.000 m³/giờ.

- Hệ thống xử lý hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in; số lượng 01 hệ thống, công suất 42.000 m³/giờ.

- Khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt có diện tích 12 m².

- Khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp có diện tích 12 m².

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại có diện tích 12 m².

- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:

5.1. Chương trình giám sát giai đoạn thi công, lắp đặt máy móc, thiết bị:

5.1.1. Chương trình giám sát tại nhà máy Sung Ju 1:

a) Giám sát môi trường không khí khu vực cải tạo hệ thống xử lý nước thải:

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại khu vực cải tạo hệ thống xử lý nước thải (nhà máy Sung Ju 1).

- Thông số giám sát: Vi khí hậu, bụi, ồn, NO₂, SO₂, CO.

- Tần suất giám sát: 01 tháng trong giai đoạn thi công.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

b) Giám sát môi trường không khí khu vực sản xuất:

- Vị trí giám sát và thông số giám sát:

+ 01 điểm tại khu vực hàn: Nhiệt độ, độ ẩm, bụi, tiếng ồn, NO₂, SO₂, CO, hơi thiếc, VOC.

+ 01 điểm tại khu vực lắp ráp: Nhiệt độ, độ ẩm, bụi, tiếng ồn, NO₂, SO₂, CO, hơi thiếc, VOC.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng: QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;

QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc, QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

c) **Giám sát khí thải:**

- *Vị trí giám sát và thông số giám sát:*

+ 01 vị trí tại ống khói thải hơi dung môi: Lưu lượng, VOC.

+ 01 vị trí tại ống khói thải hơi hàn: Nhiệt độ, lưu lượng, bụi, hơi Sn, VOC.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* Cột B QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với chất hữu cơ.

d) **Giám sát nước thải:**

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại hố ga thoát nước thải sau hệ thống xử lý.

- *Thông số giám sát:* pH, BOD₅, COD, hàm lượng chất rắn lơ lửng (SS), amoniac, tổng N, tổng P, coliform, dầu mỡ khoáng, dầu mỡ động thực vật.

- *Tần suất quan trắc:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 40:2011/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

e) **Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:**

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên.

- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

5.1.2. Chương trình giám sát tại nhà máy Sung Ju 2:

a) **Giám sát môi trường không khí khu vực sản xuất:**

- *Vị trí và thông số giám sát:*

+ 01 vị trí tại khu vực hàn: Vi khí hậu, tiếng ồn, heptan, bụi.

+ 01 vị trí tại khu vực chích keo: Vi khí hậu, tiếng ồn, acrylonitrile, butadiene, methyl methacrylate, VOC, bụi.

+ 01 vị trí tại khu vực vực sấy. Vi khí hậu, tiếng ồn, acrylonitrile, butadiene, methyl methacrylate, VOC, bụi.

+ 01 vị trí tại khu vực in: Vi khí hậu, tiếng ồn, acrylonitrile, butanone, acetone, methanol, acetic acid, bụi.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng: QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc, QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

b) Giám sát khí thải:

- Vị trí giám sát và thông số giám sát:

+ 01 vị trí tại ống khói thoát khí sau hệ thống xử lý hơi keo, hơi mực in: Lưu lượng, butanone, acetone, methanol, acid acetic, acrylonitrile, butadiene, methyl methacrylate, VOC.

+ 01 vị trí tại ống khói thoát khí sau hệ thống xử lý hơi thiếc: Lưu lượng, nhiệt độ, bụi, Sn, heptan.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: Cột B QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với chất hữu cơ.

c) Giám sát nước thải:

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại hố ga trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc.

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, tổng dầu mỡ động thực vật, amoniac, tổng N, tổng P, coliform.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

d) Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ chất thải rắn chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của

Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

5.2. Chương trình giám sát giai đoạn vận hành thử nghiệm:

5.2.1. Giám sát khí thải:

a) Nhà máy Sung Ju 1:

- *Vị trí, thông số giám sát:*

+ 01 vị trí tại miệng thải của ống khói thoát hơi keo: Lưu lượng, nhiệt độ, VOC, phenol, toluen, butadinene.

+ 01 vị trí tại miệng thải của ống khói thoát hơi khí hàn: Lưu lượng, nhiệt độ, bụi, SO₂, NO_x, CO, Sn.

- *Tần suất giám sát:* Theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ ($k_p=0,9$; $k_v=1,0$); QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với chất hữu cơ.

b) Nhà máy Sung Ju 2:

- *Vị trí, thông số giám sát:*

+ 01 vị trí tại miệng thải của ống khói thoát hơi keo: Lưu lượng, nhiệt độ, VOC, phenol, toluen, butadinene.

+ 01 vị trí tại miệng thải của ống khói thoát hơi khí hàn: Lưu lượng, nhiệt độ, bụi, SO₂, NO_x, CO, Sn.

- *Tần suất giám sát:* Theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ ($k_p=0,9$; $k_v=1,0$); QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với chất hữu cơ.

5.2.2. Giám sát nước thải:

a) Nhà máy Sung Ju 1:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại hố ga đầu vào hệ thống xử lý nước thải, 01 vị trí tại hố ga đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc và từng công đoạn theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, TSS, BOD₅, COD, tổng N, tổng P, amoni, dầu mỡ động thực vật, dầu mỡ khoáng, coliform.

- *Tần suất giám sát:* Theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- *Quy chuẩn so sánh:* Tiêu chuẩn đầu nối nước thải của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

b) Nhà máy Sung Ju 2:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại hố ga đầu nối nước thải đầu ra sau bể khử trùng.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, TSS, BOD₅, COD, tổng N, tổng P, amoni, dầu mỡ động thực vật, dầu mỡ khoáng, coliform.

- *Tần suất giám sát:* Theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- *Quy chuẩn so sánh:* Tiêu chuẩn đầu nối nước thải của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

5.3. Chương trình giám sát giai đoạn vận hành thương mại:

5.3.1. Giám sát môi trường không khí khu vực sản xuất:

a) Nhà máy Sung Ju 1:

- *Vị trí và thông số giám sát:*

+ 01 vị trí tại khu vực hàn: Nhiệt độ, bụi, tiếng ồn, NO₂, SO₂, CO, Sn.

+ 01 vị trí tại khu vực chích keo: Nhiệt độ, bụi, tiếng ồn, NO₂, SO₂, CO, toluen, ethanol, methyl methacrylate, VOC.

+ 01 vị trí tại khu vực in tem: Nhiệt độ, bụi, tiếng ồn, NO₂, SO₂, CO, acetone, butanone.

+ 01 vị trí tại khu vực lắp ráp: Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, bụi.

- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và các quy định hiện hành.

b) Nhà máy Sung Ju 2:

- *Vị trí và thông số giám sát:*

+ 01 vị trí tại khu vực hàn: Nhiệt độ, bụi, tiếng ồn, NO₂, SO₂, CO, Sn.

+ 01 vị trí tại khu vực chích keo: Nhiệt độ, bụi, tiếng ồn, NO₂, SO₂, CO, toluen, ethanol, methyl methacrylate, VOC.

+ 01 vị trí tại khu vực in tem: Nhiệt độ, bụi, tiếng ồn, NO₂, SO₂, CO, acetone, butanone.

+ 01 vị trí tại khu vực lắp ráp: Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, bụi.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng: QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và các quy định hiện hành.

5.3.2. Giám sát khí thải tại nguồn:

a) Nhà máy Sung Ju 1:

- Vị trí, thông số giám sát:

+ 01 vị trí tại miệng thải của ống khói thoát hơi keo: Lưu lượng, nhiệt độ, VOC, phenol, toluen, butadinene.

+ 01 vị trí tại miệng thải của ống khói thoát hơi khí hàn: Lưu lượng, nhiệt độ, bụi, SO_2 , NO_x , CO, Sn.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (căn cứ lưu lượng nguồn thải phát sinh để áp dụng hệ số k_p phù hợp); QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với chất hữu cơ.

b) Nhà máy Sung Ju 2:

- Vị trí, thông số giám sát:

+ 01 vị trí tại miệng thải của ống khói thoát hơi keo: Lưu lượng, nhiệt độ, VOC, phenol, toluen, butadinene.

+ 01 vị trí tại miệng thải của ống khói thoát hơi khí hàn: Lưu lượng, nhiệt độ, bụi, SO_2 , NO_x , CO, Sn.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (căn cứ lưu lượng nguồn thải phát sinh để áp dụng hệ số k_p phù hợp); QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với chất hữu cơ.

5.3.3. Giám sát nước thải:

a) Nhà máy Sung Ju 1:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại hố ga đầu vào và 01 vị trí tại hố ga đầu nổi nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, TSS, BOD, COD, tổng N, tổng P, amoni, dầu mỡ động thực vật, dầu mỡ khoáng, coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: Tiêu chuẩn đầu nổi nước thải của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

b) Nhà máy Sung Ju 2:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại hố ga đầu nổi nước thải đầu ra sau bể khử trùng
- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, TSS, BOD, COD, tổng N, tổng P, amoni, dầu mỡ động thực vật, dầu mỡ khoáng, coliform.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: Tiêu chuẩn đầu nổi nước thải của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

3.3.4. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ chất thải rắn chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại (nhà máy Sung Ju 1 và nhà máy Sung Ju 2).
- Thông số giám sát: Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên.
- Quy định áp dụng: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường: Các yêu cầu đối với Chủ Dự án:

6.1. Vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo đúng quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

6.2. Tuân thủ Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

6.3. Tuân thủ các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định hiện hành.

6.4. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6.5. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho Dự án.

6.6. Thực hiện việc đăng ký, công bố chất lượng các loại sản phẩm của Dự án trước khi thương mại hóa theo các quy định của pháp luật hiện hành (nếu có).

6.7. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

6.8. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

6.9. Đối với hoạt động của các nhà xưởng cho thuê: Đơn vị thuê lại nhà xưởng căn cứ vào tính chất, quy mô của dự án thuê lại nhà xưởng phải thực hiện các thủ tục môi trường riêng. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường nhằm xử lý bụi, khí thải, (nếu có), chất thải rắn, chất thải nguy hại và thực hiện các biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố được thể hiện trong hồ sơ môi trường riêng của nhà xưởng thuê do bên thuê thực hiện.

6.10. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành./.

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Phòng cháy và chữa cháy.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số:..... ngày 16/10/2014 của: Công ty TNHH Sung Ju Vina

Người đại diện là Ông/Bà: **Choi Yun Kil**

Chức danh: **Tổng Giám đốc**

PHÒNG CS. PCCC&CNCH CÔNG AN TỈNH BÌNH PHƯỚC
CHỨNG NHẬN:

NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA

Địa điểm xây dựng: KCN Minh Hưng – Hàn Quốc, Minh Hưng – Chơn Thành - Bình Phước

Chủ đầu tư: Công ty TNHH SUNG JU VINA

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty cổ phần xây dựng và kỹ thuật Sinh Hùng

Đã được thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau: Bậc chịu lửa, khoảng cách ngăn cháy, lối thoát nạn, giao thông phục vụ chữa cháy, hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường, hệ thống chữa cháy tự động, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chống sét đánh thẳng theo tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: Chủ đầu tư phải phối hợp cùng Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH thực hiện việc nghiệm thu về Phòng cháy và chữa cháy trước khi đưa công trình vào sử dụng.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư
- C66 – BCA
- Lưu: PC66.

Bình Phước, ngày 27 tháng 10 năm 2014

TRƯỞNG PHÒNG



Thượng tá Dương Văn Đức

CÁI TỈNH BÌNH PHƯỚC
PHÒNG CS. PCCC&CNCH

Số: 121/TDPCCC-PC66

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Phòng cháy và chữa cháy.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số:..... ngày 16/10/2014 của: Công ty TNHH Sung Ju Vina

Người đại diện là Ông/Bà: Choi Yun Kil

Chức danh: Tổng Giám đốc

**PHÒNG CS. PCCC&CNCH CÔNG AN TỈNH BÌNH PHƯỚC
CHỨNG NHẬN:**

NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA

Địa điểm xây dựng: KCN Minh Hưng – Hàn Quốc, Minh Hưng – Chơn Thành - Bình Phước

Chủ đầu tư: Công ty TNHH SUNG JU VINA

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty cổ phần xây dựng và kỹ thuật Sinh Hùng

Đã được thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau: Bậc chịu lửa, khoảng cách ngăn cháy, lối thoát nạn, giao thông phục vụ chữa cháy, hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường, hệ thống chữa cháy tự động, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chống sét đánh thẳng theo tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: Chủ đầu tư phải phối hợp cùng Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH thực hiện việc nghiệm thu về Phòng cháy và chữa cháy trước khi đưa công trình vào sử dụng. *Võ Văn Đức*

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư
- C66 – BCA
- Lưu: PC66.

Bình Phước, ngày 27 tháng 10 năm 2014

TRƯỞNG PHÒNG



Thượng tá Dương Văn Đức

(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt về Phòng cháy và chữa cháy số 121/TDPCCC-PC66, ngày 27 tháng 10 năm 2014)

[illegible]

Số: 156/TĐ-PCCC

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số ngày 04/06/2018 của: Công ty TNHH Sung Ju Vina

Người đại diện là Ông/Bà: Choi Yua Kil..... Chức danh: Giám đốc.....

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH - CÔNG AN TỈNH BÌNH PHƯỚC

CHỨNG NHẬN:

Nhà máy sản xuất thiết bị điện tử: giai đoạn 2

Địa điểm xây dựng: KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, huyện Chợ Thành, tỉnh Bình Phước

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH Sung Ju Vina

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty TNHH P.T.C.N. Thành Công

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

Bậc chịu lửa, khoảng cách ngăn cháy, đường lối thoát nạn, gian thông phục vụ chữa cháy, hệ thống cấp nước chữa cháy, vách tường, hệ thống chữa cháy tự động, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chống sét đánh thẳng.

Hạng mục thẩm duyệt gồm: nhà xưởng 4.400m², nhà xe, nhà rác, nhà bơm... hệ nước PCCC, nhà kho mở rộng, nhà máy nén khí, nhà keo.

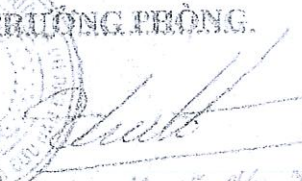
theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Nơi nhận:

- Chia đầu tư;

.....

- Lưu: PCCC.

Định Khử ngày 04 tháng 06 năm 2018
TRƯỞNG PHÒNG.

Trưởng tá Nguyễn Văn Vĩnh



(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt về Phòng cháy và chữa cháy
số 156/TDPCCC-PC66, ngày 06 tháng 6 năm 2018)

Bình Phước, ngày 05 tháng 11 năm 2018

SỔ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
Mã số QLCTNH: 70.000229.T
(Cấp lần hai)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải CTNH:

Tên chủ nguồn thải: Công ty TNHH Sung Ju Vina.

Địa chỉ trụ sở chính: Lô A5, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Điện thoại: 02713.645860-65; Fax: 02713.645859.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3801081366, cấp lần đầu ngày 08/8/2014, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 29/12/2015.

Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước.

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký cơ sở phát sinh chất thải nguy hại kèm theo Danh sách chất thải nguy hại tại Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.
2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 7 của Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

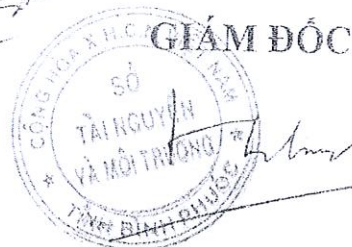
IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động (và thay thế Sổ đăng ký Chủ nguồn thải CTNH, mã số QLCTNH: 70.000229.T cấp lần đầu ngày 31/3/2016)./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Sung Ju Vina;
- GD, PGD Sở;
- Lưu: CCBVMT.

Mine



Lê Hoàng Lâm

PHỤ LỤC

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH có mã số QLCTNH: 70.000229.T do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp lần hai ngày 02 tháng 11 năm 2018)

1. Cơ sở phát sinh CTNH:

1.1. Nhà máy gia công và lắp ráp loa các loại – công suất 20.000.000 SP/năm

Địa chỉ: Lô A5, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc, xã Minh Hưng huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Điện thoại: 02713.645860-65; Fax: 02713.645858/59.

1.2. Nhà máy sản xuất loa tivi – công suất 20.000.000 SP/năm

Địa chỉ: Lô B7, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc, xã Minh Hưng huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Điện thoại: 02713.645860-65; Fax: 02713.645858/59.

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên (trước tính):

2.1. Nhà máy gia công và lắp ráp loa các loại – công suất 20.000.000 SP/năm

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Phế thải kim loại bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	1.200	11 04 01
2	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn	24	13 01 01
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	24	16 01 06
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	20	17 02 03
5	Bao bì mềm thải có các thành phần nguy hại	Rắn	60	18 01 01
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại (thùng, can kim loại chứa dầu nhớt, hóa chất thải)	Rắn	936	18 01 02
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng, can nhựa chứa dầu nhớt, hóa chất)	Rắn	648	18 01 03

8	Giẻ lau, vải bảo vệ thái bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	300	18 02 01
9	Pin, ắc quy chì thái	Rắn	144	19 06 01
Tổng số lượng			3.356	

2.2. Nhà máy sản xuất loa tivi – công suất 20.000.000 SP/năm

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Phế thải kim loại bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	1.560	11 04 01
2	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn	32	13 01 01
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	32	16 01 06
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	15	17 02 03
5	Bao bì mềm thải có các thành phần nguy hại	Rắn	78	18 01 01
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại (thùng, can kim loại chứa dầu nhớt, hóa chất thải)	Rắn	1.217	18 01 02
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng, can nhựa chứa dầu nhớt, hóa chất thải)	Rắn	843	18 01 03
8	Giẻ lau, vải bảo vệ thái bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	390	18 02 01
9	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	188	19 06 01
Tổng số lượng			4.355	

3. Danh sách chất thải nguy hại đăng ký tự tái sử dụng, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH tại cơ sở (nếu có): không có

HỢP ĐỒNG
V/V THU GOM VẬN CHUYỂN RÁC THẢI SINH HOẠT
Số: 31/HĐKT.RSH.2022

Bình Phước, ngày 01 tháng 01 năm 2022

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu lực kể từ ngày 01/09/2018.
- Căn cứ vào Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23/06/2014 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015.
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 01 năm 2022, chúng tôi gồm có:

Bên A (bên thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt): CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG TIỀN DŨNG

Địa chỉ: Tổ 10, Ấp 3A, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Số điện thoại: 0933576504

Mã số thuế: 3801236323

Đại diện ông: **TRẦN TIỀN DŨNG**

Chức vụ: Giám đốc

Số tài khoản: 112002866161 - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Chi nhánh Bình Phước - PGD Hớn Quản).

Bên B: : CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA

Địa chỉ: Lô A5, KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, Xã Minh Hưng, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.

Số điện thoại:

Fax:

Mã số thuế: 3801081366

Đại diện: **SONG YOU WOO**

Chức danh: Tổng Giám đốc

Số tài khoản: 050055235357 - Ngân hàng Sacombank (CN Chơn Thành Bình Phước).

Điều I: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên B giao cho bên A thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trong Công ty tại địa điểm:
Lô A5, KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, Xã Minh Hưng, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.

Điều II: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Đơn giá thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt là: 26.000.000 đồng/tháng (chưa bao gồm VAT). Bên A sẽ xuất hóa đơn cho bên B vào cuối mỗi tháng.
2. Thời gian thu gom: 05 lần/tuần.
3. Hình thức thanh toán: Bên B thanh toán cho bên A bằng hình thức chuyển khoản hoặc tiền mặt.
4. Loại tiền thanh toán là VNĐ (Việt Nam đồng).



40-20/2022/HĐNH-TĐA

Bình Phước, ngày 02 tháng 03 năm 2022

HỢP ĐỒNG XỬ LÝ CHẤT THẢI

- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005;
- Căn cứ Nghị định 08/2022/ND-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;
- Căn cứ vào giấy phép xử lý chất thải Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.674.VX do Bộ Tài Nguyên và Môi Trường cấp ngày 19/08/2021 cho CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH;
- Căn cứ vào sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại số: 70.000266.T do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Phước cấp cho CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA;
- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai bên

Hôm nay, chúng tôi đứng tên dưới đây gồm có:

BÊN A : CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA

Địa chỉ : LÔ A5, KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Điện thoại : 02713.645860 Fax: 02713.645858

Mã số thuế : 3801.081.366

Do Ông : SONG YOU WOO, Chức vụ: Tổng Giám Đốc, làm đại diện.

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH

Địa chỉ : ấp Xa Lách, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước

Điện thoại : 02713.708.900 - Fax: 02713.708.900

Mã số thuế : 3800.769.008

Do ông : LÊ THIÊN ĐỨC, Chức vụ: Tổng Giám Đốc làm đại diện.

Tài khoản số : 117000132226 tại Vietinbank PGD Hớn Quản Bình Phước.

Các bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

1.1. Nội dung hợp đồng

- Bên A đồng ý giao cho bên B thực hiện việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ, xử lý các loại chất thải trong quá trình hoạt động sản xuất của bên A. Các chất thải của bên A được đưa về xử lý tại nhà máy bên B (ấp Xa Lách, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước) theo đúng quy chuẩn kỹ thuật mà bên B đã được cơ quan quản lý môi trường cấp phép hành nghề căn cứ vào quy định của pháp luật Việt Nam.

2.2. Thời hạn hợp đồng

Hợp đồng này có thời hạn từ (4) (bốn) năm tính từ ngày hợp đồng được các bên ký.

ĐIỀU 2: THỜI GIAN THU GOM, ĐỊA ĐIỂM TIẾP NHẬN, SỐ LƯỢNG VÀ ĐƠN GIÁ XỬ LÝ CHẤT THẢI

2.1. Thời gian và địa điểm tiếp nhận chất thải:

Bên B sẽ tiến hành thu gom theo định kỳ các bên tự thông báo cho nhau.

Địa điểm tiếp nhận chất thải: Lô A5, KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa và Nhà kho tại Ấp 3, thị trấn Chén Thành, huyện Chén Thành, tỉnh Bình Phước.

Địa điểm xử lý chất thải: Nhà máy bên B đặt tại ấp Xa Lách, xã Tân Quan, huyện Hớn Quan, tỉnh Bình Phước.

2.2. Số lượng chất thải:

Được tính theo số lượng thực tế mà bên A giao cho bên B thông qua biên bản giao nhận hoặc phiếu xuất kho hoặc chứng từ chất thải có xác nhận của đại diện các bên.

2.3. Đơn giá xử lý chất thải:

TT	TÊN CHẤT THẢI	MÃ CHẤT THẢI	TRẠNG THÁI TỒN TẠI	ĐVT	ĐƠN GIÁ XỬ LÝ (VNĐ)
1	Phế thải kim loại nhiễm thành phần nguy hại	11 04 01	Rắn	Kg	4.000
2	Chất thải lây nhiễm bao gồm cả chất thải sắc nhọn	13 01 01	Rắn	Kg	4.000
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	Kg	4.000
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	Kg	4.000
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	Rắn	Kg	4.000
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	Rắn	Kg	4.000
7	Bao bì mềm thải có các thành phần nguy hại	18 01 01	Rắn	Kg	4.000
8	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	Bùn	Cu	4.000
9	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	Kg	4.000
10	Chất thải công nghiệp	/	Rắn	Kg	2.500

Ghi chú: Đơn giá trên được tính bằng Việt Nam Đồng (VNĐ), đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển, lưu trữ và xử lý, chưa bao gồm thuế VAT 8%. Thảo Dương Xanh không hoàn trả bao bì chứa chất thải.

ĐIỀU 3: HÌNH THỨC VÀ THỜI HẠN THANH TOÁN

3.1. Điều kiện thanh toán: Khi bên B xuất hóa đơn tài chính cho bên A.

3.2. Hình thức thanh toán:

Tiền xử lý bên A thanh toán cho bên B bằng hình thức Chuyển khoản bằng tiền đồng Việt Nam (VNĐ) vào tài khoản sau:

Tài khoản số: 117000132226 tại Ngân hàng Vietinbank - PGD Hớn Quán Bình Phước.

Tên tài khoản: Công ty cổ phần môi trường Thảo Dương Xanh.

3.3. Thời hạn thanh toán: Bên A thanh toán đủ 100% giá trị hóa đơn cho bên B trong vòng 07 (bảy) ngày sau khi bên B xuất hóa đơn tài chính cho bên A.

Trên đây là văn bản được soạn thảo và ký kết tại phòng làm việc của Bên A.

BIỂU ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Các bên cam kết thực hiện nghiêm túc thỏa thuận tại Hợp đồng này. Mọi tranh chấp phát sinh các bên cùng giải quyết bằng thương lượng trên cơ sở tôn trọng quyền lợi của nhau, đương nhiên không thể thương lượng được thì một trong các bên có quyền khiếu kiện tại Tòa án để tòa cấp có thẩm quyền để giải quyết theo luật định.

Mọi thay đổi phát sinh trong thời gian thực hiện Hợp đồng này mà chưa được các bên thỏa thuận thì phải lập thành văn bản dưới hình thức "*Phụ lục hợp đồng*". *Phụ lục hợp đồng* phải được xác nhận, ký tên và đóng dấu hợp pháp. *Phụ lục hợp đồng* là phần không thể tách rời đối với Hợp đồng này.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu một trong các bên tự ý đơn phương chấm dứt hợp đồng thì phải báo trước cho bên kia 30 ngày.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Sau khi hết hạn hợp đồng, nếu hai Bên không tiến hành thủ tục thanh lý hợp đồng thì hợp đồng này tự động gia hạn thêm 01 (một) năm nữa.

Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản tiếng Việt với đầy đủ các chữ ký và con dấu của các bên. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Tổng Giám đốc



SÔNG YOU WOO

ĐẠI DIỆN BÊN B

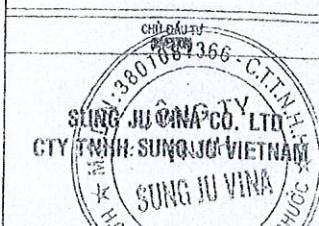
Tổng Giám đốc



LÊ THIỆN ĐỨC



A compass rose with a circular scale from 0 to 360 degrees. The cardinal directions are labeled: N (North) at the top, E (East) on the right, S (South) at the bottom, and W (West) on the left. The rose has eight points, with the cardinal points being longer than the intercardinal points.

[illegible]

SINH HUNG E&C
SINH HUNG
ENGINEERING & CONSTRUCTION
JOINT STOCK COMPANY

Head office: 25411 Hwy 104th St., Hwy 104th St., Box 104, 104th St.
Tel: 001 254 254 254 Fax: 001 254 254 254

01/01/2014

(Signature)

As TIMOTHY CHANG
THAT AS (page 10)

[illegible]
 [illegible]
 [illegible]

West (Signed by)

THE NEW YORK PUBLIC LIBRARY

SUNG JU VINA - NEW FACTORY
SUNG JU VIETNAM - NHÀ MÁY MỚI

LO AS KHU MINH HUNG HAN QUOC, TINH BINH PHUOC, VIET NAM
MINH HUNG KOREA IP, BINH PHUOC PROVINCE, VIETNAM.

FILE NO. 100-46897

[illegible]

RECEIVED
JUL 15 1964
U.S. COURT OF APPEALS
S.I.V. AD. MS-00

LEGEND - GHI CHÚ		LEGEND - GHI CHÚ		LEGEND - GHI CHÚ	
LEGEND GHI CHÚ	ITEM HÀNG MỤC	LEGEND GHI CHÚ	ITEM HÀNG MỤC	LEGEND GHI CHÚ	ITEM HÀNG MỤC
①	WORKSHOP No.01 NHÀ XƯỞNG SX SỐ 01	⑥	GUARD HOUSE NHÀ BẢO VỆ	⑪	GATE & ENTRY SIAB CỔNG & LỐI VÀO
②	WORKSHOP No.02 NHÀ XƯỞNG SX SỐ 02	⑦	TRAM BIẾN ÁP 1 TRANSFORMER STATION 1	⑫	FLAG POLE CỘT CỜ
③	LODGE HOUSE NHÀ NGHỈ GIỮA CÀ	⑧	T.S. 2 & ELEC. HOUSE TRAM BA 2 & NHÀ ĐIỆN	⑬	GREEN LAND ĐẤT CÂY XANH
④	CANTEEN NHÀ ĂN	⑨	U. W. TANK, TOWER, PUMP BỂ NƯỚC NGẦM, THỦY ĐÀI..	⑭	INTERNAL ROAD 'A' ĐƯỜNG NỘI BỘ LOẠI 'A'
⑤	PARKING NHÀ XE	⑩	WORKER TOILET NHÀ VỆ SINH CÔNG NHÂN	⑮	INTERNAL ROAD 'B' ĐƯỜNG NỘI BỘ LOẠI 'B'
⑬	WORKSHOP No.03 NHÀ XƯỞNG SX SỐ 03	⑰	HT XLNT		

(A)	HAZARDOUS SOLID WASTES CHẤT THẢI RẮN NGUY HẠI
(B)	NORMAL SOLID WASTES CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG
(C)	DOMESTIC WASTES CHẤT THẢI SINH HOẠT

NAME OF ITEM
TÊN HÀNG MỤC

FINISHING FLOOR LEVEL
CAO TRÌNH HOÀN THIỆN

UWT	+0.840
-----	--------

TT	Các hạng mục	Hạng này		Giá trị đơn vị tính theo khối		Đơn vị	Chi phí
		Đơn vị tính (t)	Tỷ lệ (%)	Đơn vị tính (t)	Tỷ lệ (%)		
1	Chi phí vận chuyển vật tư và nhân công	2.522,7	10,0	0,91	10,0		
2	Chi phí vận chuyển vật tư	2.745,0	11,2	2,73	11,2		
3	Chi phí vận chuyển vật tư	1,5	0,1	1,5	0,1		
4	Chi phí vận chuyển vật tư	205,0	0,8	200,0	1,2		
5	Chi phí vận chuyển vật tư	455,0	1,8	440,0	1,0		
6	Chi phí vận chuyển vật tư	250,0	1,0	250,0	1,0		
7	Chi phí vận chuyển vật tư (đi về)	153,5	0,6	140,5	0,5		
8	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
9	Chi phí vận chuyển vật tư	88,2	0,3	88,2	0,3		
10	Chi phí vận chuyển vật tư 200 m	0,8	0,0	0,8	0,0		
11	Chi phí vận chuyển vật tư	14,1	0,1	14,1	0,1		
12	Chi phí vận chuyển vật tư	12,5	0,0	12,5	0,0		
13	Chi phí vận chuyển vật tư	10,0	0,0	10,0	0,0		
14	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
15	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
16	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
17	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
18	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
19	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
20	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
21	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
22	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
23	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
24	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
25	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
26	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
27	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
28	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
29	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
30	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
31	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
32	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
33	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
34	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
35	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
36	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
37	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
38	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
39	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
40	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
41	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
42	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
43	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
44	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
45	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
46	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
47	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
48	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
49	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
50	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
51	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
52	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
53	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
54	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
55	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
56	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
57	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
58	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
59	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
60	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
61	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
62	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
63	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
64	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
65	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
66	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
67	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
68	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
69	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
70	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
71	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
72	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
73	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
74	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
75	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
76	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
77	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
78	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
79	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
80	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
81	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
82	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
83	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
84	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
85	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
86	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
87	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
88	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
89	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
90	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
91	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
92	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
93	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
94	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
95	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
96	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
97	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
98	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
99	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		
100	Chi phí vận chuyển vật tư	12,0	0,0	12,0	0,0		

TỶ LỆ XÁC ĐỊNH

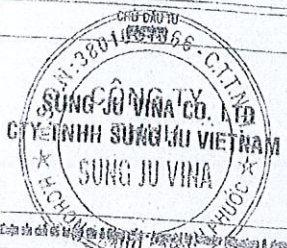
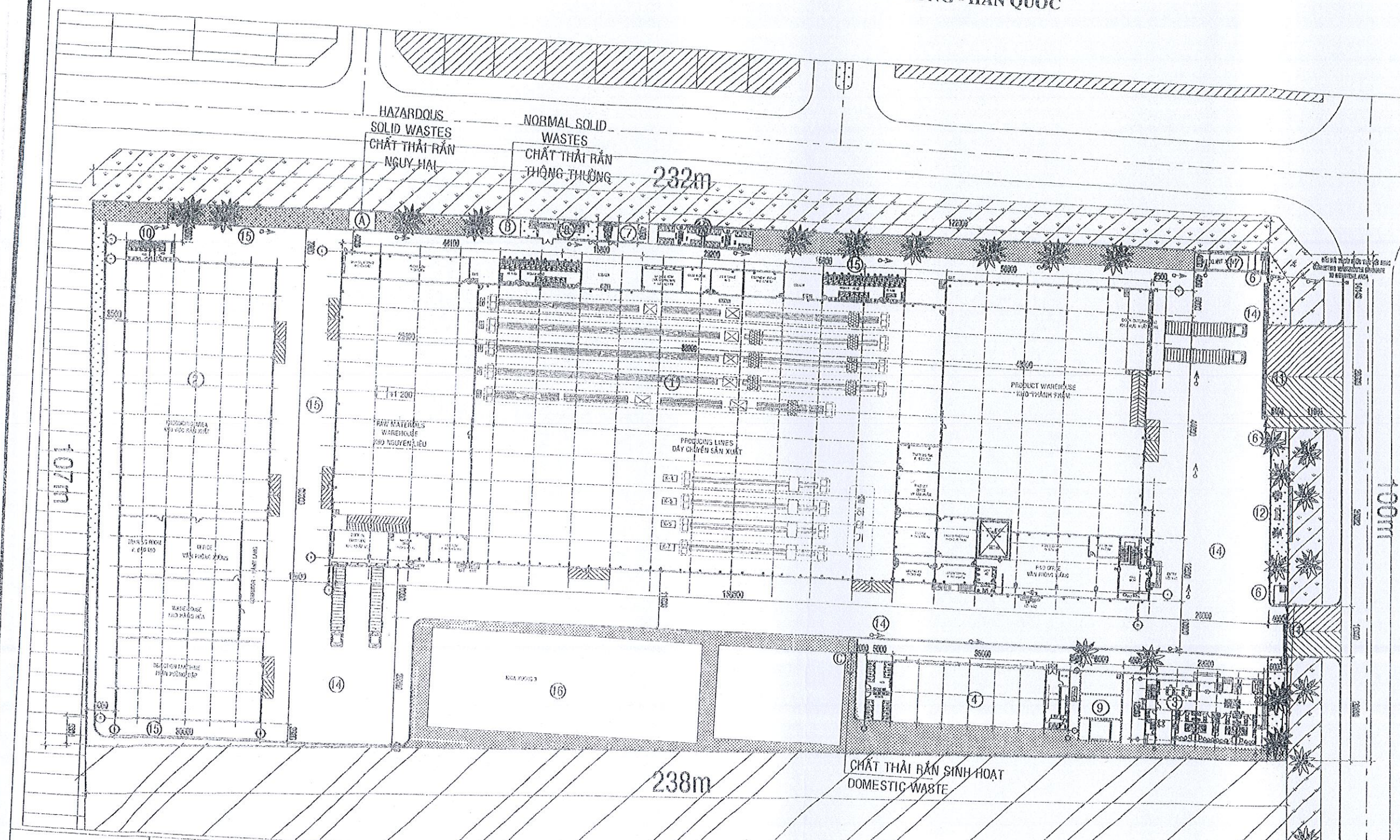
	2m	10m
1997-2000	0.0000	0.0000
2001-2004	0.0000	0.0000
2005-2008	0.0000	0.0000
2009-2012	0.0000	0.0000
2013-2016	0.0000	0.0000
2017-2020	0.0000	0.0000
2021-2024	0.0000	0.0000
2025-2028	0.0000	0.0000
2029-2032	0.0000	0.0000
2033-2036	0.0000	0.0000
2037-2040	0.0000	0.0000
2041-2044	0.0000	0.0000
2045-2048	0.0000	0.0000
2049-2052	0.0000	0.0000
2053-2056	0.0000	0.0000
2057-2060	0.0000	0.0000
2061-2064	0.0000	0.0000
2065-2068	0.0000	0.0000
2069-2072	0.0000	0.0000
2073-2076	0.0000	0.0000
2077-2080	0.0000	0.0000
2081-2084	0.0000	0.0000
2085-2088	0.0000	0.0000
2089-2092	0.0000	0.0000
2093-2096	0.0000	0.0000
2097-2100	0.0000	0.0000

May 1998
103 October 2014

財政部
(財政部)
財政部

2. IV-AD-MS-00

NHÀ MÁY SUNGJU 1 - LÔ A5 - KCN MINH HƯNG - HÀN QUỐC



Mr. Binh Huu

STT	Ngày	Nội dung
A	22/07/2018	
B	05/09/2018	
C	09/09/2018	
D	01/10/2018	

SINH HUNG E&C
SINH HUNG
 ENGINEERING & CONSTRUCTION
 JOINT - STOCK COMPANY

Head office: 18/11 Tây Thành, Tây Thành, Tây Thành, Tây Thành, Tây Thành
 Tel: 091 111 111 111 Fax: 091 111 111 111

Mr. Binh Huu (Project Manager)
 Mr. Binh Huu (Project Manager)
 Mr. Binh Huu (Project Manager)
 Mr. Binh Huu (Project Manager)
 Mr. Binh Huu (Project Manager)
 Mr. Binh Huu (Project Manager)

SUNG JU VINA - NEW FACTORY
SUNG JU VIETNAM - NHÀ MÁY MỚI

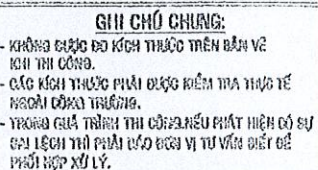
Địa điểm xây dựng:
 Lô A5 KCN MINH HƯNG HÀN QUỐC, TỈNH BÌNH PHƯỚC, VIỆT NAM
 MINH HUNG KOREA IP, BÌNH PHƯỚC PROVINCE, VIETNAM

Tên bản vẽ: (Project Name)
 Ngày: 01/10/2018
 Người vẽ: (Signature)
 Kiểm tra: (Signature)
 8JU-AD-MS-02

MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC THẢI NHÀ MÁY SUNGJU 1 - LÔ A5 - KCN MINH HƯNG HÀN QUỐC

LEGEND	ITEM	LEGEND	ITEM	LEGEND	ITEM
GHỈ CHỈ	HÀNG MỤC	GHỈ CHỈ	HÀNG MỤC	GHỈ CHỈ	HÀNG MỤC
①	WORKSHOP No.01	⑥	GUARD HOUSE	⑪	GATE & ENTRY SLAB
②	NHÀ XƯỞNG SX SỐ 01	⑦	NHÀ BẢO VỆ	⑫	CÔNG & LỐI VÀO
③	WORKSHOP No.02	⑧	TRẠM BIẾN ÁP 1	⑬	FLAG POLE
④	NHÀ XƯỞNG SX SỐ 02	⑨	T.S. 2 & ELEC. HOUSE	⑭	CỘT CỎ
⑤	LOOSE HOUSE	⑩	TRẠM BA 2 & NHÀ ĐIỆN	⑮	GREEN LAND
⑥	NHÀ NGHỈ GIỮA CÀ	⑪	U. W. TANK, TOWER, PUMP	⑯	ĐẤT CÂY XANH
⑦	CANTEEN	⑫	BỂ NƯỚC NGẤM, THỦY DẢI	⑰	INTERNAL ROAD 'A'
⑧	NHÀ ĂN	⑬	WORKER TOILET	⑱	ĐƯỜNG NỘI BỘ LOẠI 'A'
⑨	NHÀ XE	⑭	NHÀ VỆ SINH CÔNG NHÂN	⑲	ĐƯỜNG NỘI BỘ LOẠI 'B'
⑩	WORKSHOP No.03	⑮	HT XINT	⑳	ĐƯỜNG NỘI BỘ LOẠI 'C'
⑪	NHÀ XƯỞNG SX SỐ 03			㉑	

STT	Các hạng mục	Hiện tại	Giá trị	Tổng	Đơn vị
1	Nhà xưởng số 1 - 1 tầng	1.527,2	19,0	1.546,2	m²
2	Nhà xưởng số 2 - 1 tầng	2.738,0	11,2	2.749,2	m²
3	Nhà xưởng số 3 - 1 tầng	1,5	0,1	1,6	m²
4	Nhà xưởng số 4 - 1 tầng	200,0	1,2	201,2	m²
5	Nhà xưởng số 5 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
6	Nhà xưởng số 6 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
7	Nhà xưởng số 7 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
8	Nhà xưởng số 8 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
9	Nhà xưởng số 9 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
10	Nhà xưởng số 10 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
11	Nhà xưởng số 11 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
12	Nhà xưởng số 12 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
13	Nhà xưởng số 13 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
14	Nhà xưởng số 14 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
15	Nhà xưởng số 15 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
16	Nhà xưởng số 16 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
17	Nhà xưởng số 17 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
18	Nhà xưởng số 18 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
19	Nhà xưởng số 19 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
20	Nhà xưởng số 20 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
21	Nhà xưởng số 21 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
22	Nhà xưởng số 22 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
23	Nhà xưởng số 23 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
24	Nhà xưởng số 24 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
25	Nhà xưởng số 25 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
26	Nhà xưởng số 26 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
27	Nhà xưởng số 27 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
28	Nhà xưởng số 28 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
29	Nhà xưởng số 29 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
30	Nhà xưởng số 30 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
31	Nhà xưởng số 31 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
32	Nhà xưởng số 32 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
33	Nhà xưởng số 33 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
34	Nhà xưởng số 34 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
35	Nhà xưởng số 35 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
36	Nhà xưởng số 36 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
37	Nhà xưởng số 37 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
38	Nhà xưởng số 38 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
39	Nhà xưởng số 39 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
40	Nhà xưởng số 40 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
41	Nhà xưởng số 41 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
42	Nhà xưởng số 42 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
43	Nhà xưởng số 43 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
44	Nhà xưởng số 44 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
45	Nhà xưởng số 45 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
46	Nhà xưởng số 46 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
47	Nhà xưởng số 47 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
48	Nhà xưởng số 48 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
49	Nhà xưởng số 49 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
50	Nhà xưởng số 50 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
51	Nhà xưởng số 51 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
52	Nhà xưởng số 52 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
53	Nhà xưởng số 53 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
54	Nhà xưởng số 54 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
55	Nhà xưởng số 55 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
56	Nhà xưởng số 56 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
57	Nhà xưởng số 57 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
58	Nhà xưởng số 58 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
59	Nhà xưởng số 59 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
60	Nhà xưởng số 60 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
61	Nhà xưởng số 61 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
62	Nhà xưởng số 62 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
63	Nhà xưởng số 63 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
64	Nhà xưởng số 64 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
65	Nhà xưởng số 65 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
66	Nhà xưởng số 66 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
67	Nhà xưởng số 67 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
68	Nhà xưởng số 68 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
69	Nhà xưởng số 69 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
70	Nhà xưởng số 70 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
71	Nhà xưởng số 71 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
72	Nhà xưởng số 72 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
73	Nhà xưởng số 73 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
74	Nhà xưởng số 74 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
75	Nhà xưởng số 75 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
76	Nhà xưởng số 76 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
77	Nhà xưởng số 77 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
78	Nhà xưởng số 78 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
79	Nhà xưởng số 79 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
80	Nhà xưởng số 80 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
81	Nhà xưởng số 81 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
82	Nhà xưởng số 82 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
83	Nhà xưởng số 83 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
84	Nhà xưởng số 84 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
85	Nhà xưởng số 85 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
86	Nhà xưởng số 86 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
87	Nhà xưởng số 87 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
88	Nhà xưởng số 88 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
89	Nhà xưởng số 89 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
90	Nhà xưởng số 90 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
91	Nhà xưởng số 91 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
92	Nhà xưởng số 92 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
93	Nhà xưởng số 93 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
94	Nhà xưởng số 94 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
95	Nhà xưởng số 95 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
96	Nhà xưởng số 96 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
97	Nhà xưởng số 97 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
98	Nhà xưởng số 98 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
99	Nhà xưởng số 99 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²
100	Nhà xưởng số 100 - 1 tầng	150,0	1,0	151,0	m²



TY	NGÀY LẬP/ĐIỀU CHỈNH
FD	SET-UP DATE / REVISION DATE
A	12-2017
B	
C	
D	

HỌ TÊN NGƯỜI NHẬN		ISSUED FOR	
T.K. KH. PHÁP	☒	CONCEPT DESIGN	
NGUYỄN DUYỆT	☐	APPROVAL	
T.K. B. NHẬT	☐	CONSTRUCTION	
NGUYỄN CẨM	☐	REVISION	

DONG
INDUSTRIAL COMPANY

CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP ĐÔNG HAI

103 - KINH LƯƠNG - HƯNG NAI - ĐIÊN BẮC - QUẢNG NAM

01A1666
01A1667

LỄ VI NH HÒAN

DATE: _____
 REVIEWED BY: _____

Urbist

KOONG, CHUN TAT WO

CÔNG TRÌNH THIẾT KẾ • THIẾT KẾ:
ĐỒ TÀI

Handwritten signature: *COVACH*
Kts/Arch: BUI DUC THANG

CÔNG TRÌNH
FLOOR
XUẤT SẴN XUẤT 2 CÔNG
TY SUGOI VINA
SUNG H FACTORY 2

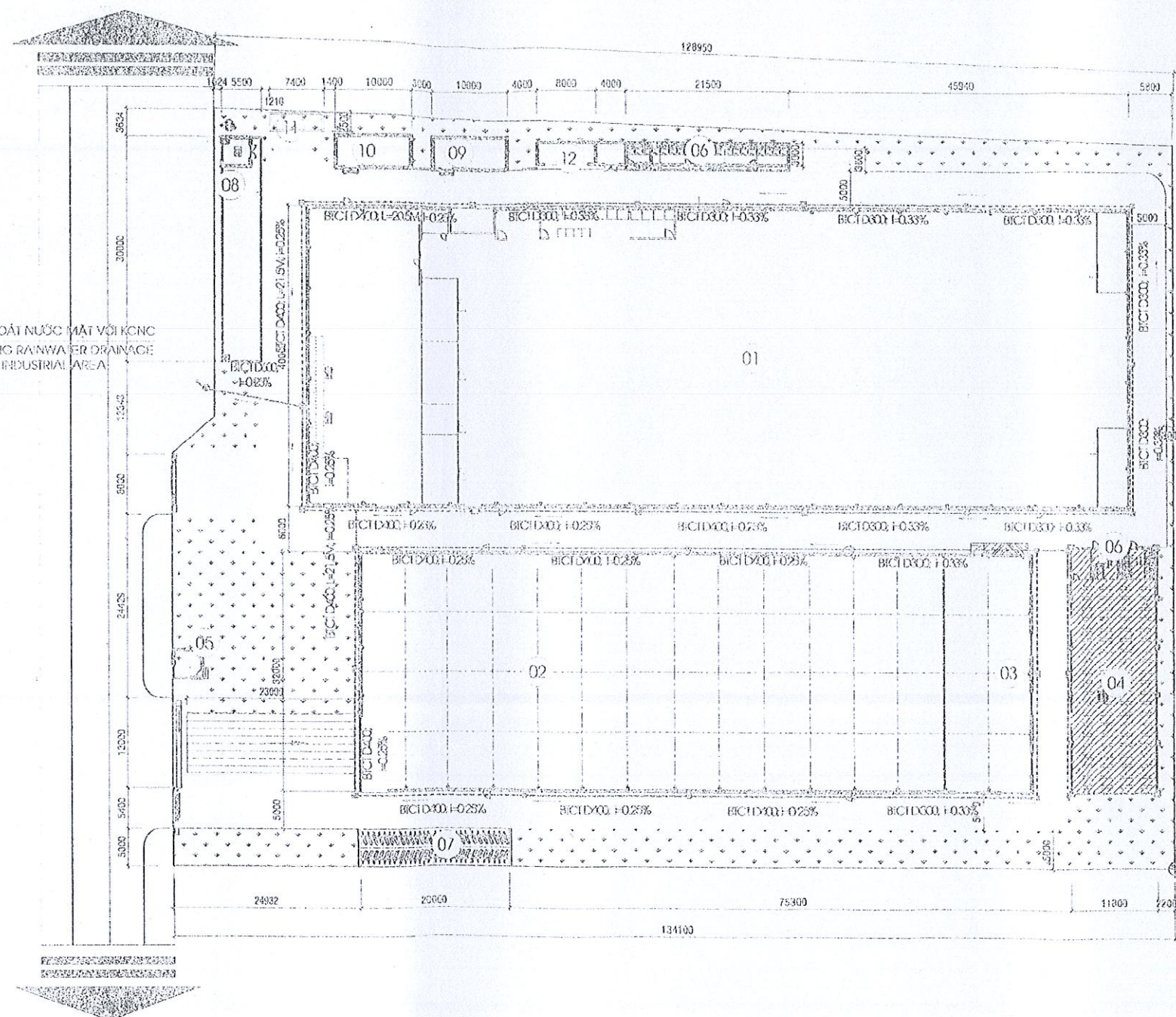
[illegible]

12.20 130 - ITEM
HẠ TẦNG
INFRASTRUCTURE

THE 1981-82 BUDGETARY YEAR

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA
RAINWATER DRAINAGE SITE PLAN

10-10 9214	10-10 9214	IS-01
---------------	---------------	-------



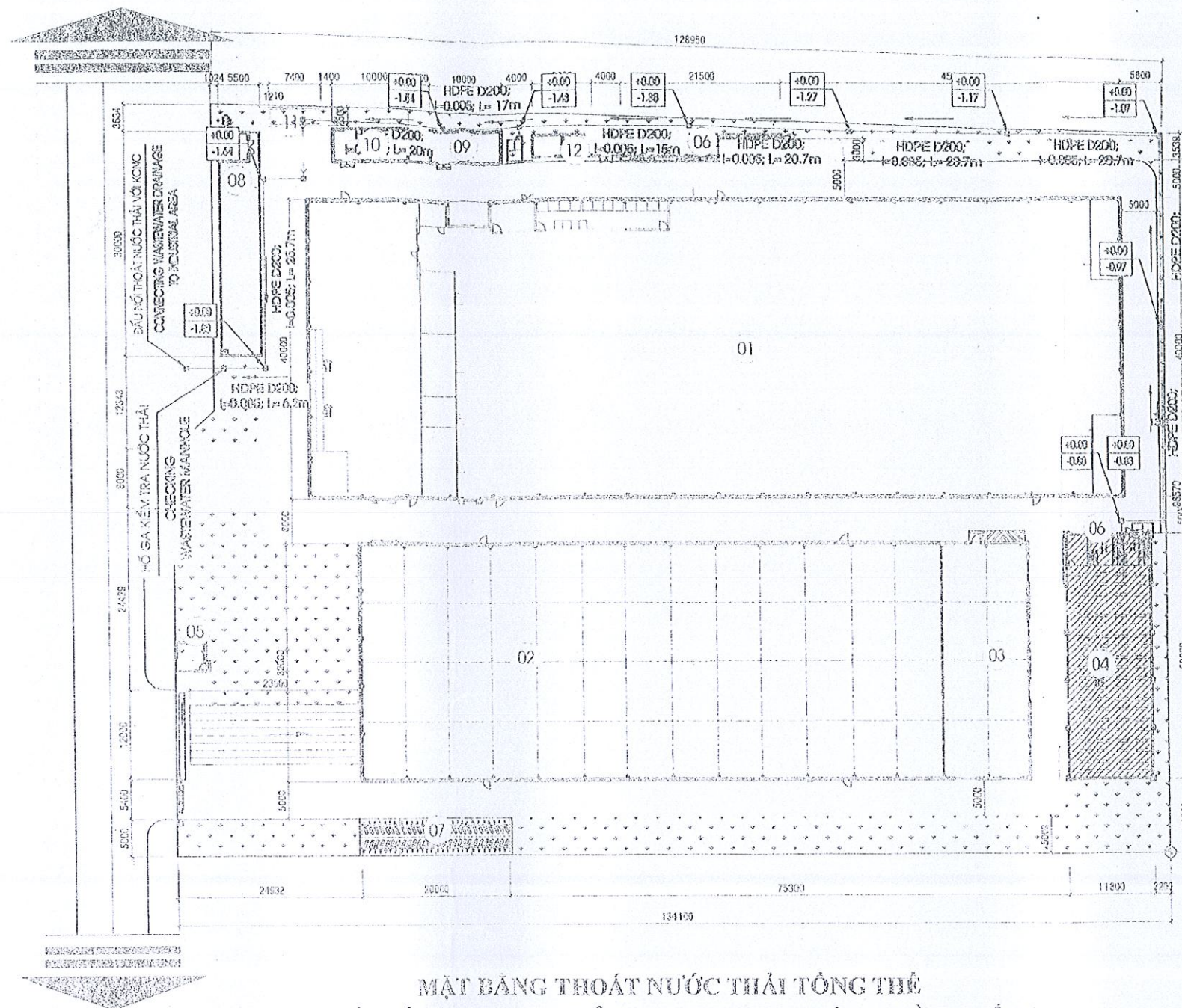
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA TỔNG THỂ
NHÀ MÁY SƯNGJU 2 - LÔ B7 - KCN MINH HƯNG - HÀN QUỐC

THỐNG KÊ HÀNG MỤC - ITEM LIST:

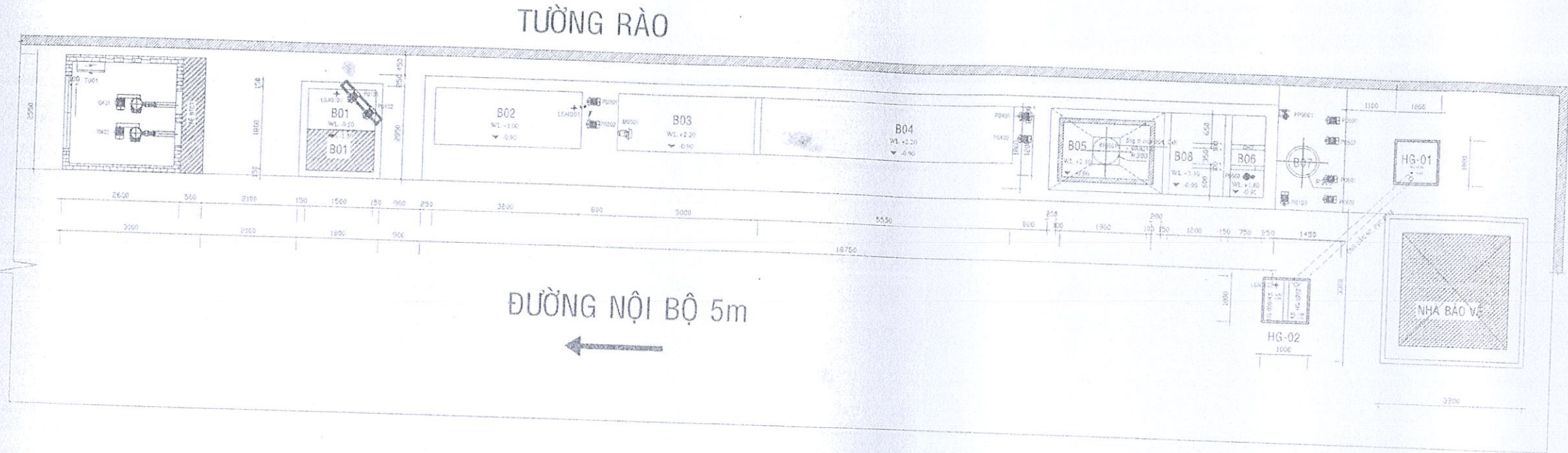
STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Vệ lệ (%)
1	Nhi công vận chuyển, lắp ráp, hàn nối, chỉnh sửa lại, không đóng gói	3.000	83,8
2	Nhà kho 1 (chưa nguyên liệu và thành phẩm)	2.800	77,7
3	Nhà kho 2	324	9,0
4	Nhiệm vụ chung khác	336	9,3
5	Nhà bếp ăn	16	0,4
6	Nhà vệ sinh	61,3	1,7
7	Nhà xe	100	2,8
8	Máy bơm, bể nước ngầm 50x5 m ²	18	0,5
9	Pompa máy nén khí	45	1,2
10	Nhiệm vụ chung khác	45	1,2
11	Bể khử trùng nước thải	18,5	0,5
12	Kho lưu trữ nhiên liệu	-	-
12.1	Lưu trữ nhiên liệu chất thải nguy hại	12	0,3
12.2	Lưu trữ sản phẩm chất thải công nghiệp hàng ngày	12	0,3
12.3	Lưu trữ nhiên liệu chất thải nguy hại	12	0,3
13	Cây xanh	2.639	73,5
14	Sân bãi đường giao thông nội bộ	1.976	54,8
	Tổng cộng	11.000	100

THỐNG KÊ HÀNG MỤC - ITEM LIST:

TT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Nhà xưởng sản xuất, lắp ráp, hàn tạo, chỉnh tạo tạo, phòng đóng gói	1.400	33,8
2	Nhà kho 1 (chứa nguyên liệu và thành phẩm)	2.850	22,2
3	Nhà kho 2	314	3,0
4	Nhà ăn công nhân	394	3,0
5	Nhà bếp	16	0,1
6	Nhà vệ sinh	64,5	0,5
7	Nhà xe	140	0,8
8	Nhà máy bơm, bình chữa cháy, phòng kỹ thuật	18	0,1
9	Phòng máy nước thải	22	0,1
10	Nhà kho	43	0,3
11	Đã xử nước thải	18,5	0,1
12	Khu vực chứa chất thải	12	0,1
12.1	Khu vực chứa chất thải công nghiệp	12	0,1
12.2	Khu vực chứa chất thải sinh hoạt	12	0,1
12.3	Khu vực chứa chất thải nguy hại	12	0,1
13	Trụ sở	1.655	20,3
14	Sân bãi, đường giao thông nội bộ	1.940	15,2
	Tổng cộng	13.960	100



MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ HTXLNT



GHI CHÚ:

- | | |
|---------------------------|--------------------------------------|
| B01: BỂ GOM 2 NGĂN | B07: CỘT LỌC |
| B02: BỂ ĐIỀU HÒA | B08: BỂ CHỨA BÙN |
| B03: BỂ ANOXIC | HG-01: HỒ GA CHỨA NƯỚC SAU XỬ LÝ |
| B04: BỂ HIẾU KHÍ MBBR | HG-02: HỒ GA TRUNG GIAN |
| B05: BỂ LẮNG LAMELLA | HG-0201: NGĂN CHỨA NƯỚC THẢI ĐẦU VÀO |
| B06: BỂ TRUNG GIAN 3 NGĂN | HG-0202: NGĂN CHỨA NƯỚC SAU XỬ LÝ |

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG PHÚC NGUYỄN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 31 tháng 05 năm 2021

Người Lập	Nhà Thầu Thi Công	Tư Vấn Giám Sát
<i>Minh</i>		
Nguyễn Tấn Minh		

Nguyễn Quốc Tuyền

GHI CHÚ / NOTES

KHÔNG ĐO TỶ LỆ TRÊN BẢN VẼ NÀY. CÁC KÍCH THƯỚC PHẢI ĐƯỢC ĐỌC CÙNG VỚI CÁC BẢN VẼ KIẾN TRÚC VÀ BẢN VẼ KẾT CẤU LIÊN QUAN. BẢN QUYỀN CỦA BẢN VẼ NÀY THUỘC VỀ CÔNG TY PHÚC NGUYỄN CO., LTD. BẤT CỤ SỰ SẠO CHÉP HOẶC SỬA CHỮA NAO ĐỀU PHẢI ĐƯỢC SỰ CHẤP THUẬN CỦA PHÚC NGUYỄN CO., LTD. THIS DRAWING IS TO BE READ IN CONJUNCTION WITH CORRESPONDING ARCHITECTURAL AND STRUCTURAL DRAWINGS. THIS DRAWING IS COPYRIGHT OR USED WITHOUT THE EXPRESS AUTHORITY OF PHÚC NGUYỄN CO., LTD.

Hiệu chỉnh / Revision

No.	Date	Mô tả / Description

Tên Dự Án / Project Name

NÂNG CẤP HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Công suất: 105 m3/ngày

SÔNG VOI WOO

KCN Minh Mạng - Bình Phước

Đơn vị Thiết kế / Contractor

PNC

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG PHÚC NGUYỄN

241A2 Huỳnh Văn Bánh, P. 12, Q. Phú Nhuận, TP HCM

Giám Đốc / Director

NGUYỄN QUỐC TUYẾN

Chủ trì / Chief Architect - Engineer

NGUYỄN QUỐC TUYẾN

Thiết Kế / Designed By

NGUYỄN TRONG VIỆT

Vẽ / Drawn by

NGUYỄN TÂN MINH

Hạng mục / Items

NÂNG CẤP HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CÔNG TY TNHH SÙNG JU VINA

Tên Bản Vẽ / Drawing Title

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ

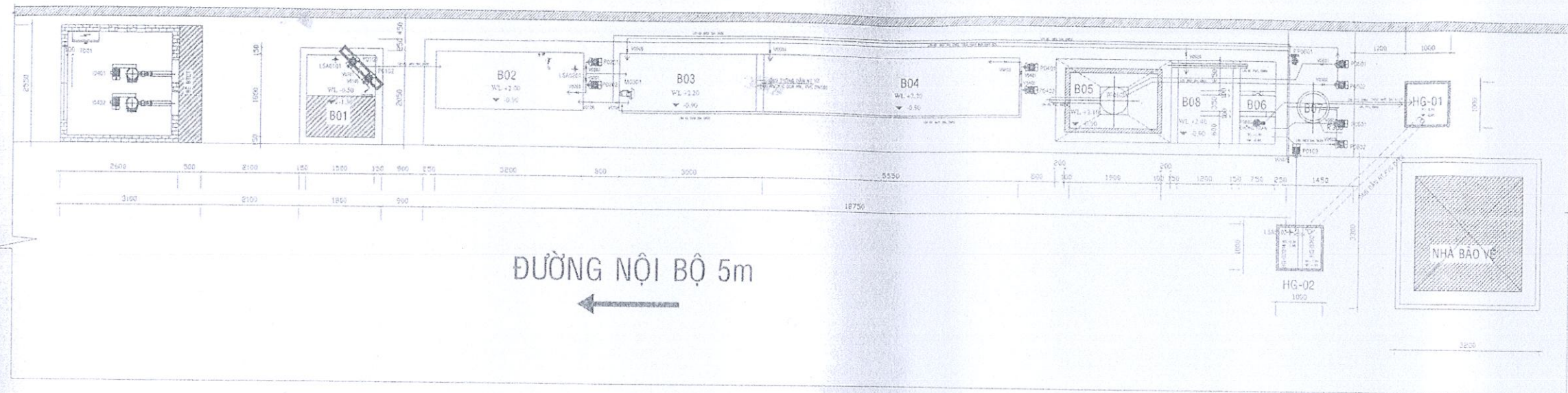
Ngày / Date : 5/2021

MS / P. Code : CN

CN-02

MẶT BẰNG ĐƯỜNG NƯỚC THẢI VÀ TUẦN HOÀN Bùn

TƯỜNG RÀO



ĐƯỜNG NỘI BỘ 5m

GHI CHÚ:

B01: BỂ GOM 2 NGĂN
B02: BỂ ĐIỀU HÒA
B03: BỂ ANOXIC
B04: BỂ HIẾU KHÍ MBBR
B05: BỂ LẮNG LAMELLA
B06: BỂ TRUNG GIAN 3 NGĂN

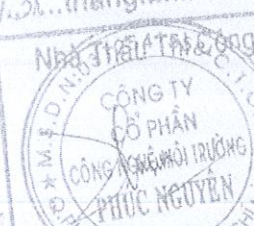
B07: CỘT LỌC
B08: BỂ CHỨA Bùn
HG-01: HỒ GA CHỨA NƯỚC SAU XỬ LÝ
HG-02: HỒ GA TRUNG GIAN
HG-0201: NGĂN CHỨA NƯỚC THẢI ĐẦU VÀO
HG-0202: NGĂN CHỨA NƯỚC SAU XỬ LÝ

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG PHÚC NGUYỄN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 31... tháng 05... năm 2021...

Người Lập

Nhà
Nguyễn Tân Nhì



Nguyễn Quốc Tuyền

Tư Vấn Giám Sát

GHI CHÚ / NOTES

KHÔNG ĐO TỶ LỆ TRÊN BẢN VẼ NÀY.
CÁC KÍCH THƯỚC PHẢI ĐƯỢC ĐỌC DỰNG VỚI CÁC BẢN VẼ KIẾN TRÚC VÀ BẢN VẼ KẾT CẤU LIÊN QUAN.
BẢN QUYỀN CỦA BẢN VẼ NÀY THUỘC VỀ CÔNG TY PHÚC NGUYỄN, CO., LTD. BẤT CỨ SỰ SẠO CHÉP HOẶC SỬA CHỮA NÀO ĐỀU PHẢI ĐƯỢC SỰ CHẤP THUAN CỦA PHÚC NGUYỄN, CO., LTD.
DO NOT SCALE THIS DRAWING
DIMENSIONS TO BE READ IN CONJUNCTION WITH CORRESPONDING ARCHITECTURAL AND STRUCTURAL DRAWINGS.
THIS DRAWING IS COPYRIGHT OR USED WITHOUT THE EXPRESS AUTHORITY OF PHÚC NGUYỄN, CO., LTD.

Hiệu Chính / Revision

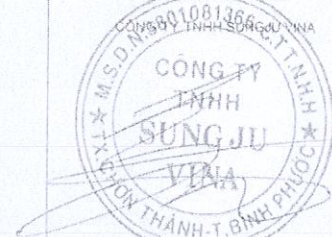
No. Date Mô Tả / Description

Tên Dự Án / Project Name

NÂNG CẤP HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Công suất: 105 m3/ngày

Chủ Đầu Tư / Owner



SONG YOU WOO

KCN Minh Hưng Hân Quốc - Bình Phước

Đơn Vị Thiết kế / Contractor



CTY CP CN MÔI TRƯỜNG PHÚC NGUYỄN
241A2 Huyện Văn Bền, P. 12, Q. Phú Nhuận, TP. HCM

Giám Đốc / Director

NGUYỄN QUỐC TUYẾN

Chủ Trì / Chief Architect - Engineer

NGUYỄN QUỐC TUYẾN

Thiết Kế / Designed By

NGUYỄN TRỌNG VIỆT

Vẽ / Drawn by

NGUYỄN TÂN MINH

Hạng mục / Items

NÂNG CẤP HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG TY TNHH SÙNGJU VINA

Tên Bản Vẽ / Drawing Title

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG NƯỚC VÀ Bùn

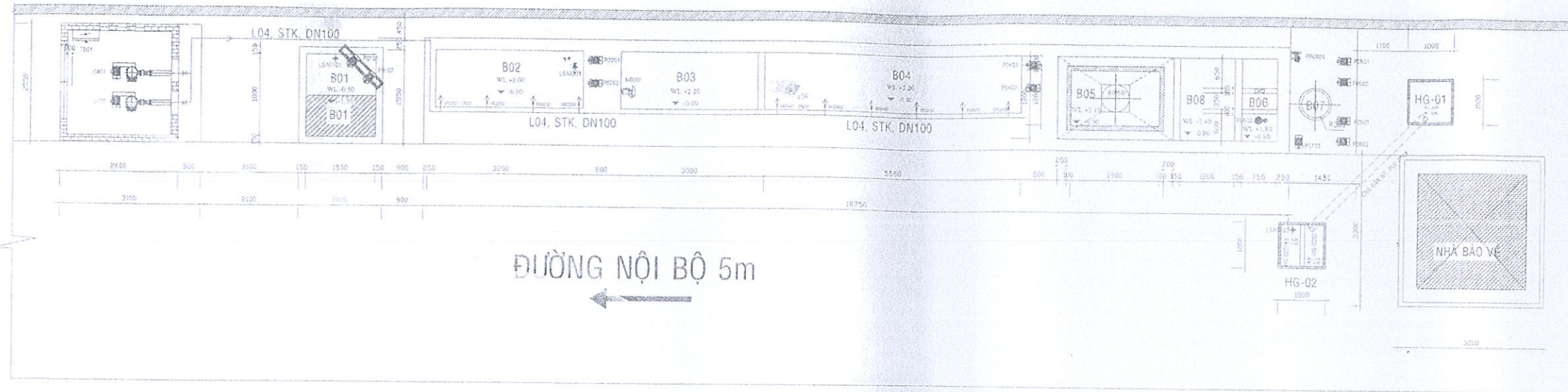
Ngày / Date: 05/2021

MS / P. Code: CN

CN-03

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG KHÍ

TƯỜNG RÀO



GHI CHÚ:

- | | |
|---------------------------|--------------------------------------|
| B01: BỂ GOM 2 NGĂN | B07: CỘT LỌC |
| B02: BỂ ĐIỀU HÒA | B08: BỂ CHỨA BÙN |
| B03: BỂ ANOXIC | HG-01: HỒ GA CHỨA NƯỚC SAU XỬ LÝ |
| B04: BỂ HIẾU KHÍ MBBR | HG-02: HỒ GA TRUNG GIAN |
| B05: BỂ LẮNG LAMELLA | HG-0201: NGĂN CHỨA NƯỚC THẢI ĐẦU VÀO |
| B06: BỂ TRUNG GIAN 3 NGĂN | HG-0202: NGĂN CHỨA NƯỚC SAU XỬ LÝ |

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG PHÚC NGUYỄN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 31 tháng 05 năm 2021...

Người Lập

Nhà Thầu Thi Công

Tư Vấn Giám Sát

Nguyễn Tấn Minh



Nguyễn Quốc Tuyên

GHI CHÚ / NOTES

KHÔNG ĐƯỢC TỰ LẪI THIÊN BẢN VẼ NÀY.
CÁC KÍCH THƯỚC PHẢI ĐƯỢC ĐỌC CÙNG VỚI CÁC BẢN VẼ KIẾN TRÚC VÀ BẢN VẼ KẾT CẤU LIÊN QUAN.
BẢN DỰ ÁN CỦA BẢN VẼ NÀY THUỘC VỀ CÔNG TY PHÚC NGUYỄN CO., LTD. BẤT CẬP SỰ SẠCH CHÉP HOẶC SỬA CHỮA NÀO ĐỀU PHẢI ĐƯỢC SỰ CHẤP THUẬN CỦA PHÚC NGUYỄN JSC.
DO NOT SCALE THIS DRAWING.
DIMENSIONS TO BE READ IN CONJUNCTION WITH CORRESPONDING ARCHITECTURAL AND STRUCTURAL DRAWINGS.
THIS DRAWING IS COPYRIGHT OR USED WITHOUT THE EXPRESS AUTHORITY OF PHÚC NGUYỄN JSC.

Hiệu chỉnh / Revision

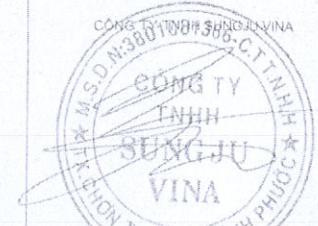
No. Date Mô tả / Description

Tên Dự Án / Project Name

NÂNG CẤP HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Công suất: 105 m3/ngày

Chủ Đầu Tư / Owner



KCN Minh Phú, Quận Bình Phước

Đơn Vị Thiết kế / Contractor



CTY CP CN MÔI TRƯỜNG PHÚC NGUYỄN
241A/2 Huỳnh Văn Bánh, P. 12, Q. Phú Nhuận, TP.HCM

Giám Đốc / Director

NGUYỄN QUỐC TUYÊN

Chủ trì / Chief Architect - Engineer

NGUYỄN QUỐC TUYÊN

Thiết Kế / Designed By

NGUYỄN TRỌNG VIỆT

Vẽ / Drawn by

NGUYỄN TẤN MINH

Hạng mục / Items

NÂNG CẤP HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG TY TNHH SÙNG JU VINA

Tên Bản Vẽ / Drawing Title

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG KHÍ

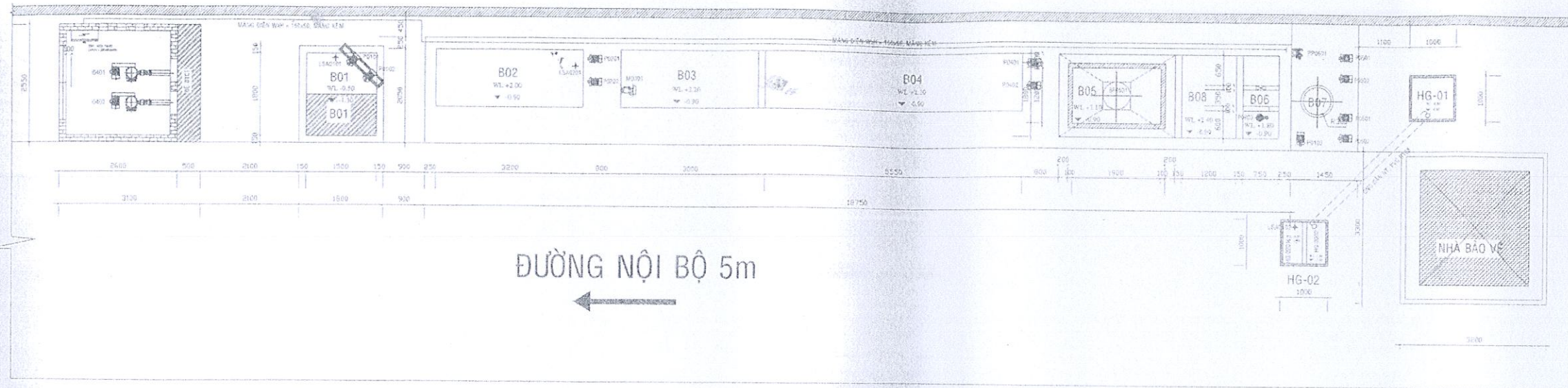
Ngày / Date : 5/2021

MS / P. Code : CN

CN-04

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ĐIỆN

TƯỜNG RÀO



GHI CHÚ:

- | | |
|---------------------------|--------------------------------------|
| B01: BỂ GOM 2 NGĂN | B07: CỘT LỘC |
| B02: BỂ ĐIỀU HÒA | B08: BỂ CHỨA BÙN |
| B03: BỂ ANOXIC | HG-01: HỒ GA CHỨA NƯỚC SAU XỬ LÝ |
| B04: BỂ HIẾU KHÍ MBBR | HG-02: HỒ GA TRUNG GIAN |
| B05: BỂ LẮNG LAMELLA | HG-0201: NGĂN CHỨA NƯỚC THẢI ĐẦU VÀO |
| B06: BỂ TRUNG GIAN 3 NGĂN | HG-0202: NGĂN CHỨA NƯỚC SAU XỬ LÝ |

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG PHÚC NGUYỄN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 31 tháng 05 năm 2021

Người Lập

Nguyễn Tấn Nhil

Nhà Thầu Thi Công



Tư Vấn Giám Sát

GHI CHÚ / NOTES

KHÔNG ĐƯỢC TỰ LẪY TRÊN BẢN VẼ NÀY.
CÁC KÍCH THƯỚC PHẢI ĐƯỢC ĐỌC CÙNG VỚI CÁC BẢN VẼ KIỆN
TRƯỚC VÀ BẢN VẼ KẾT CẤU LIÊN QUAN.
BẢN QUYỀN CỦA BẢN VẼ NÀY THUỘC VỀ CÔNG TY PHÚC
NGUYỄN CO., LTD. RẤT CẦN SỰ SÁO CHÉP HOẶC SỬA CHỮA NÀO
ĐỀU PHẢI ĐƯỢC SỰ CHẤP THUẬN CỦA PHÚC NGUYỄN JSC.
DO NOT SCALE THIS DRAWING.
DIMENSIONS TO BE READ IN CONJUNCTION WITH
CORRESPONDING ARCHITECTURAL AND STRUCTURAL
DRAWINGS.
THIS DRAWING IS COPYRIGHT OR USED WITHOUT THE EXPRESS
AUTHORITY OF PHÚC NGUYỄN JSC.

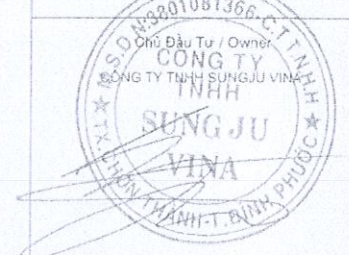
Hiệu Chính / Revision

No.	Date	Mô Tả / Description

Tên Dự Án / Project Name

NÂNG CẤP HỆ THỐNG
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Công suất: 105 m³/ngày



SONG YOU WOO

KCN Minh Hưng Hàn Quốc - Bình Phước

Đơn Vị Thiết kế / Contractor



CTY CP CN MÔI TRƯỜNG PHÚC NGUYỄN
241A/2 Huỳnh Văn Bánh, P. 12, Q. Phú Nhuận, TP.HCM

Giám Đốc / Director

NGUYỄN QUỐC TUYẾN

Chủ trì / Chief Architect - Engineer

NGUYỄN QUỐC TUYẾN

Thiết Kế / Designed By

NGUYỄN TRỌNG VIỆT

Vẽ / Drawn by

NGUYỄN TẤN MINH

Hạng mục / Items

NÂNG CẤP HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG TY TNHH SÙNG JU VINA

Tên Bản Vẽ / Drawing Title

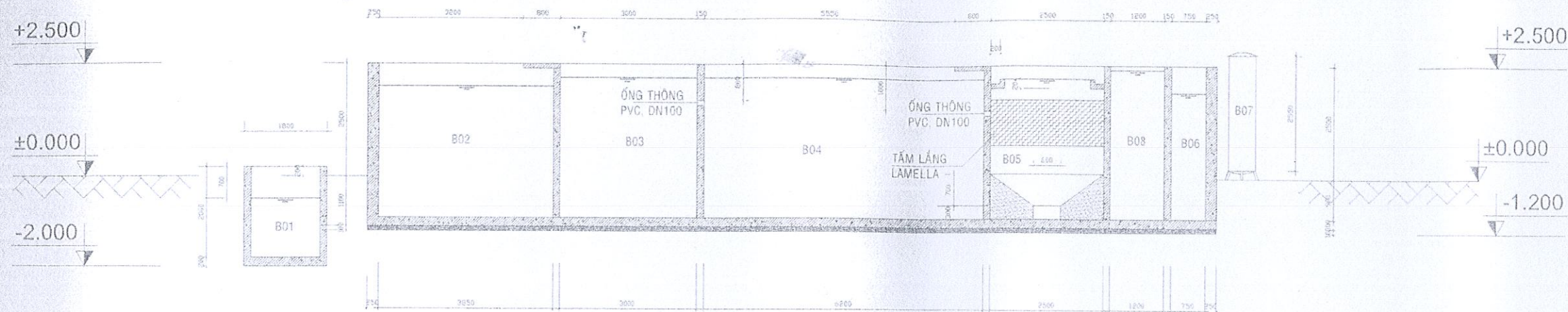
MẶT BẰNG BỐ TRÍ
ĐƯỜNG ĐIỆN

Ngày / Date : 5/2021

MS / P. Code : CN

CN-05

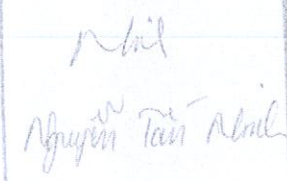
Nguyễn Quốc Tuyến



MẶT CẮT 1-1

GHI CHÚ:

- | | |
|---------------------------|--------------------------------------|
| B01: BỂ GOM 2 NGĂN | B07: CỘT LỌC |
| B02: BỂ ĐIỀU HÒA | B08: BỂ CHỨA BÙN |
| B03: BỂ ANOXIC | HG-01: HỒ GA CHỨA NƯỚC SAU XỬ LÝ |
| B04: BỂ HIẾU KHÍ MBBR | HG-02: HỒ GA TRUNG GIAN |
| B05: BỂ LẮNG LAMELLA | HG-0201: NGĂN CHỨA NƯỚC THẢI ĐẦU VÀO |
| B06: BỂ TRUNG GIAN 3 NGĂN | HG-0202: NGĂN CHỨA NƯỚC SAU XỬ LÝ |

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG PHÚC NGUYỄN		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày: 31...tháng 05...năm 2021...		
Người Lập	Nhà Thầu Thi Công	Tư Vấn Giám Sát
		
Ngày / Date : 5/2021 MS / P. Code : CN		

GHI CHÚ / NOTES

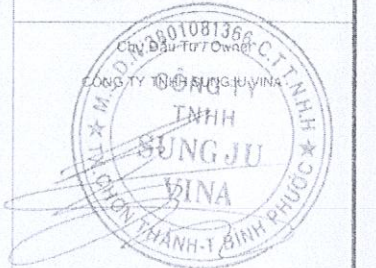
KHÔNG ĐO TỶ LỆ TRÊN BẢN VẼ NÀY.
 CÁC KÍCH THƯỚC PHẢI ĐƯỢC ĐỌC CÙNG VỚI CÁC BẢN VẼ KIẾN TRÚC VÀ BẢN VẼ KẾT CẤU LIÊN QUAN.
 BẢN QUYỀN CỦA BẢN VẼ NÀY THUỘC VỀ CÔNG TY PHÚC NGUYỄN CO., LTD. BẤT DÙ SẠC CHÉP HOẶC SỬA CHỮA NÀO ĐỀU PHẢI ĐƯỢC SỰ CHẤP THUYẾT CỦA PHÚC NGUYỄN JSC.
 DO NOT SCALE THIS DRAWING.
 DIMENSIONS TO BE READ IN CONJUNCTION WITH CORRESPONDING ARCHITECTURAL AND STRUCTURAL DRAWINGS.
 THIS DRAWING IS COPYRIGHT OR USED WITHOUT THE EXPRESS AUTHORITY OF PHÚC NGUYỄN JSC.

Hiệu Chính / Revision

No.	Date	Mô Tả / Description

Tên Dự Án / Project Name

NÂNG CẤP HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
 Công suất: 105 m3/ngày



SONG YOU WOO

KCN Minh Hưng Hàn Quốc - Bình Phước

Đơn Vị Thiết kế / Contractor

PNC

CTY CP CN MÔI TRƯỜNG PHÚC NGUYỄN
 241A2 Huỳnh Văn Bánh, P. 12, Q. Phú Nhuận, TP HCM

Giám Đốc / Director

NGUYỄN QUỐC TUYẾN

Chủ trì / Chief Architect - Engineer

NGUYỄN QUỐC TUYẾN

Thiết Kế / Designed By

NGUYỄN TRỌNG VIỆT

Vẽ / Drawn by

NGUYỄN TÂN MINH

Hạng mục / Items

NÂNG CẤP HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
 CÔNG TY TNHH SÙNG JU VINA

Tên Bản Vẽ / Drawing Title

MẶT CẮT 1-1

Ngày / Date : 5/2021

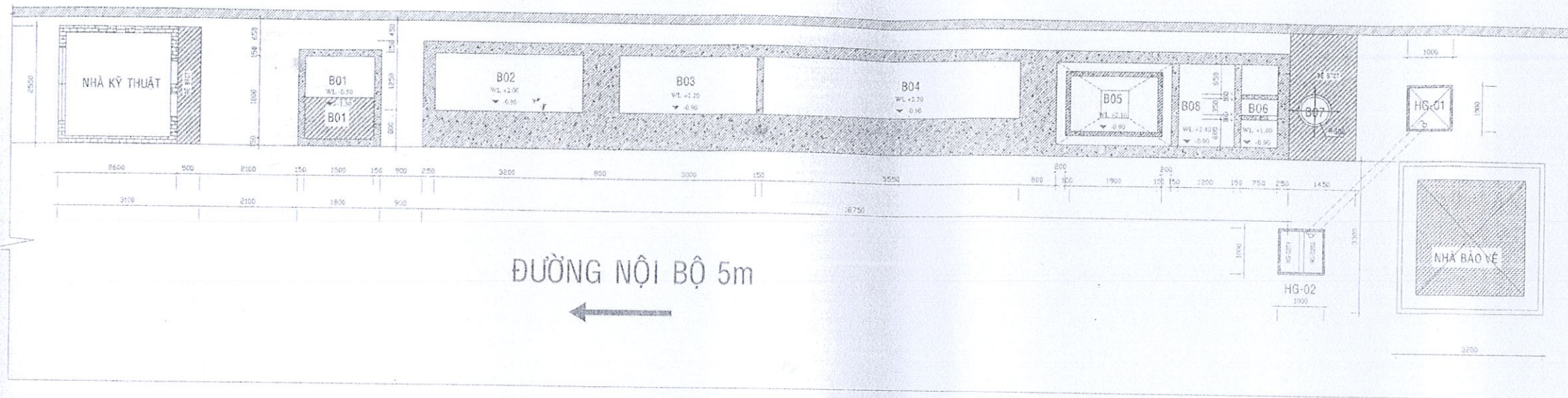
MS / P. Code : CN

CN-06

Nguyễn Quốc Tuyến

MẶT BẰNG BỐ TRÍ CỤM BỂ HTXLNT

TƯỜNG RÀO



GHI CHÚ:

- | | |
|---------------------------|--------------------------------------|
| B01: BỂ GOM 2 NGĂN | B07: CỘT LỌC |
| B02: BỂ ĐIỀU HÒA | B08: BỂ CHỨA BÙN |
| B03: BỂ ANOXIC | HG-01: HỒ GA CHỨA NƯỚC SAU XỬ LÝ |
| B04: BỂ HIẾU KHÍ MBBR | HG-02: HỒ GA TRUNG GIAN |
| B05: BỂ LẮNG LAMELLA | HG-0201: NGĂN CHỨA NƯỚC THẢI ĐẦU VÀO |
| B06: BỂ TRUNG GIAN 3 NGĂN | HG-0202: NGĂN CHỨA NƯỚC SAU XỬ LÝ |

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG PHÚC NGUYỄN		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày.../...tháng.../...năm 2021...		
Người Lập	Nhà Thầu Thi Công	Tư Vấn Giám Sát
<i>Nguyễn Tấn Minh</i>	<i>Nguyễn Quốc Tuyên</i>	

GHI CHÚ / NOTES
KHÔNG BÚT LÊ TRÊN BẢN VẼ NÀY
CÁC KÍCH THƯỚC PHẢI ĐƯỢC ĐỌC CÙNG VỚI CÁC BẢN VẼ KIẾN TRÚC VÀ BÀN VẼ KẾT CẤU LIÊN QUAN
BẢN DẪN CỦA BẢN VẼ NÀY THUỘC VỀ CÔNG TY PHÚC NGUYỄN CO., LTD. BẤT CỨ SỬ DỤNG CHÉP HOẶC SỬA CHỮA NÀO ĐỀU PHẢI ĐƯỢC SỰ CHẤP THẬN CỦA PHÚC NGUYỄN JSC
DO NOT SCALE THIS DRAWING
DIMENSIONS TO BE READ IN CONJUNCTION WITH CORRESPONDING ARCHITECTURAL AND STRUCTURAL DRAWINGS
THIS DRAWING IS COPYRIGHT OR USED WITHOUT THE EXPRESS AUTHORITY OF PHÚC NGUYỄN JSC

Hiệu chỉnh / Revision
No. Date Mô tả / Description
Tên Dự Án / Project Name

NÂNG CẤP HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
Công suất: 105 m3/ngày

Chủ Đầu Tư / Owner
CÔNG TY TNHH SÔNG YÊU WOO
KCN Minh Hưng, Phường Bình Hưng, Quận Bình Chánh, TP. HCM

Đơn Vị Thiết kế / Contractor
PNC
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG PHÚC NGUYỄN

Giám Đốc / Director
NGUYỄN QUỐC TUYÊN
Chủ trì / Chief Architect - Engineer

Thiết Kế / Designed By
NGUYỄN QUỐC TUYÊN
Vẽ / Drawn by
NGUYỄN TRỌNG VIỆT
Hàng mục / Items
NGUYỄN TẤN MINH

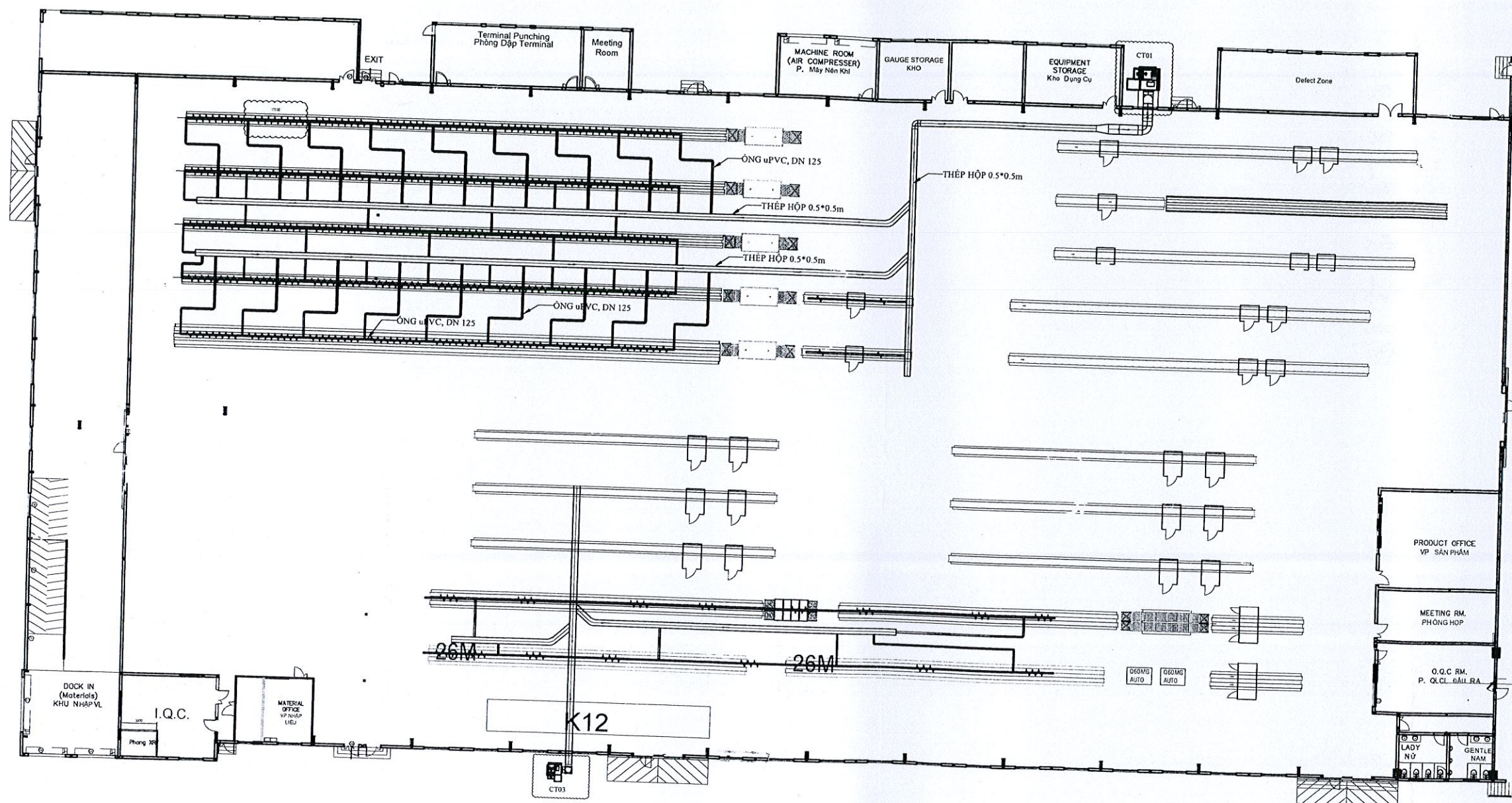
NÂNG CẤP HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG TY TNHH SÔNG YÊU WOO

Tên Bản Vẽ / Drawing Title
MẶT BẰNG BỐ TRÍ CỤM BỂ XỬ LÝ

Ngày / Date : 5/2021
MS/P. Code : CN-01

MẶT BẰNG BỐ TRÍ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI LÔ A5

TỶ LỆ: 1/400



GHI CHÚ

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

- ☐ BÁO GIÁ ☐ THI CÔNG
☐ TRÌNH DUYỆT ☒ HOÀN CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA

ĐC: KCN MINH HƯNG-HÀN QUỐC, PHƯỜNG MINH HƯNG, THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Bình Chánh, Q. 12, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: 08. 37010199 Fax: 08. 37010198

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG
TỔNG GIÁM ĐỐC
ThS. PHẠM THANH QUÝ

THIẾT KẾ P. HỒ CHÁNH
ThS. PHẠM DUY TÂN

VỀ
KS. TẠ TIẾN LẬP

KIỂM TRA
ThS. PHẠM DUY TÂN

CÔNG TRÌNH
NHÀ XƯỞNG
CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA

ĐỊA ĐIỂM
ĐC: KCN MINH HƯNG-HÀN QUỐC, PHƯỜNG MINH HƯNG, THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

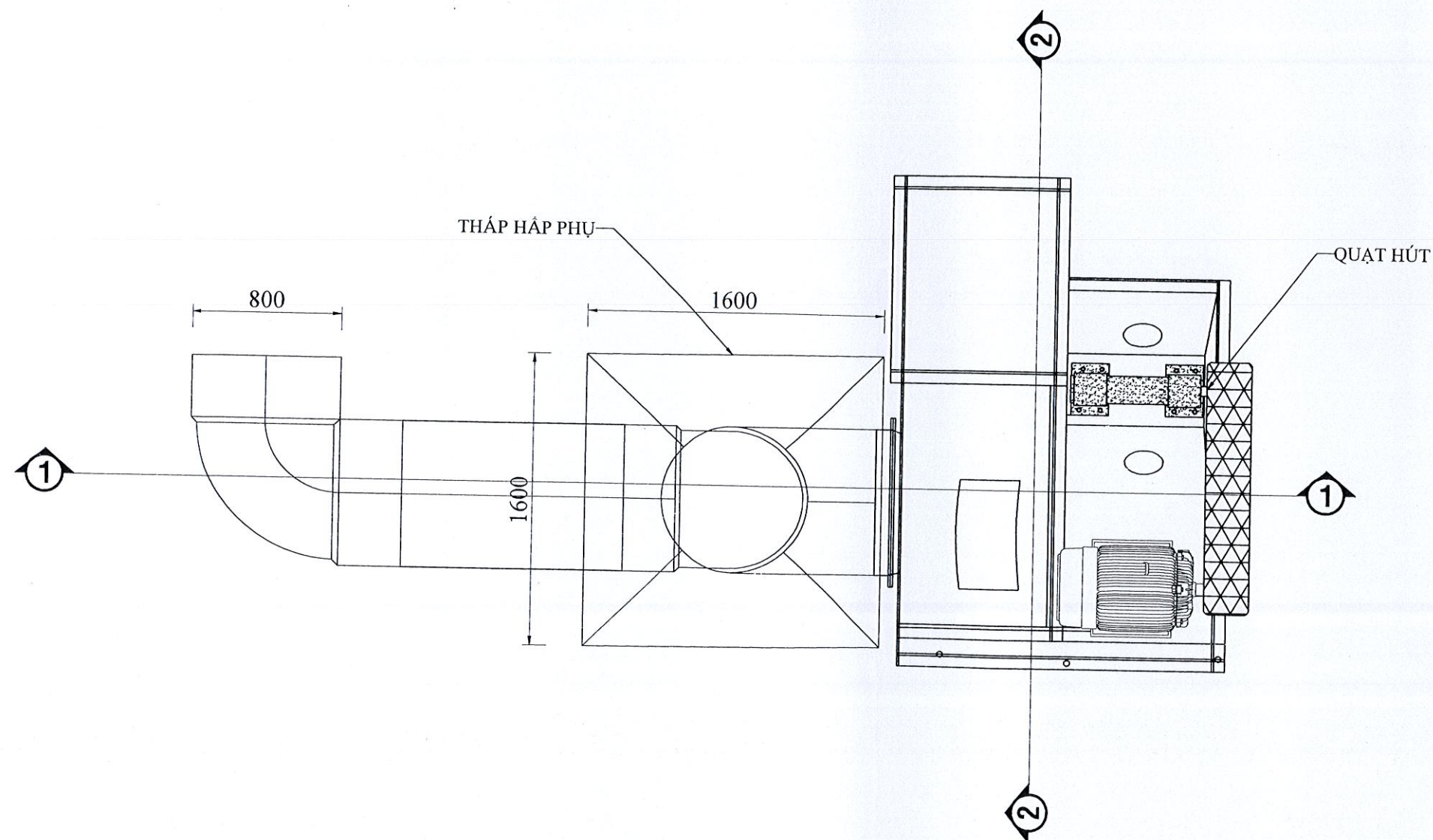
HẠNG MỤC
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ
MẶT BẰNG VỊ TRÍ HTXL KHÍ THẢI LÔ A5

BẢN VẼ SỐ NGÀY HOÀN THÀNH 02/2023

MẶT BẰNG CỤM XỬ LÝ KHÍ THẢI LÔ A5 (CT01)

TỶ LỆ: 1/30



GHI CHÚ

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

- ☐ BẢO GIÁ ☐ THI CÔNG
☐ TRÌNH DUYỆT ☒ HOÀN CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA

ĐC: KCN MINH HƯNG-HÀN QUỐC, PHƯỜNG MINH HƯNG, THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT
CÔNG TY CỔ PHẦN
 ĐC: Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q. 12, TP. Hồ Chí Minh
 ĐT: 081 67010198 Fax: 08 37010198

ThS. PHAN THANH QUÝ

THIẾT KẾ
 ThS. PHẠM DUY TÂN

VẼ
 KS. TẠ TIẾN LẬP

KIỂM TRA
 ThS. PHẠM DUY TÂN

CÔNG TRÌNH

NHÀ XƯỞNG
CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA

ĐỊA ĐIỂM

ĐC: KCN MINH HƯNG-HÀN QUỐC, PHƯỜNG MINH HƯNG, THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

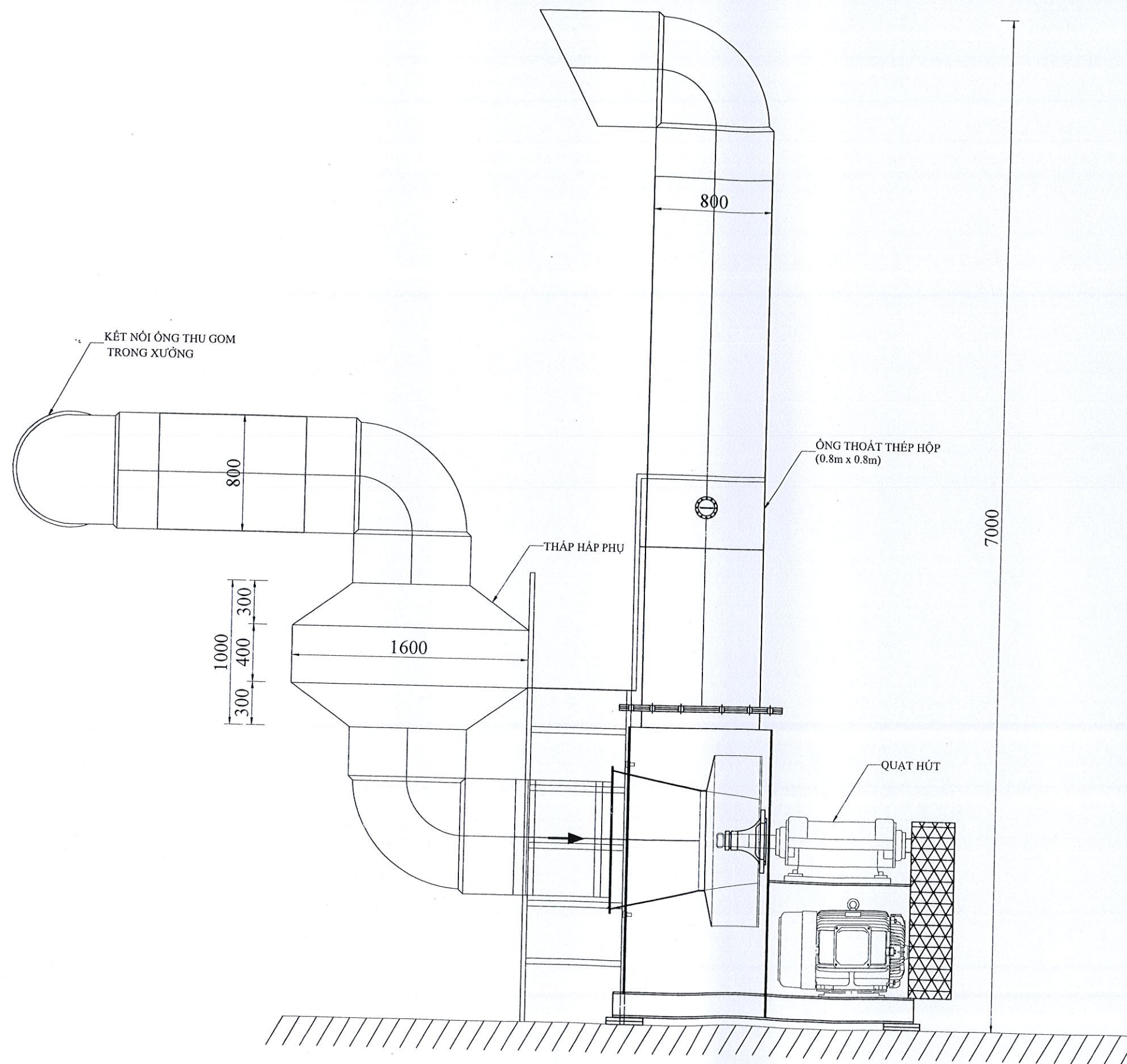
HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG TỔNG THỂ
 CỤM XỬ LÝ LÔ A5 (CT01)

BẢN VẼ SỐ BV-02 KT-TD NGÀY HOÀN THÀNH 02/2023



MẶT CẮT 1-1
LÔ A5(CT01)
TỶ LỆ 1/30

GHI CHÚ

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

- ☐ BẢO GIÁ ☐ THI CÔNG
☐ TRÌNH DUYỆT ☒ HOÀN CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH SUNG JU
VINA

ĐC: KCN MINH HƯNG-HÀN QUỐC, PHƯỜNG MINH
HƯNG, THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4/41 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp,
P. Thạnh Phú, Q. 12, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 08. 37010199, Fax: 08. 37010198

TỔNG GIÁM ĐỐC
ThS. PHẠM THANH QUÝ

THIẾT KẾ
ThS. PHẠM DUY TÂN

VẼ
KS. TẠ TIẾN LẬP

KIỂM TRA
ThS. PHẠM DUY TÂN

CÔNG TRÌNH

NHÀ XƯỞNG
CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA

ĐỊA ĐIỂM

ĐC: KCN MINH HƯNG-HÀN QUỐC, PHƯỜNG MINH
HƯNG, THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

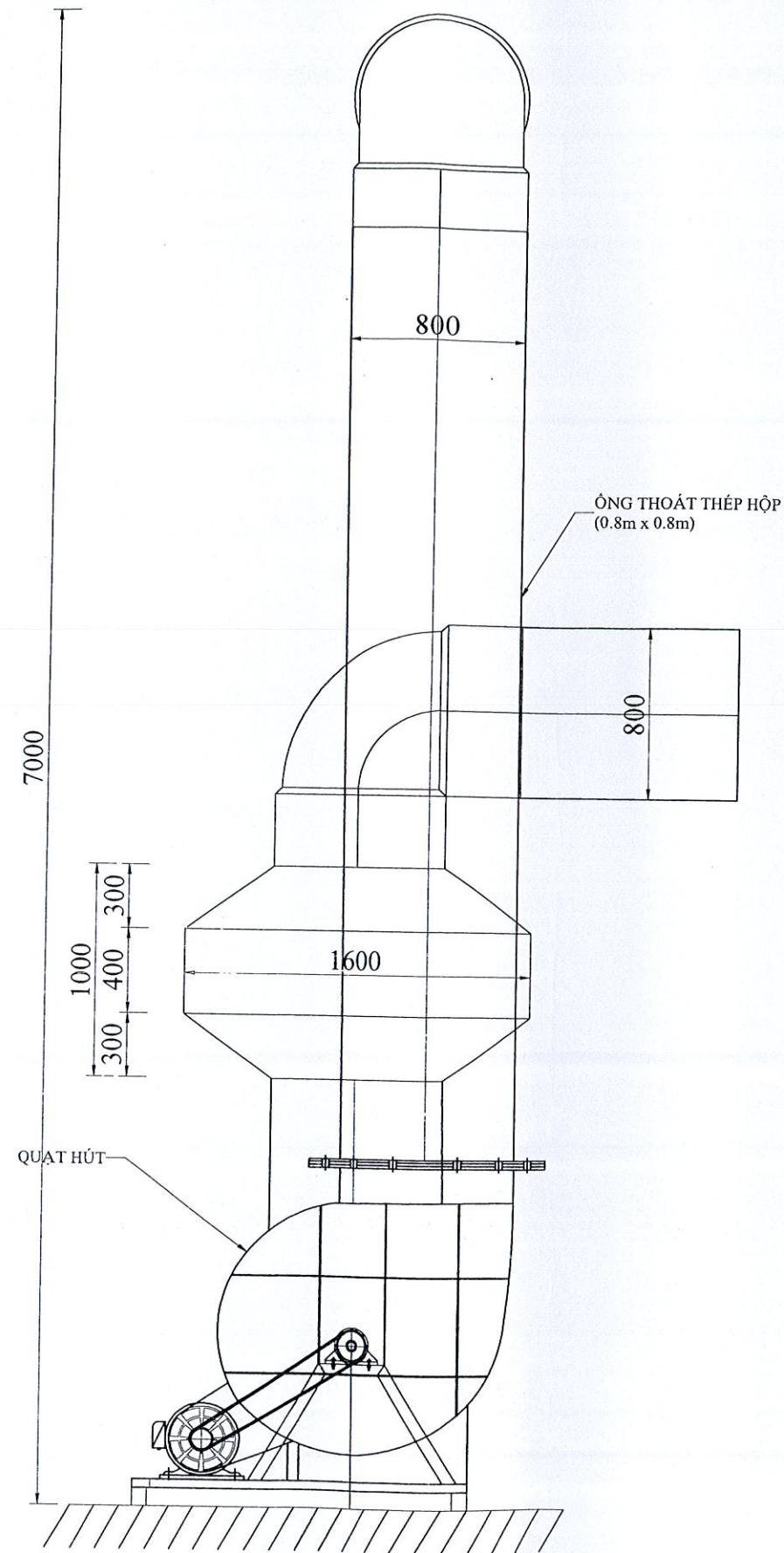
HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ

MẶT CẮT 1-1
LÔA5(CT01)

BẢN VẼ SỐ BV-03 KT-TD NGÀY HOÀN THÀNH 02/2023



MẶT CẮT 2-2
LÔ A5(CT01)
TỶ LỆ 1/30

GHI CHÚ

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

- ☐ BÁO GIÁ ☐ THI CÔNG
☐ TRÌNH DUYỆT ☒ HOÀN CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ

**CÔNG TY TNHH SUNG JU
VINA**

ĐC: KCN MINH HƯNG-HÀN QUỐC, PHƯỜNG MINH
HƯNG, THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: KCN KDC Nam Long, Hà Huy Giáp,
P. Chánh Lộ, Q. 12, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 08. 37010199 Fax: 08. 37010198

**CÔNG TY
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
MÔI TRƯỜNG
ĐẠI VIỆT**

ThS. PHẠM THANH QUÝ

THIẾT KẾ
ThS. PHẠM DUY TÂN

VẼ
KS. TẠ TIẾN LẬP

KIỂM TRA
ThS. PHẠM DUY TÂN

CÔNG TRÌNH

**NHÀ XỬ LÝ
CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA**

ĐỊA ĐIỂM

ĐC: KCN MINH HƯNG-HÀN QUỐC, PHƯỜNG MINH
HƯNG, THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

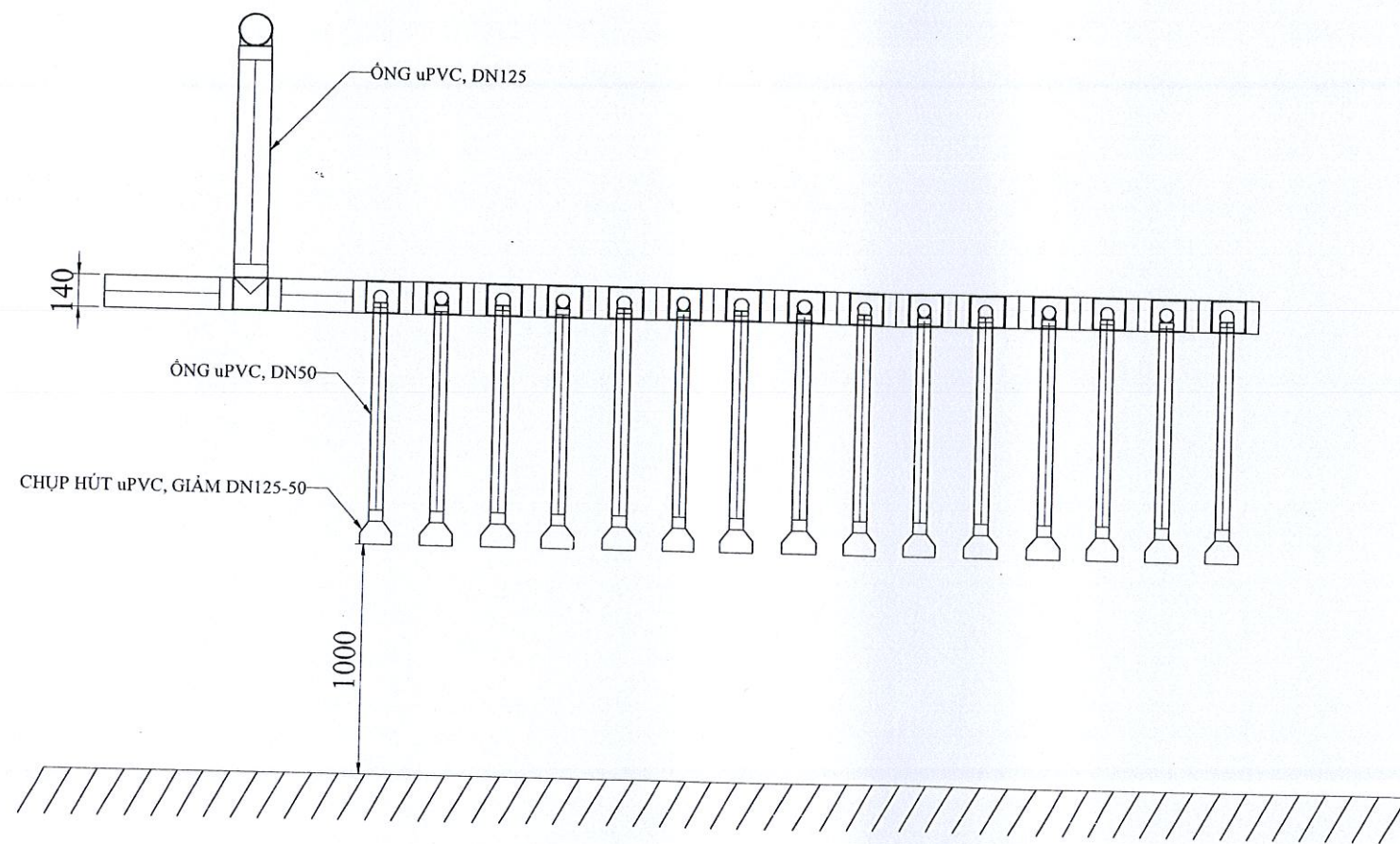
HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ

MẶT CẮT: 2-2
LÔ A5 (CT01)

BẢN VẼ SỐ BV-04
KT-TD NGÀY HOÀN THÀNH 02/2023



MẶT CẮT 1-1
LÔA5(CT02)
TỶ LỆ 1/30

GHI CHÚ

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

- ☐ BẢO GIÁ ☐ THI CÔNG
☐ TRÌNH DUYỆT ☒ HOÀN CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA

ĐC: KCN MINH HƯNG-HÀN QUỐC, PHƯỜNG MINH HƯNG, THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1-KDC Nam Công, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q. 12, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 0908.170.1199 Fax: 08. 37010198

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

TỔNG GIÁM ĐỐC
ThS. PHẠM THANH QUÍ

THIẾT KẾ
ThS. PHẠM DUY TÂN

VẼ
KS. TẠ TIẾN LẬP

KIỂM TRA
ThS. PHẠM DUY TÂN

CÔNG TRÌNH

**NHÀ XƯỞNG
CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA**

ĐỊA ĐIỂM

ĐC: KCN MINH HƯNG-HÀN QUỐC, PHƯỜNG MINH HƯNG, THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC

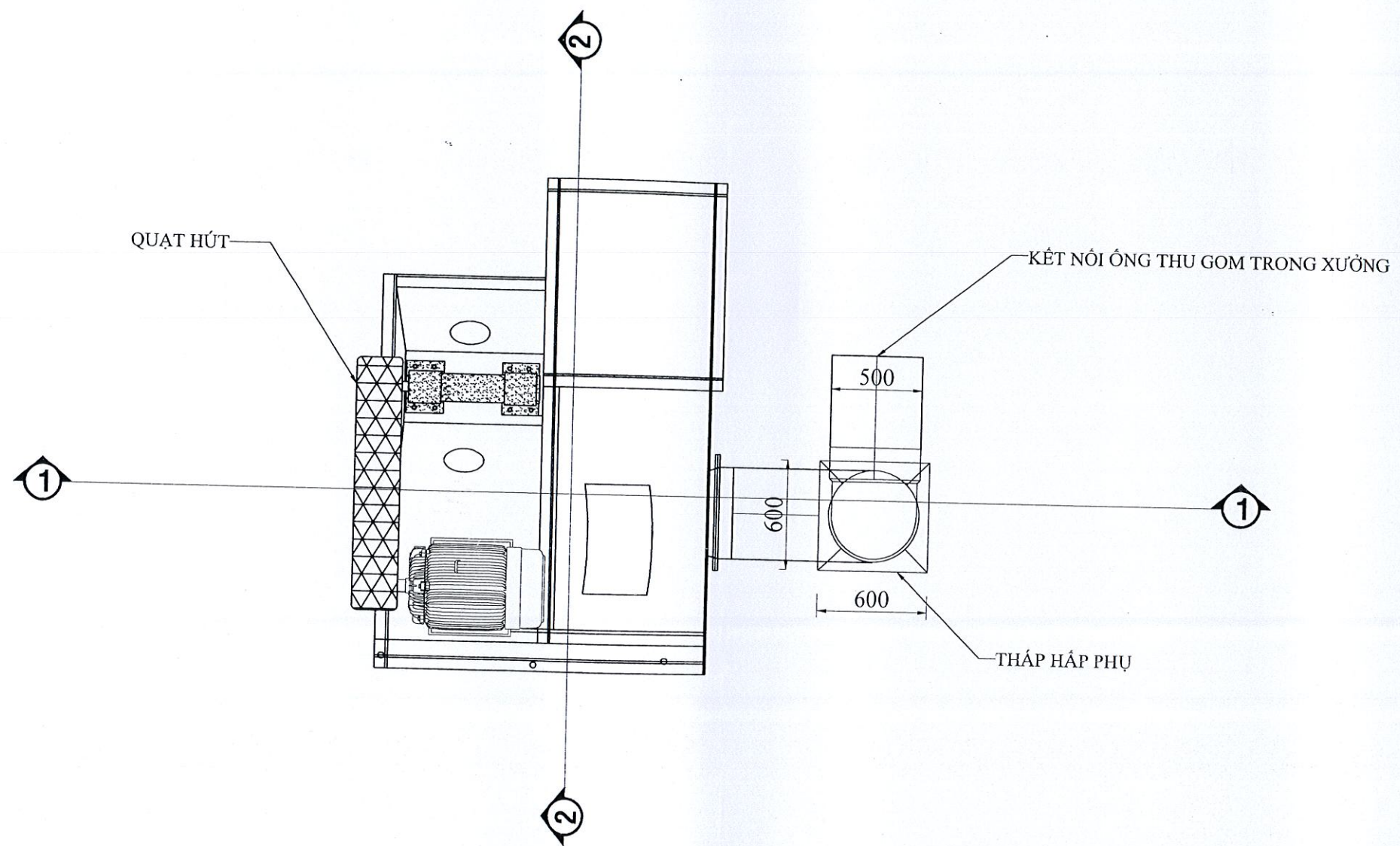
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ

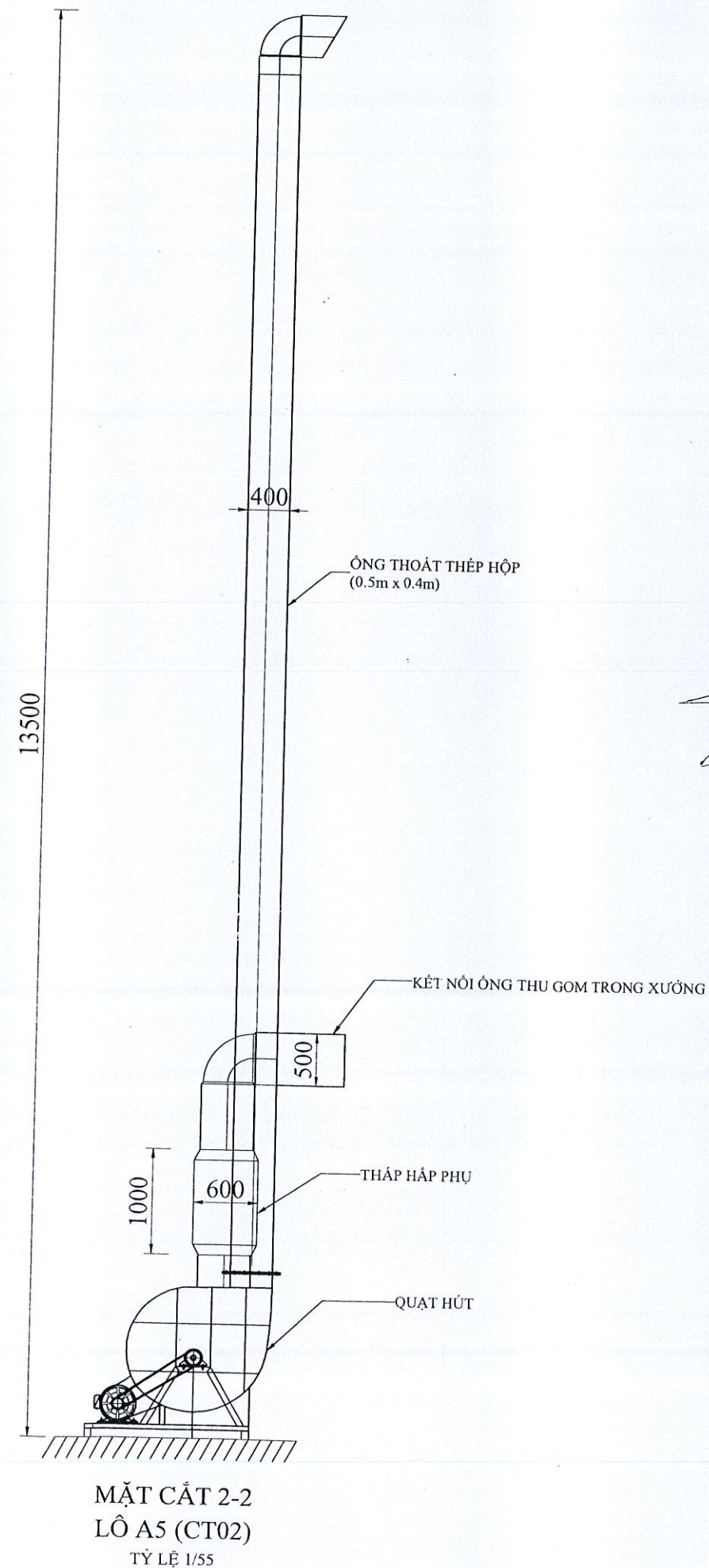
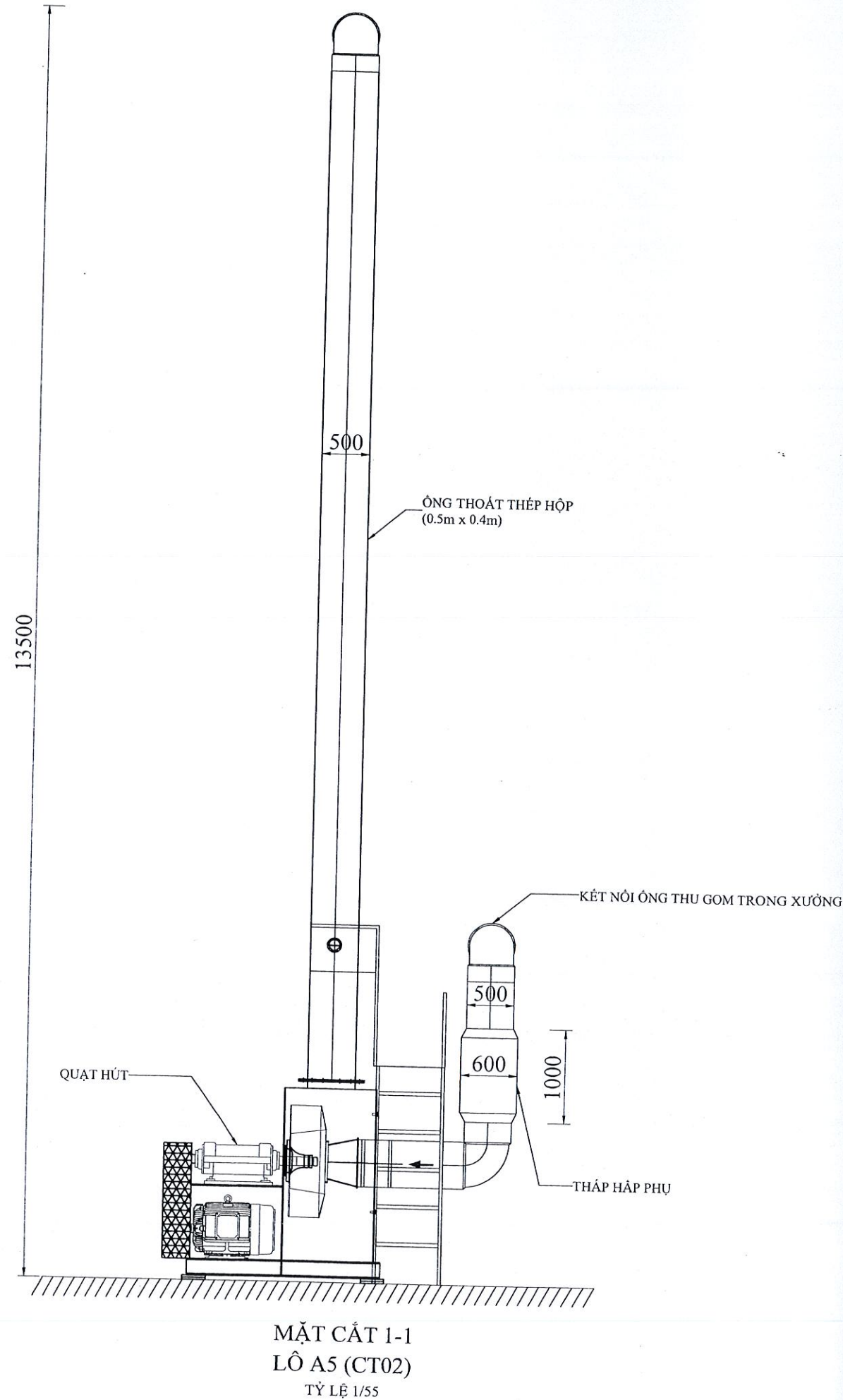
MẶT CẮT 1-1
LÔA5(CT02)

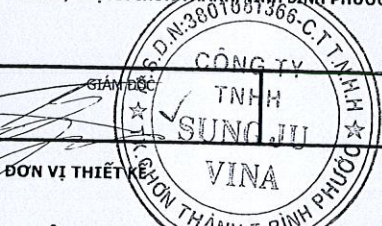
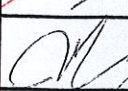
BẢN VẼ SỐ BV-06 KT-TD NGÀY HOÀN THÀNH 02/2023

MẶT BẰNG CỤM XỬ LÝ KHÍ THẢI LÔ A5 (CT02)
TỶ LỆ: 1/30



GHI CHÚ			
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH			
☐ BẢO GIÁ		☐ THI CÔNG	
☐ TRÌNH DUYỆT		☒ HOÀN CÔNG	
CHỦ ĐẦU TƯ			
CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA			
ĐC: KCN MINH HƯNG-HÀN QUỐC, PHƯỜNG MINH HƯNG, THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC			
GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA ĐƠN VỊ THIẾT KẾ			
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT			
ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh ĐT: 08.3701.7199 Fax: 08.37010198			
TỔNG GIÁM ĐỐC ThS. PHẠM THANH QUÝ		ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ ThS. PHẠM DUY TÂN	
THIẾT KẾ ThS. PHẠM DUY TÂN		THIẾT KẾ ThS. PHẠM DUY TÂN	
VẼ KS. TẠ TIẾN LẬP		VẼ KS. TẠ TIẾN LẬP	
KIỂM TRA ThS. PHẠM DUY TÂN		KIỂM TRA ThS. PHẠM DUY TÂN	
CÔNG TRÌNH			
NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA			
ĐỊA ĐIỂM			
ĐC: KCN MINH HƯNG-HÀN QUỐC, PHƯỜNG MINH HƯNG, THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC			
HẠNG MỤC			
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI			
TÊN BẢN VẼ			
MẶT BẰNG TỔNG THỂ CỤM XỬ LÝ LÔ A5 (CT03)			
BẢN VẼ SỐ	BV-07 KT-TD	NGÀY HOÀN THÀNH	02/2023



GHI CHÚ			
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH			
☐ BÁO GIÁ	☐ THI CÔNG		
☐ TRÌNH DUYỆT	☒ HOÀN CÔNG		
CHỦ ĐẦU TƯ			
CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA			
ĐC: KCN MINH HƯNG-HÀN QUỐC, PHƯỜNG MINH HƯNG, THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC			
			
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT			
			
ĐC: 401 KBC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q. 12, TP. Hồ Chí Minh ĐT: 08. 37010199 Fax: 08. 37010198			
TỔNG GIÁM ĐỐC			
ThS. PHẠM THANH QUÍ			
THIẾT KẾ			
ThS. PHẠM DUY TÂN			
VẼ			
KS. TẠ TIẾN LẬP			
KIỂM TRA			
ThS. PHẠM DUY TÂN			
CÔNG TRÌNH			
NHÀ XƯỞNG			
CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA			
ĐỊA ĐIỂM			
ĐC: KCN MINH HƯNG-HÀN QUỐC, PHƯỜNG MINH HƯNG, THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC			
HẠNG MỤC			
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI			
TÊN BẢN VẼ			
MẶT CẮT: 1-1, 2-2 LÔ A5 (CT03)			
BẢN VẼ SỐ	BV-08 KT-TD	NGÀY HOÀN THÀNH	02/2023

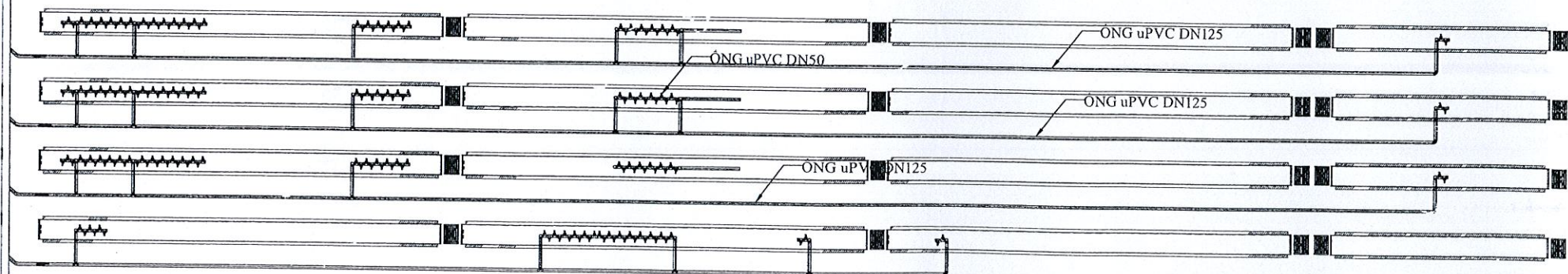
MẶT BẰNG VỊ VÍ HTXL KHÍ THẢI
HỆ 1-LÔ B7
TỶ LỆ: 1/300



800

ÔNG KẼM VUÔNG

TƯỜNG



GHI CHÚ

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

- ☐ BẢO GIÁ ☐ THI CÔNG
☐ TRÌNH DUYỆT ☒ HOÀN CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH SUNG JU
VINA

ĐC: KCN MINH HƯNG-HÀN QUỐC, PHƯỜNG MINH
HƯNG, THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
TNHH
SUNG JU
VINA

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: KCN KOC NAM LONG, Hà Huy Giáp,
P. Thạnh Lộc, Q. 12, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 08. 37010199 Fax: 08. 37010198

MÔI TRƯỜNG
ĐẠI VIỆT

TRƯỞNG GIÁM ĐỐC
ThS. PHẠM THANH QUÍ

THIẾT KẾ
ThS. PHẠM DUY TÂN

VẼ
KS. TẠ TIẾN LẬP

KIỂM TRA
ThS. PHẠM DUY TÂN

CÔNG TRÌNH

NHÀ XƯỞNG
CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA

ĐỊA ĐIỂM

ĐC: KCN MINH HƯNG-HÀN QUỐC, PHƯỜNG MINH
HƯNG, THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC

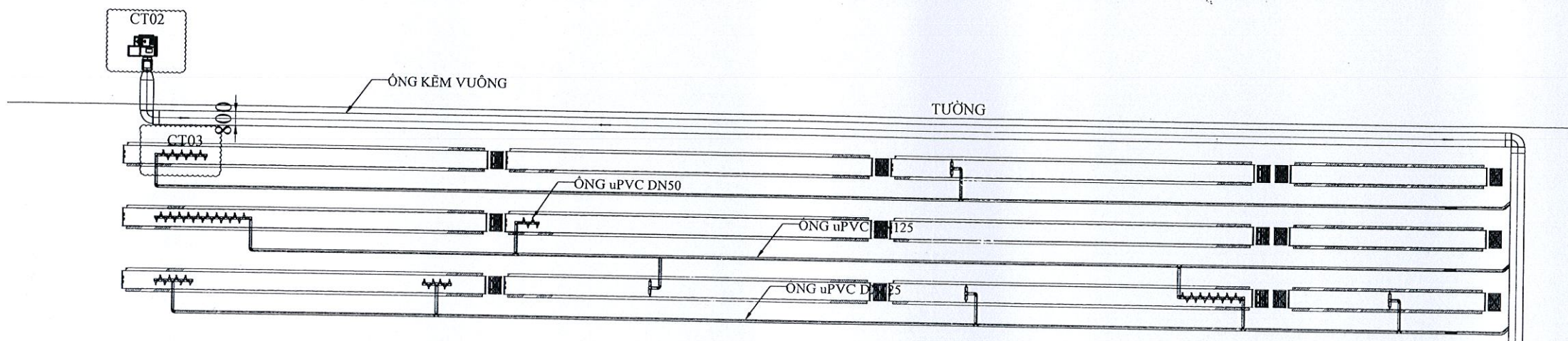
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG VỊ TRÍ HTXL KHÍ THẢI
HỆ 1- LÔ B7

BẢN VẼ SỐ BV-01 KT-HC NGÀY HOÀN THÀNH 02/2023

MẶT BẰNG VỊ VÍ HTXL KHÍ THẢI
HỆ 2 - LÔ B7
TỶ LỆ: 1/300



GHI CHÚ

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

- ☐ BẢO GIÁ ☐ THI CÔNG
☐ TRÌNH DUYỆT ☒ HOÀN CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ

**CÔNG TY TNHH SUNG JU
VINA**

ĐC: KCN MINH HƯNG-HÀN QUỐC, PHƯỜNG MINH
HƯNG, THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH
SUNG JU
VINA

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 461 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp,
P. Thạnh Lộc, Q. 12, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 08 37101199 Fax: 08 37010198

**ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
MÔI TRƯỜNG
ĐẠI VIỆT**

TỔNG GIÁM ĐỐC
ThS. PHẠM THANH QUÍ

THIẾT KẾ
ThS. PHẠM DUY TÂN

VẼ
KS. TẠ TIẾN LẬP

KIỂM TRA
ThS. PHẠM DUY TÂN

CÔNG TRÌNH

**NHÀ XƯỞNG
CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA**

ĐỊA ĐIỂM

ĐC: KCN MINH HƯNG-HÀN QUỐC, PHƯỜNG MINH
HƯNG, THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ

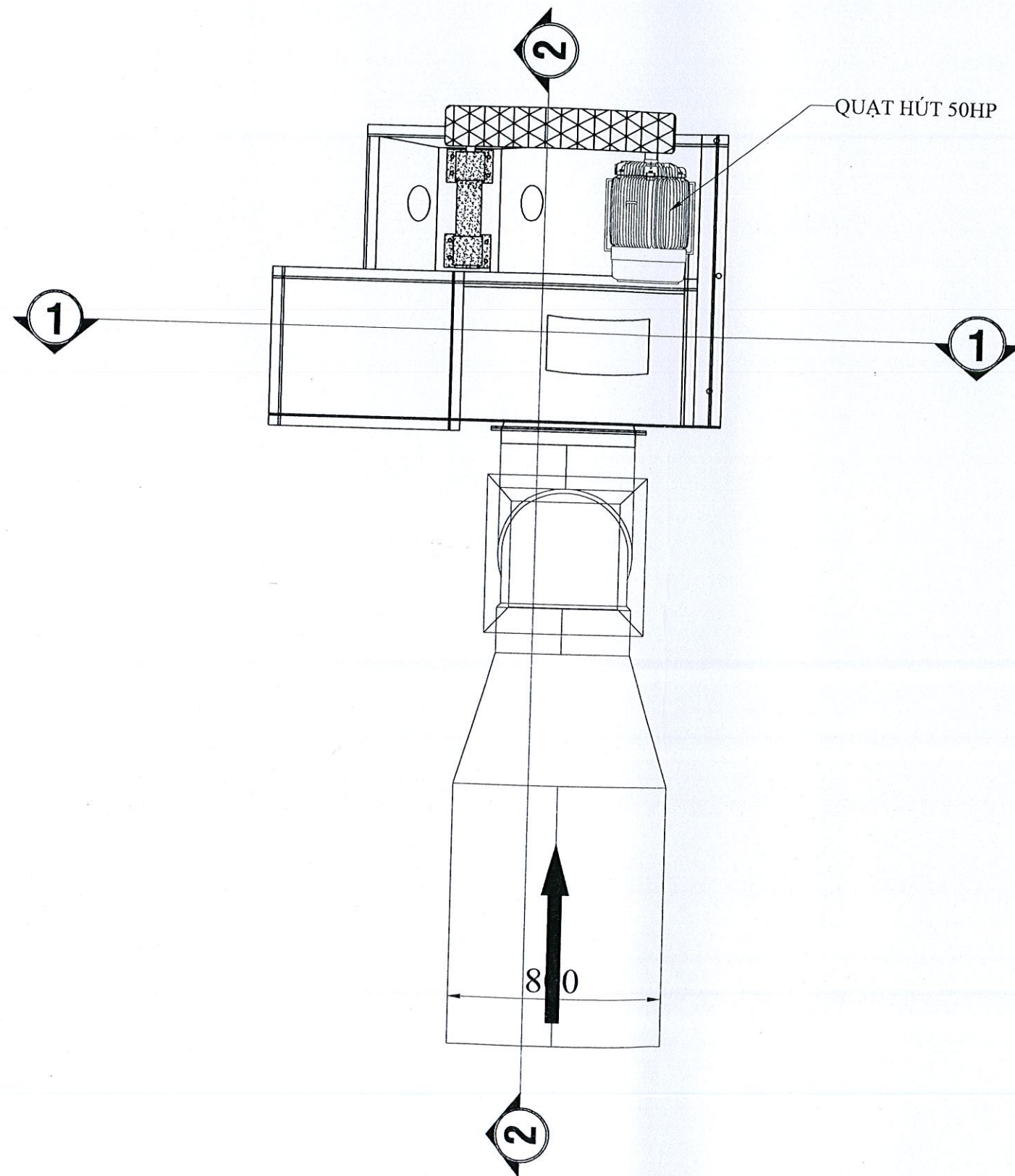
MẶT BẰNG VỊ TRÍ HTXL KHÍ THẢI
HỆ 2-LÔ B7

BẢN VẼ SỐ BV-02 KT-HC NGÀY HOÀN THÀNH 02/2023

MẶT BẰNG CỤM XỬ LÝ KHÍ THẢI

HỆ 1- LÔ B7 (CT01)

TỶ LỆ 1/20



GHI CHÚ

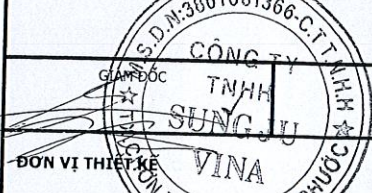
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

- ☐ BẢO GIÁ ☐ THI CÔNG
☐ TRÌNH DUYỆT ☒ HOÀN CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA

ĐC: KCN MINH HƯNG-HÀN QUỐC, PHƯỜNG MINH HƯNG, THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 40/ KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q. 12, Tp. Hồ Chí Minh
 ĐT: 08.37000199 Fax: 08.37010198

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG

TỔNG GIÁM ĐỐC
 ThS. PHẠM THANH QUÍ

THIẾT KẾ
 ThS. PHẠM DUY TÂN

VẼ
 KS. TẠ TIẾN LẬP

KIỂM TRA
 ThS. PHẠM DUY TÂN

CÔNG TRÌNH

**NHÀ XƯỞNG
 CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA**

ĐỊA ĐIỂM

ĐC: KCN MINH HƯNG-HÀN QUỐC, PHƯỜNG MINH HƯNG, THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

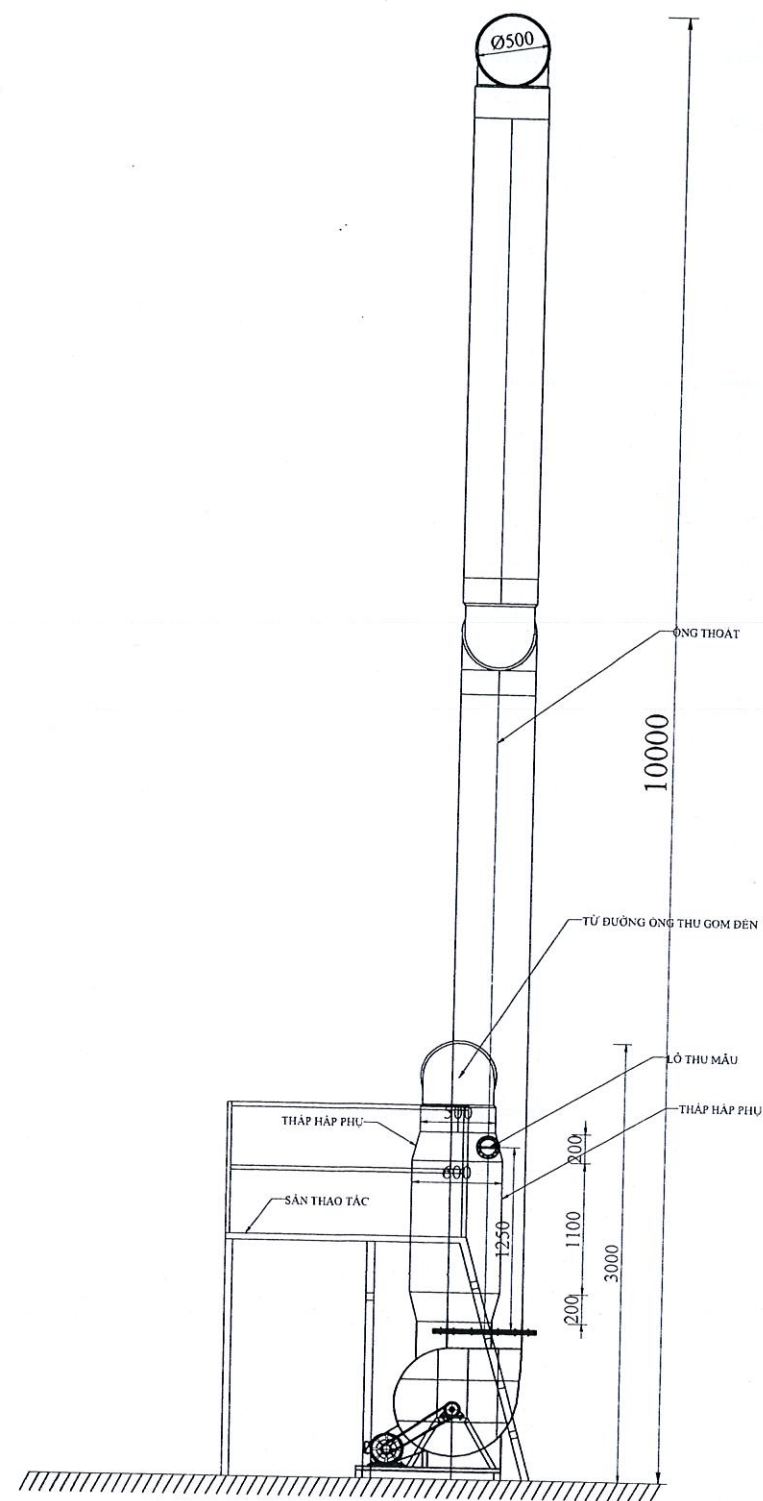
HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

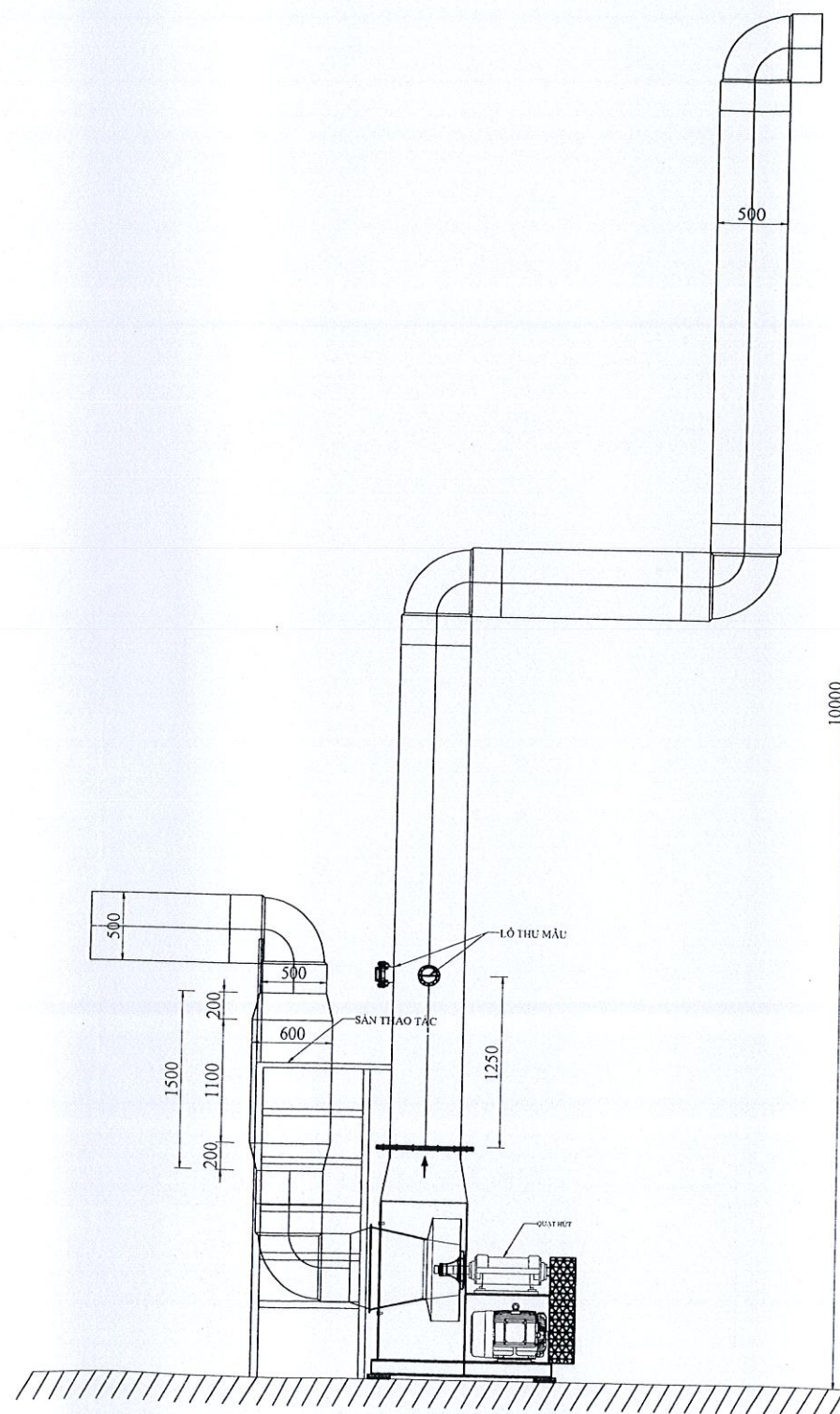
TÊN BẢN VẼ

**MẶT BẰNG CỤM XỬ LÝ KHÍ THẢI
 HỆ 1-LÔ B7 (CT01)**

BẢN VẼ SỐ BV-03 KT-HC NGÀY HOÀN THÀNH 02/2023



HỆ 1-LÔ B7 (CT01)
MẶT CẮT: 1-1
TỶ LỆ: 1/50



HỆ 1-LÔ B7 (CT01)
MẶT CẮT: 2-2
TỶ LỆ: 1/50

GHI CHÚ

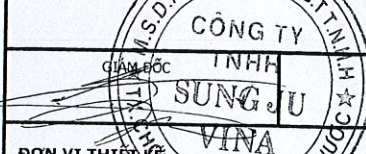
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

- ☐ BÁO GIÁ ☐ THI CÔNG
☐ TRÌNH DUYỆT ☒ HOÀN CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA

ĐC: KCN MINH HƯNG-HÀN QUỐC, PHƯỜNG MINH HƯNG, THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC



ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. PHẠM ĐÌNH DŨNG, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: 08. 37010199 Fax: 08. 37010198



ThS. PHAN THANH QUÍ

THIẾT KẾ
ThS. PHẠM DUY TÂN

VẼ
KS. TẠ TIẾN LẬP

KIỂM TRA
ThS. PHẠM DUY TÂN

CÔNG TRÌNH

**NHÀ XƯỞNG
CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA**

ĐỊA ĐIỂM

ĐC: KCN MINH HƯNG-HÀN QUỐC, PHƯỜNG MINH HƯNG, THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC

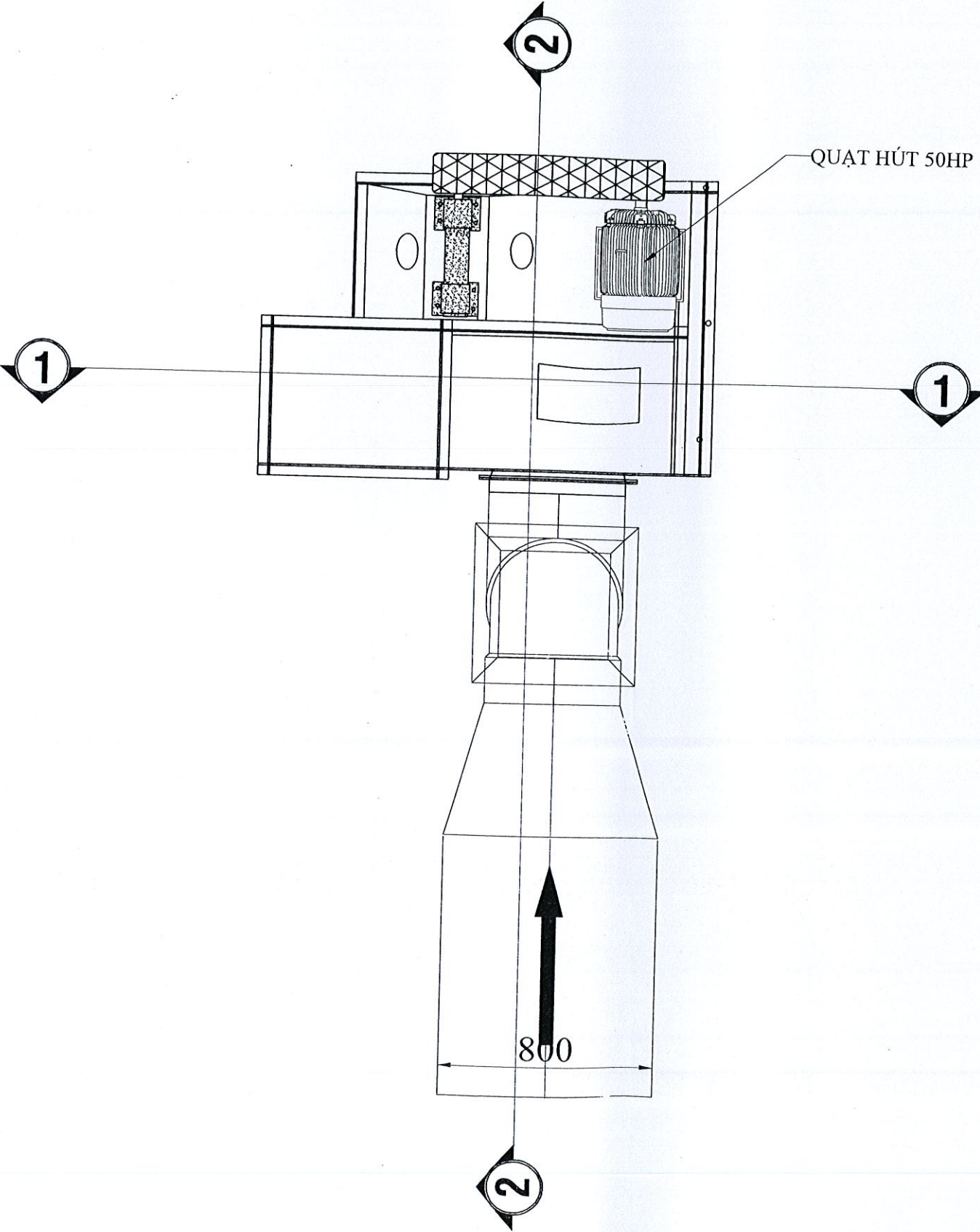
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ

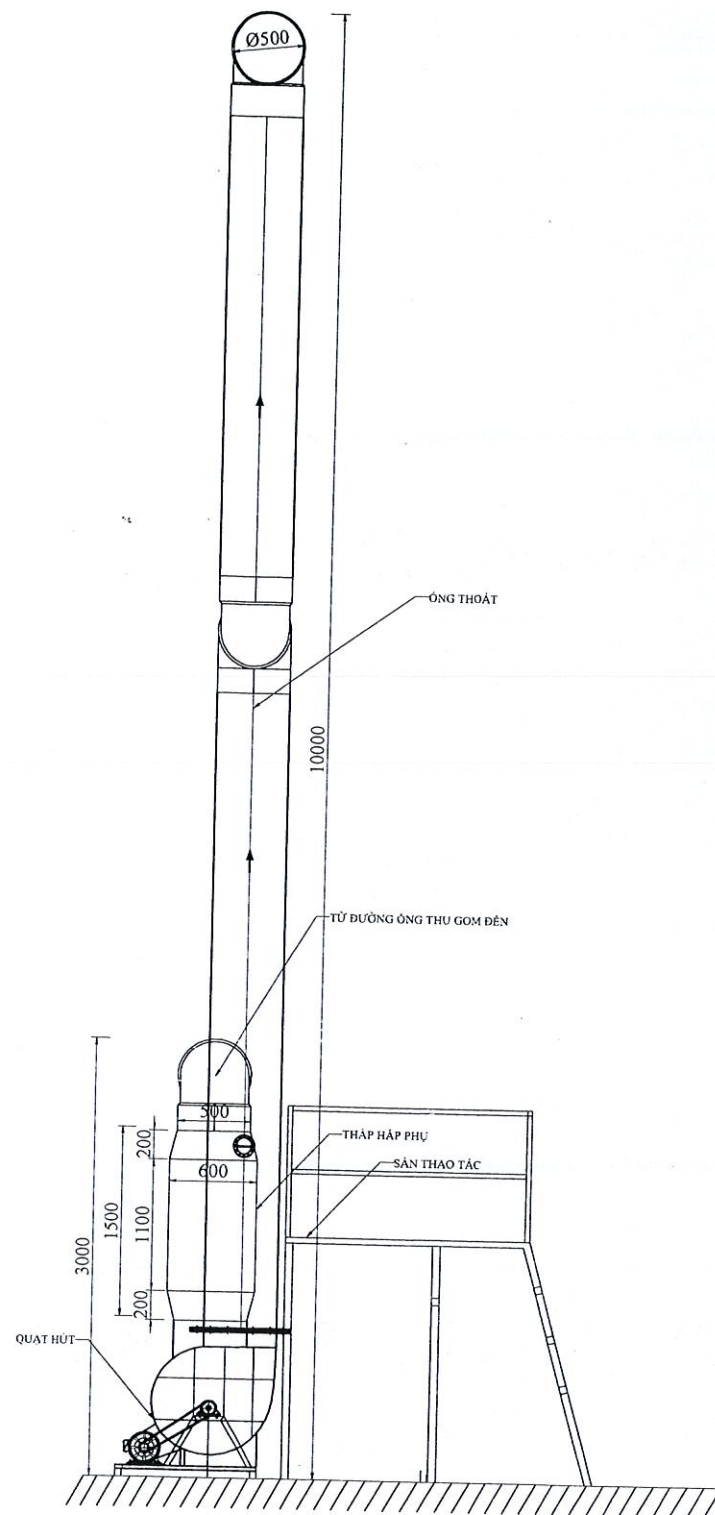
MẶT CẮT: 1-1; 2-2
HỆ 1-LÔ B7 (CT01)

BẢN VẼ SỐ BV-04 KT-HC NGÀY HOÀN THÀNH 02/2023

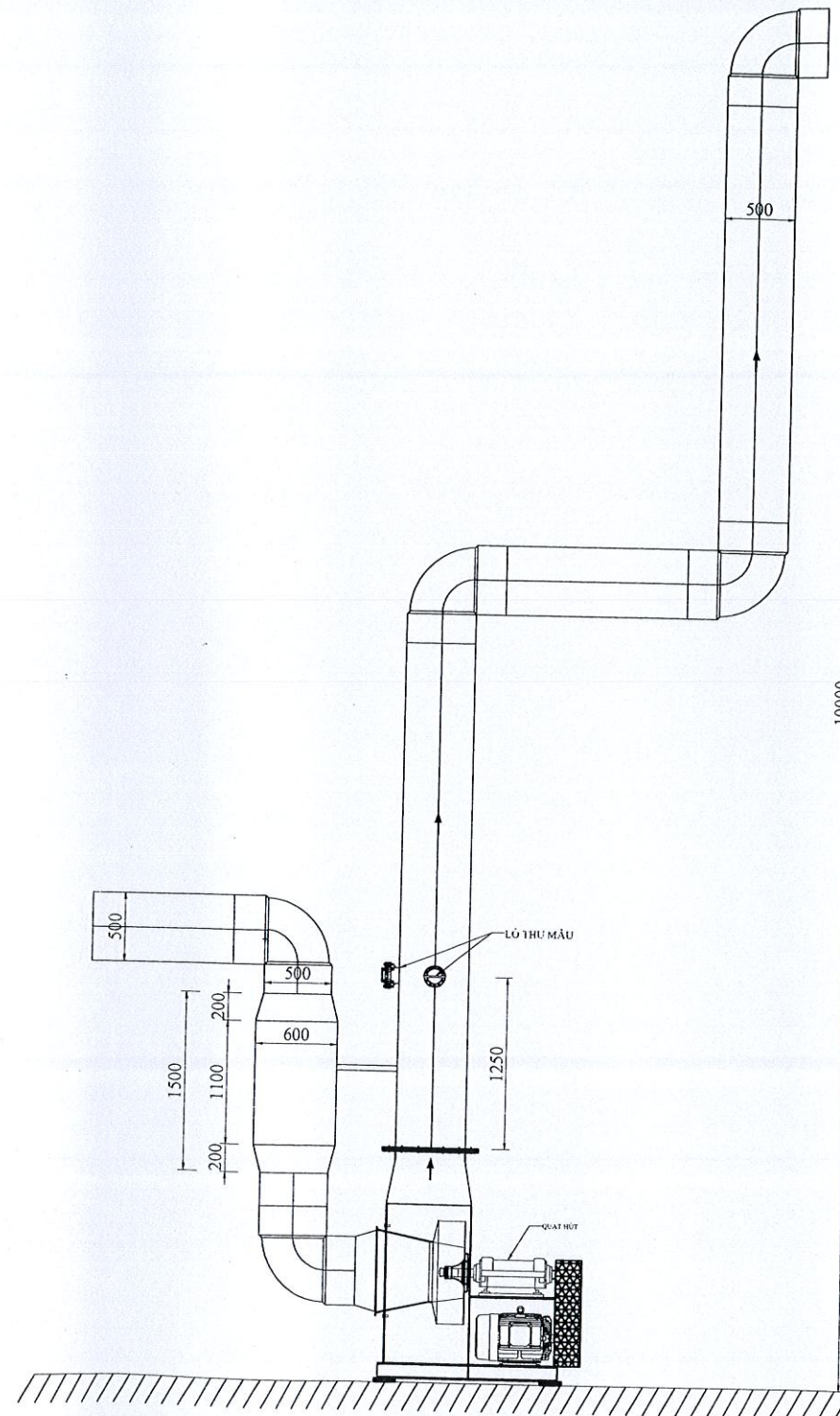
MẶT BẰNG HỆ XỬ LÝ KHÍ THẢI
HỆ 2-LÔ B7 (CT02)
TỶ LỆ 1/20



GHI CHÚ		
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ☐ BẢO GIÁ ☐ THI CÔNG ☐ TRÌNH DUYỆT ☒ HOÀN CÔNG		
CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA ĐC: KCN MINH HƯNG-HÀN QUỐC, PHƯỜNG MINH HƯNG, THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC		
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐƠN VỊ THIẾT KẾ CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA ĐƠN VỊ THIẾT KẾ		
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT CÔNG TY ĐC: 101 NG. Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q. 12, TP.Hồ Chí Minh ĐT: 08.37010198 Fax: 08. 37010198 MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT TỔNG GIÁM ĐỐC ThS. PHẠM THANH OAI		
THIẾT KẾ ThS. PHẠM DUY TÂN		
VẼ KS. TẠ TIẾN LẬP		
KIỂM TRA ThS. PHẠM DUY TÂN		
CÔNG TRÌNH NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA		
ĐỊA ĐIỂM ĐC: KCN MINH HƯNG-HÀN QUỐC, PHƯỜNG MINH HƯNG, THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC		
HẠNG MỤC HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI		
TÊN BẢN VẼ MẶT BẰNG HTXL KHÍ THẢI HỆ 2-LÔ B7 (CT02)		
BẢN VẼ SỐ	BV-05 KT-HC	NGÀY HOÀN THÀNH 02/2023



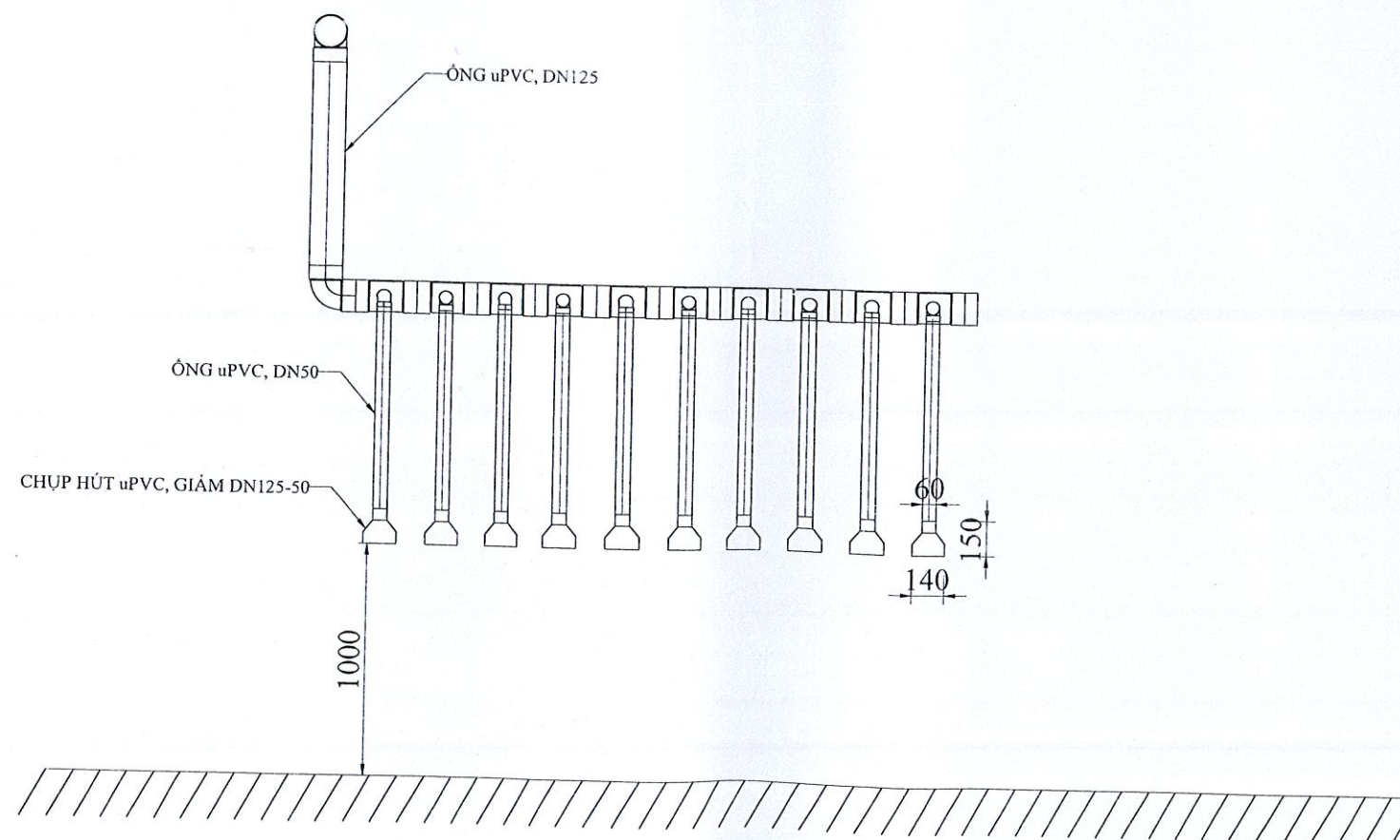
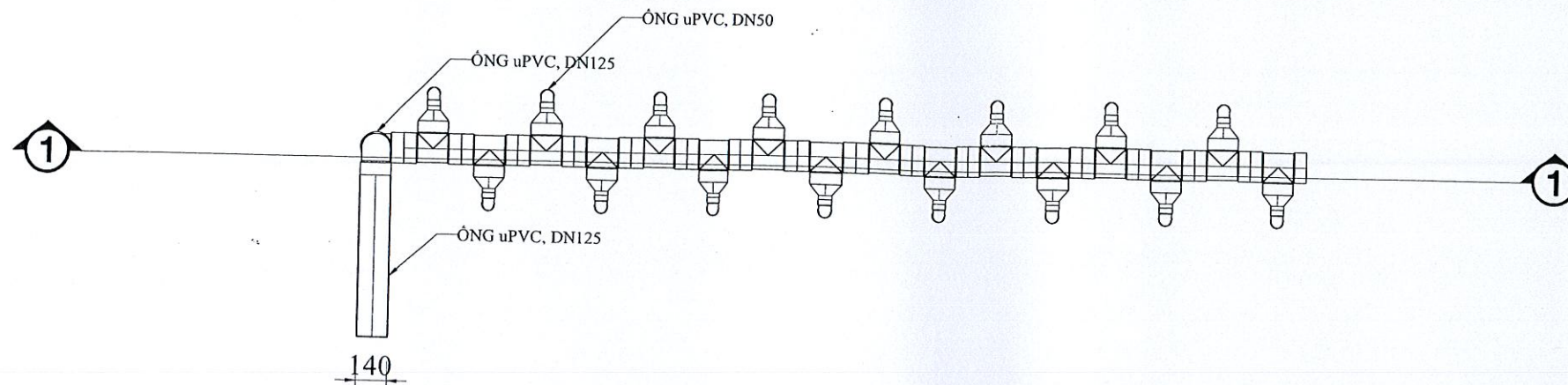
HỆ2-LÔ B7 (CT02)
MẶT CẮT: 1-1
TỶ LỆ: 1/50



HỆ2 - LÔ B7 (CT02)
MẶT CẮT: 2-2
TỶ LỆ: 1/50

GHI CHÚ			
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH			
☐ BẢO GIÁ	☐ THI CÔNG		
☐ TRÌNH DUYỆT	☒ HOÀN CÔNG		
CHỦ ĐẦU TƯ			
CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA			
ĐC: KCN MINH HƯNG-HÀN QUỐC, PHƯỜNG MINH HƯNG, THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC			
			
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT			
			
TỔNG GIÁM ĐỐC		ThS. PHẠM THẠNH QUÍT	
THIẾT KẾ		ThS. PHẠM DUY TÂN	
VẼ		KS. TẠ TIẾN LẬP	
KIỂM TRA		ThS. PHẠM DUY TÂN	
CÔNG TRÌNH			
NHÀ XƯỞNG			
CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA			
ĐỊA ĐIỂM			
ĐC: KCN MINH HƯNG-HÀN QUỐC, PHƯỜNG MINH HƯNG, THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC			
HẠNG MỤC			
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI			
TÊN BẢN VẼ			
MẶT CẮT: 1-1; 2-2 HỆ 2- LÔ B7 (CT02)			
BẢN VẼ SỐ	BV-06 KT-HC	NGÀY HOÀN THÀNH	02/2023

MẶT BẰNG ÔNG THU GOM VÀ CHỤP HÚT LÔ B7(CT03) TỶ LỆ: 1/30



LÔ B7(CT02) MẶT CẮT 1-1 TỶ LỆ 1/30

GHI CHÚ

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

- ☐ BẢO GIẢ ☐ THI CÔNG
☐ TRÌNH DUYỆT ☒ HOÀN CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA

ĐC: KCN MINH HƯNG-HÀN QUỐC, PHƯỜNG MINH HƯNG, THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: KCN NAM LƯƠNG, P. HUY GIÁP, TP. HO CHI MINH
ĐT: 08.37010199 Fax: 08.37010198

TỔNG GIÁM ĐỐC

ThS. PHAN THANH QUÝ

THIẾT KẾ
ThS. PHẠM DUY TÂN

VẼ
KS. TẠ TIẾN LẬP

KIỂM TRA
ThS. PHẠM DUY TÂN

CÔNG TRÌNH

**NHÀ XƯỜNG
CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA**

ĐỊA ĐIỂM

ĐC: KCN MINH HƯNG-HÀN QUỐC, PHƯỜNG MINH HƯNG, THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC

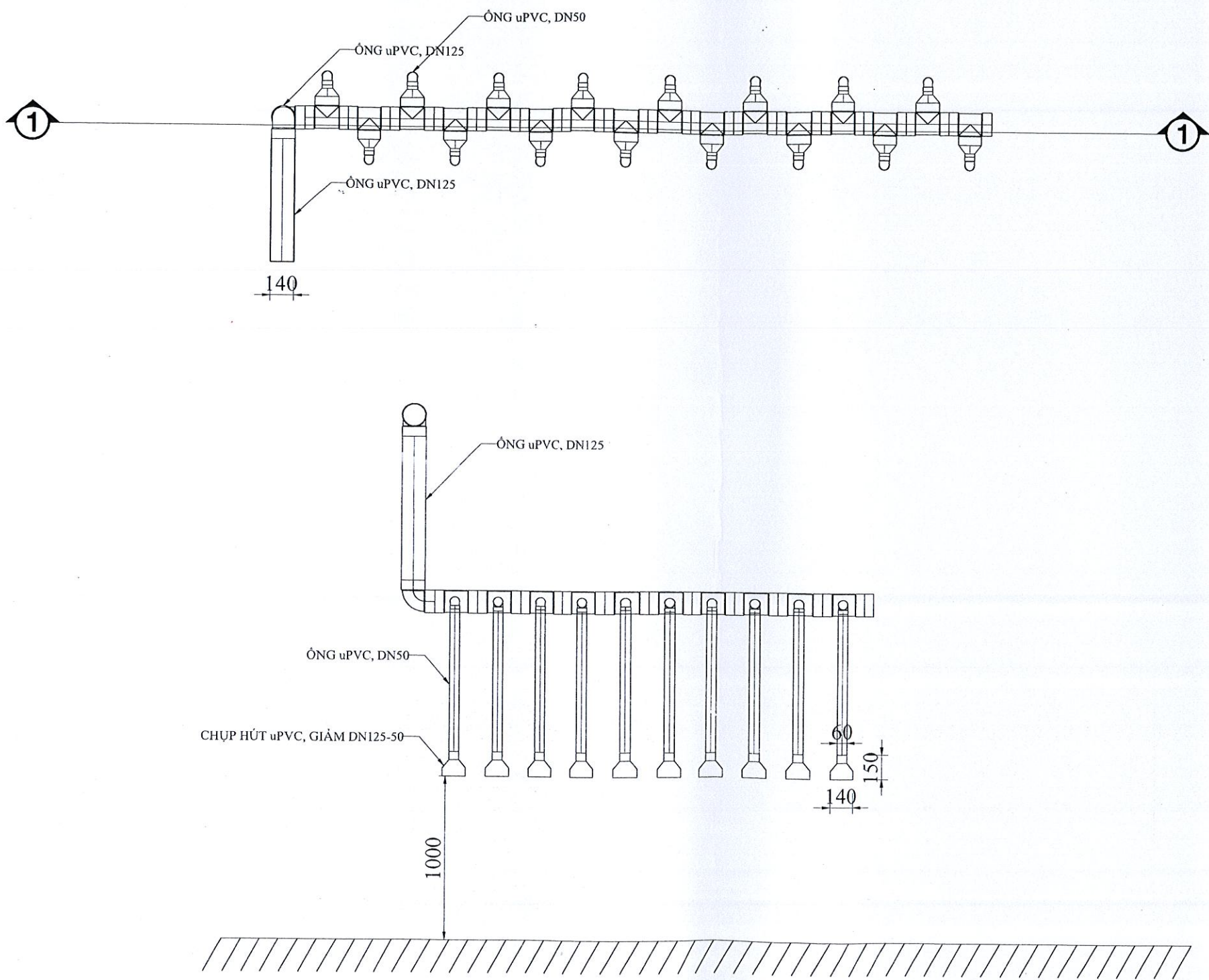
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG ÔNG THU GOM, CHỤP HÚT VÀ MẶT CẮT 1-1
LÔ B7 (CT03)

BẢN VẼ SỐ BV-07 KT-HC NGÀY HOÀN THÀNH 02/2023

MẶT BẰNG ống THU GOM VÀ CHỤP HÚT LÔ B7(CT03)
TỶ LỆ: 1/30



LÔ B7(CT02)
MẶT CẮT 1-1
TỶ LỆ 1/30

GHI CHÚ			
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH			
☐ BÁO GIÁ		☐ THI CÔNG	
☐ TRÌNH DUYỆT		☒ HOÀN CÔNG	
CHỦ ĐẦU TƯ			
CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA			
ĐC: KCN MINH HƯNG-HÀN QUỐC, PHƯỜNG MINH HƯNG, THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC			
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ ĐC: KCN KOC NAM LONG, HUY GIÁP, TP. HO CHÍ MINH ĐT: 08. 37010199 - Fax: 08. 37010198 ĐC: KCN MINH HƯNG-HÀN QUỐC, PHƯỜNG MINH HƯNG, THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC ĐC: KCN KOC NAM LONG, HUY GIÁP, TP. HO CHÍ MINH ĐT: 08. 37010199 - Fax: 08. 37010198			
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT			
ĐC: KCN KOC NAM LONG, HUY GIÁP, TP. HO CHÍ MINH ĐT: 08. 37010199 - Fax: 08. 37010198 ĐC: KCN MINH HƯNG-HÀN QUỐC, PHƯỜNG MINH HƯNG, THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC ĐC: KCN KOC NAM LONG, HUY GIÁP, TP. HO CHÍ MINH ĐT: 08. 37010199 - Fax: 08. 37010198			
ThS. PHẠM THANH QUÝ			
THIẾT KẾ		ThS. PHẠM DUY TÂN	
VẼ		KS. TẠ TIẾN LẬP	
KIỂM TRA		ThS. PHẠM DUY TÂN	
CÔNG TRÌNH			
NHÀ XƯỞNG			
CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA			
ĐỊA ĐIỂM			
ĐC: KCN MINH HƯNG-HÀN QUỐC, PHƯỜNG MINH HƯNG, THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC			
HẠNG MỤC			
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI			
TÊN BẢN VẼ			
MẶT BẰNG ống THU GOM, CHỤP HÚT VÀ MẶT CẮT 1-1 LÔ B7 (CT03)			
BẢN VẼ SỐ	BV-07 KT-HC	NGÀY HOÀN THÀNH	02/2023